



truyện ngắn

NGUYỄN CÔNG HOAN

VH NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



Tuyển tập Nguyễn Công Hoan

(Tập Truyện ngắn)

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Tiểu sử

Nguyễn Công Hoan sinh năm 1903, tại Xuân Cầu, Nghĩa Trụ, Văn Giang tỉnh Bắc Ninh, nay là tỉnh Hưng Yên, trong một gia đình Nho học, mất năm 1977 tại Hà nội.

Nguyễn Công Hoan viết văn từ năm 17 tuổi, năm 20 tuổi xuất bản tập truyện ngắn Kiếp hồng nhan, và năm 32 tuổi (1935), nổi tiếng với tập truyện ngắn Kép Tư Bền.

Trước cách mạng tháng Tám ông làm nghề dạy học thường bị Pháp theo dõi phải đổi trường nhiều lần. Sau cách mạng tháng Tám ông hăng hái tham gia kháng chiến, trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ: Chủ bút báo Vệ quốc quân, Chủ tịch đầu tiên của Hội Nhà văn Việt Nam... Nguyễn Công Hoan đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt 1, 1996).

Sự nghiệp văn học của Nguyễn Công Hoan khá đồ sộ với hàng trăm truyện ngắn và nhiều tiểu. Các tác phẩm của ông đã được tái bản nhiều lần và hiện được chọn lại trong bộ Tuyển tập Nguyễn Công Hoan (3 tập, Nhà xuất bản Văn học, 1983 - 1986).

Những ngày đáng nhớ của nhà văn Nguyễn Công Hoan tại 66 Thợ Nhuộm

Suốt 12 năm (từ năm 1964 - 1976), nhà văn Nguyễn Công Hoan cùng vợ là cụ Vũ Thị Yến đã về sống với con cháu và sáng tác trong một căn phòng vốn vẹn 30m² trong ngôi nhà 66 phố Thợ Nhuộm nay là trụ sở Báo CAND.

Ngày 6/6, Báo CAND đã long trọng tổ chức buổi lễ gắn biển kỷ niệm tên nhà văn Nguyễn Công Hoan tại 66 - Thợ Nhuộm, Hà nội, trụ sở của Báo CAND, đúng ngày giỗ lần thứ 29 của ông.

Có mặt trong buổi lễ này là con trai của nhà văn, Anh hùng LLVTND Nguyễn Tài, nguyên Thứ trưởng Bộ Công an cùng phu nhân; vợ chồng nhà văn Lê Minh, con gái của nhà văn và các con cháu. Cũng thật thân tình trong buổi lễ hôm nay còn có sự tham dự của các Giám đốc NXB Văn học, NXB Hội Nhà văn, NXB Thanh niên, NXB Công an nhân dân... Những nơi từng in rất nhiều tác phẩm của nhà văn Nguyễn Công Hoan.

Đọc diễn văn tại buổi lễ, Thiếu tướng, nhà văn Hữu Ước, Tổng Biên tập Báo CAND và Chuyên đề ANTG khẳng định: "Khuôn viên và cấu trúc tòa nhà

này có thay đổi nhiều so với trước, nhưng lòng ngưỡng mộ của chúng tôi đối với nhà văn Nguyễn Công Hoan và Anh hùng LLVTND Nguyễn Tài, thủ trưởng cũ của chúng tôi thì không hề suy giảm...".

Những con số 6 thú vị:

Nhà văn Nguyễn Công Hoan sinh ngày 6/3/1903 tại làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, Huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (không phải là thuộc tỉnh Hải Dương như Từ điển Văn học - Bộ mới NXB Thế giới 2004 trang 1.114 đã nhầm). Ông sinh ngày mùng 6, mất cũng ngày 6 (tháng 6/1977). Năm 1946, nhà văn Nguyễn Công Hoan, khi đó là Giám đốc Sở Kiểm duyệt báo chí trong chính quyền cách mạng đã cấp giấy phép cho Báo CAND ra số đầu tiên với tên là Công an mới, tiền thân của Báo CAND ngày nay.

Người có sáng kiến tổ chức xin giấy phép xuất bản tờ báo Công an mới là chiến sĩ Công an trẻ Nguyễn Tài, Bí thư chi bộ kiêm Bí thư Đoàn Công an cứu quốc. Nhờ thế, ngày 1/11/1946, Báo Công an mới đã phát hành số đầu tiên. Đến nay, Báo CAND đang tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 60 năm Ngày phát hành số báo đầu tiên.

Lại nữa, suốt 12 năm (từ năm 1964 - 1976), nhà văn Nguyễn Công Hoan cùng vợ là cụ Vũ Thị Yên đã về sống với con cháu và sáng tác tại ngôi nhà 66 Thợ Nhuộm này. Đến năm 1976, ông cùng gia đình con trai là Cục trưởng Công an Nguyễn Tài vừa bắt khuất trở về từ nhà tù của Mỹ, chính quyền Sài Gòn chuyển về khu tập thể Trung Tự. Và năm 1996, nhà văn Nguyễn Công Hoan được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Vậy là sắp 60 năm, ngày nhà văn Nguyễn Công Hoan ký giấy phép xuất bản Báo Công an mới, tại 66 Thợ Nhuộm nơi ông sống xưa và trụ sở Báo CAND nay, đúng vào ngày giỗ của ông 6/6, tờ báo mà ông ký cho ra mắt long trọng làm lễ gắn biển kỷ niệm tên tuổi ông, Chủ tịch đầu tiên Hội Nhà văn Việt Nam...

Trang đời trang văn

Bà Trần Thị Bắc (tên khai sinh là Nguyễn Thị Nghiêm), phu nhân đồng chí Nguyễn Tài, người nhiều năm được Bộ Công an cử chăm sóc và đào tạo con cái của các cán bộ miền Bắc chi viện cho An ninh miền Nam kể cho chúng tôi nghe: Trước đây, gia đình bà được Bộ Công an xếp cho ở trong ngôi nhà 66 Thợ Nhuộm cùng với 3 gia đình khác, trong đó có gia đình cố Thiếu

tướng Hoàng Mai, nguyên Tổng Biên tập Báo CAND...

Đầu năm 1964, do đồng chí Nguyễn Tài bí mật vào miền Nam chiến đấu, ông bà Nguyễn Công Hoan rời làng Võng Thị thơ mộng về 66 Thợ Nhuộm để giúp con dâu chăm sóc 4 cháu nhỏ để con trai yên tâm công tác. Vậy là cả ông bà nội với 5 mẹ con chỉ sống trong một căn phòng vốn vẹn có gần 30m².

Bà Bắc kể rằng, những ngày ấy, đêm nào bà cũng thấy nhà văn Nguyễn Công Hoan dậy viết trên một cái bàn nhỏ kê ở góc nhà, người con dâu cùng mẹ chồng đã kê cho ông một bộ bàn ghế uống nước để tiếp khách văn. Thi thoảng, bà thấy nhà thơ Tú Mỡ, Xuân Diệu đến chơi. Nhà văn Nguyễn Công Hoan có vóc dáng cao cao, ông thường đi dép nhẹ nhàng lúc đêm khuya ra bàn viết những điều vừa chợt đến. Sáng ra ông thức dậy sớm đi tưới mấy cây hoa trước nhà.

Còn cụ bà Vũ Thị Yên thì chăm một cây trà tươi tốt ở phía tay trái ngôi nhà 66 Thợ Nhuộm, bà cũng hay ăn trà nên răng rất chắc và đẹp. Rất nhiều lần, nhà văn đang viết say sưa thì Hà nội báo động có máy bay Mỹ bắn phá, bà Vũ Thị Yên xua con dâu và các cháu nhỏ xuống hầm. Riêng nhà văn Nguyễn Công Hoan thì chạy ra đường, ngửa mặt lên trời mong nhìn thấy máy bay địch. Bà hét lên: "Ông có vào không, nó bắn chết bây giờ". Không ngờ nhà văn trào phúng bậc thầy vẫn dí dỏm ngạo nghễ: "Bà không phải lo. Nó có nhìn thấy tôi đâu mà bắn".

Nhà văn Lê Minh, người con gái út của nhà văn Nguyễn Công Hoan kể, hồi ấy, căn buồng ở 66 Thợ Nhuộm quá chật, ông thường sang nhà bà ở 72 Lý Thường Kiệt để viết. Có hai cuốn sách được cha bà viết trong thời gian này, đó là cuốn "Hỏi chuyện các nhà văn", cuốn thứ hai là "Nhớ gì ghi nấy". Cuốn sách với tên gọi giản dị thô mộc này không ngờ lại có số phận long đong lận đận đến kỳ lạ. Năm 1977, sau khi ông mất, cuốn sách này đành dở dang. Đến năm 1998, nhà văn Lê Minh tổ chức in toàn tập và lấy lại tên ban đầu "Nhớ gì ghi nấy".

Có một câu chuyện mà đến bây giờ bà Trần Thị Bắc còn nhớ như in: "Ông thường dạy các cháu những điều tưởng như nhỏ vụn: rải cái chiếu phải rải cho ngay ngắn thì cái tâm của mình cũng ngay ngắn. Bữa cơm dọn ra, ông thường ăn thức ăn còn dư từ bữa trước để nhường thức ăn mới cho con cháu. Nghĩ lại thấy thương ông quá. Những ngày kham khổ, vất vả đó có lẽ cũng thấm vào trang văn của bố chồng tôi".

Xin kể lại một chút về người vợ của nhà văn Nguyễn Công Hoan, cụ Vũ Thị Yên. Theo lời bà Trần Thị Bắc, có lần nhà văn Nguyễn Công Hoan đã tâm sự với con dâu thế này: "Mẹ con là người đóng góp hơn 50% vào thành công sự nghiệp văn học của cha". Bà đã vượt qua nhiều gian khổ, chịu đựng nhiều mất mát, đau đớn, chăm sóc các con, coi sóc việc nhà chồng để dồn sự bình tâm cho ông trên từng trang viết.

Hiếm có một người vợ nhà văn nào như bà Vũ Thị Yên, người có công với nước từng phải chứng kiến nhiều nỗi đau đến thế. Trong kháng chiến chống Pháp, bà đau đớn lắm khi biết tin hai người em trai nhà văn Nguyễn Công Hoan là Nguyễn Công Bồng (Nha Công an Trung ương) và Nguyễn Công Mỹ hy sinh trong công tác. Rồi người con trai của ông bà là Nguyễn Tài Khoái cũng hy sinh ở Nam Định.

Ngày 19/12/1949, bà chịu 3 cái tang đau đớn cùng một lúc: Bom của giặc Pháp đã bỏ xuống Đào Xá, Hà Nam làm chết người mẹ của nhà văn Nguyễn Công Hoan, vợ và con liệt sĩ Nguyễn Công Mỹ...

Nhưng sức vóc của một phụ nữ như bà chịu đựng thật vô bờ. Có lần, suốt 3 năm không thấy con trai Nguyễn Tài từ chiến trường gửi thư về, bà linh cảm con có điều gì không lành và năm 1973 bí mật vào trụ sở Bộ Công an xin gặp Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn.

Gặp Bộ trưởng, bà nói quả quyết: "Thưa bác, bác đã hiểu rõ hoàn cảnh gia đình nhà tôi qua bao hoạn nạn rồi. Chúng tôi đủ can đảm để đón nhận điều xấu nhất. Vì sao ba năm nay Tài không gửi thư về? Có chuyện không hay xảy ra với Tài phải không? Chúng tôi muốn biết sự thật vì đủ sức chịu đựng và có trách nhiệm giữ bí mật cho cách mạng". Nói những lời quả quyết, kiên gan, có lẽ người mẹ ấy muốn nén giữ một tiếng khóc, một nỗi đau đang chực bật ra khỏi lòng.

Nghe vậy Bộ trưởng im lặng trong giây lát, giọng nhỏ lại: "Bác đã nói thế thì chúng tôi cũng xin nói thật. Trong một chuyến đi công tác, Tài bị địch bắt giam nhưng Bộ vẫn nắm được tin tức, hiện Tài vẫn khỏe mạnh, hai bác cứ yên tâm". Bà Yên chào Bộ trưởng ra về. "Bí mật" ấy chỉ có bà, nhà văn Nguyễn Công Hoan và cô con dâu biết. Bạn bè, con cháu, họ hàng, ai hỏi tin tức gì về Nguyễn Tài, bà đều bảo: "Tài đi học ở Liên Xô".

Đằng đằng 11 năm xa con, vợ xa chồng, đến tháng 6/1975, người con Nguyễn Tài đã trở về sum họp với gia đình tại 66 Thợ Nhuộm. Suốt đời bà lặng lẽ hy sinh như thế, không yêu cầu chồng con một điều gì. Chỉ duy một

lần bà "xin" tiền của ông. Năm 1996, bà nhận được số tiền Giải thưởng Hồ Chí Minh của nhà văn Nguyễn Công Hoan, bà đã lấy 1 triệu đồng gửi biếu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Thứ ở Quảng Nam có 9 con đẻ, một con rể, một cháu nội hy sinh trong hai cuộc kháng chiến. Mãi sau này, có người lần ra địa chỉ, đến hỏi mới biết là của bà Vũ Thị Yên, vợ nhà văn Nguyễn Công Hoan gửi.

Cũng tại buổi lễ nói trên, thay mặt các thế hệ làm Báo CAND, nhà văn Hữu Ước một lần nữa xúc động nói: Những nhà báo CAND chúng tôi rất tự hào được làm việc ở ngôi nhà 66 Thợ Nhuộm, nơi nhà văn Nguyễn Công Hoan từng sống và sáng tác văn học 12 năm cuối đời. Nhà văn Nguyễn Công Hoan luôn là tâm gương trong cuộc sống, lao động và sáng tạo của những người cầm bút CAND".

Thu Phương

Nguyễn Công Hoan được tăng lương sau khi... tạ thế?

"Nghĩa tử là nghĩa tận" - Các cụ ta dạy vậy. Nhưng cứ theo như mẩu chuyện có cái tên câu khách: "Để được chôn khu A" thì quả là nhà văn lớn Nguyễn Công Hoan (1903 - 1977) chết rồi vẫn còn... Long đong. Chuyện rằng, trước khi hạ huyệt, ông "bị" người quản lý nghĩa trang Văn Điển phản ứng quyết liệt, không chịu cho chôn, vì theo tiêu chuẩn khu A (khu chôn vĩnh viễn) thì mức lương của ông còn thiếu... Một bậc.

Xin trích nguyên văn:

"Nguyễn Công Hoan mất. Khi ban tổ chức lễ tang gọi điện đến ban quản lý nghĩa trang Văn Điển để xin xe tang, người nhận điện nói ậm ờ rằng chẳng biết tám giờ, chín giờ hay mười giờ mới có xe.

- Vâng, tùy các anh. Chỉ xin báo cho các anh biết hiện nay trực bên linh cữu nhà văn có đồng chí Trần Quốc Hoàn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (con trai nhà văn là Nguyễn Công Tài lúc bấy giờ là Thứ trưởng Bộ Nội vụ); đồng chí Tố Hữu, Ủy viên Bộ Chính trị; đồng chí Lê Văn Lương, Bí thư Thành ủy Hà nội và một số cán bộ cao cấp khác.

Đầu kia điện thoại rồi rít:

- Vâng, chúng tôi sẽ điều xe đến ngay!

... Đến Văn Điển, một nhân viên ban quản lý nghĩa trang đến hỏi mức lương của người quá cố. Anh ta giã nảy lên:

- Còn thiếu năm đồng mới được chôn ở khu A!

Thế là Hội Nhà văn phải cho người về làm quyết định tăng cho Nguyễn Công Hoan một bậc lương mới đúng thủ tục!".

(Theo "Giai thoại làng văn Việt Nam" - NXB Văn hóa Dân tộc, 1999).

Nhận thấy mẩu giai thoại trên có một số tình tiết không đáng tin cậy, tôi liên hệ xin được gặp và trao đổi với đồng chí Nguyễn Tài, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), con trai cụ Nguyễn Công Hoan. Đúng như tôi dự đoán, ông Tài đưa mắt đọc suốt lượt bài viết rồi buông sách xuống, nói ngay: "Tôi đề nghị người viết phải cải chính và xin lỗi gia đình công khai trên báo".

- Thưa bác, những chi tiết nào ở bài viết mà bác thấy chưa chuẩn, cần phải nói lại?

- Ông Nguyễn Tài: Ngay với tên tôi họ cũng in sai. Tôi tên thật là Nguyễn Tài Đông, sau đi hoạt động bỏ tên chính, lấy tên Tài làm bí danh. Chưa bao giờ có chữ Công ở giữa. Họ nhà tôi có 8 chữ đệm: Đức, Đạo, Công, Tài, Trường, Thiên, Thế, Tộ. Các cụ quy định mỗi thế hệ là một chữ đệm. Đưa tên tôi thêm chữ Công là nâng tôi lên một thế hệ, ngang với cha tôi là không đúng.

Thứ nữa, nói các anh Trần Quốc Hoàn, Tô Hữu túc trực bên linh cữu cha tôi cũng là bịa. Các anh ấy đại diện lãnh đạo Đảng, chỉ đến viếng thôi. Còn túc trực bên linh cữu cha tôi là con cái trong nhà, là đại diện Hội Nhà văn. Cái gì cũng phải có nguyên tắc, có tôn ti trật tự chứ.

- Còn chuyện Ban tổ chức lễ tang phải nói gần như "dọa", cán bộ quản lý nghĩa trang mới cho điều xe đến chuyên linh cữu cụ Hoan đi?

- Khi cha tôi mất, Hội Nhà văn đứng ra lo hết. Cụ được quản ở 51 Trần Hưng Đạo (trụ sở Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam). Tôi không rõ Hội Nhà văn gọi xe ở đâu, nhưng chắc chắn không phải ở nghĩa trang Văn Điển. Người viết rất dốt về lịch sử. Tôi khẳng định: Từ khi thành lập, nghĩa trang này chưa bao giờ có dịch vụ xe tang.

- Như vậy, việc Ban quản lý nghĩa trang không đồng ý để cụ Hoan được chôn ở khu A cũng là do người viết bịa ra?

- Không bao giờ có chuyện vớ vẩn đó. Ông Hoan từng là Chủ tịch Hội Nhà văn, làm sao không đủ tiêu chuẩn? Cha tôi mất ở Bệnh viện Việt - Xô (nay là Bệnh viện Hữu Nghị). Bấy giờ chưa có điều hòa, bệnh viện phải bảo quản xác cha tôi bằng đá cây; tới ba, bốn hôm mới đưa đám. Như vậy, Hội Nhà văn phải liên hệ với nghĩa trang từ trước khi chôn chứ. Theo quy định, ông Hoan được "nằm" ở khu A thì ở đây người ta phải đào huyệt sẵn rồi. Mọi người chỉ việc kéo nhau đến. Làm gì có chuyện đến đó còn tranh cãi có được chôn hay không. Rồi chuyện cán bộ Hội chạy về ký tăng lương. Hội Nhà văn không làm chuyện trẻ con đó đâu.

- Thưa bác, hiện di hài của nhà văn Nguyễn Công Hoan có còn ở nghĩa trang Văn Điển hay đã chuyển vào nghĩa trang Mai Dịch - Như trường hợp nhà thơ Xuân Diệu?

- Không! Khi cải táng, gia đình đã đưa cụ về quê rồi (thôn Tam Kỳ, xã Nghĩa

Trụ, Huyện Văn Giang, Hưng Yên). Chúng tôi muốn để cụ nằm bên mộ bà nội tôi cùng các chú, các em của cụ. Tất cả một dãy bên nhau, rất tình cảm...

- Nhân việc này, bác có nhắn gửi gì tới tác giả bài viết?

- Viết vui gì thì cũng phải trên cơ sở sự thật, chứ bịa ra để "cù" người đọc và kiếm tiền là không được. Bài viết không chỉ xúc phạm gia đình tôi đâu, mà lớn hơn, là xúc phạm tới chính sách của Đảng, Nhà nước đối với văn nghệ sĩ. Tôi đề nghị người viết phải cải chính...

Phạm Khải

Ái tình tiểu thuyết (Thuật theo lời của B.)

Sợ các ngài tây chạy tôi, hôm nay tôi xin hiến các ngài một thiên ái tình tiểu thuyết. Nhưng ái tình tiểu thuyết tôi vốn không quen viết, nên tôi chỉ dám coi nó như câu chuyện chó chết mà thôi.

Ông hàng xóm tôi mới đem ở Hà nội về một con chó trắng. Ông đặt tên cho nó là Tóp. Con Tóp, tôi chẳng biết có cái gì đáng quý, nhưng mà, trời ơi, góm, ông ấy làm bộ như một bà mẹ có con gái đến thì? Ông ấy khoe khoe những đức tính nó thế nọ thế kia, nghĩa là con chó ấy chẳng may chó đến nỗi phải làm kiếp chó, chứ giá được làm người, thì tất cũng phải làm đến gì gì chứ chẳng vừa?

Thế nhưng tôi tưởng làm cái giống chó An-nam mình, thì dù có tài xuất chúng đến đâu cũng vậy, sự nghiệp bất quá cũng chỉ đến giữ nhà cho chủ là hết; mà có hơn chó thiên hạ về cái tinh thoảng được phát tài vì có bông ngoại, nhưng dăm ba bãi tiệc ấy, bất quá cũng chỉ là cái bã giả của người ta mà thôi, ngon gì!

Ấy là nói những giống chó khôn, biết thân phận làm kiếp chó, chứ nếu lại có tính ngông nghênh mà cắn trộm, bặng nặng mà ăng săng, hoặc đại dột mà vực đầu vào chĩnh tương hay niêu cá chẳng hạn, thì đeo riềng vào cổ lúc nào không biết đấy.

Vậy mà chó nhà quê thì mới thế, chứ nếu chẳng may ở các thành phố lớn, luật pháp nghiêm ngặt, mà quá giờ tiên sinh cứ tự do ngôn luận oang oang lên, hoặc ban ngày, tư-lơ-mơ đi ra đường chơi phiếm, thì có mà tù sớm. Chính con chó Tóp của ông hàng xóm tôi, sở dĩ bị trục xuất cảnh ngoại, cũng chỉ vì tội nhiều khi đang đêm, không biết cao hứng cái gì, cứ diễn thuyết rầm lên, hô hào dữ đến nỗi cả nhà mất ngủ; lại mới đây giữa ban ngày ban mặt, nó dám công nhiên - Nói vô phép các ngài, nó dám công nhiên hiếp dâm ngay con chó con mới mua buổi sáng. Vô đạo thật? Chẳng biết rằng nó đoán là chủ nó định tống cổ nó, nên nó mới giở thói cầu-trệ định làm hại cho mà làm ăn xúi quẩy, hay nó cố tình làm mất trình chị đồng nghiệp sắp hót căng nó. Nhưng cứ xem cái đời tư của nó như thế, thì dù ông hàng xóm tôi có làm trạng sư bênh vực nó kỳ cùng, tôi cũng kết luận rằng ở nhà quê này mà con Tóp cứ giở cái thủ đoạn ấy ra, thì có ngày chết mất mạng. Con chó Tóp được về nơi rộng rãi, lấy làm khoái lắm. Ngay lúc mới được thả xích ra, nó loăng quăng chạy hết đằng sau ra đằng trước, nhà dưới lên nhà trên, hễ động có ai qua ngõ, là anh chàng chạy ngay ra chắt vắn. Chẳng bù với khi còn ở ngoài tỉnh, cả ngày phải khóa miệng, có cát lên một vài tiếng để làm châu

chạy cho đời buồn, thì đã bị mắng chửi râm rĩ.

Ở nhà quê được hít không khí trong sạch, được vận động luôn chân, lại được ông chủ cho ăn uống tử tế, nên Tóp ta mập mạp, trắng nõn, trông ra phết anh chị?

Ngày mới ở tỉnh về, nó hay hồng hách, thấy ai lạ cũng định gây sự. Nhưng từ hôm bị cái gậy đầu tiên của thằng Mỗ giáng vào lưng thì nó cũng lịch duyệt hơn một chút, không chơi đại nữa, bớt sự bằng nhắng.

Thấy ai qua ngõ, nó chỉ gâu một tiếng xoàng gọi là tác oai, rồi cúp đuôi nhanh nhâu chui tọt vào hàng rào, giữ thế thủ cẩn thận, mới dám thò đầu ra, trợn mắt, giơ nanh, gầm gừ cho đến khi người ta đi khuất.

Nhưng ở nơi thôn dã này, thì sự canh gác của nó chỉ cần có trong khi đêm tối, nên rồi nó cũng bắt chước ngay các đồng nghiệp nó, cả ngày nằm cuộn tròn ở công, gọi là chiếu lệ, rồi đánh một giấc ngủ dài cho tiêu thì giờ.

Nghề thế, nhàn cư vi bất thiện, nếu cứ ngày đánh hai bữa no phình bụng rồi “la siết” suốt cả buổi trưa thì cuộc đời tẻ ngắt, mà cái thanh niên cũng đến mòn mỏi đi mà thôi. Cho nên được độ nửa tháng, người ta đã thấy con Tóp đứng tụ họp ở ngã ba, với dăm bảy con chó quanh đây.

Cái tính chơi bời của nó nảy nòi ra từ khi nó còn ở chôn ngàn năm vắn vật, nay nó thấy một nơi mà bất cứ đực hay cái tụ bạ để làm chỗ hẹn hò, như bờ hồ Hoàn Kiếm, như trong cuộc chợ phiên của chúng ta, thì muốn chừng nó cũng chệnh nông nổi riêng nên cứ đứng giờ giấc là nó lững thững ra đó, để gạ gẫm giở trò trai gái. Mà trong cánh ấy, trông nó bột nhất! Ngày nào cũng vậy bộ lông trắng nuột như quần áo mới giặt là? Rành là nó ăn đứt tụi con cộc, con sòm, con vắn, con vện, trông nhà quê quá. Khoa tán gái chẳng hay nó học ai, mà nghe chừng mả lắm, chẳng thế những tiểu thư mực khoác bộ áo nhung, tiểu thư đóm mặc hàng bom-bay, nó điều nước non được cả. Thì ra có bộ mã tốt bao giờ cũng vẫn dễ làm si tình, cho nên cái số đào hoa của anh công tử Tóp đã làm cho trong làng êu, nhiều tay phải phát tức!

Rồi chẳng bao lâu, con Tóp một tay chôn biết bao cảnh Phù-dung. Nhà nào có những chị mới nứt mắt ra là nó cũng đâm vào cho kỳ được. Dù lần đầu có cự tuyệt, nhưng đến lần thứ hai, hay lần thứ ba là cùng chị ả phải cảm ngay chàng có duyên ấy. Thế rồi nó rủ rê ngay ý trung nhân ra luỹ tre để chỉ non thê biển!

Nhiều người bắt gặp nó giở cái mặt chó, ở ngoài đường lấy làm chướng mắt,

đã giọt cho nó bao nhiêu phen nhưng chó đen giữ mực, nào nó có chừa. Đến nổi chỉ một mình nó, mà trong ngót một tháng trời, bao nhiêu bạn gái trong xã hội mồm nhọn, nhất là bọn cấp-tiến đều bị hư, hoặc chữa hoang vó nó cả? Bọn thế đấy!

Cậu phong lưu công tử nổi tiếng trong áng nguyệt hoa hội ấy, trác táng lắm mà không có sâm nhưng quế phụ để tâm bỏ, cho nên đâm ra yếu ớt gầy gò.

Đã nhiều bận, vì sự ghen tuông, nó bị những tình địch trong êu giới đồng minh nhau cắn nó kịch liệt, có khi toạc đầu xẻ tai xuýt thành án mạng to. Nhưng giá như độ trước, hấn nó lăn lưng vào một phen sống mái để giữ thể diện với gái. Nhưng độ này thì người anh em đành chịu tho, dằn lòng tạm ly biệt mấy cô nhân ngãi mà cúp đuôi cắm cổ chạy một mạch về nhà, chui tọt vào gầm phản!

Nhưng mà đã có thói đa tình, thì dù có mắc bệnh gần chết cũng vẫn ngứa, cái đó chó cũng như người.

Kìa, vết thương hồ lạnh, người ta đã bắt gặp nó đi mò gái; mà lần này quái làm sao, nó đánh hơi biết ngay là trong nhà kia, mới có cô chó Tây rất sộp!

Con Tóp vừa thoát trộm liếc dung nhan của cô bạn mẫu quốc đã đâm ra mê đặc, chồn vờn ngay đến gần.

Muốn chừng nó cũng như ta, thấy món lạ thì thích ném cho rộng kiến-văn, nên ngày nào nó cũng đến tán tỉnh hai ba dạo? Chẳng biết mắt xanh nàng có lọt chàng anh-đi-dền hay không nhưng dù có chim được mà cứ phải phó-mát hão huyền như thế thì thá gì, cho nên xin. Chàng trước hết nghĩ đến vấn đề phụ nữ giải phóng.

Cô ả chó Tây đây thật đáng gọi là một trang thiếu nữ tân thời, đủ làm cho chim sa cá lặn. Này, hươu cốt cách, vượn tinh thần, mà gấu ghen thua mồm, cọp hờn kém nanh, mỗi khi hoa gầu ngọc ửng, tiếng oanh như rung động, dây đàn tim của Tóp như oán như thanh. Không những thế, chiếc vòng da đeo quanh cổ, bộ lông nhẫy chét vào mình trông đặc Lemur, lại như tăng cái nét yêu kiều của tấm thân mơn mớn. Nói tóm lại, con chó Tây đáng gọi là một đóa hoa khô, một ngôi sao sáng, khiến cho mỗi khi chàng Tóp loanh quanh ngửi ngửi bên chôn khuê cũ, cũng không muôn về nhà nữa. Rồi thế quái nào, chẳng biết ngôn ngữ của hai giống chó ấy có đồng hay không, nhưng chắc Tóp ta sinh trưởng ở đất Hà nội, thì cũng nói được dăm ba tiếng bồi, nên đông Tây gặp nhau ngay.

Có một hôm, con Tóp cũng diện bộ cánh mọi khi đương bắt chước hệt như cái một ngoáy ba-toong công tử bột mà ngoe nguẩy cái đuôi, lượn xung quanh cũi nàng, thì có một đứa bé con ra phang cho một que củi vào lưng. Sợ xấu hổ với nhân ngãi, vả tức vì bị ngăn trở trong cuộc vui vẻ trẻ trung, Tóp ta ngoạm ngay cho một miếng vào đùi thẳng bé, rồi đi bài tàu-mã.

Đứa bé kêu rầm, cả nhà xô ra đuổi Tóp, nhưng không kịp. Thế là con Tóp có một một bợn thù nhân.

Họ bàn với nhau, rồi sẽ đánh Tóp chết, mà người anh em thì kệt, ba bốn hôm không dám thò mồm ra ngoài.

Nhưng ngọn lửa dục bao giờ cũng cướp hết ánh sáng của sự suy xét; người cũng vậy mà chó cũng vậy. Rồi chắc rằng Tóp ta nhớ người yêu ở nơi cao tương kín công, suốt ngày bị cấm cung trong cửa buồng khuê. Ừ tội gì không lẽ cá đã cắn câu lại chịu vớt cần đó để phí hoài mất cái bò lạc, rồi đứa khác nó nước trước bẻ hoa thì đại hơn cây, cho nên anh ta lại mon men đến đứng ở bờ giậu nhìn vào để thăm tin tức. Khi títt mù nào thấy bóng hồng vào ra, anh ta mới lách qua hàng rào, có lẽ định bàn với cô em cái chước xô lồng tháo cũi.

Nhưng mà khốn nạn cho con Tóp. Người ta biết tính quan viên mê gái hay liêu, nên đã quyết với nhau rằng thế nào rồi Tóp ta cũng còn đến nữa: Vì vậy họ không thả con chó cái ra vội, để dùng kế mỹ-nhân, thì mới đủ được con Tóp vào tròng để đánh chết.

Cái số con Tóp đến ngày hôm nay là hết, hẳn các ngài cũng đoán như vậy chứ gì! Phải, nhưng nó chết một cách thảm thiết, một cách đau đớn, khiến cho ai được mắt trông thấy cái phút sau cùng của đời nó, cũng phải rùng mình ghê sợ cái bả tình, cũng phải thương xót những con người đương đăm đuổi trong bể ái.

Con Tóp nhìn trước nhìn sau, lững thững đến bên cạnh cũi. Khi nó tưởng rằng được bình yên như mọi ngày, nó bèn ngoe nguẩy đuôi như phát cờ thắng trận chạy xung quanh cũi như điên như cuồng, rít âm lên rồi thò mồm vào hít lấy hít để. Nó hôn chán như thế rồi nó thè lưỡi ra liếm, liếm mặt, liếm lưng, liếm cả chỗ không đáng liếm. Con chó cái thấy tình lang ân ái hình như sóng tình cũng xiêu xiêu nên nằm yên. Con Tóp thừa cơ, tiến đến gần, có chui lách cái đầu vào khe cũi Giữa lúc ấy, người ta thò dây thung thòng lọng vào cổ nó và dònng buộc vào cột.

Nó không biết rằng đã mắc vào tròng, nó cứ tuân theo mệnh lệnh của nữ thần Venus. Lách đầu vào khe không ăn thua, nó mới nhẩy hai chân trước lên mặt cũ như lời mọi khi của nó. Nhưng cũng không thấy công hiệu gì, nó lại đành nằm ẹp xuống đất, liềm lấp liềm đẽ, rồi lại cố lấy đầu, muốn hẩy cho đổ cái cũ.

Rành là nó muốn đập tiêu phòng để vớt người trầm luân. Nhưng sức nó không sao làm chuyển được cả cái cũ nặng trong nhốt một con chó phốp pháp, nó đành chịu phép. Lúc này người ta thò dây vào hai chân trước nó, thiết chặt lại, và trói ghì ra đấng lưng. Lạ cho con Tóp chẳng thấy cái tình thế nghiêm trọng, hình như nó chỉ nghĩ làm sao cho đạt tới mục đích là được cọ xát vào người yêu, còn ngoài ra, nó chẳng trông thấy, chẳng để ý cái gì cả.

Con chó cái ở trong cũ, thấy sự nguy hiểm, cắn rống lên mấy tiếng để ra hiệu cho bạn biết vụ bắt bớ quan trọng, nhưng con Tóp thì như bị mù mắt, cứ rít, cứ liềm, cứ cố nhấc đầu lên cho vừa tầm. Thình thoảng nó thấy vướng víu khó chịu, thì cũng hục hặc cựa cạy nhưng hễ cái lưỡi nó còn được gần bên mông con chó cái, thì nó lại yên ngay. Ấy thế rồi người ta cột nốt hai chân sau nó lại.

Bây giờ thì nó chỉ còn cựa cạy được cái đuôi và cái lưỡi mà thôi, mà thật là nó mê gái đến nỗi chết đến đít mà không biết? Chẳng thế, bị trói mất cựa mà đầu nó còn hục vào bẹn con kia, đuôi còn ve vẩy ra dáng khoái trí lắm. Con chó cái thấy tẩn bi kịch bên cạnh, lòng lên và cắn rầm rầm, rồi cựa mình sang chỗ khác. Con Tóp cũng lăn lộn theo đến gần, nhưng chân bị trói không đi được vậy mà nó mặc kệ, nó cố lê bằng bụng để được đến gần chỗ la liềm cho thỏa dục tình, rồi nó rít lên mấy tiếng đặc thảng!

Nếu ai chú ý nhìn cái chết của con Tóp mới thấy động tâm! Trói xong, người ta dốc ngược nó lên xà nhà nhưng ác quá, họ tinh nghịch để cho cái, mồm nó vừa đúng với bạn gái nó...

Bị đau đớn, nó cũng cựa cạy, cũng giẫy giụa. Nhưng khi mắt nó trông thấy con chó cái, thì như nó lại quên hết mọi sự để cố chịu đựng nỗi khổ thống về vật chất mà ngoe nguẩy đuôi và thè dài lưỡi ra, làm cái việc sung sướng về tinh thần.

Lúc ấy, người ta bắt đầu xử tội nó. Người ta chằng hai đầu dây buộc cổ nó, thiết thật chặt lại cho nó mất cựa, rồi thò dao nhọn vào họng nó, cứa mấy nhát. Con Tóp ặc ặc kêu rú lên vài tiếng, tia máu vọt ra. Không hiểu nó có

biết là sắp chết hay không, nhưng sau khi không còn hơi sức mà giãy nữa, mà mắt nó vẫn chăm chăm vào con chó Tây, lưỡi nó vẫn thè lè ra để liếm la liếm liệt, đuôi nó vẫn vẫy nhanh nhẩu như thường.

Nhưng chỉ được vài phút như thế, rồi mắt nó đờ đi đuôi nó yếu đi, lưỡi nó cố thò dài ra mà liếm cả vào thanh cũi. Rồi dần dần, như chiếc đồng hồ hết giây đuôi nó không vẫy được nữa, oặt lả xuống, mắt nó hết tinh thần, nhưng chỉ còn có cái lưỡi là vẫn còn ít tinh lực sau cùng, thấy đưa đi đưa lại được đến năm sáu cái nữa mới im hẳn.

- Thế là con Tóp hy sinh tính mệnh để thờ phụng ái tình, vậy mà đã chắc gì nó biết là nó đã chết. Nhưng chó chết hết truyện...

17 Aout 1993

Anh xâm

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

Mưa.

Não nùng.

Đường vắng ngắt. Chưa đến 8 giờ mà đường đã vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá. Lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng. Thật là cả một đụn vải chỉ hở có cái mặt. Trên đầu một cái mũ tùm hum xuống đến mi, quanh cổ, một cuộn khăn len dày cộm.

Rồi áo, quần, giày, bút tất, găng tay, có bao nhiêu thứ để chống nhau với rét, đều quện cả vào người xù xù.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lờ mờ trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đẫm lệ rây nước loáng sáng thành một quang vàng tròn. Đường bồng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Gió giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấm buốt đến tận xương.

Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng một giọng hát ảo não xen lẫn vào tiếng gió.

Hội Chùa Thầy anh em ơi còn đương lúc đua chen,

Hễ nhanh chân thì tới, chứ ươn hèn thì í xa.

Dưới mái hàng nước đầu ngã ba, một anh xâm đương lắc lư, ngêu cổ lên mà hát.

Anh ngồi trên manh chiếu, trước cái xoong sắt Tây thủng, một đùi ghéch lên mặt đàn. Tay nắm cần, tay bật dây, anh uốn cung đàn trầm bổng theo tiếng hát khàn khàn. Cái mũ dạ, trơn từ đỉnh đến rìa, mềm oặt theo khuôn đầu, che cho anh khỏi lạnh gáy. Nhưng cái áo Tây vàng rộng thùng thình không giữ nổi hơi rét cắt da. Mặt anh xám lại.

Hết bài xâm chợ, anh quay ra cái lương. Anh ngâm:

Hai năm i i mới rõ la à mười i,

Hễ mà hai sáu ú ú, tôi i thời mười i hai ai...

Mà chứ tôi cảm tạ các à ngài...

Điều hành vân bắt đầu.

Anh ngửa đầu, dùm gân mặt, há mồm ra mà hát. Tiếng đàn từng tưng hòa theo, lúc khoan, lúc nhặt.

- Nào các ông các bà cho nhà cháu kiểm bữa.

Anh nhăn răng ra cười.

Nhưng mà...

Gió vẫn giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Ho lạnh thấm buốt đến tận xương. Cây và cột đèn rú lên.

Mưa vẫn như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lờ mờ, trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đăm lẹ, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đương bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vẫn vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bung, lép nhép, chạy uể oải, tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Thế mà anh xâm vẫn hát. Anh kẻ sa mạc:

Mà chứ anh khóa oi, em tiễn chân anh xuống tận bến tàu,

Hai tay sém xách cái khăn giầu em lấy đưa anh.

Và đến Ma-đơ lông:

Là bá i a phố rề.

Thau anh vẫn không một tiếng vang động. Một xu cũng chẳng có. Một chinh to cũng chẳng có. Một chinh con cũng chẳng có. Anh càng hết sức để hát, để đàn, và để... Không ai nghe.

Bởi vì...

Đường càng vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bung, lép nép chạy ưỡ ỏi, lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Bởi vì...

Mưa càng như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lờ mờ trắng xóa. Xung quanh ngọn lửa điện đấm lẹ, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Bởi vì...

Gió vẫn giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấu buốt đến xương. Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng anh xầm có trông thấy đâu cảnh ấy.

Anh lại nói:

- Các ông các bà bớt chút ít cho cháu kiếm bữa gạo.

Ông nào? Bà nào? Quanh anh nào có ai?

Song anh vẫn cứ hát, hát một mình.

Anh, anh cùng em, có giờ có giờ xui khiến

Cho chúng ta dịp này.

Rồi lại kể chuyện Sài Gòn:

Anh tiếc cho cô mình mơn mớn đương tơ,

Buồng không lạnh ngắt đương chờ đợi ai.

Và thỉnh thoảng lại giục:

- Các ông các bà thương kẻ khó, các ông các bà ơi.

Anh tưởng đông người đứng nghe lắng.

Chứ biết đâu, xung quanh anh, gió giạt từng hồi, lá vàng trút xuống mặt đường, lăn theo nhau rào rào.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vắng ngắt. Thỉnh thoảng những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy ầm ầm. Lại thỉnh thoảng, một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Anh cứ hát. Hết sức hát. Gò ngực mà hát. Há miệng to mà hát. Hát như con cóc kêu thương.

Ông giảng lên cao, ông giảng xuống thấp, ông giảng lẫn bóng chuối, chứ ông giảng lại i a mờ.

Và khi đã đến hết tất cả các bài anh thuộc, anh ngồi im lặng để chờ và để nghe. Sau hết, sờ tay vào lòng thau không để vết.

Rồi anh run cầm cập, xếp thau, ôm đàn cuộn chiếu, cầm gậy, đứng dậy, thông thả lần lỏi đi.

Gió.

Mưa...

Não nùng.

1936

Bà chủ mất trộm

Bà chủ là một me Tây đủ cung cách. Nghĩa là bà cũng có một đôi má chày, một cái mồm đỏ, một hòm khăn châu áo ngự, và một thằng bép đẹp trai. Bà lại còn có cái kèn hát chạy điện, cả ngày vô tình làm phúc cho hàng xóm được nghe nhờ, từ điệu nhây đầm đến bài niệm Phật.

Bà đã ngoại tứ tuần, mà xuân sắc chưa hề giảm bớt.

Vì nhờ có đôi giày cao gót, bà hãy còn đủ cả đằng trước lẫn đằng sau.

Tuy vậy, từ ngày quan Chủ về quý quốc, không sang nữa, thì bà nhất định căm cung, “mét-xì” cả đánh chấn và đi xem chiếu bóng. Bà thay hai thứ tiêu khiển ấy bằng quyển truyện và cái kèn hát. Vậy nên bà bảo:

- Thế mới biết Tây người ta nói “phú quý sinh chử nghĩa” là phải. Chẳng giấu gì ông, từ ngày đánh bạn với quan nhà tôi, tôi mới được học. Thành ra bây giờ sách Tây, sách tàu, tôi đã được xem qua. Nhưng tôi suy nghĩ, không quyển nào có giá trị bằng bộ La Thông Tảo Bắc.

Rồi bà móc trong tủ chè, lấy ra một chồng sách. Hay nói cho đúng, một vật làm bằng giấy, có trộn lẫn mùi mồ hôi và phấn hồng.

Bà đóng kín những năm còn lại vào một gian nhà có trần song sắt, có chuông bấm và có cổng hậu.

Cả phố, ai cũng phục bà là người chân tu. Vì ngoài ngày rằm, mùng một, bà đi lễ, đồ ai còn gặp mặt bà ở đường.

Những người biết rõ bà, thì lại khen cách khác:

- Thực là đàn bà hiếm có, quảng giao mà tháo vát đủ việc.

Bà đã bảo lập cái điện ngay trên gác nhà bà. Nhất là thời thường, dăm bảy ông Tây, bà đầm đến dự tiệc khi về, ai cũng tươi cười, bắt tay, cảm ơn bà rất vui vẻ

Một người như thế, ai chẳng kính nể?

Thế mà một buổi sáng về mùa đông, người ta thấy hàng phố xúm đông đồ trước nhà bà, kiếng chân, há mồm, cổ dòm vào. Ông đội sếp vút lia lia.

Thì ra bà bị mê trộm to, mới hồi năm giờ rưỡi.

Cảnh sát, mật thám tức tốc tới nơi. Nhưng quân gian chỉ còn để lại có sự mất tiền.

Các nhà chuyên trách khám xong, bước một chân lên ô-tô, còn quay lại an ủi:

- Bà cứ yên tâm. Việc ai, chứ việc bà, thì chúng tôi xin cam đoan trong một tuần lễ sẽ bắt được thủ phạm. Rồi bà muốn trị tội nó bao nhiêu năm, quan tòa cũng chiều ý.

Bà cảm ơn bằng một nụ cười héo hắt, xanh nhợt hàm tiếu trên cặp môi chưa kịp bôi sáp.

Ai thấy bà lúc ấy mà chả ái ngại. Nhất là bao nhiêu sự lo lắng, sự sợ hãi lộ cả trên bộ mặt trần truồng, thì đến những quả tim sắt đá cũng phải rung chuyển.

Bà đã tưởng mang những đức tính hiền hoà, thờ chồng trong khi xa vắng để mà mua chuộc lòng người cho số bạc trong tú két được yên nghĩ. Ai ngờ nghĩ một đằng, đi một nẻo. Bà mới biết lời quan ông thường nói khi trước là chí lý:

- Giống An-nam là giống nói dối và ăn cắp. Mà không nên tin ai, nhất là đối với những kẻ đầy tớ, càng nên cẩn thận.

Vì thế, đến buổi trưa, mấy chức vụ đến xích tay một xác người An-nam: Thằng ở, con đòi. Tuốt, tuốt.

Một chuỗi phóng viên chực sẵn ở cửa, nhìn bọn kia bị bắt bằng con mắt khinh bỉ, ti hí trong cặp kính trắng có lẽ là cận thị. Vì không được phỏng vấn bà, bọn ấy đành chịu điều tra, cốp nhặt đó đây một vài tin tức. Rồi lên mặt ông quan tòa cao đoán, và nhà tù thiện cao tay theo thói quen, họ viết một bài bốn cột, mà văn chương có giá trị hơn sự thực. Cuối bài, độc giả còn được tráng miệng bằng đoạn buộc tội, và đoạn luân lý thết không:

- Một người đàn bà phúc hậu, hiền từ như cụ Chủ mà bị mất trộm, thì ai không ái ngại và tức cho bọn đầy tớ bắt lương, đồng đảng với kẻ gian phi.

Một lẽ các cửa ngõ nhà đều đóng kín nguyên, duy có số bạc hơn một nghìn và chiếc nhẫn kim cương trong nhà không cánh mà bay, cũng đủ để khép lũ ong sống trong tay áo vào tội nặng được.

Ôi! Tiện đây xin nhắc nhở bà con thành phố ta, từ nay có nuôi người nhà đây tớ thì nên xem xét tông tích cho cẩn thận.

Nhưng chẳng bao lâu thủ phạm và đồng phạm sẽ cùng nhau đọc kinh sám hối trong nhà pha. Lưới pháp luật chẳng để thoát bao giờ.

Chính thế. Lưới pháp luật có hở mắt đâu, nên bọn phạm tội biết lách chỗ nào mà ra khỏi? Cho đến người lương thiện lỡ sa phải cũng khó lòng lọt được nữa là bọn đây tớ cố nghênh cổ, dài môi, để kêu oan. Song ai dại gì mà tin chúng. Hễ chính thủ phạm bị bắt, thì sẽ biết trắng đen. Trong khi đợi thuyền chài chằng lưới kéo lưới, thì chúng cứ việc chịu khó nằm yên trong buồng rệp.

Ba tháng đã qua.

Màn bí mật vẫn đóng kín, lấp những việc tà khuất bên trong. Con mắt những nhà trinh thám vẫn mãi mãi trên cổ tổ tôm hoặc trên các mặt phản, nhưng cũng không đủ sức để nom thấu.

Vì rằng muốn mở chiếc màn đó, chẳng nên hấp tấp cứ từ từ kiểm lấy cái chìa khóa, khe kẽ cho vào ổ, rồi vặn. Chỉ một chốc, là trong bóng tối, trên thảm nhung ta im lặng mà xem sự thực bày ra trước mắt.

Nhưng cái chìa khóa quý hóa kia, kiếm đâu ra?

Có người thì thào:

- Nó ở trong túi bà ấy. Bà có quyền dùng nó, như dùng cái chìa khóa kết của bà.

- Nhưng nào bà có hớ hênh mà dùng đến nó?

Vì trước cái buổi sáng nặng nề mùa đông kia, bà có khách. Một ông khách người làng, bà bảo thế, trẻ tuổi vạm vỡ, mặc quần áo Tây, được bà tiếp đón rất long trọng.

Trong nhà, đèn lửa sáng choang, kẻ hầu người hạ tha hồ mà bận rộn, mà lập công, mà ăn bớt, mà ăn vụng và phải mắng.:

- Chả mấy khi, từ “ích-phê” mở cửa, bao tiền mở miệng, tội gì chẳng hưởng chút thừa thãi của bữa tiệc vui mừng.

Chủ khách trò chuyện, nói cười ở nhà trên, thì ở nhà dưới, câu trao đi, lời đáp lại, cũng chẳng kém.

Chín giờ: Hơi men đã nồng. Tình “thiên lý tha hương ngộ cố tri” như một cái dây kéo hai chiếc ghế đối diện sang một phía. Tiếng nói khẽ dần, hai đầu phải chầu vào nhau mới đủ nghe thấy.

Mười giờ: Cuộc rượy đã tàn. Dây thân ái thắt chặt thêm một vòng, kéo cả một chân khách lên đùi già nẫu của chủ. Tiếng nói không thấy nữa, nhưng bốn mắt nhìn nhau: Sự im lặng còn nói nhiều gấp mấy.

Mười một giờ: Ngọn đèn mờ tỏ, gió động bức màn tuyền.

Chủ khách bấy lâu khát khao gặp mặt, chẳng lẽ bỏ phí thì giờ. Mà cái dây kia cứ thít mãi, cứ thít mãi. Thì chẳng mấy chốc, giữa cái lặng lẽ thiêng liêng của ban đêm, hai tấm thân một già một trẻ, lẫn lộn với nhau như một...

Con chuột rúc. Con mối chếp môi. Chúng cũng muốn hưởng cái thú vị của bóng tối.

Nhà dưới, vú già, anh bếp, thằng xê, con sen, hồn thơ lai láng, to nhỏ câu chuyện mùi soa lụa, thắt lưng sồi.

Rồi, khoảng đêm trường như miếng vải đen, đậy kín lấy từng ấy phiến thịt...

Nghề đời, tức nước thường vỡ bờ, hay nói nôm, cái dây bền đến đâu, bị co lăm cũng phải đứt.

Cho đến cái dây mạnh mẽ, vô hình, buộc những người trong nhà bà Chủ, đôi một vào nhau, đến năm giờ sáng cũng phải đứt phụt?

Thằng xe mở mắt. Con sen đã biến đâu rồi.

Anh bếp choàng tỉnh. Vú già chẳng thấy đấy nữa.

Bà chủ tỉnh giấc mơ màng, chỉ thấy mình trên đệm mà cạnh mình, họa chẳng còn lại vết trứng, ghi tích của một xác thịt nằm bên.

Như ngày thường, bà đưa mắt nhìn ra tủ két. Thì chao ôi! Bà thấy nó há hốc mồm ra, hã còn tỏ vẻ ngạc nhiên, vì không phải bàn tay quen mở nó.

Tính bà điềm đạm, chẳng la ó om sòm, chỉ lẳng lẳng lên sờ mặt thám, xin

người đến làm biên bản một vụ trộm quan trọng.

2-1934

Bà lái đò

Chúng tôi tới một bờ sông và phải qua con sông khá rộng ấy. Chà, chúng tôi thử phào một hơi khoan khoái: Chúng tôi sẽ được nghỉ ngơi trên thuyền. Một người đàn bà ngoại bốn mươi, ngồi cạnh một thằng bé chừng tám chín tuổi, hướng mặt ra sông, đang vót tre bằng con dao nhọn.

Thấy tiếng động, người ấy quay nhìn chúng tôi và có ý hốt hải, thu xếp các thứ rồi một tay cầm dao, một tay dắt con, nhảy xuống thuyền. Bà ta lay nhỏ vôi vàng cải sào cắm chặt vào bùn, rồi đẩy mạnh chiếc thuyền nan.

Con thuyền chổng mũi lên trời, vỗ sóng đành đạch, nhảy chồm ra xa. Nhưng không hiểu sao tự nhiên nó quay lại ghé vào bờ.

Đồng chí Việt Nam muốn chừng hiểu ý, nói:

- Bà cho chúng tôi sang sông với chứ. Sáu người chở không nặng lắm đâu.
- Vâng, cháu ghé vào chỗ khô để các ông khỏi lấm giày.

Chúng tôi xuống thuyền, ngồi thẳng bằng thì thuyền quay mũi. Chúng tôi duỗi chân cho đỡ mỏi, rồi lấy thuốc lá ra hút. Chúng tôi nói chuyện với nhau về các khúc sông bên châu Âu. Gió hiu hiu lướt trên da chúng tôi mát rượi. Sóng phản ánh vàng, mặt nước chói như gương. Quá nửa bên này, yên lặng, thuyền tới chỗ chảy xiết.

Chúng tôi phải vịn vào nhau để ngồi cho vững. Bỗng tự nhiên con thuyền chòng chành, đảo lộn đi, hất thằng bé con xuống nước. Đồng thời chúng tôi nghe tiếng bùng bực: người đàn bà tay cầm con dao nhọn đang xĩa đâm nát cả phía lái.

Nước ủa vào và trong khoảnh khắc, cả chúng tôi băng ra giữa dòng. Trước thế nguy, chúng tôi giữ bình tĩnh.

- Anh em! Phải cứu lấy đàn bà và trẻ con!

Lệnh đưa ra, chúng tôi hết sức.

Chúng tôi chống nhau với sóng, với xoáy, để đuổi kịp những cái đầu lúc nhô lên, lúc thụt xuống, theo đà nước đổ ngầu.

Anh Bảo - Tên Việt Nam của đồng chí Đức - đã nhanh tay ôm được thằng bé

và công nó vào bờ.

Còn chúng tôi đuổi theo người mẹ. Nhưng hễ nắm được cánh tay, thì người đàn bà quái gở ấy lại giãy giụa, hình như muốn chạy trốn.

Nhưng không thể. Chúng tôi phải cứu. Và sau hết, bà ta cũng được diu vào bờ. Chúng tôi đặt hai mẹ con nằm trên cỏ, xúm lại chữa. Cả hai người đã nôn ra được nhiều nước và đã thở được đều.

Chừng nửa giờ sau, bà lái đò mới mở đôi mắt mệt nhọc nhìn chúng tôi, thờ dãi, nhắm mắt lại. Biết rằng bà ta đã tỉnh, đồng chí Việt Nam hỏi:

- Tại làm sao bà nữ xử với chúng tôi như thế?
- Họ là người Pháp, chúng tôi không chớ cho giặc!

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Đồng chí Việt Nam mỉm cười:

- Các đồng chí này không phải là người Pháp mà người châu Âu, giúp Chính phủ ta đánh Pháp đẩy bà!

Bà lái đò uể oải nhìn chúng tôi một lượt, rồi không hiểu bà ta có tin hay không, lại thấy bà ta nhắm mắt như trước.

- Thế nếu các đồng chí này là người Pháp, sao bà còn để xuống thuyền?
- Tôi cũng tính chạy, nhưng sau sự nghĩ ra là các ông có súng, không để các ông xuống cũng chết. Đàng nào cũng chết, thà tôi chết mà giết được tất cả có hơn không?

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Đồng chí Việt Nam lắc đầu hỏi:

- Nhà bà ở đâu?
- Tôi không có nhà, chỉ có chiếc thuyền ấy.
- Thế gia đình bà có những ai? Chúng tôi muốn vào thăm.
- Tôi góa, chỉ có một thằng bé.

Bà thở mắt ra nhìn con, rồi quờ tay sờ trán và ngực nó.

(Thuật theo lời một đồng chí Tiệp Khắc tháng 8-1948)

Biểu tình

Ông Huyện nghe nói thế, nên vừa và được một miếng cơm, ông giật mình, vội bỏ bát xuống bàn, hỏi dồn:

- Đích thực à?

Thám tử chấp tay, đáp:

- Lạy quan lớn, đích lắm. Con phải giả dạng làm người buôn cau, lẩn quần trong làng mất bốn hôm, khôn khéo lắm mới dò nổi tin này, mới dám về trình quan lớn.

- Thế Lý trưởng không biết một tý gì về làng nó sắp có cuộc tụ họp khả nghi à?

- Dạ, chắc rằng thế. Mà dễ thường nó còn về hòa với dân nữa.

Ông Huyện ngẫm nghĩ, nói một mình:

- Quái, bây giờ thì làm gì mà cũng những nhiều thế nhỉ.

- Lạy quan lớn, con không rõ, nhưng đích rằng ba giờ chiều nay, thế nào ở làng Cao Hạ cũng có ít ra là hai trăm người, có cả khí giới.

Ông Huyện không nói gì, ông liếc mắt lên tường, nhìn đồng hồ. Rồi ăn nốt bát ấy, ông đứng dậy, vừa đi rửa mặt, vừa bảo người lính hầu cơm:

- Gọi tài-xế sắp xe, tao ra tỉnh mau?

Người thám tử biết tính quan thầy vốn nhanh nhẩu, bèn rút sẵn chén nước và đặt cái tăm ngang đĩa, để ở bàn.

Ông Huyện rửa mặt xong, uống quàng chén nước, rồi mặc áo, chụp khăn. Và trong khi ông ngồi trên ghế để gài khuy và cạo râu, thì thám tử lom khom xỏ đôi giày Tây vào chân ông và buộc dây hộ.

Mọi việc làm rất nhanh nhẹn, ông Huyện ngậm tăm, bước ra hè, để lên xe ô-tô.

Bữa sáng nay, ông chỉ ăn có mỗi một bát cơm. Ông vất vả như vậy, vì thì giờ cấp bách quá. Ba giờ chiều nay, dân làng Cao Hạ làm biểu tình, ông phải lên

ngay tình hình quan sứ. Trách nhiệm của ông bắt ông phải làm thế, tuy ông chưa rõ nguyên nhân vì đâu có vụ làm rối cuộc trị an này. Ông tin những thám tử của ông. Xưa nay họ đã giúp ông rất đắc lực.

Chiếc ô-tô tung bụi đi khỏi khúc đường đá hẹp thì đến quãng đường nhựa. Nó chạy hết tốc lực, để cho ông Huyện được gặp quan chủ tỉnh trước khi ông này nghỉ giấc trưa.

Thì may quá, lúc xe đến công toà, tuy đã hơn mười hai giờ, nhưng ông Sứ vẫn còn ngồi ở buồng giấy.

Được lệnh trên, ông Huyện ở tòa sứ ra, tức tốc sang trại lính khố xanh. Ông đưa danh thiếp và phong thư của ông Sứ cho người nhà ông Giám binh. Lập tức, ông này mời ông vào buồng khách để bàn việc.

- Tôi sẽ cho ngay mười tay súng về làng Cao Hạ.

Ông Giám binh nói xong, lấy giấy bút để viết.

Nhưng ông Huyện lo lắng, hỏi:

- Vậy ông không về tận nơi?

Ngần ngừ, ông Giám binh đáp:

- Chiều hôm nay, tôi bận tuyển lính mới, chắc rằng không có thì giờ đi được. Mười người lính của tôi sẽ dưới quyền chỉ huy của ông, tùy ông sai bảo họ.

- Nhưng ông nên đến tận nơi, vì cuộc biểu tình này có lẽ to. Làng Cao Hạ vốn xưa nay là một làng có nhiều dân bướng bỉnh. Và lại quan Sứ có hẹn tôi rằng chính ngài sẽ thân hành về.

- Ngài thân hành về?

- Phải, vào độ khoảng 4 giờ chiều. Vì chắc lúc ấy cuộc đàn áp đã xong. Ngài sẽ hiểu dụ cho dân rằng sự làm rối trật tự chỉ có hại cho công cuộc mở mang của Nhà nước.

Ông Giám binh nghĩ ngợi, rồi đáp:

- Vậy thì tôi cũng phải về, mà về trước ngài mới được. Lính tôi sẽ đi xe đạp ngay bây giờ, chừng độ hơn hai giờ thì tới. Còn tôi, độ khoảng ba giờ, tôi sẽ có mặt tại đó

Ông Huyện vui vẻ:

- Vâng, thực là may cho tôi. Vì tôi chỉ quen cai trị dân trong lúc bình yên, chứ chưa hề sai lính tráng khi có những việc nghiêm trọng như thế này bao giờ.

- Nhưng ông cũng phải cả mười tên lính cơ của ông, đến giờ ấy về làng Cao Hạ hợp sức với lính của tôi.

- Vâng, việc ấy dĩ nhiên. Chúng nó sẽ chờ lệnh ông.

Từ lúc ấy, ông Huyện mới được yên tâm. Ngồi trên xe về nhà, ông mỉm cười, bảo thám tử:

- Đấy đứng ngoài vòng, chúng nó tưởng làm ông quan thì chỉ việc ngồi một chỗ để ăn tiền dân, chứ chúng nó biết đâu những lúc này, cơm chả kịp ăn, mà lại lo sốt vó. Nếu không được quan Sứ và quan Giám giúp tao, thì tao không biết xoay ra làm sao.

- Lạy quan lớn, con sợ việc này quan Giám lại chia công với quan lớn.

Ông Huyện lắc đầu, cười:

- Không đời nào. Tao trình quan Sứ, tức là công của tao đầu tiên. Quan Giám đến đây, chẳng qua chỉ là vì tuân lệnh quan Sứ, đi giúp việc tao mà thôi. Vì nếu không có tao đi báo, thì quan Giám tự nhiên có biết làng Cao Hạ có cuộc biểu tình mà cho lính về hay không? Vả lại chính tao phải giục, thì ông ấy mới thân hành về, chứ bỗng không, người ta thiết kếch gì.

Người thám tử gãi tai, xun xoe nói:

- Lạy quan lớn, con hầu hạ quan lớn...

Ông Huyện hiểu ý, gật đầu:

- Đã tao đã trình quan Sứ rằng tin này là do mày báo cho tao. Tao đã bảm

chuyện may với ngài, ngài có hẹn sẽ tư tưởng cho may.

Thám tử vui sướng:

- Lạy quan lớn, quan lớn thương xin chò con cái cứu phẫm.

- Được. Tao đã bảm với quan Sứ rồi. Ngài hứa thế nào cũng lưu tâm đến may. Nghĩa là khi ngài định tư cho tao, tất thế nào cũng hỏi tao xem những ai cũng có công trong việc này. Lúc ấy, tao sẽ bảm cho.

- Dạ, đội ơn quan lớn.

Một lát, ông Huyện hỏi:

- Đi xe đạp hết sức từ tỉnh về Cao Hạ hết độ bao nhiêu lâu?

- Bảm chừng hai giờ đồng hồ.

Ông Huyện lảm bảm:

- Bây giờ đã một giờ. Vậy đến ba giờ họ mới tới. Thế thì chúng nó đang biểu tình. Chậm quá nhỉ.

- Bảm ai ạ.

- Lính khố xanh của ông Giám binh.

- Lạy quan lớn, như thế càng may. Con sợ các quan và lính về trước lúc ba giờ thì dân họ sợ, không dám tụ họp nữa. Con thiết nghĩ việc đàn áp đã có quan Giám binh và lính tỉnh, thì sự khó nhọc về phần họ chịu cả cho quan lớn rồi. Vậy dù có gây ra cuộc đổ máu, quan lớn cũng không phải khó nhọc. Cứ như con, con chỉ mong cho việc to thêm ra, vì việc càng to bao nhiêu, công quan lớn càng lớn bấy nhiêu.

Ông Huyện gật gù, mỉm cười:

- Có lẽ!

Thám tử thấy đắc lực, bàn thêm:

- Bảm quan lớn, xin phép quan lớn cho con đi về Cao Hạ trước, đứng đón lính tỉnh ở đường đồng, không cho họ vào làng vôi. Vì con sợ người làng biết, thì họ tan, không dám tụ họp mất.

- Được, tao sai lính cơ Huyện đứng đón họ ở ngay đầu cánh đồng.
- Dạ, nhưng lính cơ nhà, xin quan lớn bắt ăn mặc quần áo nâu cả. Nếu dân trông thấy quần áo vàng, họ cũng có thể đoán được. Nếu lính vụng, để tan mất cuộc biểu tình, thực là công quan lớn là công không.
- Được tao dặn cai cơ cẩn thận. Mà tao bảo cai cơ dẫn lính đi quanh lên làng Đa Văn rồi hãy về làng Cao Hạ. Như vậy thực là kín đáo.
- Lạy quan lớn, độ mấy giờ thì quan lớn vào làng Cao Hạ?
- Chừng nào quan giám tới. Tao cùng vào với quan Giám và hai đội lính.
- Vâng, quan lớn cứ đóng ở đình làng Đa Văn, đã có chúng con đi do thám và trình báo.
- Mày phải làm thế nào cứ độ mười lăm phút, cho tao một tin mới.
- Dạ, con xin tuân lệnh. Làng Cao Hạ họ quen mặt con, nhưng họ vẫn cứ tưởng con đi buôn cau, không ai ngờ con cả. Con xin quan lớn cho con ba người lính phụ, cũng ăn mặc giả vờ như phường buôn, đi với con, để rồi đem tin về hầu quan lớn cho tiện.
- Được, cốt mày làm được việc.

Xe ô-tô quanh vào cổng Huyện, và đỗ trước công đường.

Ông Huyện vào buồng giấy, lập tức sai gọi cai cơ, đội lệ cắt đặt công việc. Rồi nhìn giờ, ông thấy vẫn còn sớm, bèn để cả khăn áo lẫn giày Tây, ngã lưng trên giường nằm yên một lát.

Làng Cao Hạ là một làng đông dân cư. Nó ở vào một khoảng đất rộng rãi, theo dọc bờ một khúc sông khá to, nước trong vắt. Một con đường thênh thang nối với những làng bên cạnh. Con đường ấy, cả ngày tấp nập kẻ qua người lại, vì nó lại ăn thông với một bên chợ Đống Đa và một bên là chợ Mới. Hai chợ ấy ngày nào cũng có phiên.

Nhân dân cả một vùng gần đó, hàng ngày đến họp chợ, đều phải qua làng Cao Hạ mới đi tới được.

Bởi ở vào một nơi có địa thế dễ làm ăn, nên ba phần tư dân Cao Hạ sống về

nghề buôn bán. Bên sông ngay trước cửa đình, mà mùa hè, hoa phượng đỏ ối nặng trĩu đầu cành rủ xuống soi gương trên làn nước xanh biếc, lúc nào cũng có giã ba con thuyền từ các nơi xa đến cắm sào, bán những hàng hóa họ có thừa và buôn những thức họ chưa có. Các bà đàn bà trong làng, ngày nào cũng vậy, dậy từ lúc tinh sương. Mùa hè nóng như thiêu, cũng như mùa đông rét như cắt, khi mờ điểm tan canh đổ hôi, trong các bếp đã thấy ngọn lửa vàng lập lòe và trên mái đã tia ra những dòng khói lam éo lả. Họ thổi cơm, nấu nước, và ăn xong, người nào người nấy gánh vôi đôi bồ đi chợ kéo trưa. Và trong khi ấy, đàn ông đã vai vác cày, tay xách mòi, lưng thưng theo trâu ra đồng đôi mồ hôi lấy bát cơm.

Họ đi vắng như vậy, đến tận lúc mặt trời bắt đầu ngả về Tây mới trở về. Vợ đến nhà trước thì chạy quanh ra đồng dắt trâu cho chồng. Chồng đến nhà trước thì đón gánh hàng cho vợ. Từ lúc ấy, trong làng Cao Hạ, sự hoạt động mới trở về cùng với người. Ngọn lửa lại bắt đầu cháy trong bếp và tia khói lại bắt đầu ủ ấp lấy mái rơm. Người ta thổi cơm, tắm giặt cho con cái, rồi làm nốt công việc đồng áng ở sân gạch, hoặc đi đòi nợ hay lấy lại một vài thứ hàng cần bán ngày hôm sau.

Từ hai ba giờ chiều trở đi, đường làng Cao Hạ đã đông lại càng đông. Và độ bốn năm giờ, người ta ra sân đình, ngồi chơi mát. Họ đem những chuyện đồn đến tai hoặc có lý hoặc vô lý đã nhặt được đó đây, để nói, làm dậy lên những tiếng cười rộn ràng. Cho mãi tới lúc nhọ mặt người, họ mới đứng dậy về nhà, đánh một giấc ngủ ngon, để sáng hôm sau dậy, lại làm công việc như những hôm trước.

Cả một làng, từ người lớn đến trẻ con, từ đàn ông đến đàn bà, quanh năm chỉ biết một việc mưu sống, thì bỗng nay đến tai quan trên có một cuộc tụ họp lớn, dân làm biểu tình, có cả khí giới. Thế thì làng ấy sẽ trông thấy sự trừng phạt gớm ghê của hai mươi tay lính súng, của quan Giám binh và quan Huyện có trách nhiệm coi giữ cuộc trị an.

- Lạy quan lớn, chẳng có biểu tình gì cả.

Nghe người thám tử nói, ông Huyện tái mét mặt, hỏi dồn:

- Không có biểu tình, thế thì làm thế nào?

Người thám tử gãi tai, ấp úng:

- Lạy quan lớn tha tội cho con, không phải con dám trình bày, nhưng thực ra là con phải lừa. Người ta thấy con được việc nên thù mà nghĩ kế này để quan lớn không tin gì con nữa.

Ông Huyện không đáp. Ông lo hơn là giận. Ông mở đồng hồ ra coi: đã quá hai giờ rồi. Người thám tử thấy ông không nói năng gì thì càng sợ. Nhất là hẳn lại thấy cách ông ăn mặc gọn gàng, lối quan binh. Ông đã bỏ lối y phục bệ vệ ngày thường. Khăn nhiễu, áo sa, thẻ bài, giày ban, tất cả những thứ chỉ lợi cho ông quan khi được bình tĩnh ngồi giữa ông đường để hứng lấy sự khúm núm của dân đen. Chứ đến khi trong hạt phải lúc đa sự như hôm nay, thì ông phải đội mũ, mặc áo vàng, quần cụt ống và giày da dầu, bụng thắt dây súng lục và vai đem súng trường. Ông ăn mặc như một vị quan võ vì công việc ông phải dùng võ lực bên cạnh hai chục người nhà binh, bên cạnh một ông quan binh, và bên cạnh một ông chủ tỉnh chắc rằng không thích ông lướt thướt. Ông Huyện đã nghĩ cách thay đổi về hình thức để người trên vừa lòng và yên trí ông sẵn sàng chịu đựng sự vất vả để cố làm tốt bổn phận trị an. Sự miễn cán ấy hẳn đem cho ông một phần thưởng xứng đáng. Thế mà nay vì không do thám kỹ lưỡng, người thám tử báo cho ông một tin bày hẳn tội anh ta tày đình. Vì vậy, anh ta sợ:

- Lạy quan lớn, con trăm tội với quan lớn.

Ông Huyện phát câu:

- Bây giờ ông Giám binh gần đến nơi rồi.

- Dạ, lạy quan lớn.

- Mà chốc nữa quan Sứ cũng đến.

Người thám tử run lẩy bẩy. Ông Huyện nghiêng răng, nói tiếp:

- Mày hại tao. Mày giết tao. Tao biết nói thế nào bây giờ?

Người thám tử nhăn nhó như sắp mếu:

- Lạy quan lớn, con nào dám có bụng hại quan lớn. Con mà phản thầy như thế, xin quan lớn cứ cho con một phát đạn, con chết không dám oán hận một điều gì. Quan lớn thương hại con. Thực là con phải lừa người ta.

- Thành ra tao mang tiếng lừa quan Sứ, lừa quan Giám binh. Chốc nữa tao nói thế nào được.

Người thám tử chỉ gãi tai và quả quyết thưa:

- Bẩm xin quan lớn cứ đổ cả cho con, con xin chịu quả phạt tù tội với quan Sứ.

Ông Huyện cười gằn:

- Nhưng tao cũng không phải vô tội. Thành ra từ trước đến giờ tao tin mày, quan Sứ cho là tao chỉ nhắm mắt nghe bậy và làm bậy. Thế sao mày dám bảo dân Cao Hạ là biểu tình?

Người thám tử chấp tay:

- Lạy quan lớn, con có ngờ đâu phải lừa người ta.

- Thế không có một tí gì gọi là biểu tình cả à?

- Dạ, đâu chỉ có mấy người có gà chọi, đến ba giờ, định đem ra sân đình cho đấu chọi mà thôi.

Ông Huyện thở dài, giậm chân:

- Chết mẹ người ta mất? Chọi gà mà dám nói biểu tình.

Nghĩ ngợi một lát, ông hỏi:

- Thế nhưng lính tỉnh với lính Huyện ở đâu cả?

- Bẩm họ vẫn lảng vảng cả ở các nơi quan lớn đã cất đặt.

- Chúng nó đã biết tin này chưa?

- Lạy quan lớn chưa.

Ông Huyện móc túi lấy thuốc lá, bật điếu châm để hút, rồi ông vất tay ra sau, đi đi lại lại, chốc chốc lại mở đồng hồ ra coi.

Người thám tử ngấm dấp anh hùng ở cách ăn mặc của quan thầy mà càng thấy tội mình to bội phần.

Một lát, ông đứng dừng lại, nói:

- Mày đi gọi thầy đội lính tỉnh với cai cơ Huyện lại ngay đây, có việc cần.

Người thám tử chạy ba chân bốn cẳng.

Lúc bảy giờ chừng ba giờ. Trước sân đình, trong bóng râm sáu bảy người đương mắt chăm chăm nhìn đôi gà trụi lông, da đỏ hồng, hăng hái mổ và đập nhau. Nhưng hai đầu làng bỗng có hai toán lính súng đứng.

Một bọn người ở chợ Đông Đa qua làng Cao Hạ để về nhà vừa nói chuyện vừa cười. Nhưng bỗng:

- Ê ê đi lộn lại.

- Các thầy cho chúng cháu đi, kéo đến nhà thì chiều cả mắt.

- Không biết, đó là lệnh quan.

Một bọn người ở chợ Mối, qua làng Cao Hạ để về nhà, há hê tính toán tiền nong với nhau.

- Ê ê đi lộn lại.

- Làng chúng cháu ở đằng kia, các thầy cho chúng cháu về, chứ còn lộn lại thì đi lối nào?

- Mặc kệ, lối này quan cấm.

Chẳng mấy chốc, làng Cao Hạ chỉ có thu người vào mà không có chi ra thành thử suốt dọc đường làng, người cứ ùn lại. Mà những người bị giữ, ai cũng ngơ ngác hỏi nhau. Song, đồ ai giải nghĩa được, vì chẳng ai hiểu có gì hết.

Nhưng duy có người nào yên trí rằng làng Cao Hạ có cuộc biểu tình mới có thể giảng rằng đám đông người đứng tụ họp đây nghĩa là gì. Khốn nỗi người ấy giảng theo sự yên trí của mình, cho nên đám đông đó là ngay đám dân biểu tình.

Làng Cao Hạ có biểu tình.

Trăm phần trăm là đúng rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa.

Đến lúc ông Sứ và ông Giám binh xuống xe ô-tô, ông Huyện trình ngay sự

quan trọng của cuộc rối loạn trật tự này. Và được lệnh, bọn lính bắt đầu giải tán.

Người ta càng không hiểu làm sao. Nhưng biết rằng cứ đứng trong ngoài đường để chờ quan cho phép đi về nhà thì thế nào cũng bị đánh đập nên họ chạy tán loạn và tìm lối trốn tránh. Trong khoảng từ ba giờ rưỡi đến bốn giờ, làng Cao Hạ bỗng diễn ra một cảnh ghê sợ. Ai nấy mặt cắt không được một giọt máu. May người nào có nhà quen đề ỉn núp, ấy là phúc. Nếu không, họ cũng quẳng gồng gánh để chạy thoát thân. Họ nấp sau đồng rơm, trong bụi rậm, nhịn thở đề chờ cho đến lúc yên yên mới dám lộ mặt ra để nghe ngóng tình hình.

Cho mãi đến năm giờ, bọn đàn anh trong làng khăn áo ra nghe quan Sứ hiệu dụ. Họ mới ngã ngửa ra là làng họ có một cuộc biểu tình lớn.

1938

Bố anh ấy chết

Ngày ấy tôi học năm thứ tư trường Sư phạm. Tuy còn hai tuần lễ nữa thì tới kỳ thi ra, nhưng mai là chủ nhật, còn ai cấm chúng tôi nghỉ ngơi sớm nữa?

Ở trường Sư phạm, không biết bây giờ còn được thể nữa không, chứ mà mấy năm về trước thì khiếp quá? Nhất là các “cụ cát dem” chúng tôi, làm như ông Hạng! Ăn cũng hơn món, học cũng hơn giờ, mà đến cái trái Luật, cái bướng bỉnh, cũng có phần hơn anh em các lớp dưới! Ủ, được thể sắp thi ra, lớn nhỏ cũng làm ông giáo, cho nên chẳng sợ, chẳng nể ai cả. Mà cũng chẳng ai buồn giây với chúng tôi làm gì cho thêm ác cảm. Không những thế, học trò năm thứ tư, lại được phép lần lượt coi lẫn nhau, mà người coi ấy phải chịu hết trách nhiệm, cho nên lắm lúc chúng tôi hoành hành như “ông tướng Quảng Lạc”!

Chín giờ tối hôm thứ bảy ấy. Trống ngủ đã đánh rồi. Anh em các lớp khác đá lên trên gác, bỏ màn nằm yên tĩnh cả, lúc bảy giờ chúng tôi mới “khệnh khạng” lên, lê giầy sên sệt, nói chuyện bô bô. Mà chúng tôi có cùng lên cả một chuyến đâu. Người thì còn xuống nhà dưới ăn phở. Người thì còn ngồi trong lớp học đến mười một giờ khuya. Nhưng chúng tôi lên sớm, có phải đi ngủ sớm cho béo mắt đâu. Cạnh chuồng tiêu, ba bốn anh còn quây xung quanh anh Đoàn “Bà một” để chờ anh đánh diêm “khao” nốt mẫu thuốc lá ban chiều. Bên vòi nước, anh Bách “Tu-via” miệng lúng búng ngậm nước tay cầm cái điếu cây cán chổi còn chờ anh Vũ “Oản” lấy diêm để “tế” một tuần ngoài hiên, bên dây tủ quần áo anh Văn, trắng trẻo và đẹp trai, đang mắt mồm mồm lợi giờ võ đánh đôi giầy giôn cho bóng lộn để diện với “en” Tuyết, thỉnh thoảng lại thử soi mặt vào mũi giầy xem đã được như gương chưa. Anh Chính thì đương chạy nháo lên về tìm ai có ít sì đạt đen để “cộng sản”.

Trong buồng mấy anh nghịch tinh, xúm xùm nhau để lật chặn anh Thọ là tín đồ đạo “thờ quần” vì sờ “vỡ hộp” hôm chủ nhật, nên tối thứ bảy anh vẫn chịu khó nằm vo một ông Táo?

Lúc ấy tôi cũng duỗi thẳng cẳng, ngồi phệt ngay bên cửa chớp trông ra đường cái để dạy nét mấy anh vài ngón đàn tam thập lục. Xung quanh các bạn ngồi chồm chồm như lũ cọp đập ở tường các đèn. Ấy trong bọn “ma cà cui” chỉ còn thiếu có anh Dính, anh Rững, anh Khải, mà thôi.

Các anh ấy đâu? Cơ chừng các cậu bị “công-sinh”, nên không còn hy vọng gì ra ngày chủ nhật mà hoài công sắm sửa. Trong bọn bị phạt ngày mai, có anh Rững là liều lĩnh nhất. Thi đến nơi rồi, mà anh ấy chẳng lo gì cả, chỉ nay

trả lời cái thư tim tím, mai học thuộc cái thư hồng hồng. Cả buổi chỉ giờ quyền Kiều, gia công khảo cứu những câu tình tứ. Bài làm thì “cóp”, bài thi thì “phim”, cho nên bao giờ anh bị “truy”, mặt anh cũng xám như gà cắt tiết.

Nhưng anh Rững vui tính lắm, chẳng lúc nào trên môi anh không để một nụ cười. Giờ học nào anh cũng pha trò cho chúng tôi được phen vỡ bụng. Cho nên anh Rững tuy thầy ghét, nhưng bạn yêu.

Lúc tôi đang đánh đàn, thì bỗng thấy có tiếng gọi.

Tôi dừng tay lắng tai nghe:

- Cậu nào trên gác thượng, cho tôi nhờ một tí!

Tôi đứng dậy, cúi nhìn xuống đường phố, thấy dưới cột đèn, một đứa bé chừng 14, 15 tuổi, vẫy tay và gọi:

- Tôi nhờ cậu, cậu ơi?...

Tôi hỏi:

- Ai đấy? Hỏi gì?

- Nhờ cậu bảo cậu Rững rằng thầy cậu ấy mới mất cậu ấy phải về ngay, có ô-tô chờ.

Chúng tôi thấy cái tin dữ dội của bạn, anh nào anh nấy giật nảy mình, kinh hoàng ngơ ngác nhìn nhau và hỏi:

- Rững lên nghỉ chưa?

Tôi bảo thằng bé con:

- Chờ đấy, cậu ấy ra đây bây giờ.

Nói xong, chúng tôi làm nôn nao cả buồng ngủ chạy toán loạn đi tìm anh Rững. Anh em lớp khác choàng cả mắt dậy, rồi kháo nhau:

- Bố anh Rững “cát dem” chết.

Anh Rững lúc ấy còn đang ở buồng học, xem cuốn tiểu thuyết. Nghe tin như sét đánh ngang tai, anh tái mét mặt, run bần bật, máu mếu, hấp tấp xếp sách

vở gập năm sáu cái thư kín vào cặp, rồi tắt tả hỏi tôi:

- Đâu thằng bé con nào đâu?

. Chúng tôi vội chạy xuống nhà dưới, đưa anh Rững tìm đến chỗ cột đèn, nhưng không thấy thằng bé con ban nãy đâu, tôi bèn hỏi to:

- Ai là người nhà cậu Rững đâu rồi?

Không thấy ai thừa cả. Anh Đoan trên gác, thò cổ xuống bảo:

- Nó về rồi...

Anh Rững lập cặp chạy lên gác, nằm ềnh trên giường lăn lộn khóc nức nức khóc nở. Chúng tôi hết lời khuyên giải, nhưng, những lời khuyên giải ấy đối với tâm lý anh Rững lúc bấy giờ, chỉ là vô hiệu, chúng tôi bèn người thì thu xếp quần áo hộ, người thảo tờ giấy phép hộ, rồi giục anh Rững sang ngay nhà ông Đốc mà xin phép. May quá, ông Đốc có nhà, ký giấy cho anh nghỉ một tuần lễ. Thế là anh bắt mở công ra ngay.

- Chúng tôi nhìn theo anh Rững mà ái ngại cho anh.

Tội nghiệp! Trông thấy anh ấy ban nãy vui vẻ, cười khanh khách, ngồi trong lớp còn tán chuyện ầm ầm chê hết người nọ, lại trêu người kia, mà bây giờ anh đã bị vào cảnh gia biến, vật mình vật mảy nói không ra hơi, khóc không ra tiếng, thì ai là người không động tâm!

Vả chẳng, ông cụ thân sinh ra anh ấy, chúng tôi đều được biết cả, vì nghỉ hè anh có mời chúng tôi lên nhà tại Bắc Giang chơi. Ông cụ phúc hậu mà vui tính, coi chúng tôi như con, cho nên nay không nghe tin ồm mà bỗng đánh đùng thấy nói mất, thì tuy không máu mủ nhưng cũng đều thở dài thương tiếc.

Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ, chúng tôi thấy tin buồn của bạn, liền rủ nhau xuống cả buồng học, để bàn bạc góp tiền sửa đồ phúng viếng. Anh Mộng có tài hùng biện, ngồi cao làm chủ hội đồng. Cái hội đồng này cũng có tính chất êm đềm như hội đồng các dân biểu, anh Mộng nói ra điều gì, chúng tôi cũng gật ngay không ai phản kháng. Kết cục, các anh giao cho tôi phải đi sửa ngay câu đối và mua các thứ để kịp mai, buổi trưa, anh Thuận đáp xe lửa đi Bắc Giang.

Hội đồng giải tán, ai nấy đều im lặng lên gác bỏ màn đi ngủ, ngậm ngùi tiếc

người thiên cô, ái ngại thương bạn số đen.

Kể ra anh Rững cũng thực đáng ái ngại. Bà thân sinh ra anh cũng đã mất sớm, nay ông cụ lại quy tiên thì thực là anh ấy vô phúc quá. Và, còn hơn tháng nữa thì thi, giá ông cụ có ở lại ít ngày, để được trông thấy anh ấy thành đạt, có phải vui vẻ thỏa lòng biết bao không? Mà anh ấy cũng khỏi thiệt một tuần lễ để học rần lên, có phải thi may cũng có phần chắc không? Nay anh Rững ở vào cảnh ngộ sâu khổ như thế, thì còn ruột gan nào mà học nữa! Thực là con Tào oái oăm, hay bày trò thêm rắc rối.

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ không yên giấc, thỉnh thoảng lại hỏi nhau:

- Bây giờ Rững đến nhà chưa nhỉ?

- Bây giờ Rững chắc đương lăn lộn bên quan tài.

Sáng sớm hôm chủ nhật, trước khi tôi ra phố, anh em lại dặn tôi rằng:

- Anh phải giục thợ làm ngay câu đối mới kịp.

Tôi mượn được xe đạp, thượng khẩn cuộc đi sắm sửa lễ vật. Xong xuôi, tôi liền về trường định giao trả anh Mộng để anh cắt anh Thuận đi. Nhưng lúc qua phố sông Tô Lịch, tôi sực nhớ ra nên qua nhà cô anh Rững ở phố Hàng Cót mà hỏi thăm tin bạn.

Đến nhà, thấy vú già đứng cửa, tôi hỏi:

- Cậu Rững đi lúc mấy giờ?

- Thưa chưa đi đâu cả, cậu ấy mới ở trường ra đến nơi?

Có lẽ vú già không biết gì, nên mới trả lời vợ vắn thế, tôi liền đẩy cửa vào, thì lạ quá, chả anh Rững nằm dài ở trường kỷ kia thì là ai? Anh thấy tôi có ý biến sắc mặt và nói tiếng Tây khẽ rằng:

- Đừng nói gì về việc hôm qua.

Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Thế là thế nào? Trong khi bao nhiêu dấu hỏi còn đương móc óc tôi, thì anh Rững đã mặc áo xong, anh liền cầm mũ rủ tôi đi. Ra đến cửa, anh có ý lo, vật đầu vật tai nói.

- Nguy quá, anh ạ.

- Sao? Cụ bây giờ thế nào?

- Ác quá, con ranh con nó làm hại tôi.

- Sao nó không cho anh về à?

- Không phải, nó nghe tin tôi phải phạt, sợ hôm nay không gặp tôi, nên nó nói láo là thầy tôi mất để tôi ra với nó!

Tôi nghe câu nói, lạnh toát cả người, choáng váng đầu như bị chổng mặt, tôi phải đứng dừng lại và vịn lấy anh Rững. Trời ơi? Thế ra nhân tình anh ấy nhớ anh ấy mà muốn được gặp, chứ có gì đâu? Thế có giận không? Thì ra chúng tôi phải lừa cả. Tôi tức lộn ruột nghiêm nét mặt mà trách móc, anh Rững chẳng cãi sao, chỉ nhăn nhó hối hận và xin lỗi. Rồi anh nói:

- Còn một việc khó nghĩ cho tôi, nhờ anh tính hộ. Tôi mà không về trường, thì mất sáu ngày học, tôi mà về trường thì ông Đốc thấy tôi khăn thâm áo thâm, mà biết là tôi nói dối, có lẽ lòi thối, không khéo tôi phải đuổi mất, kỳ thi sắp tới, mà nếu bốn năm học uổng công thì thầy tôi mắng, rồi lỡ việc này đến tai thầy tôi thì tôi chết mất! Làm thế nào cho êm được?

Về lo sợ của bạn, tôi không mấy khi trông thấy lộ trên nét mặt ngày thường, cho nên tôi nhận biết bấy giờ anh ấy nghĩ ngợi lắm. Tôi lại thương anh ấy, chẳng qua nhăn nhó chỉ vì tình, tôi nghĩ một lát, rồi nói:

- Chỉ còn cách tối nay anh về thú thật với ông Đốc nói là anh bị đưa nào nó thù, nó đánh lừa báo tin ấy. Nay anh lại xin đi học là êm truyện.

- Còn cách gì êm hơn, anh nghĩ kỹ hộ. Hôm qua tôi lo phờ cả đầu!

Tôi lại nghĩ một lát, nhưng không còn kế gì hơn tôi nói:

- Anh cứ làm thế là êm nhất.

Anh Rững vẫn ra dáng lo nghĩ, rồi có lẽ anh cho kế ấy là diệu; nên anh lay van, và dặn tôi rằng về trường chớ nói với ai. Anh nói:

- Sau này có xảy ra sự gì, tôi cứ anh đấy!

Tôi đã hứa hết sức giữ kín, cho nên rồi tôi cũng chẳng nói chuyện cùng ai, mà việc lên Bắc giang tôi cũng tìm cách ngăn trở, nói là thợ làm không kịp. Các anh liền bảo tôi khi nào được thì gửi ngay xe hỏa cho tiện. Thế là tôi

dìm đồ phúng đi.

Tối hôm ấy, tôi về trường sớm. Tôi ngồi trong buồng học, tuy mắt nhìn vào sách, nhưng vẫn lắng tai để ý nghe, mỗi bận thấy tiếng giày Tây lộp cộp của một anh ở phố vào lớp, là tôi lại giựt mình hộ anh Rững. Anh mà bị anh em hỏi chuyện thì không biết anh trả lời. Làm sao cho trôi. Nhưng quái, hết giờ rồi mà không thấy bóng anh Rững đâu cả. Tôi lại không đoán được là anh ta định làm thế nào. Rồi thứ hai, thứ ba, thứ tư,... Chẳng thấy Rững vào trường, mà lớp học vắng anh, cũng im phăng phắc. Từ hôm anh nghỉ, trừ tôi ra, còn anh em ai cũng thỉnh thoảng nhắc đến anh Rững mà ái ngại. Đến tối chủ nhật sau, gần tám giờ, khi chúng tôi đương cúi mặt, cặm cụi xuống quyển sách, thì bỗng có anh nói một cách mừng rỡ:

- À! Rững!

Rồi một vài anh:

- Ê! Rững. Tôi chia buồn cùng anh!

Tôi ngẩng đầu lên, thấy anh Rững mặt mũi xanh xao, bơ phờ, râu rĩ, chẳng hay anh lo hay đau buồn, tôi lại thấy anh ăn mặc đại tang, đầu thít khăn ngang sô mình mặc áo sô gấu.

Tôi lại một phen choáng óc, phân vân như mê mê hoảng hoảng. Ồ hay, thế là nghĩa làm sao? Hay là bố anh chết thật chẳng? Tôi trở mắt lên nhìn anh Rững.

Anh mỉm cười chào các bạn, rồi tiến thẳng đến tôi, bắm tôi ra hè. Đến hè, anh hất hàm hỏi khế tôi:

- Không ai biết đây chứ?

- Phải, nhưng sao lại khăn áo này?

Anh Rững tắc lưỡi đáp:

- Không. Còn vài hôm nữa thì thi ra, mà ông Đốc cũng không trông thấy mình nữa, cho nên tôi phải ăn mặc thế này cho êm câu chuyện trong mấy hôm cuối cùng!

20 Janvier 1932

Cái lò gạch bí mật - Truyện trinh thám An Nam

- Vô phép các ngài?

Xưa nay, chỉ có khi người ta ăn cơm, mới phải “vô phép” nhau. Nhưng tôi đây, vừa bắt đầu viết truyện này, tôi đã phải “vô phép” các ngài ngay, là vì truyện tuy ly kỳ không kém gì các truyện trinh thám đại bí mật xảy ra ở đất nước An Nam - Từ khi có một vài ông văn sĩ được trông thấy hần hoi - Nhưng khốn thay, tác giả truyện Cái lò gạch bí mật này lại chẳng là nhà viết tiểu thuyết trinh thám chính ngạch!

Vậy thì trong khi kể chuyện có điều gì sơ suất, xin các cụ các quan, các ông (nhất là các ông viết tiểu thuyết trinh thám chuyên môn), các bà, bỏ quá đi cho, tôi được đội ơn vạn bội.

Đã ba tháng nay, tôi mới lại gặp anh Trinh. Trinh bây giờ không như Trinh trước nữa. Anh không nhìn gái, không nói tục, đến cả viết tiểu thuyết và làm thơ mới, anh cũng không nốt!

Tôi đã tính không chơi với Trinh nữa, thì một hôm, anh đến nhà tôi. Mặt anh hầm hầm, anh dán mắt nhìn đồ đạc hết thứ nọ đến thứ kia, rồi vẫn hầm hầm, anh nói:

- Tôi thích anh lắm. Anh không lại chơi, thành ra tôi buồn quá.

Nói xong, thấy có tiếng động ở trong nhà, anh ngó cổ vào một cách tò mò, và hình như nghĩ ngợi điều gì vậy.

Tôi đáp:

- Nhưng lại nhà anh, tôi buồn lắm. Anh không hợp tính tôi nữa. Anh không làm thơ, anh không viết truyện, thậm chí đến gái cũng không nhìn, thì có phải lỡ người ta già đi lúc nào, mình không biết hay không?

Trinh nghiêm trang nhìn tôi thờ dài, lắc đầu, nói bằng giọng khinh bỉ:

- Anh chỉ là quân tốt đen lẻ trong ván tam cúc. Xã hội nếu có toàn hạng người như anh, thì thôi, tha hồ cho chúng nó bóc lột nhau, tha hồ cho chúng nó đâm giết nhau. Mà để chúng nó hoành hành như vậy, một ngày kia, chính mình sẽ bị tay chúng nó bóc lột, đâm giết!

Tôi kinh hoàng. Hay anh đã hội kín hội hở gì đây, sao lại thờ ra độc một giọng “làm rồi cuộc trị an”, như thế. Coi không lại vạ miệng nhé!

Thấy tôi không đáp, Trinh thốc một hồi nữa:

- Anh có mắt không biết trông, có tai không biết nghe, có óc không biết suy nghĩ. Anh là hạng tàn tật về linh hồn.

Nói đoạn, Trinh đứng dậy, hầm hầm bắt tay tôi, rồi đi ra về. Sau, nghiên cứu mãi, tôi mới vỡ ra rằng Trinh độ này thích đọc truyện trinh thám Tây. Và cả ngày, lúc nào anh cũng có vẻ bí mật, hay nhận xét từng cái cử chỉ cón con của người khác, và hay suy xét tâm lý người ta bằng những câu vụn vặt mà anh nghe lỏm được. Anh muốn làm nhà trinh thám thứ nhất của nước Việt Nam.

Một buổi tối, gặp tôi ở phố, anh nhìn tôi mãi cho đến khi tôi trông thấy anh. Anh khoè hai ngón tay lại để vẫy và gật đầu để gọi.

Tôi cười ha hả, chạy đến, hỏi:

- Sao anh không gọi to lên, xuýt nữa tôi đãng trí không nom thấy anh.

Trinh lắc đầu, ra hiệu cho tôi theo.

Tự nhiên, tôi thấy lo sợ. Tôi ngờ anh rủ tôi đi làm một việc quan trọng. Tôi hỏi:

- Có việc gì cần không?

Trinh lắc.

- Chỉ thanh tra các phố thôi đấy chứ?

Trinh gật.

Mà trong khi lắc và gật, nét mặt anh hầm hầm, đôi mắt anh luôn luôn để ý đến những người qua đường.

Muốn biết tài học của bạn, tôi gọi:

- Hẳn anh đương khám phá một vụ cướp hoặc giết người.

Trinh ngậm ngùi, đáp:

- Tôi tiếc nước ta chưa có trường dạy làm trinh thám, đến nỗi một người yêu nghề trinh thám như tôi, phải học lầy như thế này.

- Anh học lầy bằng cách gì?

- Bằng mắt, bằng tai, bằng miệng, bằng óc của mình, chứ bằng gì!

Dứt lời, anh bám tôi, trở vào một người đàn bà đi xe qua trước mặt và nói:

- Mẹ người này mới chết vì thuốc độc được hai giờ đồng hồ.

Tôi nhìn Trinh, có ý nghi hoặc câu nói dựng đứng ấy.

Nhưng rồi khi tình cờ qua một phố, tôi thấy trong một nhà, có một người đàn bà hai tay ôm lấp mặt, đương vật mình vật mảy, và bù lu bù loa:

- Ôi mẹ ơi! Mẹ chẳng chờ con...

Trinh mỉm cười, đưa mắt nhìn tôi, vẻ hãnh diện. Và hình như kể cho tôi bái phục tài anh, anh không hề nói một nửa lời về sự anh đoán đúng.

- Có thật là người đàn bà ban nãy không?

Trinh không đáp, chỉ cau mặt lại.

- Tại sao anh biết?

Trinh cười nhạt:

- Tự nhiên.

Rồi một lát, một cô tân thời thướt tha qua, có ý vội vã Trinh hát hàm hỏi:

- Anh nghĩ thế nào?

Tôi tặc lưỡi, khen:

- Đẹp!

Trinh hích một cái vào mạng mỡ tôi:

- Ma bùn! Ai hỏi thế?

Rồi anh nói luôn:

- Anh ruột cô này phải bệnh ho lao đã đến thời kỳ thứ hai. Hiện cô này trốn nhà đi tình tự với trai. Anh con trai, tất là một người đầy đà, mặc bộ quần áo xám, đi giày trắng vá đen miệng hơi rộng, trán cao, có cái nốt ruồi ở mép.

Tôi càng kinh ngạc, không hiểu anh thờ ma xá ma xiếc thế nào, chứ cái màn bí mật ấy ở đâu mà anh vén nhanh như thế. Rồi anh nói tiếp:

- Có học nghề trinh thám, mới thấy nhiều cái lạ lùng. Nhưng cái lạ lùng ấy nào ở đâu xa, nó hớ hênh ngay trước mắt ta mà người thường không thể thấy được. Tôi đã báo cho người ta được một vụ cướp sắp xảy ra. Tôi đã làm ngăn trở một đám giết người ghê gớm.

- Anh đã biết trước những việc ấy?

Trinh gật.

- Thế sao tôi không thấy nhật trình đăng?

- Anh thật ngốc! Tôi đã báo, tôi đã ngăn trở, thì những việc ấy không xảy ra, nghe thủng chưa?

Ngẫm câu nói của Trinh, tôi đâm tiếc. Sao tôi đã không lấu cá mà bịa ra vụ mưu cướp nhà cô Ngân, vụ mưu hại cha cô Tuyết, để tôi lấy cớ mà báo các cô. Những vụ ấy không thể nào xảy ra, vì nó không có. Mà nếu các cô thấy được bình yên, hẳn các cô cảm tôi đến chết mất!

Đoạn anh kể cho tôi nghe những chuyện trinh thám Tây trong các sách. Trong khi nói, thỉnh thoảng anh vẫn không quên đem con mắt và bộ óc để trông tìm, suy xét về những cảnh, những việc, những người lướt qua trước mắt anh.

Chẳng mấy chốc, chúng tôi tới một đường vắng, chỉ còn vài nhà nữa thì hết thành phố. Bỗng anh đứng dừng, kéo áo tôi lại, tay ra hiệu. Tôi thì thào:

- Cái gì? Cái gì?

Trinh để ngón tay trở đặt trước miệng. Tôi không dám hỏi nữa.

Độ năm phút, móc túi lấy cuốn sổ tay và cái bút chì, anh ghé dưới ngọn đèn, hí hoáy biên lâu lắm. Rồi giật tôi một cái thật mạnh, anh nói:

- Đi! Mau! Ta nên cứu họ.

Trống ngực tôi bắt đầu nổi. Cứu! Cứu cái gì? Ít ra cũng là đám đánh nhau, không thì giết nhau. Tôi hỏi:

- Cái gì?

- Im? Phải theo tôi như cái máy. Tôi bảo gì phải nghe. Cấm hỏi.

Tôi run:

- Nhưng tôi sợ.

- Đồ hèn?

- Tôi cần anh cho tôi biết là đi đâu?

Một vụ ám sát bí mật. Tôi đi phố này rất có ý. Anh trông thấy người quần áo nâu ở trong nhà kia ra không?

- Không.

Bực mình, Trinh giẫy tôi một cái:

- Kia kia, cái bóng đen đen đằng xa. Nó đấy.

Tôi gật, vì tôi thấy một người đang hấp tấp lẩn vào trong ánh sương mù.

- Sao anh biết?

- Im!

- Anh đã thám ra thế?

Lại giẫy tôi cái nữa, Trinh gắt:

- Im! Đi mau!

Hai chúng tôi rón rén theo hút tên sát nhân. Nhưng rút cục, không kết quả gì. Chúng tôi đã cố trông, cố nghe, song trời tối và lặng lẽ quá. Một màu đen vô cùng vô tận như quây khít ngay xung quanh chúng tôi, làm chúng tôi vừa mù, vừa điếc.

Bỗng Trinh bám tôi. Chúng tôi nấp sau gốc cây, nhin thở. Tôi nghe tiếng gót chân nặng nề thình thịch trên mặt đường. Rồi cái bóng đen lướt qua, đi về mé phố.

Quay nhìn bốn bên, chúng tôi không thấy một ai theo.

Chờ cho người ấy đi thật xa, Trinh nói nhỏ:

- Tất có liên quan đến cái lò gạch kia.

Tôi hỏi:

- Đâu?

- Kìa, cách đây độ năm thừa ruộng.

- Đâu? Tôi chẳng trông thấy gì cả.

Trinh cúi, giẫy mạnh tôi, làm tôi xuýt nhao xuống ruộng:

- Nó lù lù đây kia, mắt?

Để ý trông, tôi đã thấy cái lò gạch. Tôi nói:

- Tôi tưởng cái lò đương nung gạch, hóa ra là lò bỏ không à? Tôi cứ tìm chỗ có lửa sáng.

Trinh thở dài:

- Tôi bực mình về anh. Nếu là cái lò đương nung gạch mà anh cũng còn phải tìm lâu thế, thì anh đáng quăng xuống ruộng? Anh đã thấy chưa?

- Rồi. Nó đen mù mù như cái gò.

- Phải, anh đã trông thấy cái lò gạch bỏ không bao giờ chưa?

- Đã.

- Thế thì anh có thể hiểu được vụ này quan trọng là ngần nào.

Tôi yên lặng một lát, rồi nói:

- Tôi chưa hiểu.

Trình gắt:

- Thế cái lò gạch bỏ không nó thế nào?
- Nó chỉ có bốn bức tường xếp bằng gạch chưa nung. Nó lộ thiên.
- Mà nó có cái cửa nhỏ, để người ta cho rơm vào lò.
- Phải, có thể ra vào được.

Trình cười:

- Điều đó rất dễ đoán. Ở trong lò kín lắm, không ai trông thấy được. Và ai ngờ rằng trong ấy có người? Vậy mà trong ấy có thể có một cái xác chết thối không ai biết, vì lò ở giữa đồng.

Tôi kinh ngạc:

- Anh làm tôi rùng mình.
- Đi!
- Đi đâu?
- Đến nơi cái lò gạch bí mật ấy mà xem xét.
- Thôi!
- Sao?
- Tôi... Sợ...

Như ông tướng độc tài, Trình trợn mắt, trở tay:

- Đi!
- Tôi sợ. Anh cho tôi ở lại.

Cáu tiết Trình “xì” một cái khinh bỉ vào mặt tôi. Rồi một mình vén áo, anh hăm hở bước rất nhẹ nhõm. Bỗng một tiếng khàn khàn hỏi:

- Này, cậu kia, đi đâu đấy; đừng có bậy bạ ra ruộng su hào, bắp cải của người ta nhé!

Thấy Trinh không trả lời, tôi phải đáp hộ:

- Không.

- Phải, chẳng có người ta chửi cho lại trách!

Độ mười lăm phút sau, Trinh làm tôi giật nẩy mình.

Tự nhiên, anh hiện ra trước mặt tôi lúc nào, tôi không biết. Anh nói:

- Xong rồi.

- Anh thấy cái gì thêm?

- Đích là cái lò gạch. Nhưng hiện nay chúng nó tản đi hết cả rồi.

Bỗng anh lại hỏi:

- Vừa rồi có tiếng người nói?

- Phải.

- Nói gì?

- Nói rằng nếu anh ỉa bậy ra ruộng su hào, bấp cái thì người ta chửi.

- Còn tiếng khác nữa kia.

Tôi nghĩ, rồi đáp:

- Có

- Ai? Ở đâu?

- Tôi không biết.

- Đồ tôi!

Trinh cắn môi, rồi lên tiếng:

- Ai vừa bảo chúng tôi gì đấy?

Có tiếng đáp:

- Tôi, tôi bảo cậu đừng bậy bạ ra ruộng.
- Ruộng này của ai?
- Của cụ tôi.
- Cụ giàu lắm, và quyền thế lắm phải không, bác?
- Còn phải nói!
- Cụ có con gái?
- Phải!
- Cụ yêu quý cô ấy lắm?
- Sao cậu biết?
- Cô ấy đang học ban tú tài?
- Không, cô tôi đang học nói.

Trình nói:

- Nói tiếng Anh, và học thêm cả tiếng Đức?
- Không, nói tiếng ta.
- Học nói tiếng ta? Cô ấy là người đằm à?
- Không, cô tôi mới lên hai.

Trình lại cắn môi, nghĩ ngợi, rồi gật gù:

- Phải rồi. Không hề gì. Ta về.

Rồi vừa đi, anh vừa thỉnh thoảng tại cho tôi biết một điều anh mới khám phá thấy:

- Thằng vừa nói là đầy tớ... Nó mới ở coi ruộng được hơn hai mươi hôm... Cụ đây là cụ Hồng-lô, nếu không thì là một cụ Tuần về hưu trí đã ba năm rồi... Hẳn cụ này có con gái lớn mà thằng đầy tớ chưa biết.

- Thế thằng đây tớ này có đồng đảng không với thằng ban nãy không?

- Không. Nếu phải người vụng đoán, thì thằng đây tớ này bị bắt oan. Thằng kia định giết cụ... Đã ba lần, nó khởi sự, nhưng không thành... Cứ đến giờ này là y như nó đi một cách bí mật ra đây. Tắt nó vào trong lò gạch ấy... Tắt đồng đảng nó có từ năm người trở lên. Ủ, người ta có súng... Tắt nó cũng có súng...

Đến trước cửa nhà người ban nãy, Trinh dừng lại, nhìn nhận hồi lâu, rồi quả quyết:

- Không phải nhà nó. Đây chẳng qua nó ra vào để che mắt các nhà trinh thám... Đảng nó to... Tổ chức theo khoa học... Phải có súng lục... Phải có mặt nạ... Phải có... Được!

- Thế nào?

Không được hỏi nữa. Tôi xem bộ anh chỉ làm hỏng công cuộc của tôi mà thôi... Tôi phải theo dõi.

- Mai anh lại đi?

- Phải.

- Anh cho tôi đi theo.

Trinh gật.

- Tôi cần đến anh, vì tôi cần một thằng ngốc. Nhưng anh phải yên lặng, nghe lệnh tôi như tên quân nghe ông tướng. Nghĩa là anh phải như cái máy.

- Nhưng cốt nhất anh đảm bảo cho đời tôi.

Trinh giẫy tôi một cái, kiêu căng nói:

- Giá anh có chết, xã hội cũng không thiệt nào kia mà. Vì anh chỉ là quân tốt đen lẻ trong ván tam cúc.

Luôn hai hôm sau, chúng tôi cùng đi thám. Nhưng không có kết quả gì hơn. Vẫn người ấy, đi đến chỗ ấy thì mất hút. Mà cái lò gạch vẫn sừng sững đứng

bí mật ở giữa những thửa ruộng đen ngòm.

Đến ngày thứ ba, mới chập tối, Trinh đến rủ tôi, quả quyết nói:

- Tôi cần bắt quả tang nó, lúc nó giương súng bắn ông ta.

Tôi trố mắt:

- Anh đã khám phá ra cả rồi?

- Phải. Vậy thì đi, giữ lấy lời hứa.

- Đi chân tay không?

- Cần gì khí giới? Tôi sẽ trói gô cả năm đưa một cách bất ngờ.

- Anh làm thế nào? Anh nói trước cho tôi đỡ lo!

- Cứ đi, rồi sẽ hiểu.

Trinh dắt tôi đến đường mọi khi. Rồi tới một góc gào, anh rẽ xuống bờ ruộng. Trời vẫn tối đen như mực.

Nhưng anh bước rất thạo, như đã quen đường lắm. Một lát chúng tôi tới làng gần đó. Trinh mừng rỡ:

- Đến nơi rồi!

- Đến đâu?

- Im!

Bỗng nghe tiếng chuông rung và tiếng chó cắn rinh, tôi mới biết tôi đứng cạnh cái cổng. Và chính Trinh đang thò tay giật cái dây. Quả là anh ta có ma xó. Nếu không, sao thông thạo như người biết trước vậy?

Bỗng có tiếng người đứng ở phía trong hỏi ra:

- Ai?

- Tôi. Cụ Nghị có nhà không? Nói với cụ rằng có chúng tôi vào nhé.

- Cụ tôi không tiếp ai buổi tối. Cụ tôi ngủ rồi.

- Không được, đánh thức cụ đây. Việc cần.
- Không việc gì cần cả, cụ tôi đi vắng.
- Việc rất cần.
- Không biết. Mai hãy hay.
- Bảo với cụ rằng chúng tôi đến báo với cụ, tám giờ tối nay, có năm đứa định vào hại cụ.

- Thật à?

Sau câu ấy, chúng tôi phải chờ một lúc lâu, nghe chớ cần làm khuây. Rồi có tiếng ở trong hỏi:

- Ai đó?
- Tôi, có phải cụ Nghị đấy không?
- Phải.
- Cụ mở cửa cho tôi vào, có việc cần.
- Cần thế nào? Cứ đứng ngoài ấy nói cũng được.
- Việc rất hệ trọng. Chúng tôi cần nói lâu, và bày cách để bắt bọn giết người. Chúng tôi cần vào, nói riêng với cụ kéo chuyện vỡ lở.
- Không vào được, muốn nói gì cứ đứng đấy mà nói.

Chớ vẫn cần dồn dập. Trinh thở dài, lau mồ hôi trán. Tôi bực mình, bảo khẽ Trinh:

- Kệ xác nó, đi về!

Trinh trừng mắt:

- Đồ vô nhân đạo. Biết người ta chết mà vì lẽ nhỏ mọn, mình kệ người ta à?

Rồi anh nói to:

- Có một đảng vì thù cụ, định hại cụ hồi tám giờ sắp tới này.

- Chẳng có ai thù gì tôi cả.

- Đảng ấy có năm thằng, đầu đảng là Ba Móm, bốn đứa đồng đảng là Thế, Quỹ, An, Nhận.

- Gì nữa?

- Hết. Chúng nó có súng lục, có mặt nạ, có hơi ngạt.

- Như ở nước Mỹ ấy à?

- Phải, mà chúng nó đã chặn đường ô-tô cậu Cả nhà cụ được nửa giờ đồng hồ rồi, vì biết cậu Cả xuống Nam Định hồi gần sáu giờ sáng.

- Thế à?

Nhưng hiện nay, cậu Cả chưa bị hại. Mai cụ sẽ được một lá thư của chúng nó, bắt cụ chuộc năm nghìn, chúng nó hẹn trong ba giờ nếu không có tiền sẽ hạ thủ con cụ.

Tôi sợ run. Quái ác! Sao trong khoảnh khắc, Trinh đã đoán rành mạch được cả những việc ngày mai.

Trinh lại nói:

- Tám giờ kém năm chốc nữa, chúng nó sẽ thả hơi ngạt cho bọn chó nhà cụ chết, rồi đưa nào đưa nấy đeo mặt nạ vào nhà tìm cụ.

- Đích thế

- Đích lắm. Vậy cụ nên cho ngay người nhà theo tôi để bắt chúng nó, trước khi chúng hại cụ.

- Được chờ đây.

Thấy cả từ bọn chó cho đến chủ nhân đều dấm dẩn, khinh khỉnh, như ngờ, như muốn đuổi chúng tôi, tôi rất bực mình. Không hiểu sao họ lãnh đạm với cái tin sét đánh ấy thế được. Song; Trinh thì vẫn kiên tâm, đứng đó. Thỉnh thoảng anh bấm đèn nhìn chiếc đồng hồ tay, nhìn ánh sáng hắt lên mặt, tôi thấy anh ra ý hơn hờ, đặc chí lắm.

Độ mười phút sau, có ba người cầm gậy đến gần chúng tôi, nói:

- Nào, các ông đưa tôi đi.

Trinh mừng rỡ hỏi:

- Đây là người nhà cụ Nghị?

- Vâng, cậu Cả tôi đây, hai chúng tôi là người nhà.

Trinh ngạc nhiên:

- Tôi tưởng ông đi Nam Định hồi chiều?

- Hôm qua, tôi tính đi, có ra Hà nội thuê xe, nhưng tôi đã định không đi từ buổi sáng.

Trinh nghĩ ngợi một lát:

- Không hề gì. Nhưng ông nên giữ mình.

Rồi anh nói tiếp:

- Bốn người phải nghe lệnh tôi như quân nghe lời chỉ huy của ông tướng. Phải tuân theo như cái máy. Nhất là không được nói, không được hỏi. Vì công việc ra sao, chốc nữa sẽ rõ rệt cả. Đi!

Năm chúng tôi rón rén trong sương mù đen kịt.

Trinh tiến lên trước, ngoặt xuống ruộng, quanh bờ nọ, sang bờ kia. Tôi vừa đi vừa lo ngại. Nhất là mỗi lúc một gần chỗ nguy hiểm, tôi nghĩ khôn chẳng nghĩ, lại cứ nghĩ dại, tôi hỏi Trinh:

- Tiếng súng lục to bằng tiếng pháo tép hay pháo đùng.

Cau mặt, Trinh gắt:

- Im!

Chúng tôi đến gần lò gạch.

Trinh đứng lại, chia việc:

- Bốn người trèo lên bốn góc. Hễ tôi hô một tiếng “Đẩy” thì cùng phải reo ầm lên cho chúng nó tưởng bọn mình đông người.

Chúng tôi tuân lệnh. Trinh bắt tôi trèo lên góc gần cửa lò. Tôi ngồi thu hình, im lặng, chờ. Trinh ở mé tường sau, đi đi lại lại. Bỗng anh giật chân tôi, làm tôi giật mình xuýt ngã. Anh dặn:

- Khi thấy tôi bật đèn bấm lên, anh phải tụt ngay xuống, ôm ghì lấy nó.

- Thế anh?

- Không được hỏi.

Tôi không dám chối từ. Nhưng lo quá. Sao cái việc anh bắt tôi lại nguy hiểm quá đến thế. Tôi bảo:

- Tôi sợ tôi yếu hơn nó.

- Im! Khỏe lên?

Chúng tôi ngồi câm như thóc. Trông bốn thằng chồm chồm, đen ngòm, ngồi trên bốn góc thành tường cũng đen ngòm, tôi nghĩ ngay đến cái xe đám ma. Mà cũng may, nghĩ vậy, tôi tự nhiên thấy phần chân trong lòng.

Vì nếu cảnh này giống cái xe đám ma, thì sao chả có một cái xác chết. Cái xác chết ấy bao giờ cũng ở giữa xe. Thế vị chi là thằng giết người chốc nữa nó chui vào giữa lò. Thế thì nó chết. Chúng tôi sống.

Một tiếng “suyt”. Tôi nhìn. Quả nhiên có cái bóng đen đen ở đằng xa tiến đến, rất mau chóng. Trống ngực tôi nổi mạnh. Cái bóng ấy nhẹ nhàng chui vào lò gạch. Tôi nhịn thở, nhìn vào. Nhưng tiếc quá, tối um, chẳng nom rõ nó hành động những gì cả. Song, lắng tai, tôi đoán nó làm một việc khó nhọc, nặng nề, vì nó phải thở ì ạch.

Tôi rắp hết sức lực để tuân lệnh của Trinh. Tôi liếc mắt tìm Trinh, thấy anh lò dò đi từng bước. Rồi đến gần tôi, anh lại kéo chân tôi, làm tôi suyt ngã bổ chửng.

Đến gần cửa lò, Trinh ngồi thu hình. Chắc anh nghe ngóng. Quanh tôi, chẳng có một tiếng động. Chó trong làng thỉnh thoảng lại rú lên một hồi kinh hồn. Bỗng:

- Đấy!

Tức thì những tiếng reo nổi lên, làm dậy cả góc đồng. Đèn bấm lóe ra một tia

sáng. Tôi cuống quýt, tự nhiên co dúm cả vó lại, không sao tụt xuống được. Lại vì tôi quá tôi sợ liều mạng, lỡ què. Vụt. Một cái, thằng đại bọm chui được ra ngoài, vùng té chạy nhanh như biến. Ba người kia, vì không được Trinh sai đuôi trước, nên cứ ngòì lý. Thành ra chỉ có một mình Trinh đuôi, nên không kịp.

Tôi toan trốn. Hả phen này Trinh đến đánh tôi như tử cho hả giận.

Một lát, anh trở lại, thở hồng hộc, trở vào mặt tôi, nghiêng răng:

- Chỉ tại thằng này mà hỏng cả việc? Đồ khôn nạn! Phải biết bao công phu người ta mới khám phá ra vụ bí mật này, nay nó làm hỏng.

Tôi sợ xanh mắt, đứng tránh xa, không dám nói ruột tiếng.

Rồi cắn hờn, anh hô:

- Xuống cả! Đi theo đây!

Thật như cái máy, tôi theo sau Trinh. Trinh lò dò chui qua cửa lò và nhẩy xuống một chỗ phẳng. Chúng tôi cùng xuống theo. Trinh nói:

- Tôi biết đích rằng thằng này cũng khôn, nhưng chẳng ngoan. Trong khi bói rồi, nó chưa kịp đem theo cái gì ta cả. Tìm kỹ, tất bắt được tang vật.

Tôi nói:

- Nó treo trên tường hay để dưới đất?

Trinh mắng:

- Ngốc, lấy gì treo mà anh bảo nó treo? Nó phải để ở dưới đất.

Tôi nhanh trí, nói:

- Coi không nỏ. Đi khéo? Tìm kỹ?

Đèn bấm bật lên, lia hết chỗ nọ đến chỗ kia, ba bốn lượt. Trinh thỉnh thoảng hô để khuyến khích:

- Tìm kỹ, muốn trừ diệt hung đồ, ta hãy bắt tang vật đã!

Chúng tôi yên lặng, mỗi người một chỗ, còng lưng cúi sát mặt xuống đất mà

mãi chẳng thấy một vật gì khả nghi, nên đã lấy làm chán nản.

Bỗng người con ông Nghị reo lên:

- Đây rồi!

Trình mừng rỡ:

- Có thể chứ! Đâu?

Chúng tôi xúm lại xem, ai nấy sợ hãi.

- Đâu? Đâu?

Theo ngón tay trỏ, ngọn đèn bắ**m** của Trình to ra một tia lửa sáng như ban ngày. Tang vật đó to bằng vành khăn đàn bà, cuộn khoanh lù lù trên mặt đất thành một bãi, đầu hình búp măng, màu vàng, mà ở đuôi là có hơi ngạt, thối thối...

2-10-1936

Cái nạn ô-tô

Về việc mở số cái xe ô-tô của quan Huyện mà bác phó lý sở tại được trúng, thì ai cũng phải buồn cười:

- Thật là xâm vớ miếng gan!

Quái thật? Hai mươi người đánh số, nào ông thừa, nào cụ lục, nào quan nghị viên, nào các thầy chánh phó tổng, chánh phó lý, biết bao người ước mong, thấp thỏm, mà rút cục, cái xe ấy lại vào tay bác phó lý là người không đáng có! Thế mà bác ta chỉ vì sợ quan mà bỏ ra mười lăm đồng để mua một số, chứ nào bác có dám hám gì đến ô-tô.

Cái xe ấy hãy còn tốt lắm, quan bảo thế. Đáng lẽ ngài đưa lên Hà nội để bán, thì rẻ ra cũng được bốn trăm. Nhưng ngài muốn bày ra cuộc đánh số ở trong hạt cho vui, để mọi người cùng được hy vọng có ô-tô bằng một món tiền rẻ đặc biệt.

Cho nên, mười lăm đồng được cái xe, giá vào địa vị chúng mình, thì hẳn mừng quýnh lên mà mua phăng dầu xăng, rồi vặn máy đi điện phố. Nhưng bác phó lý tôi thì cứ bần khoản từ hôm trúng số đến nay.

Bác đâm lo. Mà lo nhất là món tiền khao xe. Bởi vì những người thua, ai cũng cho bác là may, ép bác sửa một bữa chén mừng. Bác nể, nên phải méo mặt mà mừng vậy?

Tiệc xong, họ quây quang bàn đèn. Ông thừa đang nạo xái, gọi bác và bảo nhỏ:

- À này, bác phó, bác cũng nên mua cái gì vào tạ quan, mới nghe được. Nhờ ơn ngài, nên bác mới mất ít tiền mà được cái sang trọng như thế này. Nay bác đã thết chúng tôi linh đình, mà bác lờ ngài đi, coi không tiện.

Rồi người xui mua cái nọ, kẻ bàn nên lễ thứ lùa. Kết cục bác phó lý lại phải tạ quan. Vì ngài đã cho bác cái ơn trời biển ấy.

Nhưng mỗi bận bác ra vào Huyện, mà trông thấy cái xe của bác để ở sân trại lệ, thì bác lại phát phiền! Nhất là cái mũi xe, trông đặng trước, có đủ cả mắt, mũi miệng, sao mà nó giống cái mặt người thế? Thôi thì chắc nó còn ngọam của bác không biết bao nhiêu tiền đây. Nào tiền sớpphơ, nào tiền dầu xăng, nào tiền chưa lại máy, mới đi được. Vì quan bảo:

- Xe này vẫn tốt. Nếu cứ thay cái bộ máy, thì lại như mới ngay.

Nhưng bác rước nó về làm gì? Ai lại phớ lý mà dám chơi nông thế bao giờ! Dùng nó thì bác chẳng đáng, cái đó đã hỏng đi rồi. Song, bán thì biết bán cho ai được?

Thành ra bác cứ vớ vẫn mãi. Thế mà chưa chi người nọ đã gạ mượn, người kia đã tán xin cho đi nhờ. Góm khó chịu quá?

Bây giờ bác đã có tiền nào đâu? Vụ gặt vừa rồi, được bao nhiêu thóc bác đem bán rẻ để nộp quan, tạ quan và chi tiêu về bữa khao xe hết cả rồi, còn gì?

Thôi cũng đành. Bác cứ để xe trong Huyện, chứ đem về làm gì? Mà đem về bằng cách nào? Không cò tiền mua xăng, không thuê ai vận máy, chẳng lẽ lại sai lũ tuần nó trói lại mà gánh đi hay sao?

Phiền quá thực? Vợ bác thấy bác tốn kém, cứ giầy vò bác mãi. Rõ đàn bà hay lôi thôi. Nó có biết đâu rằng vì cái số bác chẳng may - Thôi cũng là thất tài nên bác mới trúng số cái ô-tô như thế. Thì thà cứ chịu đi, để được lòng quan, được lòng các ngài tai mắt trong hàng Huyện. Chứ nay nó nhiech móc, mai nỏ đay nghiến - Mà việc đã lỡ ra như thế mất rồi - Thì thật oan bác quá.

Chán thật! Ô-tô ô tiếc làm gì cho rầy rà! Bác có vào địa vị dùng được nó đâu, mà sao ông trời khéo oái oăm quá thế?

Ai thấy bác bỏ lẩn bỏ lóc cái xe, cũng bảo bác đại bác phí của. Nhưng có biết đâu là bác đâm ra khôn quẩn vì nó mất rồi?

Thỉnh thoảng, gặp ở đường cái chiếc ô-tô nào đang chạy, bác nhác trông lên, thấy anh tài xế, thì bác phải xấu hổ. Anh ấy mặc quần Tây, áo Tây, đội mũ Tây, trông oai vệ cứ như ông Tây. Trái lại, bác đi đất, quần áo thì lượt thọt.

Chẳng phải bác không có giầy và áo xống đẹp để mặc đâu. Nhưng ăn mặc làm quái gì? Công việc của bác có cho bác được sắm những thứ sang trọng đâu?

Đến ngay như Lý trưởng, lên quan, còn phải tụt giầy bỏ bố đi nữa là phớ lý? Thì chẳng lẽ ông chủ thế này, mà người làm công lại thế kia hay sao?

Thôi thì đành liêu. Cứ để cái xe ở trong Huyện. Dù quan có giục, cô quở,

cũng cứ khất lần. Chẳng lẽ ngài chôn chân, bỏ tù hoặc dọa cách cổ đê bắt mang xe về hay sao? Làm gì ngài chẳng hiểu? Thật ra bác đã bị quan Huyện đòi lên hai ba lượt để ngài hỏi về việc xe ô-tô Nhưng lần nào bác cũng bầm:

- Bầm quan lớn, cho phép con thư thư vài ngày nữa con xin mang về.

Ấy là nói đỡ đòn, chứ bác đã định ngày nào mang về đâu. Không biết quan Huyện có ái ngại cho tình cảnh nhà bác hay không, mà bác vẫn thấy ngài bảo:

- Anh có của mà không biết dùng? Mấy trăm đồng bạc mà cứ để phí để hoài như thế?

Bác cũng tiếc của lắm chứ có phải không đâu?

Nhưng biết làm thế nào? Giá ngài ban cho ít dầu xăng và cho mượn cậu tài xế, thì chả phải bảo, bác quyết chẳng từ mà ngồi phất lên cái đệm lò xo êm êm, và cho cả vợ cả con đi quần một vài vòng cho hả cái vong linh. Nhưng mà túi nhẹ thì chớ hòng cảnh sung sướng!

Thế là bác cứ kệ cái xe ô-tô của bác cầu vợ cầu vát ở sân trại. Ai trông thấy cũng phải tiếc hộ bác. Quan Huyện lại giục, thì bác lại khất lần.

Nhưng ngài thấy bác lúng túng mãi, thì hẳn ngài cũng thương. Một hôm, ngài truyền bác vào nhà tư, và hỏi khẽ, giọng thân mật:

- Tôi hỏi thực anh, thế anh có muốn dùng cái xe này không?

Bác phó gãi tai, không dám giấu:

- Bầm lạy quan lớn, cảnh nhà con thực bần bách con không thể dùng được ạ.

- Thế thì sao anh mua số làm gì?

Bác phó thấy quan phàn nàn hộ mình thế, biết là vì bận nhiều việc, nên ngài quên bẵng ngay câu ngài đã bảo bác độ nợ: “Anh nhà khá, phải lấy một số” Nhưng nhắc lại câu đó làm gì? Bác thưa:

- Dạ!

Ngài dịu dàng nói:

- Thế thì anh để xe không cũng vậy, mà nó đến hạn đến giờ, rồi hỏng đi, thì tôi cũng tiếc. Vậy tôi cho lại anh năm đồng. Chứ chẳng lẽ anh mất tiền khoảng không, mà không được dùng xe, thì tôi không đang tâm, hiểu chưa?

Câu nói nhân từ ấy có gì là khó hiểu. Bác phó mừng như nơ nang khúc ruột, đáp:

- Dạ.

Quan nói:

- Nhưng mà anh để cái xe này tôi dùng hiểu chưa?

Câu nói ấy cũng rõ ràng như câu trên, nên bác phó hiểu ngay, bèn gãi tai đáp:

- Dạ.

Bác mừng quá. Rũ được cái nợ ra, bác thấy nhẹ cả mình. Muốn tạ lòng thương người của quan phụ mẫu, bác cảm động, vái dài một cái, rồi hớn hở ra về.

Đi đường, gặp người quen, bác khoe cái việc may mắn này, và nói:

- Nếu quan không thương tình, thì tôi bị cái nạn ấy những hơn sáu chục bạc?

1-1934

Cái Tết của những nhà đại văn hào

Lê sực nghĩ ra một ý. Anh vội vàng tung chăn, vùng dậy. Anh rửa mặt mũi, mặc quần áo, vừa huýt sáo rầm rộ, vừa xếp lại những chồng báo bày la liệt trên ván gác. Anh cuộn bản thảo cuốn tiểu thuyết PHÁ SẢN vừa viết xong được hai hôm.

Anh vui vẻ đứng nhìn xung quanh. Căn gác ấy không còn bày đồ đạc gì để phải dọn thêm nữa. Anh cúi xuống, cuộn chiếc chiếu nằm giải ở mặt sàn, rồi cấp cuộn văn vào vách.

Bỗng tiếng giày rầm rộ ở cầu thang làm Lê nhìn ra.

Chưa thấy người, anh đã nghe tiếng hỏi:

- Lê đã dậy chưa, mày?

Nhận ra tiếng Vũ, Lê mừng rỡ, đáp:

- Tao sắp đi đây.

Vũ đẩy cửa vào. Theo thói quen, không ai bắt tay ai. Vũ thấy bạn áo quần chỉnh tề, thì ngạc nhiên, hất hàm hỏi:

- Đi đâu?

- Tao đi Hà Đông, ăn Tết với thằng Trần.

Vũ còng lưng, cười bò ra, nói:

- Thế thì đen tao. Tao định đến đây ăn Tết với mày. Vì tao chẳng còn đồng xu nhỏ?

Lê vênh váo, đập tay vào túi:

- Tao còn những một hào. Thế thì tao là nhà văn có giá trị hơn mày.

Vũ giơ cánh tay phải, cúi gập lưng, chào một cách cung kính:

- Phục ngài lắm? Chờng thằng Trần viết giấy mời ngài vào với nó? Nó có tiền nhuận bút của bài viết cho số báo Tết hay vừa lấy tiền bản quyền cuốn kịch ĐÒA ĐẦY.

Lê lắc đầu:

- Nó kiết hay có tiền, cái đó tao không cần biết. Nhưng tao đoán ít ra túi nó cũng có từ hào một trở lên, nghĩa giàu hơn tao.

Vũ ngăn:

- Nhưng tao định đến đây ghe mà cái Tết, mà nghĩ sao? Tao chẳng còn lấy một trinh Bảo Đại. Cái món tiền bán đứt cuốn thơ MƠ MÀNG, tao lấy thàng trước chúng mà xâu xé hết nhãn cả rồi.

- Thế thì về Hà Đông với tao.

- Nhưng mà mượn cái bò, nhét tao vào, giả vờ làm bò hàng, chứ chả lẽ mà đi xe, tao đi bộ à?

- Không cần, hãy chịu khó cuốc xuống Thái Hà, rồi hãy diện xe điện.

Đôi bạn hăm hở đi. Trời quang tạnh. Gió lạnh rít qua tai. Rét như cắt. Phố xá ngày ba mươi Tết, ngổn ngang về người với xe. Chiếc cao-su lù lù hoa cúc vàng, và ngất ngểu cành đào phớt, chạy ì ạch về phía ga.

Ông nhà quê, nách cấp bánh pháo, câu đối, đầu ngón tay lũng lảng củ thủy tiên hàm tiếu, dừng chân lại, ngắm cái khăn xếp bày trong tủ kính. Các bà ở chợ về, ôm thúng đậu hòa lan, bong bóng, tay còn xách con gà thiến nặng trĩu. Những cậu nhỏ, quần xắn đến bẹn, đội uôm uôm từng thùng nước vào ván cửa để cọ, bắt cháp cả người đi trên hè. Một vài thằng nhãi, nén hương cầm tay, nắm pháo trong túi, thì thoảng lại đốt đánh đẹt làm anh phu xe giật nảy mình.

Lê và Vũ xoạc thật dài căng, nện gót giày xuống vỉa hè cồm cộp, đi như lính ra trận. Bỗng Vũ vê hai ngón tay, hỏi:

- Mà còn thuốc lá không?

Lê mím mép:

- Tao cũng sắp hỏi mà câu ấy.

Tiếng cười tung ra, làm ngoái cổ cả những cô tiểu thư xinh nhất và lười nhất

trần đời, thẳng tay cầm một tập những sách Tết và báo Tết.

- Này, Vũ, chúng nó sấm Tết như chửi vào mặt chúng mình vậy.

- Kê.

(Bị xóa một đoạn bởi Ty kiểm duyệt của bọn thống trị Pháp)

- Tao hận nghề lắm, lúc nào cũng nghèo xơ nghèo xác. Trông bọn văn sĩ, thẳng nào cũng gầy như con mắm. Thế mà độc giả, nhất là các cô kia, họ tưởng mình ghê gớm như thần như thánh!

- Chẳng hơn những thẳng làm nghề khác à? Có ai thèm đếm xỉa đến chúng nó.

- Mà bạn bè đũa nào cũng một tuồng như mình. Động hở ra đồng nào là xúm nhau lại phá cho kỳ hết.

- Còn hơn những thẳng nhà giàu, bọn mình có ai thèm bạn với đấy? Mà phải tự kiêu ở chỗ nghèo. Cái nghèo của nhà văn là cái nghèo thanh cao, cái nghèo đáng trọng, cái nghèo phải ghi vào lịch sử văn học của thế giới. Chúng ta nghèo, vì có bao nhiêu ở trong tim trong óc, chúng ta trút cả ra để làm giàu cho tim óc thiên hạ.

Lê nắm tay bạn, thụi rõ mạnh vào vai:

- Tao chúa ghét những loài thi sĩ như mày. Chỉ biết sống mơ mộng. Mày phải nhớ rằng hiện giờ này, mày không dính một trinh trong túi, ba mươi Tết, mày mò đến nhà tao, định ăn phò tao cái Tết, rồi mày với tao phải lần đến nhà thẳng Trần. Có đúng thế không?

- Nhưng văn học sử ngày sau, người ta nói đến tên nhà tiểu thuyết Lê, nhà thi sĩ Vũ, nhà kịch sĩ Trần, vân vân... Chúng ta sẽ bắt tử.

(Bị xóa một đoạn bởi Ty kiểm duyệt của bọn thống trị Pháp)

- Mày nói câu ấy, tỏ ra mày khá thông minh. Nghĩa là sau khi chết, nhà văn còn bắt tử, và chỉ bấy giờ nhà văn mới bình tĩnh được sống vẻ vang hơn vua chúa vì nhà văn không phải lo cơm áo nữa!

Chẳng mấy chốc, hai anh em đã đứng ở trước cửa chùa Đồng Quang, chờ xe điện vào Hà Đông.

Để mặc Lê và Vũ xem cuốn kịch của mình mới viết xong, Trần nhìn làn khói thuốc lá cuồn cuộn, yên lặng nghĩ ngợi. Bỗng anh vỗ tay cười, và tuyên bố:

- Không cần, tao nghĩ ra rồi. Đồng bạc của tao để làm tiền hành lý, chúng ta kéo đến nhà thằng Nguyễn. Mấy năm nay, nó in nhiều sách, thế nào cũng rộng tiền hơn chúng ta.

Lê đứng phắt dậy:

- Ừ phải đấy, có cái kho tiền ấy mà tao quên bém đi mất. Nó vừa bán sức cho nhà nước, vừa bán văn cho nhà xuất bản, thì làm gì nó không giàu.

Vũ ngậm ngùi, lắc đầu:

- Tao không muốn đến nhà thằng Nguyễn, vì cuộc bút chiến giữa nó với tao chưa kết thúc. Sợ cuộc gặp gỡ mất vui.

Lê cười:

- Thế ra mày thông minh hơn tao thật? Mày phải hiểu mày với thằng Nguyễn, mà cả làng văn chúng ta nữa, nhiều khi chính kiến, tư tưởng không gặp nhau, nhưng gặp nhau ở chỗ nghèo kiết. Mày không nhớ năm ngoái, thằng Trần với tao bút chiến trên báo, chắc người ngoài tưởng hai đứa có thể tìm dao đâm chém nhau được, nhưng chính trong thời kỳ cãi nhau kịch liệt ấy nó với tao vẫn ở chung với nhau một nhà?

Trần sung sướng, đáp:

- Phải, chúng ta chỉ hơn người có chỗ ấy. Việc văn đi việc văn, mà tình bạn vẫn là tình bạn, không bao giờ chúng ta thù hằn nhau nhỏ nhen. Nhưng mời các ông nhỏ rẽ lên thôi chứ. Các ông triết lý với nhau mãi, thì lỡ mất tàu.

Ba anh em đứng dậy. Lê nhìn Trần, hỏi:

- Mày cũng đi đầu trường như chúng tao thôi à?

Trần mỉm cười, vuốt tóc, rồi gật.

- Vừa kinh tế, vừa đúng một, tội gì không theo thời!

Ba nhà vẫn đến bến ô-tô. Lúc ấy, xe đã chật như nêm cối. Lê bị xếp lên lòng một ông cụ. Vũ bé nhỏ, ghé một tí vào cái thành đệm. Trần, chủ tịch cuộc trả tiền, bằng lòng đứng lủng lẻo ở bục ngoài. Không ai thèm nhìn lại cảnh xán lạn vui tươi của Hà Thành hoa lệ đương tấp nập vì Tết.

Chiếc xe nhô lên, thụp xuống trên đường trái đá đã về già tung ra những tiếng còi khàn khàn, nhưng tiếng máy phanh phạch và những tiếng kêu oai oái. Bụi như mây. Mùi dầu xăng khét lẹt.

Đi độ nửa giờ, xe đỗ lại. Ba anh em xuống, giữ quần áo rồi rẽ về phía làng.

Những cây tầm xuân đại đầy hoa, nhuộm trắng hai bên đường cỏ xanh rì. Ruộng tồng màu, xen vẻ xanh tươi của rau diếp Tây với vẻ xanh mốc của rau cải bắp.

Luống khoai lang tím làm nổi bật dãy cải hoa vàng.

Cảnh Tết ở nhà quê kín đáo hơn thành phố. Những cây nêu dựng lên la hét, lờ xòe cụm lông gà, phấp phới ngọn cờ đỏ, và lạnh lạnh chùm cá khánh. Người ta sửa soạn Tết bằng những mảnh giấy đỏ mới, dán ở cột hiên, những bàn cờ, cánh cung, hình vuông tròn, vẽ la liệt bằng vôi bột trắng xóa trên sân gạch màu gan gà.

Chợt nghĩ ra, Lê nói:

- Chẳng biết Nguyễn nó có về không. Tao chỉ sợ nó ăn Tết ở ngoài ấy, thì rồi ai khênh chúng mình về Hà nội?

- Thế nào nó chả về. Và ít ra nó cũng nhiều tiền hơn bọn mình. Và nó chả chịu an trí ở ngoài đảo ấy đâu.

- Đành vậy, nhưng nó có đủ thì giờ mà về được đến nhà ăn Tết hay không?

Vũ cau mày:

- Được đến đâu hay đến đó. Chúng mình đi đâu mà chết đói được. Nó không có nhà, đã có anh em nó tiếp chúng tao. Và nếu không gặp ai, chúng mình cứ vào bừa một nhà nào đó, chẳng lẽ người ta nỡ hắt hủi ba nhà đại văn hào à?

Lê khen:

- Mày khá đấy. Chắc là nếu không ắp nó, mày sẽ công anh em tao về Hà nội.

Ba anh em đắc chí, phá ra những chuỗi cười giòn tan.

Lúc ấy, Nguyễn đang ngồi xôm trên hè. Chùng buồn quá không biết làm gì để giải trí cả. Bỗng thấy ba bạn ở cổng bước vào. Nguyễn mừng như bắt được của, vội chạy ra đón. Anh đứng khuỳnh tay như ông tướng, hất hàm, hỏi:

- Ai đưa cái chú đến nhà anh?

Vũ nói:

- Cái nghèo của nhà văn nó đưa các cụ lớn đến, chứ ai? Các cụ lớn đã ra nghị định đến báo cô tên tiểu thuyết Nguyễn cái Tết. Không ai có thể trái lệnh!

Lê ngắt lời:

- Chúng tao hết cả tiền, không biết ăn Tết bằng cái gì được, mới rủ nhau đến sát mày một mẻ.

Nguyễn cau mặt:

- Tao tưởng chúng bay đến chơi với tao, thì tao mới tiếp. Chứ chúng bay đến chơi với cái bánh chưng nhà tao thì tao tổng cổ bây giờ. Chúng bay kém quá. Chúng bay còn nghĩ đến Tết, không trách chúng bay khổ một đời. Tao đây lúc nào viết xong cuốn sách, ấy là cái Tết của tao đây. Thành thử mỗi năm, tao hưởng ba bốn cái Tết. Còn như cái năm nó hết, thì mặc kệ nó, can gì đến mình mà mình cũng nhặng nhít lên?

- Nhưng thấy thiên hạ họ náo nức về Tết, tự nhiên trong mình nó cứ thế nào ấy.

- Tao ước gì người ta cứ vứt hết lịch đi, không ai biết ngày nào tháng nào nữa. Để cho những bọn ngu như chúng bay khỏi làm tao bực mình.

- Thế thì mày nói rõ ngay rằng mày cũng đếch có đồng tiền nào để ăn Tết, nghĩa là mày không hơn gì chúng tao, có dễ hiểu hơn không?

Nguyễn đánh vào vai Lê, gật gù khen:

- Thằng này bao giờ cũng ranh mãnh nhất.

Nguyễn rủ các bạn vào trong nhà, mở ngăn kéo ra, lấy hai bức thư:

- Tao còn ngu hơn chúng mày. Chúng mày tuy kiết, nhưng không nợ. Tao bị nợ mới tai ác chứ. Đây, hai thằng chủ nợ nó gửi thư cho tao.

- Chúng tao tưởng một có lương của nhà nước, lại có những tác phẩm xuất bản luôn luôn, thì mát mặt hơn chúng tao mới phải.

- Đành vậy, nhưng nếu tao không làm văn sĩ, có lẽ tao giàu to rồi, không biết chừng. Đàng này, tuy có tiền nợ tiền kia, mà tao cứ lúng túng thế nào ấy. Thì ra tao mới nghiệm ra rằng đã là cái kiếp nhà văn, chả đứa nào thoát được sự long đong. Đến tao mà còn sống xo sống giụi như thế này, nữa là chúng bay. Phải đã là văn sĩ, tất phải kiết, nếu không kiết, sao gọi là văn sĩ?

- Nhưng hai đứa nó thúc nợ mày? Coi không khéo tám hôm nữa, hện hết, chúng tao lại tiền mày vào Hỏa lò nhé.

Nguyễn lắc đầu:

- Không sợ. Chúng nó dọa nếu trong tám hôm, tao không trả được nợ, chúng nó sẽ kiện. Nhưng tao cứng hơn, đã trả lời thách lại rằng trong mười lăm hôm, đứa nào không kiện tao, thì tao trả tử tế, nhược bằng kiện, thì tao sẽ ÷ ra cho mà biết tay. Nghĩa là, có anh hùng gì đâu tao làm kẻ hoãn binh, để thì giờ cho vợ tao đi xoay chỗ khác.

Trần giờ nắm tay dọa vào mặt Nguyễn:

- Mày đại như con cây? Nhận được thư thằng chủ nợ, sao mày không xé mẹ nó đi, còn đọc làm đếch gì cho phải bận tâm? Một là nó chửi mày, hai là nó dọa bỏ tù mày, chứ có đời nào nó lạy van mày để xin xi xóa nợ cho mày đâu?

Bốn anh em lại rũ ra mà cười. Lê nói:

- Cho nên lắm lúc nghĩ đến nghề cầm bút, tao đâm ra cáu kỉnh. Vì lợi ích chung, mình phải nạo đầu nạo óc. Thế mà mình cứ bị người ta nghi kỵ, khinh miệt, chèn ép. Người ta muốn mình nghèo kiết suốt đời để chán mà bỏ nghề.

Nguyên cau mặt:

- Thế thì mày phải cầu với bọn mà mày gọi là người ta ấy. Còn với nghề, mày phải yêu quý, tự hào. Nghề của mình là nghề cao thượng nhất, vì nó thật thà nhất. Bởi vì giá trị của mình ở mức nào, thì nó thể hiện ngay tới mức ấy bằng giấy trắng mực đen. Ai muốn nâng nó lên, hay muốn đìm nó xuống, đời cũng không nghe. Mình không như những đứa làm bất cứ nghề gì khác ở xã hội này. Ở xã hội này, họ không cần giỏi nghề bằng giỏi khen rắm quan thom, và giỏi nói dối với nói phét. Để họ được ăn không ăn hồng danh lợi quan ban cho họ.

Bống Trần cười khanh khách:

- Ủ nhỉ. May mà làng văn mình chưa có quan. Chứ tao tưởng tượng giá làng văn mà nảy sinh ra hạng cụ lớn hạng quan lớn, thì tất phải đẻ ra lũ nha lại, tổng lý, lính tráng, thì sẽ có vô thiên lủng những cái quái thai mót cười! Này thơ ca tán tụng, nào phê bình nịnh hót. Rồi những truyện ngắn, truyện dài trào phúng tha hồ mà chua chát...

Không để bạn nói hết câu, Vũ đập vào vai Nguyễn:

- Đúng là mày còn nhiều tướng tinh nghèo kiết, Nguyễn ạ. Thôi, nhưng mà không bàn luận suông cho mất thì giờ. Tao hỏi mày một câu ngắn thôi. Có phải Tết này mày cũng nhịn như chúng tao phải không?

Nguyễn cười mỉm, gật đầu:

- Ý thế. Nhưng tao còn đủ tiền nuôi chúng bay trong những ngày tao còn được nghỉ ở nhà.

- Chúng tao định ở đây đến mồng bốn.

- Được chẳng định thế, thì đến hôm ấy, tao cũng tống cổ. Vì mồng năm, tao phải cuốn gói lên đường.

- Nhưng mày cho chúng tao ăn Tết bằng gì?

- Thì tao đã bảo, tao chẳng có gì cả. Tao chỉ sẵn giường sẵn chăn, cho chúng bay ăn Tết bằng những giấc ngủ ngon lành.

Lê gật:

- Thế cũng đủ an nhàn rồi.

- Và nói những chuyện văn chương.

- Thế thì càng vui. Bởi vì chúng ta là những nhà đại văn hào, chúng ta không cần gì hết.

Sáng mùng một đầu năm. Từ mờ sáng đến lúc tám chín giờ dần dần, nhà nào cũngalet một bánh pháo ngắn để đón xuân. Duy nhà Nguyễn, vẫn cửa đóng then cài im ỉm.

Vợ Nguyễn đi lo xoay món nợ khẩn chưa về. Mà bốn vị đại văn hào, vì đêm trước thức khuya, nên vẫn còn ngủ say như chết.

Trong bóng tối của gian nhà, hai bộ ghế ngựa mới kê giáp nhau, bốn thân hình nằm lù lù như bốn cái mả.

Cạnh đó, là cái bàn, trên để những bản thảo, hoặc sách đã in. Đĩa chén ngỗng ngang, cẩu những ngắn chè đặc.

Bỗng trảng pháo điện quang của bên hàng xóm nổ, bắn những tiếng xé màng tai, làm Trần tỉnh giấc. Trần cựa. Rồi lại nằm im. Nhưngalet một lượt nữa, anh không thể ngủ thêm được. Anh ngáp, khực tay, ngẩng dậy nhìn các khe cửa, rồi với ở trên bàn, lấy bản thảo cuốn NGƯỜI ĐÀN BÀ.

Trần mở sách, ghé ra ánh sáng khe cửa để đọc. Thấy Nguyễn cựa, anh lay vai hỏi:

- Không ngủ nữa à? Này, thật đấy, mày nói phải đấy, nước Nam mình không hiếm gì nhân tài đâu. Duy chỉ vì cái nghèo làm hại, không cho cái tài nó nảy nở ra được.

Và còn những sức đề nén khác làm thui đi nữa.

(Bị xóa một đoạn bởi Ty kiểm duyệt của bọn thống trị Pháp)

Lê mơ màng, nghe các bạn nói chuyện thì chêm vào:

- Phải, đại khái như tao, một thức giả kiêm “ngủ giả” đại tài thế mà chúng mày cứ bô bô bên cạnh tai, khiến cho tài của tao không thể phát triển được.

Nguyễn đạp chân vào lưng Lê, nói:

- Dậy mà nghe tiếng pháo họ ăn Tết, vui đáo để!

Trần vung hai cánh tay lên không, đáp:

- Ủ nhỉ, hôm nay mừng một. Ở Hà nội tha hồ vui.

Bọn trưởng già thi nhau cái sang trọng, họ ăn uống chơi bời thật hả hê. Lúc này, quần áo nhan nhản ở phố, ngoài đường ô-tô như mắc cửi.

Một tràng pháo lại nổ liên thanh. Vũ nói:

- Sướng thật, vui thật, cảnh Tết thật nên thơ.

Ngoài đường làng, người thì mặc quần áo mới, đội khăn mới, đi giày mới, người thì nhai trầu bồm bồm, thuốc lá phì phèo, sột soạt đi lễ Tết nhà nhau. Các cô con gái thì yếm đỏ, thắt lưng tím, áo nâu non đôi vai lên chùa hái lộc. Họ gặp nhau, chúc nhau bằng những câu rất hoang phí.

Vũ cảm khái, nói:

- Cả nước Nam, mà có lẽ cả nước Tàu nữa, nghĩa là một góc địa cầu, đương vui về về Tết. Duy có bốn anh em mình phải nằm khàn, đắp chăn xù xù, chưa thềm dậy.

- Bởi vì chúng mình là những nhà đại văn hào. Chúng mình góp tâm trí chúng mình vào họ cái Tết của họ được thêm vui. Thế là chúng ta cũng ăn Tết, cái Tết tinh thần.

- À, đánh thức thằng Lê đi, nó ngủ nhiều khiến mình phát ghen. Lại không đến chín mười giờ rồi à? Cá một phần địa cầu người ta tấp nập, mà nó còn như thằng chán đời.

Nguyễn lay Lê:

- Dậy, mừng một Tết rồi! Mười giờ rồi? Dậy mà ăn cái Tết tinh thần với đời!

Bị động mạnh, Lê cựa. Anh nhăn nhó cái mặt ngái ngủ, ngóc cổ lên, nhìn nhà cửa, nhìn bạn bè, nhìn xung quanh. Rồi không biết nghĩ thế nào, anh lại nằm xuống, kéo chăn kín gáy, đáp:

- Ăn cái Tết tinh thần là ăn cái cóc khô gì, chúng mày?

2-1940

Cái thú tổ tôm

Nhiều người lấy làm lạ cứ hỏi nhau tại làm sao ông nghị Đào độ này thích tổ tôm thế.

Kể cũng lạ việc quái gở thực? Vì xưa nay ông ấy chúa ghét đánh bạc. Đến ngay như lũ trẻ nhà ông ấy ngày Tết, túm tụm lại, đánh tam cúc một xu bốn cây với nhau, mà ông cũng cấm nữa là?

Còn ông, thì đó ai thấy ông châu rìa một đám bạc nào. Ông thường nói:

- Đánh bạc, vừa hại tiền, vừa hại thì giờ, vừa hại sức khỏe. Nhà nào mà bố mẹ hay mê man cờ bạc, thì con trai hư đàng con trai, con gái hư đàng con gái. Chẳng thế, cứ Bắc kiềng lên lưng tôi mà đụn!

Thế mà sau khi ông góa vợ được vài tháng, thì ông mê tổ tôm như điên đảo.

Có người bảo ông mới được làm nghị viên, nên học cách giao thiệp. Nhưng đánh tổ tôm nào phải cách giao thiệp? Và ngày hội đồng dân biểu họp nào có phải các ông nghị đến hội quán Khai Trí Tiến Đức để đánh tổ tôm đâu?

Vậy thì chắc rằng bà nghị mất, ông đâm buồn. Buồn thì phải tìm cách tiêu khiển. Rượu không biết uống, phiện không biết hút, gái không biết chơi, thì ông có thỉnh thoảng đánh canh tổ tôm, có hại gì? Không hại nhất, là ông chưa có con trai hay con gái lớn.

Tổ tôm, ông mới học hơn một tháng. Nhưng ngay từ lúc mới học, ông đã dám ngồi một chân. Ông chỉ đánh ở nhà cụ Chánh Bá. Ở chỗ khác, dù có lập cuộc tổ tôm mà thiếu một chân, thì giá họ có mời rã bọt mép, cũng không khi nào ông ngồi đánh. Có lẽ vì ông không chịu tiếng bê tha chằng

Nhiều lúc, ông sang nhà cụ Chánh Bá, rồi cho người đi mời con bạc đến. Có khi cụ Chánh Bá không tiền ông cũng cố ép cho vay để cụ đánh. Nhưng không mấy khi ông nhớ nợ. Cụ Chánh Bá muốn để đến bao giờ ông cũng không nhắc đòi.

Vậy mà ông chỉ đánh bạc để cầu vui thôi, chứ không mấy khi ông ngồi nóng chỗ. Ông cầm bài độ dăm bảy ván, khi đã góp tiền đâu vào đấy, là ông mượn người đánh hộ. Rồi hoặc về nhà, hoặc đi có việc đâu một lúc lâu mới lại đến. Làng để ý vào cây bài quá, nên không ai hỏi nhau xem ông đi đâu.

Người ta, mà nhất là những người được ông nghị Đào nhờ cầm bài hộ, đều tỏ ý khen ông về lối chơi nhã nhặn, quân tử như thế. Họ khen. Vì họ muốn ông giữ mãi cái thói quen dễ chịu ấy. Người thì được đánh bạc không phải góp tiền, mà vì ông không hỏi căn vặn được thua bao nhiêu, nên họ dễ ăn bớt. Người thì được thông lưng nhau, đề một mình ông bị thiệt, vì họ coi ông như con bò!

Thực ra, chơi cái lối đánh tổ tôm cung phụng ấy, ông nghị Đào còn là mất chán tiền! Mà không chịu học đánh luôn luôn, thì còn xơi ông mới cao được. Ai lại ngay bây giờ, ông còn phải hỏi thế nào là lèo, cửu vạn, cửu sách và chi chi có là lưng không. Mà nào ông đã thuộc chữ quân bài đâu? Cứ đưa ông một quân, bịt kín chỗ vẽ đi, hỏi là quân gì, đó ông có biết?

Cho nên, tuy ông lên bài rất chậm, ăn hoặc phỗng nhiều lúc rất lắm cảm, nhưng ai cũng cố kiên gan mà khen. Họ khen ông rằng:

- Đánh với ông nghị bao giờ cũng vui quá.

- Họ vui vì họ chắc mẩm phần được. Dù không ù cũng được mười mười.

Cũng như mọi bận, những anh con bạc tưng tiền đã tề tựu cả ở nhà cụ Chánh Bá để chờ ông nghị Đào đến nữa là vừa đủ chân.

Anh người nhà đã chia sẵn bài, và bày cả vào hời cái khay. Anh ta đã chẻ ít đóm, và làm đèn cẩn thận.

Cô Xuyến, con cụ Chánh Bá đã xếp đầy một coi trầu để chờ khách. Xong việc, cô đương ngồi ngoài hiên, ghé vào ánh sáng ngọn đèn, mà xâu những hào trình.

Mới mười chín tuổi đầu, nhưng cô Xuyến giỏi lắm. Thường cô đi chợ đi búa các nơi; buôn bán rất đảm đang, ai cũng khen. Nhiều anh con trai làng, thấy cô có sắc lại có vốn muốn hỏi cô làm vợ để được cưới cả cô lẫn cái vốn của cô. Nhưng cụ Chánh Bá còn kén kỹ lắm. Cụ không thích gả cho người làng, vì cụ xem chả cậu nào đáng mặt vác áo thụng đến làm rể cụ. Họ đều nghèo, và con nhà tầm thường cả. Cô Xuyến nhà cụ tiếng rằng ngày thường vẫn áo nâu, quần lụa, đi đất trông có vẻ nhà quê, nhưng ngày Tết, thì cô ăn mặc sang nhất tổng. Cái khăn gấm Tây, cái áo cát-sơ-mi hoa, cái quần lĩnh bóng, đôi dép Nhật Bản, và bộ dây xà tích dài đến tận đầu gối. Cứ cách ăn mặc thế, thì cô Xuyến phải lấy một anh chồng ít ra là có bằng Sét-ti-vi-ca. Huống hồ

cô còn có vốn riêng, lại là con gái lớn của một ông Chánh tổng cự, có hàm cửu phạm bá hộ thì ít ra ông bố cũng phải thách đến dăm trăm là ít.

Thêm một ván cung Tỏ nữa là sáu, mọi người bỏ tiền ra góp. Ông nghị Đào tuy không ù được ván nào, nhưng rất vui vẻ. Xưa nay, chưa ai hề thấy ông thua bạc mà phát bản bao giờ. Ông quăng hai tờ bạc giấy vào giữa rồi hỏi cụ Chánh:

- Thế nào? Cụ có tiền chưa?

- Có ông để tôi bảo cháu lấy.

Rồi cụ Chánh gọi cô Xuyên:

- Cho thầy vay hai đồng, mày!

Cô Xuyên tươi như cái hoa, đứng cạnh đèn, đếm tiền. Nhưng tiếc thay, cái hoa đẹp ấy lại không có ai thương thức. Vì ai cũng hai mắt đổ dồn cả vào hai quân bài bắt cái.

Bỗng ông nghị nghiêm chỉnh, ngắc đầu lên, hỏi:

- Có đủ không, cô?

- Dạ, bằm đủ ạ. May, con vừa đòi được món nợ.

Đoạn cô đưa cụ Chánh nhón tiền, rồi đi vào. Mọi người giao hẹn phần của mình góp xong xuôi, quân bài bắt đầu đen đét xuống chiếu tiến, rồi lui, rồi lại nhẩy rải rác khắp chỗ nợ, chỗ kia.

Rồi ù, rồi lấy tiền. Rồi ván này. Rồi ván khác. Ông nghị Đào đã thấy chán, ông ngáp. Rồi ông gọi:

- Anh nào cầm bài hộ tôi tý này.

Họ đã thuộc tính, nên bao giờ cũng có vài anh dự khuyết, chực sẵn cả ở sau lưng ông. Ông đứng dậy, nhìn bài một lúc, bàn quân ăn quân đánh, hỏi nước thấp nước cao. Rồi một lát, ông không nói, đứng im. Rồi ông sang gian bên, hút thuốc, uống nước. Rồi ông ra hè, thỉnh thoảng nói vào một câu để đánh tiếng. Rồi im hẳn.

Trong khi ấy, cả làng không ai chú ý đến ông nữa.

Ai cũng để cả tâm trí mãi vào cây lục vạn, tam sách, ăn năm bình, hay bốc tốt cho cao.

- Cụ chịu à?

- Vâng, đen quá. Hết hội này, tôi phải đổi chỗ mới được. Đánh tổ tôm mà không được ù, bài xấu, thì chán chết. Không trách ông nghị hay đứng dậy cũng phải.

- Vâng, cụ đổi chỗ cho cháu!

- À? Để tôi bảo nó pha ấm nước chè tàu, uống cho tỉnh ngủ nhé.

Dứt lời cụ Chánh Bá, anh người nhà thừa:

- Bấm nước đương đun dưới bếp ạ.

- Càng hay, anh sắp ấm chén để tôi pha cho.

Nói xong, cụ Chánh đứng dậy, vờn vai, gân tay chân kêu răng rắc.

- Chà? Giãn thịt giãn xương! Dem khay chè ra đây tôi xuống bếp mang nước sôi lên hộ. Hoài của, giá đừng chịu thì vừa rồi được cái phỗng!

Rồi không tiếc nữa, cụ Chánh Bá mở cửa ra ngoài cầm đèn xuống bếp:

- Ủ, ra lúc mới mà được đi đi lại lại thì nó khoan khoái lắm nhỉ.

Nhưng thấy trong bếp lửa tắt ngấm tắt ngấm, cụ hỏi to;

- Đun thế kia thì đời nào nước sôi? Con Xuyên đâu rồi!

- Dạ!

- Mà ở đâu?

- Thừa thầy, con ở trong bếp này.

- Sao không đun quàng nước lên. Lại để tắt lửa thế?

- Nó vừa mới tắt, con thối mãi không được.

Cụ Chánh Bá bước vào cạnh ông đồ rau, gắt:

- Rơm không có thì mày đun bằng gì?

Cô Xuyên cuống cuồng, chổng mông lên, cổ thổi đống tro tắt ngấm tắt ngấm.

Cụ Chánh đặt đèn xuống, mắng con:

- Mày lười, có khi nào được. Chỉ tổ hết hơi mà thôi. Để tao rút rơm cho vậy.

Nói đoạn, cụ đi ra mé đống rơm gần đó.

Bỗng trong chỗ tối cụ thấy lù lù có cái bóng đen đen.

Vừa ngạc nhiên, vừa sợ, cụ giật mình, hỏi:

- Ai?

- Tôi đây, cụ Chánh đây à?

- À ông nghị đây à? Ông đứng đây làm gì thế?

Rồi chẳng hay cụ Chánh thương ông nghị đã phải đứng chơi ngoài sương tối tăm không biết tự bao giờ hay sao, cụ đứng đĩnh nói:

- Mời ông lên nhà xơi nước chứ?

Vậy xin độc giả đoán nét mặt ông nghị Đào tôi bấy giờ thế nào. Và ông có lên nhà xơi nước hay không?

9-9-1934

Cái ví ấy của ai

Bảy giờ đến cuộc nhảy đêm. Ông Nghè Luật, ông Bác Sĩ Thuốc, ông Kỹ sư Hóa học, ông Tú Văn chương, ông Bác vật Canh nông, ông Giáo sư Toán pháp, ông Huyện Tư pháp, ông Tham Lục lộ, ông nào ông nấy quyết phen này trở tài, cho khỏi bị cười rằng đã uống công bao năm du học.

Tiếng đàn nổi lên, du dương thánh thót như rót vào tai. Các bà, các cô, ngồi một lượt ở dãy ghế kê sát bên tường, nói cười, nghiêng ngả, tươi tỉnh như luồng hoa trăm hồng ngàn tía đủ đờn trước ngọn gió hiu hiu.

- Ô? Nhà quê! fox-trot không phải là một loài, Tango cũng không phải là một bài. Đó là một lối nhảy, mỗi lối có tới hàng nghìn bài, mỗi ngày lại có bài mới thêm vào.

Ông Bác sĩ Thuốc ghé vào tai ông Tham Lục lộ nói như thế, nhưng ông Giáo sư Toán pháp nháy một mắt lại đi vào tai bạn mà rằng:

- Chớ khinh lui(1), lui nhảy không sai nhịp, mà lại đưa cavalière(2) nhẹ nhàng và xinh lắm. Moi(3) vẫn chịu lui cái lối vừa nhảy vừa chuyện trò tự nhiên. Rồi toi (4) nhận mà xem, vai lui rất thẳng, không đụng đậy, tay cũng vậy, chân đi khép, êm ái, mà không bao giờ đụng chân vào cavalière.

Rồi ba người bật mồm cười, trở vào ông Huyện Tư pháp:

- Thằng kia quan dạng, thế nào cũng xéo vào giày cavalière được độ mười lượt.

- Cứ mặc nó để chúng nó chửi cho.

- Mỗi cuộc khiêu vũ, ít ra nó cũng phải "Pardon Mademoiselle"(5) đến hai mươi lượt là ít? La Bạch N hạn vẫn chế nó là lái đò, vì tay trái nó lên xuống như bơi chèo! Ủ, mà đến nó nhảy thì ai cũng phải bật mũi; lưng thì cong, nhiều khi bụng lại ưỡn, chân thì soạn ra như thế này, đầu gối thì cong như thằng tiêm-la. Lắm lúc anh chàng mệt, thở hổn hển, gót giày nện cồm cộp.

- Phải, thế là không có tenue(6). Nhưng không tởm bằng thằng cu Tú, tao tưởng nhảy như nó thì nhảy làm gì ôm vào người ta mà mắt cứ trợn ngược lên để nghe nhịp nhạc ông cũng đến chết với chúng nó thôi.

- Này! Bắt đầu đi chứ? Chờ gì nữa?

- Còn vài mẹ đương trang điểm ở trong buồng chưa xong!

- Làm gì mà nóng thế? Háo quá!

- Khôn nhưng tiếng pianô như xói vào tai, thì ai lạnh lòng được. Sao họ bắt nhả thế nhỉ! Nhảy đã tàng bỏ bu còn bắt người ta chờ đợi.

- Toi lỗ mãng nóng nẩy thế thì nước mẹ gì? Toi phải kiên tâm không thì hại cá chúng moi đây! Rồi chốc nữa toi nhảy với con Kim Thanh mà xem, nó không quay cho choái người ra ấy à? Lần trước moi chóng mặt vì nhảy valse với nó.

- Nó có biết valse lente(7) không?

Ông Kỹ sư nói xong, bữu môi, giún vai ra dáng khinh người. Ông gié điều thuốc lá vào gót giày, quăng đi châm điều khác, rồi tiếp:

- Để rồi moi lật tay elle(8) cho mà xem. Chắc thế nào nó cũng sai cadencer(9). Rồi nó sẽ hết vía về lối valse croisée của moi.

- Thôi đừng làm họ ngượng. Đến đàn ông chúng mình còn chẳng hiểu valse croisée là cái quái gì nữa là họ?

- Đã vác cái mặt đi nhảy đầm lại còn ngượng thì thà ở nhà đâm đầu vào nôi cá kho mà tự tử cho xong? Thế thì cứ fox-trot, marche, one-step(10) có được không? Giờ valse ra làm gì?

- Thế mà moi thích tango(11) nhất Khổng Tử viết Òn tàngo dans tes bras, ét mon coeur chavire!...(12)

- Nhưng ở đây không có đèn điện đỏ như các dancing(13)

- Cần gì? đèn điện đỏ để cho khỏi lẫn vàng với thau mà thôi, cho bọn nhảy tàng khỏi lẫn vớ fox-trot lent(14) chứ?

- Thế slow-fox là cái gì?

Thấy câu hỏi ngớ ngẩn, mọi người giậm chân xuống mà cười, họ bóp mũi ông Tham Lục lộ mà rằng:

- Mà y cứ mang xôi gà đến đây, tao dạy cho. Nó là foy-trot lent, tiếng ăng-lê gọi là slow-fox chứ gì! Mà y hãy đi khắp thế giới xem nước nào còn nhảy

charleston(15) ở đây mà nhảy. Coi không chốc nữa lại va cả vai vào người ta nhé!

- Toi phải biết moi tấn tới lắm rồi đấy! Giá không có Ta femme(16) làm entertainemen(17) moi mỗi ngày hai giờ, thì moi có dám liều mạng ngày hôm nay đây? Moi học chóng vì moi biết battre mesure(18)

- Ủ như ma soeur(19), không học mesure, thành ra nó cứ tâtonner(20) lâu quá?

- Ủ, mà các cô ấy khi bỏ đời, người ta dạy cho cách chơi phong nhã, thì mãi mới nghe đây. Còn thẹn thò e lệ, lúc mới tập thấy tay người ta ôm ngang lưng, cú cười rũ lên! Thế mới biết nước mình, cái gì cũng hèn kém?

- Thôi, chuyện hão mãi, phải giục họ đi chứ?

Nhưng chẳng bao lâu, lũ ghê bầy cạnh tường đã được thành thoi ngồi yên mà xem bọn tân-nhân vật họ lính sát sạt vào nhau họ nhảy. Loan vờ phượng múa loan ôm phượng, phượng bông loan. Tiếng đàn trầm bổng, như đưa nhẹ linh hồn lên cõi Bồng lai; cuộn giấy đăng xa ném tung lại, kéo dài ra cuốn cặp nọ dúi vào cặp kia, như sợi tơ hồng giàng buộc cho thêm chặt tấm tình ân ái.

Rồi một cái cúi chào cảm ơn, một cái gật nghiêng tạ lại một nụ cười xinh xắn, hồi vỗ tay gọn gàng. Rồi cuộc vui càng vui, nhảy xong lại nghỉ, nghỉ chán lại nhảy. Máy anh bồi, anh bếp, anh xe, nhìn chị vú thập thò ngoài cửa sổ, thì thỉnh thoảng lại đưa một câu trêu ghẹo:

- Mẹ kiếp! Khoái lắm nhỉ!

Đêm khuya. Đêm càng khuya, cuộc vui càng nồng vẻ tình càng thắm. Nhảy hết điệu này sang điệu khác nên nhiều bà, nhiều cô, đến cả nhiều ông nữa, thoái thác rằng sức yếu, phải rủ nhau chuồn vào những nơi kín đáo nói rằng để trốn! Nhưng chỗ đêm khuya ấy mới lắm ngón tài tình...

Bỗng ông Kỹ sư Hóa học nhớn như nhớn nhác. Ông đập hết túi nọ đến túi kia, dòm hết chỗ này sang chỗ khác nhưng không thấy.

- Toi tìm gì?

- Quái? Cái ví của moi đâu mất!

Các ông các bà thấy cái tin dữ dội, phải hoãn cả cuộc vui và tranh nhau hỏi:

- Trong ví có gì không?

- Có nhiều giấy má quan trọng, có cả bốn trăm bạc tôi vừa mới lĩnh buổi chiều.

- Bốn trăm bạc? Trời ơi! Giắt trong mình làm gì cho thêm tội?

- Tôi vẫn có tính quen hay giắt nhiều tiền trong ví.

- Cái ví ấy thế nào?

- Nó không to lắm, màu tím, tôi mua ở Singapour.

- À tôi trông thấy nó rồi.

- Ở đâu?

- Không! Hôm qua tôi thấy lui để trên bàn nhà lui.

- Phải đó. Nó chỉ bằng ngân này thôi.

- Ô! Thế mà mất thì tức thực! Ta nên hết sức tìm cho ra.

- Nên khám bọn đây-tớ đã.

- Bối? Xe! Bếp! Vú! Chúng bay gọi nhau lên cả đây!

- Anh em ta mỗi người đi một ngả. Nhà trong, nhà ngoài, ngoài vườn, dưới bếp, đằng sau, chỗ nào cũng nên soi thật kỹ. Phải làm ngay mới thấy.

Rồi một mặt vài ông khám lũ đây tớ, một mặt vài ông đi soi khắp mọi nơi. Các bàn các cô thờ dài, bàn tán, ai cũng bảo ông ấy không là Kỹ sư Hóa học, mà là Kỹ sư Hóa đại, làm gì lúc nào cũng phải khênh cả gia tài vào mình?

- Không tìm thấy thì tức lắm nhỉ!

- Rồi cũng thấy. Chỉ quanh nhà này chứ đi đâu mà mất.

- Nhưng mất cuộc đang vui.

- Hôm nay nhẩy mệt lắm rồi.

- Ủ mà tôi cũng buồn ngủ!

- Ngủ thì không phải nhà thức-giả: Hãy danser một lúc nữa đã.

- Không thấy đâu cả, các bà ạ.

Các bà quay cả lại nhìn ông Kỹ sư Hóa học. Nét mặt nhăn nhó, ông lắc đầu, nói tiếp:

- Đành mắt!

- Thế ví ông để ở đâu?

- Tôi để ở túi áo trong. Nhưng lúc ăn cơm nực quá tôi có cởi ra và treo ở mắc áo trong buồng này. Lúc đang khiêu vũ, tôi cũng vại lần vào đây nghỉ, cởi ra và treo ở đây, rồi ra sân đi bách bộ cho mát.

- Thế thì anh mất vào lúc nào?

- Cô hỏi dở quá! Nếu biết thế còn nói chuyện gì!

- Vậy ai vào buồng này mà lấy được của anh?

- Nhiều lúc buồng này không có người, cô ạ. Mà cô xem, cửa ra sân vẫn mở thế này, thì làm gì chẳng mất. Trong ví anh có những bốn trăm đồng.

- Thưa cô vâng. Bốn cái giấy, mỗi cái một trăm.

- Hay để chúng em góp sức với các anh để tìm cho chóng?

- Cảm ơn các cô. Chúng tôi đã khám lữ người nhà. Các anh ấy lại đang tìm lượt thứ hai nữa. May thì thấy, chẳng may thì chịu mất, chứ biết làm thế nào bây giờ! Để rồi sáng mai tôi lên trình Cảnh, vì cũng may là tôi nhớ cả số giấy bạc, chắc kẻ gian có lấy cũng không nuốt trôi.

- Nếu nhớ số thì rồi tìm cũng ra. Đứa nào dám tiêu nữa?

- Khuya lắm rồi! Máy giờ rồi, anh?

- Hai giờ rưỡi. Chị buồn ngủ à? Tìm thấy ví rồi lại nhảy cho đến sáng, cần gì?

- Để mai ngủ như chó chết, me em mắng cho ấy à!

- Ai? Me Ngọc Diệp ấy à? Bà cụ chiều cậu như chiều vong, việc gì mà sợ?

Tiếng giấy lộn cộp ở nhà dưới đi dồn lên. Các bà, các cô cùng ông Kỹ sư hỏi hộc, xô cả nhau ra hỏi:

- Thế nào? Có tìm thấy không?

Mọi người nét mặt rầu rầu, lắc đầu, nói:

- Nguội?

Ông Giáo sư thì thào:

- Tôi trông thấy thằng xe khác sắc mặt.

Ông Bác sĩ cũng bảo:

- Chính tôi ngờ cho nó ngay từ đầu.

Ông Huyện Tư pháp rằng:

- Tôi đã hỏi vặn nó nhiều điều, xem chừng nó trả lời lúng túng lắm.

Ông Nghè Luật nói:

- Chẳng luật pháp gì bằng cứ giã cho một trận là lời ví ra ngay. Nó không xưng, ta hãy lên trình Cẩm.

Mọi người bàn tán giờ lâu, rồi quyết rằng thằng xe ăn cắp. Người thì tiếc mất của, người thì tiếc mất vui rồi dăm ba câu chuyện tào lao, ai nấy thấy khuya, bảo nhau về nhà đi ngủ.

Sáng hôm sau, thằng xe phải một trận đòn thừa sống thiếu chết, nhưng nhất định nó không nhận. Gan thì cho chết? Hẳn nó cũng đã biết rằng giấy bạc nhớ số thì khó lòng tiêu nổi, vậy mà nó cứ khăng khăng một mực chối hoài. Có lẽ nó muốn giữ tiếng là người ngay nên sau khi bị trận đánh ở nhà, nó còn phải điệu lên Cẩm để xét hỏi.

Thằng bồi phải quét nhà thay cho thằng xe. Trong khi đưa đi đưa lại cái ngọn chổi, nó nghĩ đến roi đòn bạn đồng nghiệp mới được nếm mà chột dạ. Nó

thương hại. Nhưng chột dạ bao nhiêu, thương hại bao nhiêu nó phải nghĩ đến cần câu cơm của nó bấy nhiêu. Nó quét thật sạch, lau đồ đạc bóng, xếp các đệm ghế, khăn bàn cho thật ngay. Nó vào buồng hôm qua ông giết mất của treo áo, nó ngắm xung quanh, nó thở dài, rồi xếp lại các tượng đồng, cốc bạc. Nó thu gọn các gói trên mặt ghế đi-văng, nó lấy ra từng cái để đập cho hết bụi.

Nhưng nó ngạc nhiên quá, dưới lỗ gói con ấy, lại còn một cái ví đầm đen của bà nào bỏ quên. Nó sợ, nhưng mừng thầm rằng cũng may mà bà ấy chưa kêu mất, vì đáng lẽ bọn nó thế nào, cũng có đũa phải đòn vì cái ví này. Nhưng tò mò, nó nhìn, nó nắn, nó đoán. Nó chẳng có thể nhận là cái ví ấy của ai, vì hôm qua bà nào cũng có ví kiểu này và màu ấy. Nó lật đi, lật lại, rồi không biết nó nghĩ thế nào, nó tặc lưỡi, đánh bạo mở ra xem trộm.

Nó nhìn vào trong ví. Nó giật mình đánh thót. Nó run lên, nó sợ quá. Nó rối trí, nó vội đập ngay ví lại và để trả vào chỗ cũ. Trống ngực nó thình thình.

- Trời ơi! Lạ thật! Trong cái ví đầm ấy, nó chẳng thấy vật gì khác, chỉ thấy cái ví tím mà cái nhà ông giết kêu rồi lên rằng mất đầm qua!

Vậy thì cái ví ấy của ai? Bà nào, cô nào xấu chơi thế?

19 Septembre 1933

Chú thích:

(1) Lui, đọc là luy (tiếng Pháp): ông ta, hấn, nó

(2) Cavalière: Gái nhẩy

(3) Moi : Tôi, tao

(4) Toi: anh, mày

(5) "Pardon Mademoiselle": Xin lỗi cô

(6) Tenue: tư thế

(7) Valse lente: Điệu van chậm

(8) Elle: Nàng, nó

(9) Cadence: Nhịp

(10) Valse croisée, fox-trot, marche, one-step... Tên các điệu nhảy

(11) Tango, foxtrot lente, slow-fox, charleston...: tên các điệu nhảy

(12) Un tango dans tes bras... Một điệu tango trong những cánh tay em, và trái tim tôi thôn thức?

(13) Tiệm nhảy, vũ trường

(14) Tên các điệu nhảy

(15) Tên các điệu nhảy

(16) Ta femme: Vợ anh

(17) Entrainement: hướng dẫn

(18) Battre mesure: Đập nhịp

(19) Em gái tôi

(20) Tâtonnez: Dò dẫm

Cái vốn để sinh nhai

Rồi sau, nó tìm đến phố Nôi là chỗ có thể dễ kiếm ăn. Thực vậy, suốt ngày, ô-tô Hà nội Hải phòng hay Hưng yên, mấy chục chuyến đi chuyến về, cái nào cũng om ở đây ít ra là mười phút. Như thế, nó có đủ thì giờ để làm công việc sinh nhai.

- Lạy cụ, lạy ông, lạy bà, thí bỏ cho con lưng con bát cháo.

Tay chống cái gậy, tay bưng cái rá, nó đi xung quanh thành xe mấy vòng, ngửa mặt lên, miệng nhai mãi câu ấy. Nhưng chẳng kiếm được cái chi để nhai vào miệng!

- Mày lành lặn thế này, sao không đi làm đi ăn, chỉ lười biếng quen xác thôi!

- Thừa tiền cũng cho đến thứ mày!

Người ta mắng nó. Người ta không cho nó. Vì bộ mã của nó làm hại nó. Người ta chỉ trông thấy nó là ăn mày, mà bề ngoài không đui, què, mẻ, sứt, chứ người ta biết đâu là nó không thể làm gì được. Nó cũng là người nó biết đi xin thế này là nhục. Nhưng làm thế nào được? Khốn nạn! Nào nó có lười biếng gì cho cam? Nó có máu động kinh, lấm lúc đương yên lành tử tế, thì lăn đùng ra đất, mắt trợn lên, bọt mép sùi ngầu. Như thế một lúc, rồi, dù không có ai gọi, nó cũng tỉnh, lóp ngóp dậy. Lại khỏe khoắn như thường. Trước nó đã đi ở, Nhưng thấy thế, người ta khiếp nó, đuổi đi, chẳng nuôi nó nữa. Cho nên cả vùng ấy biết nó hay động kinh, chẳng ai dám chứa. Vì lỡ ra nó chết quay ra đây thì tội vạ ai mang cho?

Bởi vậy, nó phải đi ăn mày. Nhưng ai biết bề trong nó bệnh tật như thế. Người ta nhieếc nó. Trước mắt nó người ta cho bà lão lừa một trinh. Người ta cho thằng bé cụt một xu. Mà nó thì kêu rã bọt mép, chẳng được tý gì cái. Nào có phải người ta bụng chẳng tốt. Chỉ vì số nó chẳng tốt như thằng bé cụt, như bà lão lừa.

Mỗi chuyến xe quay máy, nó nhìn cái rá nhẹ như lúc xe chưa đến, thì nó thờ dài. Nó thấy các bạn nó, đứa nào cũng khoe nhau được cái nọ cái kia thì nó thèm.

Thèm bao nhiêu, nó buồn cho nó bấy nhiêu. Nó thua kém đủ bề. Chẳng may trời đày nó làm kiếp ăn mày mà lại bắt nó phải lành lặn. Gia dĩ đến cái gậy gò xấu xí cũng không được bằng ai! Rõ khó!

Toe! Toe. Lại một cái ô-tô nữa sinh sịch đến.

Cũng như mọi bận nó ra đứng đón trước tiên.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Ông béo phì thấy nó giúi cái rá vào lưng, mở choàng dậy, nhăn nhó mặt. Muốn nó đừng làm mất giấc ngủ, ông ấy móc túi.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Nó lại nhắc cái lòng từ thiện của ông “quan lớn” chứa chan hy vọng. Nhưng ông ấy nhìn nó, ngấm nó từ đầu đến chân, rồi lắc đầu, bĩu môi, rồi lại kê cái đầu vào thành xe, lim dim hai mắt. Kệ nó.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Ông “quan lớn” nói giọng ngái ngủ:

- Đi mà làm ăn! Đừng lười thế.

Chỉ được có một một câu luân lý làm phúc mà nó đã nghe nhần cả tai. Biết ông ấy đá lăm, nó giúi cái rá vào lưng người bên cạnh:

- Con lạy thầy khóa, con xin thầy khóa kiếm bữa ăn?

Lúc ấy, xung quanh chiếc xe, một lũ ăn mày cũng đang làm việc. Tiếng xin nheo nhéo, ai cũng cố quảng cáo cái bệnh, cái tật của mình:

- Thân con mắt mù chân chậm, làm ăn chả được, con xin ông xin bà thí bỏ cho con đồng trinh?

- Mùa hè bà đóng bè làm phúc, bà ơi!

- Giàu hai con mắt, đói khó hai bàn tay, con kêu van cửa ông cửa bà, thí bỏ cho con bát cháo lưng hồ.

- Ối đói ơi jà đói ơi! Giời bắt tội tôi thế này! Lạy quan lớn!

Ai cũng nỉ non. Ai cũng khóc lóc. Cho nên ai cũng được ít ra là một trinh Bảo Đại. Nhưng đến nó thì người ta bảo;

- Cho ông cụ cùng kia còn được phúc hơn? Mà què đi thì lần sau tao cho!

- Mặc kệ mày, cho mày chết đói!

Rồi chiếc xe ô-tô chạy đi. Cái rá của nó cũng như nó vẫn ngoác miệng ra, không nặng gì hơn trước.

Nó ngồi ở bờ đường, nhìn bọn ăn xin tản mát mỗi người một nơi. Thằng Cún tập tênh với cái gậy, mồm ngòm ngoàm mẩu bánh Tây bố thí. Ông lão Cóc nhẩy bằng tay đến gốc cây, móc túi đếm tiền. Bà cụ lòa lần dải yếm, để cất mấy đồng xu mới xin được.

Nó vợ vẫn. Nó nghĩ. Thì dễ nó chịu chết đói chắc?

- Mặc kệ mày, cho mày chết đói!

Nếu nó chết đói, là chỉ vì tội nó lành lặn.

- Mày què đi thì bận sau tao cho!

- Sao nó không được què? Vả què thì có khó quái gì?

Nghĩ đến thế, nó đâm chán, ghét, thù hai chân tay nó. Nếu nó còn hai chân tay, thì nó sẽ chết đói thực chứ chẳng phải cầu đâu!

Rồi nó chống gậy đi. Nó đi, đi mãi. Đến các cây bên cạnh đường, nó đứng lại, nó ngắm. Nó nhìn lên, nhìn xuống. Rồi nó lại đi. Sau, nó đến một cây đa to và cao ráo để. Nó lại đứng lại. Lại ngắm, lại nhìn lên, nhìn xuống. Rồi nó bỏ cái gậy, cái rá với cái nón ở dưới gốc. Nó trèo lên. Khó nhọc quá! Nó ôm, nó đạp, cô mãi mới lên tới một cành cao. Nó bám chặt, nghỉ một chốc; nhìn trên nhìn dưới. Rồi nó cố leo lên được đến một cành cao hơn.

Đến đây, nó ngồi, buông thõng hai chân, vắt vẻo, cúi đầu ngắm xuống đất. Nó thấy ở đằng xa, những chuyến ô-tô dún dẩy trên đường, thẳng về phố Núi. Hành khách thì đông chật như nêm. Nghĩ đến cách kiếm ăn nó phải quả quyết.

Ở đời, làm nghề gì chả phải có vốn? Chả phải cạnh tranh? Đi ăn mày, tương dễ lắm đấy hănh?

Nó thở dài, nó liêu. Nó nhắm nghiền mắt lại, buông phất hai tay, ngả người ra. Vụt một cái:

- Ôi!

Nó rơi đánh bộp xuống đất, nằm còng queo trên cỏ chỉ kêu được một tiếng ấy. Nó nhăn nhó rên. Máu chảy thấm cả ra ngoài áo.

Người ta kéo nhau ra xem, rồi khênh nó đi. Nó mềm nhũn, cánh tay lủng lảng như chỉ còn bám xoàng vào vai nó một tý lấy lệ. Nó chẳng biết gì nữa.

Nửa tháng sau, nó lại đội nón rách cũ, lại khoác cái khố tải cũ xơ xác như tổ đĩa, lại ra phố Nôi để xin ăn.

Trông nó hơn trước thực? Vì vết đau chưa khỏi, nên khi nó bám vào ô-tô rồi ruồi nhặng cũng bám theo sau nó. Tay phải nó què hẳn, không giơ rá lên cao được.

Hai chân nó cũng không mang nổi cái mình nó như trước. Nó phải tập tễnh mới đi được. Mặt mũi, mình mẩy nó hom hem xanh rớt. Đố ai không bảo nó là thằng ăn mày.

- Lạy các ông các bà thân con què quặt, con xin các ông các bà đồng com đồng cháo.

Người ta quẳng vào rá nó đồng xu. Người ta chép miệng, cho nó cái bánh giò ăn đỡ. Nó vui đời lắm.

Từ ngày kiếm được cái vốn để sinh nhai, nó được mát mặt hơn trước nhiều, không lo chết đói nữa.

Nhưng mỗi khi trở trời, thì khốn nạn thân nó, nó thấy đau như dằn ở cái khớp xương bả vai và đầu gối. Nhiều hôm, không thể gượng chống gậy mà đi được, nó phải bắt chước ông lão Cóc. Nó ngồi xồm, chống tay trái xuống đất mà lẳng vẹo người đi dần dần. Nhưng đau quá nó nhăn nhó, nó kêu rên, không thể chịu được, đến nỗi ai trông thấy cũng phải động lòng thương.

Nhưng cũng may, ngày nào như thế, nó cũng kiếm được bở hơn ngày thường.

24-11-1993

Thịt người chết

Vì mới chết lần này là lần đầu, nên anh Xích chưa có lịch duyệt về khoản ấy.

Thực vậy, nếu chết ở tỉnh, thì ai lấu, nên chọn vào đêm thứ sáu. Như thế, vợ con có vừa vặn thì giờ để cáo phó lên báo. Và đến chủ nhật, cất đám, có đủ các cụ, các quan, các ông, các bà, thân bằng cố hữu đi đưa đông. ở nhà quê, nếu chết vì tai nạn, người khôn ngoan bao giờ cũng tránh ngày chủ nhật hoặc ngày lễ, thì sự khám xét, tổng táng mới mong chóng được.

Nhưng khôn nổi, xưa nay, không ai chết đến lần thứ hai để được bài học kinh nghiệm về cách chết. Vì vậy, vẫn có nhiều người chết một cách ngờ nghệch.

Nhất là anh Xích, một dân quê vô học, nên càng ngu dại nữa. Anh đã vô ý mà chết đuối ngay vào đêm thứ bảy vừa rồi.

Nguyên cha anh, ông Cửu, thâu của làng cái đầm sen ngay giáp lũy tre. Đến mùa này hoa nở, ông phải làm chòi nhỏ ở giữa đầm, hai bố con cắt lượt nhau ra ngủ đó để canh.

Chiều hôm ấy, anh Xích đã đánh chén ở đình, say bí tỉ. Đến xẩm tối, anh vừa về đến nhà, đã bị ông Cửu giục mang điếu và gối ra chòi.

Anh lao đao đi, rồi không hiểu sao, sáng sớm hôm sau, không thấy về. Và đến độ tám giờ, xác anh đã nổi lên, trôi lênh bênh vào gần bờ.

Người ta đoán nhiều có về cái chết này. Nhưng tựu trung, chỉ hai thuyết có thể hợp lý được:

Một là, anh Xích vì say quá, loạng choạng chớ thúng bị ngã vào chỗ sâu.

Hai là, đang đêm anh ngủ mê, vô ý chựa, đến nổi anh lăn tòm xuống nước.

Chứ những tiếng đồn anh ta tự tử vì việc gia đình, hoặc bị kẻ thù đánh chết đều không thể tin được.

Hương lý tò mò, hỏi dò hai bên hàng xóm nhà ông Cửu, xem hôm trước hai cha con có to tiếng gì với nhau không. Họ cố ý nhận xét rất kỹ lưỡng cái thân người xấu số. Nhưng không ai tìm ra được một chứng cứ gì khả nghi. Và khi được tin dữ dội con ông Cửu bị nạn, cả làng ra tận bờ đầm xem. Ai

cũng phàn nàn, thương tiếc người con trai tử tế, hiền lành. Và trông cái xác chết còng queo ngâm dưới nước, đổ ai cầm lòng cho đậu.

Bà Cứu tru tréo lăn lộn, mấy lần toan nhảy tùm xuống ôm lấy con. Nhưng bà bị người ta giữ lại Trong lúc như điên cuồng, bà chửi cả ông Lý trưởng không cho bà vớt anh Xích lên, để đặt lên bờ. Bởi vì bà méo máo và chấp tay lạy lạy lạy để mọi người và nói:

- Nó đau lòng lắm, các ông các bà ơi!

Nhưng người ta khuyên:

- Để quan về khám, làm biên bản xong, bà muốn làm ma to cỡ lớn thế nào mặc bà. Chứ bây giờ, bà đừng nên đụng đến anh ấy. Ngộ độc anh ấy lên bờ, rồi mình mấy xây xước chẳng hạn, thì quan nào cho chôn? Và chết đuối, sao nằm trên bờ được?

Bà Cứu không tin, gắt:

- Không cho chôn thì quan giữ làm gì?

- Giữ để chờ đóc-tờ về khám. Như thế, lại lâu ra.

Bà nghe hiểu, xỉ mũi, lau nước mắt, và ngồi xồm cạnh cái quan tài rỗng không, dưới bóng cây, đành lòng chờ đợi.

Bà mong được phép chôn con như mong mẹ về chợ. Người nhà bà lên Huyện trình quan ngay từ sáng, nhưng đến bây giờ, không hiểu sao, chưa thấy về. Đường lên Huyện không xa, chẳng rõ vì sao lại có sự chậm chạp thế này được.

Nhưng một giờ. Lại hai giờ. Lại ba giờ.

Bà Cứu không còn sức và nước mắt để chờ, để khóc nữa. Bà hết đứng lại đi loanh quanh, không dám trông chỗ con nằm.

Rồi bà ngồi xồm xuống đất, gục mặt vào đầu gối để nghe ngóng. Bà đợi một hiệu còi ô-tô của quan. Những lúc có tiếng xay lúa ù ù, bà khắp khởi lắng tai, và thở dài vì mừng hụt.

*

* *

Mặt trời chói lọi, rọi tia lửa xuống đất.

Thây anh Xích bắt đầu đổi khác. Chân tay co quắp hơn. Tóc lỏa tỏa như món rẽ bèo Nhật Bản.

Gió hiu hiu. Làn sóng rập rờn liếm vào thân anh kêu óc ách. Anh rập rình như nằm trên giường lò xo.

Rồi tự nhiên, cái xác lật ngửa lên. Con người trước kia hiền lành là thế, nay biến thành con bò thui: bụng phình to, má phình to, mặt phình to. Đôi mắt híp lại, như bị kéo dài ra tận mạng tai. Tứ chi rúm rỏ. Ai trông thấy bộ dạng nhẵn nhó, dọa nạt của người chết, mà khỏi rợn tóc gáy được?

Từ lúc ấy, người thân thích đến thăm thưa dần. Rồi sau hết, không ai dám lại gần đây nữa. Những khách đi đường vì vô tình hoặc bất đắc dĩ phải qua, đều che nón, ngậm miệng, và đến chỗ xa, rùng mình một cái mới nhỏ toẹt.

Ông Cửu ở nhà để chờ quan về khám, cũng chẳng kém nóng ruột. Ông như chết một nửa người mà vẫn phải tiếp khách đến hỏi thêm mỗi lúc một đông. Ông chỉ muốn được yên, để nằm nhoài ra mà kêu gào, vật vã cho hả nỗi phụ tử tình thâm. Ông lại lo lắng, không hiểu vợ ông ngồi ngoài bờ đâm, có ai canh giữ cẩn thận, hay lại chẳng nén nỗi lòng thương, mà liều mình quá, thì ông thêm một nỗi ân hận nữa suốt đời.

Họ hàng chạy đến mỗi người giúp một việc. Người bày ở dưới nhà ngang một bàn thờ còn con, lếp láy có đôi nến trắng. Người lược may đồ khâm liệm và xé khăn cho lũ em.

Rồi đến khi được biết rằng là ngày chủ nhật, cả buổi hầu sáng, quan không ra công đường, vì đêm trước ngài nhảy đâm trên tỉnh, ba bốn giờ sáng mới về. Và đến chiều, cổng Huyện đóng, vì là ngày nghỉ, thì ở nhà ông Cửu trợn mắt, kêu rú một tiếng, và ở cạnh lũy tre, bà Cửu ngã vật xuống đất, ngất đi đến năm phút đồng hồ.

Cả làng phải chờ.

Họ hàng sắp sửa việc ma chay xong, ai nấy về nhà để sáng hôm sau lại đến làm giúp. Người không thân thích lại bắt đầu công việc như cũ, chờ lúc kèn trống nổi lên thì đưa anh Xích ra đồng. Ông Cửu cho người vục bà Cửu về. Hai vợ chồng già nằm chết gí ở hai giường, chờ cuộc khám xét của quan phụ

mẫu. Tử thi chờ chôn, mỗi lúc một trương to, rập rình cạnh cái quan tài đang ngoác miệng chờ việc. Cảnh vật im ả như cũng chờ để nghe ngóng tin. Ánh nắng cứ lảng lạng rọi xuống. Cây cối mệt nhọc, cành gục lả.

Nhưng giữa nơi yên lặng, chìm đắm trong sự buồn thảm ấy, có một chỗ đầy vẻ hoạt động. Ngay ở quãng tử thi mà người đồng loại kinh tởm khi nhìn thấy, hoặc ghê sợ khi đến gần, thì những loài vật khác giống tổ vẻ âu yếm, thiết tha lạ lùng. Dưới nước, lũ cá mương vui vẻ, nô giỡn với nhau, chui vào kẽ vách, lỗ tai, đớp thật nhanh, rồi chạy nhào biến mất. Rồi lại đớp. Rồi lại chạy Trên không, vo ve đàn ruồi nhặng, rủ nhau đậu đen kịt vào mặt mũi, chân tay, mãi miết hút chất đồ ăn bổ. Thỉnh thoảng, chiếc lá tre vàng vắn vèo từ trên đầm bỏ xuống, làm động cuộc kiếm ăn đang bình yên, thì vò một tiếng, lũ ruồi nhặng bay tản đi. Nhưng khoảng khắc, lại bậu vào, làm thành những quang đen trên tâm xác xám ngoẹt.

Rồi buổi chiều, một mùi nồng nặc, hăng hăng đã bay thoang thoang đến được chỗ xa xa. Trên ngọn tre, xào xạc tiếng cánh bay, con quạ đen cố quặp hai chân vào một cành éo lả, vẫy đuôi để giữ thăng bằng cho vững chãi, rồi chao mắt thèm thườn xuống mồi. Rồi một con nữa cụp cánh, đậu ở cành cây khác, lên tiếng khàn khàn gọi nhau. Chẳng mấy chốc, hai ba con nữa bay lại.

Một con vỗ cánh, bay sà xuống trước, đứng lên bụng thầy người để thám hiểm. Thấy được bình yên, cả lũ theo nhau, mổ rĩa từng nơi một.

Như thế, anh Xích vô tình là ân nhân của đàn cá, ruồi, nhặng, quạ. Chân tay vẫn co quắp như dọa, mặt mũi vẫn nhăn nhó như nát, nhưng anh vẫn bị rĩa, bị hút, bị đớp như thường.

Thịt người chết, ai hay cũng là món đồ ăn quý hóa.

*

* *

Cho đến tận chín giờ sáng hôm sau, còi ô-tô đằng xa bỗng thét vánh.

Đàn quạ hét vía, vừa bay vừa kêu xa xa. Lũ ruồi nhặng, hốt hoảng vội trốn cho xa. Đàn cá mương thấy nguy, lộn nhào mồi con chui vào một xó.

Thì lúc ấy, trên bờ đầm, quan Huyện tư pháp là một, cụ lục sự là hai, cậu lính lệ là ba, cùng trịnh trọng làm việc, và cùng trịnh trọng khạc nhổ. Cậu lệ

cầm gậy, lật đi lật lại tử thi. Quan và nha ghé mắt xem xét từng li từng tí và biên chép. Hương lý, vợ chồng ông Cửu, cùng họ hàng, người làng, ai nấy khoanh tay im lặng, nuốt đờm, nhìn chăm chặp vào xác chết. Người thở dài. Người lau nước mắt.

Khám nghiệm xong, quan truyền lính đuổi cả người tò mò ra xa. Và trước cảnh thương tâm, ngài ôn tồn hỏi ông Cửu:

- Cái đầm này mỗi năm anh kiếm lợi cả cá lẫn hoa có được đến dăm trăm không?

Thấy quan hỏi câu phiếm, không dính dáng gì đến vụ chết đuối, ông Cửu đành phải đáp:

- Dạ

- Anh cấy hai mươi mấy mẫu.

- Lậy quan lớn, hai mươi hai mẫu.

Quan gật gù:

- Thôi được, để cho anh biết rằng tôi rõ gia tư nhà anh lắm. Còn việc khám xét hôm nay, thì tôi không thể cho chôn ngay được. Vì tôi xét trong người tên Xích, có nhiều vết khả nghi. Tôi phải bẩm tể xin đóc-tờ về khám cho cẩn thận.

Ông Cửu như sét đánh, run cầm cập, nhả nhó kêu:

- Lậy quan lớn...

Ông Huyện lắc đầu:

- Nó bị bức tử. Phải có đóc-tờ mổ xẻ nó ra mới rõ được.

Bỗng có một tiếng tru lên, bà Cửu ôm mặt, lạnh lạnh khóc:

- Ôi con tôi!

Tiếng khóc của người mẹ trước thi hài đứa con chết đuối đã chường, làm ai cũng phải cảm động. Nhưng trái lại, nó không làm chuyển nét mặt của quan tư pháp. Đến đây, ông là đại diện cho Pháp luật. Ông đã từ người bằng thịt

bằng xương biển thành pho tượng bằng sắt đá lạnh lùng.

Vậy là sắt đá, tất không thể cảm được những tiếng khóc ẻo lả của người mẹ mất con, hoặc những tiếng kêu nài mềm yếu của người cha oan uổng. Cảm được sắt đá, duy chỉ có một vật. Vật ấy cố nhiên phải rắn, tuy chẳng được rắn bằng sắt, cũng phải rắn hơn đá. Mà vật rắn ấy, nhà ông Cửu không thiếu. Nó làm bằng loài bạc.

Thấy ông Huyện lặng nhìn tử thi đương xông lên một mùi khắm lăm lăm, ông Cửu nảo ruột nói:

- Xin rước quan về nhà nghỉ cho đỡ nắng.

Ông Huyện chẳng biết vô tình hay cố ý, lấy tay xua ruồi, và khạc nhổ, rồi đáp:

- Ủ, kéo ở đây tởm lắm. Nó đã trương to, mà ruồi, nhặng, cá, quạ cứ xán vào. Lại còn phải phơi nắng, đợi thầy thuốc mổ xẻ nữa, thì biết bao giờ mới được chôn!

Rồi vừa đi, ngài vừa bảo ông lục sự:

- Đích là một án mạng, chứ không đúng như những lời trình trong giấy đầu.

Ông Cửu tiến lại gần, nhỏ nhẹ thưa:

- Lạy quan lớn, còn vong hồn con con kia. Nếu có thể nào, con cam chịu tội trước cửa quan lớn. Xin quan lớn cho phép con mai táng, con xin hậu tạ quan lớn.

Quan quay lại, nhìn ông Cửu bằng đôi mắt dịu dàng của một người có trái tim dễ cảm. Ngài hỏi:

- Anh định tạ tôi bao nhiêu.

- Lạy quan lớn, con xin khấn một nén.

Quan cười:

- Anh phải biết cứ tiền dầu xăng khứ hồi ô-tô tôi về đây cũng đáng một nén rồi.

Ông lục sự đi rảo cẳng lên, nói:

- Bầm quan lớn việc này to chứ chẳng phải vừa.

Rồi ông cau mặt, trách ông Cứu:

- Cơ nghiệp anh như thế, mà anh muốn chôn ngay con anh, anh không tạ ơn quan nôi một bách hay sao.

Rồi luôn mồm, ông thưa với ông Huyện:

- Bầm quan lớn, nghề dân ta họ vẫn ngu dại làm vậy, muốn chạy việc, lại cứ muốn không mất tiền.

ông Cứu nhăn nhó, nói khẽ với ông lục:

- Nhờ cụ bầm với quan hộ, một bách thì tôi không sao lo được. Tôi xin tạ một nửa.

Ông lục xua tay và trợn mắt, như ngăn cản một câu nói đại dột:

- Chết! Anh nói mới dễ nghe làm sao!

Rồi ghé tai ông Cứu, ông thầm thì:

- Này, chỗ thân, đảng này cam đoan xin hộ cho bằng được. Nhưng ít ra anh cũng cứ lo lấy bát thập, còn thập nguyên, cho đảng này ăn với chứ?

Ông Cứu cũng thầm thì:

- Khốn như hiện hay không có đủ.

Thì hãy cứ hứa đi, mai kia lên tạ sau cũng được kia mà. Đảng này nhận cho. Chứ anh đang tâm để con anh thế được à?

Ông Cứu yên lặng, thờ dài.

Quay lại phía sau, ông thấy vợ ông đương lăn lộn. Ông không thể cầm được nước mắt, vội vàng mặc cả mấy câu nữa, rồi bằng lòng khấn quan bảy mươi đồng.

*

* *

Và một giờ sau, lũ ruồi, lũ nhặng, lũ cá, lũ quạ, tiếc ngẩn ngơ.

Chúng nó biết đâu rằng quan Huyện Tư pháp đã tranh mất món mỗi ngon của chúng.

1938

Sáu mạng người

Thôi, cái quan bằng lòng vậy, để bận khác tôi bảo chúng nó đến cho. Cái quan cứ ngủ lại đây, sáng mai hãy về, kéo đêm đã khuya rồi, từ đây lên Châu, đi đã xa, lại qua nhiều rừng, tôi không yên tâm đâu mà.

Nghe Lý trưởng Tường thành thực năn nỉ, nói bằng giọng kéo dài và ngô nghê như thế, ông Châu Phiên lấy đồng hồ ra coi rồi nhìn ra ngoài. Rừng, núi và trời lẫn lộn màu đen. Ông hơi nản lòng. Nhưng thử xem còn hy vọng gì nữa không, một lần nữa, ông làm ra dáng giận dỗi, vỗ vai Lý trưởng và nói theo lối người Thổ.

- Này, cái quan không bằng lòng thầy lý đâu nhé. Thầy lý không biết làm việc. Thầy lý nói dối quan. Thầy lý hứa nếu quan đến xem hội thì thầy lý gọi cho quan những cô gì cô gì kia mà. Thế mà chẳng cô nào đến cả. Để đêm khuya thế này, quan phải về không. Ở vùng xuôi, những lý dịch đối với các quan tốt hơn kia. Nếu làng mời quan ngủ lại mà không gọi được cô nào ra hầu chuyện, thì thầy lý hoặc thầy chánh phải đem người nhà thay vào kia đấy.

Nói đoạn, ông Châu yên một lát, để thì giờ cho Lý trưởng Tường hiểu thấu cái phong tục đẹp đẽ dưới trung châu, và ngẫm nghĩ cái bồn phận chu đáo của nhà chức dịch đối với quan phụ mẫu Rồi ông tươi cười, hỏi nửa đùa nửa thật:

- Quan nghe nói thầy lý có em gái mà?

Lý trưởng lắc đầu, đáp rất tự nhiên:

- Cho nó ra tiếp cái quan cũng không làm sao, nhưng rồi sợ nó quen đi, quan ạ.

Biết rằng không còn nước non gì, ông Châu Phiên bảo thẳng ngựa, nhất định về.

Đường lên châu lý khúc khuỷu, qua những cánh rừng rậm, nhiều đoạn chênh vênh trên khe sâu thẳm. Song, ông tin ở con ngựa ô của ông rất khôn và rất thuộc lối, và ở hai tên lính cơ lực lưỡng, can đảm, lại có đem cả súng lẫn đạn đi theo hầu. Tuy lần này về Bản Sing, ông chỉ có mục đích xem hội, nhưng ông cũng định tới đến, theo tục lệ, ông sẽ nô đùa với bọn con gái dậy thì lũ lượt kéo nhau ra đường giỡn hát bên ngọn đuốc.

+

++

Lúc bảy giờ, độ mười giờ đêm, ba thầy trò đã bắt đầu phải chui qua cánh rừng rậm. Lối đi ban nãy còn hơi lờ mờ rõ, bây giờ thì thật đen như mực. Không ai có thể trông thấy gì, dù đã quen làm những việc lén lút. Người ta có một cảm giác khó chịu là bị quây vào giữa một cái màn rừng rợn, chật hẹp, mà tai, mắt, chân tay hoạt động một cách sợ sệt, song vô công hiệu.

Ba con ngựa bỏ móng vào những phiến đá, kêu lộp cộp. Thỉnh thoảng, một chiếc lá khô rơi, xào xạc, đung bốn năm bận vào cành. Và xa xa, tiếng tí tách của một dòng nước uể oải chảy từ kẽ đá rạ ông Châu, một tay nắm cương, một tay vói yên, gò người về đằng trước và nhấp nhòm theo nhịp kiệu.

Những cuộc đi đêm vất vả, ông đã từng trải nhiều bận, nên đã quen. Làm chức tri châu, ông tránh sao được nơi rừng xanh núi đỏ, nước đục, ma thiêng. Song, ông chỉ cố đợi vài tháng nữa, đến kỳ thăng thưởng cuối năm, ông sẽ vận động thăng tri phủ và xoay về một Huyện nào tôn tốt ở trung châu. Lúc bấy giờ, ông mới có thể nghĩ đến chuyện làm giàu và sung sướng được. Chứ ở đây, tiếng là quan cai trị, mà quanh năm, ông chẳng sơ múi gì. Dân sự họ sợ uy quyền Lý trưởng hoặc chánh tổng người địa phương hơn là quan phụ mẫu. Và ở vào một nơi giáp biên thủy, công việc canh phòng còn khó nhọc và nguy hiểm gấp bội lần.

Rong ruổi trong khoảng tịch mịch, ông Châu Phiên bỗng nhớ đến cái chức vụ tịch mịch của mình. Một hơi lạnh thoảng qua, làm ông rùng mình, ông móc túi, lấy điều thuốc lá và bật bùi nhùi để hút.

Bỗng ngựa ông đứng dừng lại. Rồi lưng ông bị đầu con ngựa sau húc phải ông giật nảy mình, tự nhiên ghê rợn, như có cái gì nó báo trước cho ông một điềm chẳng lành. Trong người ông nóng ran. Ông vội vàng lắng tai và giơ tay trong khoảng tối đen, làm hiệu cho lính, và khẽ nói:

- Đứng lại

Ba con ngựa cùng dừng bước, thở, vẩy đuôi xoàn xoạt, và giậm chân xuống đường đất rắn các để đuổi muỗi.

Quan quay lại, hỏi lính:

- Có người.

Tức thì hai ngọn súng đã chĩa ngang ra đằng trước.

Mọi người yên lặng để nghe ngóng và chờ đợi Tiếng xôn xao mỗi lúc một gần. Ông Châu ra lệnh khẽ:

- Nạp đạn sẵn.

Gót chân nện xuống đất nghe rõ dần. Một người lính nói thầm:

- Họ nói tiếng Thổ hay tiếng khách? Đông đấy.

Ông Châu ngăn:

- Thôi, im. Xuống ngựa cả, mau!

Rồi ông hỏi to:

- Ai, đi đâu?

Những tiếng xôn xao ở xa tức khắc im bật. Thấy khác ý, ông Châu ngờ vực. Trong bóng tối, ông nhận ra năm sáu cái bóng đen kịt.

Một người lính hỏi lại:

- Ai Đi đâu? Lấy cả thẻ ra để quan khám!

Lời vừa dứt thì không hiểu làm sao, bọn người đằng trước chạy tán loạn.

Đoán là việc nguy hiểm, ông Châu hăng hái, hét:

- Bắn!

Đoành! Ngọn lửa sáng lòe, tiếng vang inh vào các khe núi, kêu vọng dài rạ. Tức khắc, một cái bóng đen ngã vật xuống, giã đành đạch, rên rỉ.

Hai người lính càng phấn chấn, đem hết sức lực, chạy đuổi bọn người gian.

Lại một tiếng đoành, rồi tiếng đoành nữa

Ông Châu nắm chặt lưng ba con ngựa, trống ngực đã bót rộn, ông lên tiếng hỏi:

- Thế nào?

- Bấm trúng ạ.

Thấy người ngã đầu tiên còn phì phì thở ngay gần đó, ông Châu bấm bùi nhùi. Đá lửa bật ra những tia sáng lóe, rọi rõ lối đi ông tiến mấy bước, rồi dòn dập hỏi:

- Bọn mày mấy đứa?

- Đau lắm, tôi làm gì mà bắn tôi?

Chẳng để vào tai những tiếng nói thảm thiết vô ích, ông lại hỏi. Tiếng trả lời:

- Sáu đứa.

Ông nói to, bảo lính:

- Tất cả là sáu đứa!

Ngay lúc ấy, một tiếng súng lại nổ to, vang động cả bốn phía Rồi tiếng reo:

- Ngã rồi.

Mừng rỡ, ông Châu hô:

- Còn hai nữa Bắt cho kỳ được!

Rồi cúi xuống, ông toan hỏi thêm. Song, người khốn nạn đã ằng ặc giã, rồi nằm im lịm.

Trời tối quá, nên cuộc săn người rất gian nan. Bởi vậy, trong sáu kẻ gian, bốn người chẳng may bị đạn thì chịu gục xuống, còn hai người lẩn lút được. Lính đã hết sức tìm sục mọi nơi, song, không tài nào thấy được. Thực ra, họ trốn không khó gì. Chỉ cần cho người đuổi không trông thấy hút được, là họ nép vào bụi rậm nào đó, thế là thoát. Họ nằm đó cho thật yên. Bởi vậy, hai người lính đã mất công chui rúc cho đến tận tang tảng sáng.

Như khi tầng lá xanh đen đã hơi nổi ra ngoài nền trời màu sữa, thì ông Châu bắt đầu hơi ngạc nhiên. Cách người chết nằm không xa, có những đồng gì to lù lù. Muốn khỏi ngỡ, ông buộc ngựa vào cành cây, đến tận nơi, nhìn cho kỹ.

Bỗng ông nhủ người, run lên, mặt tái mét. Đó là những bó thuốc lá, mà sáu người này có lẽ chỉ là bọn buôn thuốc.

Lương tâm ai chẳng có? Dù làm quan cũng vậy. Thỉnh thoảng, người ta có đôi phút vụt thấy lương tâm hiện ra, mỗi khi biết rằng mình làm bậy. Bởi vậy, ông Châu Phiên hối hận việc đã giết oan bốn mạng lương dân.

Nhưng biết làm thế nào bây giờ?

Ông Châu vốn là người có óc thực tế. Hạng người này ít thiên về tình cảm. Nên khi một việc lỡ xảy ra, họ không xoa xuýt, than tiếc, mà phải cương quyết tính ngay đến cách đối phó sau này. Vì vậy, trong giây phút, ông lạnh trí, nghĩ ngay được cách làm thế nào để tránh lỗi với quan trên.

Thì ông làm thế này.

Ông đến tận nơi từng người bị đạn để tra hỏi. Khi biết đích bọn đó chỉ là người Thổ đi kiếm thuốc lá để sáng sớm mai bán tại chợ Bản Sinh, ông bèn đốt thẻ của họ đi, và bắt lính trói chặt lại, cho khỏi có người nào còn sức lê đi và trốn thoát. Như vậy, ông có thể kê họ nằm rên rỉ một mình, không phải bận về canh gác nữa.

Đoạn ông cùng hai tên lính cơ, chia nhau đi các ngã để sục nốt hai người hiện đương trốn.

Ông cao đoán lắm, bảo lính:

- Chúng nó chưa ra khỏi cánh rừng này. Chúng mày cứ trông kỹ vào những chỗ rậm rạp. Tao sẽ thưởng to cho thằng nào có công.

Lúc ấy đã sáng rõ. Ba thầy trò vừa lắng tai, vừa trở mắt, dò từng bước để tìm tòi. Không một bụi rậm nào họ không khua ngọn súng vào. Không một khe đá nào họ không lách lưỡi lê vào. May thay, trời không phụ kẻ có công bao giờ. Chẳng bao lâu, chính ông Châu tóm được một người nằm ẹp như con nhái bén dưới một gốc cây đổ. Và một tên lính vội được người nữa, đương cầm cổ chạy bán sống bán chết trong khóm lau cao

Bắt sống được hai người cuối cùng, mà hai người này không có thẻ, ông Châu mới thực mừng. Ông sai trói gô họ vào gốc cây.

Rồi ông làm gì?

Rồi... đoành! đoành! Ông chia cho mỗi người một phát đạn, không hơn không kém, để họ đỡ tội với bạn. Rồi... Còn ba người đương ngắc ngoải, ông cũng sinh phúc cho thêm mỗi người một phát, để họ được thoát khổ, mà rú

nhau cả một lượt về suối vàng.

Rồi... Khi đã làm cỏ đủ sáu mạng người, ông sai cởi dây trói ra, và phi ngựa về châu ông làm tờ khăn bảm với quan trên, kể công là đã đi tuần đêm, và ba thầy trò đã giết nổi một toán những sáu đứa... giặc khách.

Và như thế, ông yên trí rằng về công trạng trị an oanh liệt này, ông sẽ được đặc cách thăng tri phủ hạng nhì...

Truyện ngắn chọn lọc - Tập II -

Nxb. Hội nhà văn - 1985

Cấm chợ

Không hiểu vì có gì, từ tờ mờ sáng hôm nay, lính cơ sở Huyện đứng đón các ngã đường, tay cầm roi mây, xua đuổi người các nơi, không cho gánh hàng đến bán ở chợ Huyện.

Mọi người ngỡ ngác hỏi nhau, nhưng cùng phải nhắc lại câu của bọn lính mà chính họ cũng không hiểu:

- Đó là lệnh quan.

Người ta lui thủi về, lo lắng nội hàng bị đọng ế. Rồi mai kia khi tiền hết, gạo hết, chồng con cha mẹ họ có lẽ phải nhịn đói, trong khi nia thịt lợn vì trót mổ đã thối dần, hoặc mẹt bánh cuốn vì trót làm đã khô đét. Phải đồ đi hết.

Những giờ này, đáng lẽ trước cổng Huyện, tiếng rào rào không ngớt. Hàng vạn người qua lại, chen chúc nhau, cạnh những lều tranh chạy dài, có dãy người ngồi la liệt sau khu bày hàng, há to mồm ra để cười, để nói, để mời khách, để cãi nhau, hoặc đề ăn quà trộn lẫn với bụi.

Nhưng hôm nay, cả một sự ồn ào tấp nập làm loạn óc ấy không có nữa. Hôm nay chẳng khác hôm qua là ngày dung, sự im lặng phẳng phiu đè trùm lên cả khu chợ rộng mênh mông này, khiến ai bước chân tới, cũng tưởng lạc vào một rừng cột. Chỗ này, vài thằng nhãi đánh đáo gò lưng xuống cố “cả cái” cho đúng lỗ. Chỗ kia, con ngựa hồng của quan, tiu nghỉ đứng trước bó tre còn trơ cành, thỉnh thoảng đập chân xuống đất và cúp hai tai vạt lại đằng sau, khi giật mình vì tiếng cười của lũ trẻ.

Rồi đến phiên mười chín, hăm bốn và hăm chín, chợ cũng vẫn quạnh hiu như thường. Cứ sáng tinh sương, lính cơ đã chia nhau đứng các đường, xua người ta như xua vịt.

Những người mạnh dút lót lấm mới được phép đi, nhưng chỉ bán vụng trộm quàng quàng một lát, chứ không dám ràng rên hàng giờ như mọi ngày. Bởi vậy, đồ ăn thức dùng phải lên giá rất cao. Kẻ giàu tranh nhau vung tiền ra mới mua nổi chút ít, nói chi đến người nghèo. Ao rau muống sau nhà trạm, chỉ trong hai hôm đã quang hẵn đi. Rồi khi lượt ngọn non đã hết, người ta không từ cả những lá già úa vàng. Người nghèo không có gì trừ bữa, phải vặt

cả râm bụt, lược lên để tống tạm vào dạ dày. Ngoài phố đã hiện lên những thân hình nhăn nheo gầy khảnh. Ban ngày, cướp giật là thường. Ban đêm trộm cắp như rươi.

Mọi người thở dài, than vãn cùng nhau:

- Chúng ta đến chết đói hết.

Song sự cần sống bao giờ cũng khiến người ta trở nên liều lĩnh. Bởi vậy, họ rủ nhau đến nhà trưởng phố, nói:

- Nhờ ông vào xin với quan cho họp chợ, chứ đây, ông xem, đã mười hôm nay, đến người có tiền còn sống ngoắc ngoải nữa là chúng tôi.

Trưởng phố cười, lắc đầu:

- Tôi có sung sướng gì hơn anh em đâu. Anh em không có gạo, thì tôi cũng không có gạo, anh em bữa đói bữa no thì tôi cũng bữa đói bữa no. Nhưng, còn như anh em xui tôi vào xin quan cho họp chợ, thì thật tôi không dám làm một việc vô ích. Vì biết đâu, đây là quan ta thi hành một lệnh trên.

- Thế tại sao quan cấm chợ, ông cho chúng tôi biết.

Tôi cũng mập mờ như anh em mà thôi. Sáng hôm mười bốn, tôi thấy lính trong Huyện bảo thế, thì tôi biết thế, chứ ai dám vào hỏi quan. Chính các ông Thừa, ông Lục cũng đoán phỏng đâu vì hôm mười ba, nhà Bài nó chết chóng quá, quan ngờ là bệnh thời khí nên vì vệ sinh chung, sợ bệnh lan đi các nơi, ngài mới cấm tạm chợ trong ít lâu.

- Nhưng nó có chết về số kia đâu? Nó bị cảm đấy mà, nếu không đã lây lung tung lên rồi. Và chính quan đốc tờ đã khám nghiệm.

Trưởng phố gật đầu:

- Phải, tôi cũng biết vậy.

- Thế thì nên trình quan biết chứ?

- Ô anh em còn phải dạy ông quan nữa hay sao? Người ta thông minh, làm gì không rõ những việc ấy. Tôi chắc rằng ngài cẩn thận cho ta, muốn phòng ngừa bệnh ghê gớm ấy, nên ra lệnh cấm chợ trong ít lâu nữa. Người ta có trách nhiệm về việc cai trị, thì những lúc trời gieo tai vạ như lúc này, tất

người ta cứ phép người ta làm, nếu không, đến tai quan trên, ai chịu lỗi cho người ta. Anh em thử nghĩ xem?

- Nhưng ông cũng như chúng tôi, đã trải biết bao cực khổ rồi, không thể chịu thêm được nữa. Vậy ông cứ vào xin quan mở chợ cho dân phố được nhờ.

Trưởng phố, lè lưỡi một cách sợ hãi;

- Anh em bảo tôi gì, tôi xin nghe ngay tức khắc, chứ việc này, bố tôi bảo tôi cũng không dám. Anh em đặt địa vị vào tôi mới rõ. Nếu tôi nói rằng phố xá hiện nay đã bình yên, thì có khác gì tôi dạy khôn ông quan hay không? Và mình có thạo pháp luật về việc phòng bị bệnh thời khí đâu? Ngộ ông ấy vặn rằng lấy gì làm chứng mà dám nói là không còn bệnh nữa, anh em bảo tôi bảm thế nào?

- Thì đây, có người nào chết sau nhà Bài nữa đâu? Vậy nó chỉ là bị cảm.

Trưởng phố chấp tay vừa vái lấy vái để vừa cười, nói:

- Thôi, tôi xin anh em tha cho, đừng bắt tôi vào, lỡ có tội vạ chỉ một mình tôi chịu.

- Vậy chúng tôi cử người vào quan, để nói việc này có được không?

- Cái đó tùy anh em, tôi không biết.

Nhưng không cần có đại biểu dân phố nào, ông Huyện mới biết. Từ ban nãy, đã có người nói đến tai ông rồi. Mà người ấy, tức là bà Huyện.

Nguyên sự thiếu thốn đồ ăn thức dùng nó không nể cả quan phụ mẫu. Nó qua cổng chòi, đến nhà tư, và chui lọt vào dạ dày ông Huyện. Mấy ngày đầu tiên, nhà bếp ra phố mua bán, thì bao giờ người ta cũng nể trọng quan mà nhường cho miếng ngon. Nhưng sự khùng hoảng mỗi ngày một to, thì dù trọng quan người ta cũng không nể nữa. Trước hết “giá nội” bị tăng, và sau có ngày không tìm được thứ gì mà mua cả. Bởi vậy bữa sáng hôm nay, mâm quan xơi không được chững chạc, nên quan có ý nghi, hỏi quan bà:

- Nay, bà thử xem xét thằng bếp nó mua bán ra làm sao, tôi ngờ nó ăn bớt tiền chợ nên đến dăm hôm nay, nó dọn láo quá.

Quan bà cau mặt, đáp:

- Thì ông ra lệnh cấm chợ kia mà?

Quan ông trợn mắt, ngạc nhiên nhìn vợ:

- Tôi cấm chợ à? Có đâu?

- Đấy từ phiên mười bốn đến nay, chợ có họp nữa đâu? Đến mười hôm nay, phố xá họ khổ sở nheo nhóc lắm, ông cao xa, không rõ những việc ấy.

Ông Huyện càng kinh ngạc, nói:

- Sao bà không bảo tôi? Thật à?

- Tôi biết đâu chỗ việc quan của ông mà nói.

Ông Huyện ngẩn mặt một lát để nghĩ ngợi, rồi gọi đội lệ.

Ông hỏi:

- Ai bảo cấm chợ từ phiên mười bốn đến giờ?

Đội lệ ngỡ ngác, gãi tai đáp:

- Bẩm quan lớn, con thấy thầy quản đồn nói rằng lệnh của quan lớn.

Ông Huyện gất:

- Gọi quản đồn lên đây.

Quản đồn hớt hơ hớt hải chạy lên. Quan hást hàm hỏi:

- Ai báo thầy cấm chợ.

- Lạy quan lớn, hôm ở phố có tên Bài nó chết, quan lớn báo cấm chợ, chờ xem quan đốc tờ khám xét xong hãy hay.

Quan Huyện giơ hai tay lên trời tỏ ý thất vọng:

- Phải rồi, nhưng khi xét thấy nó chết về cảm thì phải cho chợ họp như thường chứ?

Quản đồn sợ hãi đáp:

- Lạy quan lớn, quan lớn không ra lệnh lại cho họ, nên con không dám tự tiện.

Ông Huyện không nói gì, thở dài. Bà Huyện chép miệng:

- Thế mà làm cho nhân dân sống dở chết dở gần nửa tháng rồi.

Đội lệ và quản đồn bị quở vừa ra khỏi, ông Huyện chống tay ngồi yên lặng, hai mắt lơ đãng, rồi thở dài. Bà Huyện trách:

- Tại ông không nói rõ, và khi khám không phải bệnh thời khí, ông quên không dặn lại quản đồn từ phiên sau cho họ chợ như thường.

Ông Huyện nhìn vợ một cách hối hận, gật gù:

- Phải, tại tôi nhiều việc quá nên quên dứt đi mất.

Giữa lúc ấy, có tên lính vào, bẩm:

- Bẩm quan lớn, có mấy người hàng phố xin vào hầu.

Ông Huyện cho phép họ vào. Thì là những người đến nhà trưởng phố ban nãy. Họ nói:

- Bẩm quan lớn, từ ngày có lệnh cấm chợ, nhân dân chúng tôi rất nheo nhóc khổ sở. Đồ ăn gạo củi, lên giá một cách không ngờ...

Ông Huyện không muốn nghe hết câu, ngắt lời:

- Tôi cũng biết trước thế. Nhưng các người muốn gì?

- Bẩm, chúng tôi muốn xin quan lớn cho phép họ chợ như cũ, kéo dài to.

Ông Huyện cau mặt đáp:

- Cái đó là lệnh trên bắt thế, chứ nào tôi có muốn. Nhưng để tôi xin cho. Các người hãy dẫn lòng chờ ít lâu và nên yên trí trước rằng đang khi mọi nơi nhốn nháo về bệnh thời khí, thì việc xin mở chợ, là một việc rất khó. Song tôi cố hết sức xin, và may ra quan Sứ, quan Tuần nể lời tôi, thì mười phần cũng chắc được tám.

Đoàn đại biểu cảm tạ lòng tử tế thương dân của vị phúc tinh. Và chợ Huyện, từ phiên mồng chín trở đi, lại được vui vẻ sầm uất như trước.

Trong khi ngoài phố lác đác có một hai người chết đói trong khi tên bếp trong Huyện cố hà hiếp tàn nhẫn mới mua được đồ ăn, bà Huyện thường cự ông Huyện sao không cho họp chợ ngay phiên mồng bốn là sau ngày ông biết cái lỗi quá lơ đễnh đến nỗi nhân dân quá khổ sở. Thì ông nháy một mắt, nói thâm:

- Không trách, người thật thà không làm nổi quan. Nếu hôm chúng nó vào xin họp chợ, mình nhận lỗi rằng mình quên, thì chúng nó oán đến mấy đời. Mình phải làm ra cách khó khăn, đổ cho lệnh trên, và mình làm ơn cố xin hộ. Như thế có phải chúng nó lại ơn mình nữa hay không! Cũng bởi vậy, tôi cần phải cấm thêm một phiên nữa cho ra dáng sự cấm là họp lẽ phải và ngặt nghèo là nương nào.

Bà Huyện lắc đầu, bĩu môi để tỏ ý phản đối. Nhưng ông Huyện thản nhiên đáp:

- Thế mà buồn cười đáo để, chúng tưởng mình làm ơn thực, xin góp nhau thừa bức hoành để tạ ơn. Thôi được càng được tiếng là nhân quan cần gì?

Nói đoạn, ông đắc chí, cười rung cả cái bụng xệ.

(6-1938)

Cậu ấy may lắm đấy

Lần đầu tiên mà tôi giơ khẩu súng lên, sắp bóp cò để bắn con chim gáy đậu trên ngọn tre, trong lòng tôi xốn xang vô hạn.

Thì các bạn hãy thử nghĩ xem. Ngón tay này mà tôi co lại ấy là kết liễu một sinh mệnh. Mà cũng viên đạn nhỏ xíu, cũng cò máy xinh xắn ấy, trở nó vào bụng người ta, mà làm một phát tức khắc mình trở nên đồ sát nhân, bị tòa án xử cho mình mất chỗ đội mũ. Thế mà lại mang nó đi dọa dẫm nước khác để xâm chiếm đất đai, thì mình còn trở nên đồ phát xít bị báo Đông Pháp chửi bới nữa, mới “giết đê” chứ!

Con chim gáy chẳng biết đang ở giây phút nghiêm trọng. Nó vẫn cục cu gáy đều. Thế giá nó có chết cũng không thể cãi được rằng không phải số. Tôi bỏ hết những điều nghĩ ngợi vô ích, cố nhắm cho đúng để bóp cò. Phải, nếu tôi có bắn tãi đi nữa, cũng không đời nào tôi có thể thành đồ sát nhân hoặc đồ phát xít được. Cớ ấy rất dễ hiểu, là tôi không có súng. Hơn nữa tôi là dân An Nam, lẽ tất nhiên không được phép tự do có khí giới để muốn dọa lấy nước nào làm thuộc địa cũng được.

Súng ấy nguyên là của ông bạn với chú toi. Vì hai ông đương ăn cơm trong buồng, nên tôi táy máy mang ra nghịch. Và nhân thấy có tiếng chim gáy ở đầu nhà, tôi bèn ném mũi sẵn bắn xem nó ngon lành đến bực nào.

Con chim vẫn hót những tiếng véo von.

Đứng nấp ở cạnh đồng rơm tôi hết sức lách gân, gò lưng ra đằng trước, tỳ mạnh đầu báng súng vào xương vai, áp thật ghệt vào má và nhắm kỹ một mắt lại trông ngực tôi nổi mạnh. Bụng tôi sôi lên ùng ục.

Đoành!

Lá rụng lạt sạt. Con chim tốt số vỗ cánh bay đi.

Nhưng bộp! Bộp! Và đồng thời với hai tiếng rơi ấy, tôi thấy tiếng trẻ con reo ầm.

- A, hai con?

Tôi chưa kịp ngạc nhiên, thì nổi mừng đã đến. Một đứa trẻ chạy vào cổng, đưa trả tôi một đôi chim xám vừa béo vừa to.

Trên nhà, mọi người nghe tiếng nổ, tất cả chạy ra sân Nhưng khi ai nấy thấy sự tình nghịch của tôi đã đem về một kết quả phi thường, thì không những không ai mắng, còn khen tôi là khác. Một phát, tôi đã trúng hai con găm ghi.

Ông khách lấy làm bái phục tôi, nói:

- Phát đầu tiên, Quốc nó đã tỏ ra là bắn giỏi. Rồi sau này, nó sẽ ăn đứt chúng ta.

Tôi cười lạt một cách nhũn nhặn, để ngoa ngoắt mà chịu tiếng khen. Tôi cảm ơn hai con chim khôn nạn đã hy sinh cho tôi được danh dự. Tôi lặng ngắm cây đa rậm lá mọc sau bụi tre, và nghĩ mãi không hiểu sao đôi găm ghi này đổ ở đâu, để tôi bắn làm phải, đến nỗi chết một cách oan uổng.

Song than ôi, ở đời này, có biết bao nhiêu kẻ vô tài trở nên danh tiếng lẫy lừng do những sự tình cờ tức cười hoặc biết bao nhiêu đứa xây danh dự mình lên trên đồng thầy đồng loại. Thì tôi mới giết oan có hai con chim, cái sĩ diện bắn giỏi của tôi nó có to gì mà phải nghĩ ngợi với ân hận?

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa. Mà có nhiên tiếng bắn giỏi là tiếng đồn lành. Nó đồn đi xa lắm, vào tận Ninh Bình, lọt đến tai ông chủ đồn điền Quýnh.

Ông Quýnh có hơn tám trăm mẫu ruộng, mà chỉ có mỗi một con gái, mặc dầu ông bắn rất giỏi. Trong hai mươi năm trời, ông hạ được ba mươi con cọp bằng bốn mươi phát đạn. Người ta cứ bảo vì ông tàn sát nhiều thiên tướng, nên trời bắt tội ông không được có con trai. Chứ bắn giỏi, khỏe lại hay bắn như ông, lẽ nào chỉ để có mỗi một cô con gái? Nhưng cái đó thuộc về di đoán.

Song, không hề gì. Miễn là ông Quýnh biết có tôi đây là nhà thiện xạ, để ông bằng lòng gả cô Mai cho tôi.

Ông Quýnh giàu hơn tám trăm mẫu ruộng. Cái mỏ ấy thực tốt cho những kẻ muốn khai. Trời sinh ra tôi tên là Quốc, lại sinh con gái ông tên là Mai. Hai chữ tên này thực hợp và cần cho sự đào mỏ bằng cuộc, bằng mai không nói. Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông còn cạn nữa là.

Ông Quýnh yêu cô Mai lắm. Lẽ đó có nhiên. Ông muốn có con rể cũng như ông, nghĩa là bắn giỏi, để giúp ông giữ vững lấy đồn điền, sợ khi điền tốt

“nổi loạn”.

Điều đó không phải ông đã quá lo xa, vì ngoài sự ông đáng thờ vì có con gái đẹp và giàu, ông phải cái xấu là có tâm hồn Hít le, nghĩa là cứ thích chiếm ruộng đất của bọn dân nghèo khổ ở sát cạnh khu vực của ông.

Khi chú tôi nghe tin ông Quýnh hăm mộ tiếng tôi rồi, thì ông nghiêm nghị bảo tôi rằng:

- Mày không xem chỗ nào có súng mà mượn để tập bắn, rồi về nhà người ta thì làm thế nào?

Chú tôi coi tôi như đi làm dâu vậy. Vì ông Quýnh vẫn tuyên bố, ai lấy con ông, tất phải ở gởi rể. Rồi một khi tôi đã được vác áo thụng xanh đến nhà ông, tôi lại không biết loay hoay khẩu súng thế nào, thì người ta bảo ở nhà có người lớn mà không biết dạy.

Trong việc hỏi Mai, bạn chú tôi làm mối. Sau lời quảng cáo phóng đại, lấy sự bắn đầu tiên mà chết cặp rập những đôi gằm ghì làm chứng cứ, ông Quýnh đã hơi xiêu lòng.

Rồi sau hết, ông nói:

- Cháu nó cũng đã có nhiều người hỏi, song tôi xét ra toàn hạng văn dốt vu dốt, tôi sợ không coi nổi cơ nghiệp này. Hiện nay cũng còn hai đám nữa, nhưng tôi chưa nhận lời. Vì tôi còn phải dò la lâu.

Thế rồi muốn cho cuộc nhân duyên mau mau có kết quả mối tìm dịp cho tôi làm quen với Mai. Chúng tôi vụng trộm thư từ cùng nhau. Và sau hai tháng trời tân công ái tình bằng lối du kích, tôi bàn với Mai nên để cuộc yêu nhau này thành công khai, nghĩa là Mai cứ thú thực cùng cha để đòi lấy tôi cho kỳ được.

Ông Quýnh chiều ý con, nhưng nói:

- Tao cũng vẫn bằng lòng gả mày cho nó, nhưng tao muốn chờ khi nào người ta nói lại thì nhấn nó về đây, bảo nó đi bắn thử, xem tài nó thực hư thế nào.

Điều kiện ấy, tôi rất lấy làm lo ngại. Mà tôi ác cảm cái lối tuyên người trong thời buổi cạnh tranh này làm sao! Thì ra ai muốn chiếm được cái gì, cũng phải qua một kỳ thi. Chỉ trừ làm vua là không phải sát hạch gì hết, nên bất cứ thế nào cũng có thể chễm chệ trên ngai vàng, còn thì tuốt tuột là phải thi cả.

Ác hại quá, bây giờ tôi lại phải thi làm rể? Kỳ viết - Viết thư tình cho Mai - đã trót lọt, nay đến kỳ khâu vắn. Mà kỳ khâu vắn này, lại chẳng như những kỳ khâu vắn thường dùng đến miệng người ứng thí, mà phải mượn đến miệng súng? Thật là lỗi nói chuyện của các bố phát-xít bên Âu châu. Song, ở phía trời Tây, mấy xừ ấy họ phát-xít vì họ muốn độc tài. Chứ nhút nhát như tôi, thì độc gì. Chưa nghe thấy tiếng súng đã sồn ra ấy. Có họa là độc dạ, vì mình quen theo chủ nghĩa phát xia?

Song, đã liều ba bảy cũng liều.

Về đến đồn điền, tôi được ông Quýnh tiếp rất chu đáo. Nên tôi phải gãi vào chỗ ngứa của ông:

- Thưa ông, quanh đây có rất nhiều chim. Nhất là mạn gần sông, lấm giang quá. Có lẽ ít lâu nay ông thưa săn bắn.

Ông Quýnh cười, gật:

- Phải, vì đến bốn tháng nay, tôi bận hết việc nọ đến việc kia, chứ trưa, ngày nào tôi cũng vác súng đi, thì chim chóc dạt đầu mất cả.

Rồi ông tiếp:

- Mai cậu cứ lấy súng của tôi mà bắn.

Tôi làm bộ ngại, để tỏ ra mình thạo:

- Nhưng lỡ có ai hỏi...

Ông Quýnh cười:

- Làm gì có ai dám hỏi. Trong đồn điền, toàn người nhà cả.

Tôi vui mừng:

- Thế thì thích quá.

Kỳ tình, đêm hôm ấy, tôi lo mê.

Hôm sau, không thể lấy cớ nhức đầu sổ mũi để trốn thi. Tôi định vác súng ra

đi. Thấy tôi nai nịt gọn gàng, Mai mỉm cười, nhìn tôi rất tình tứ.

Trời nắng. Cái nắng tháng ba làm cho người ta dễ ốm, nếu người đi nắng không có một hy vọng tốt đẹp là lấy được vợ giàu.

Tôi đi rõ thật xa. Đến tận chỗ mà giá có tiếng to như tiếng súng, ông Quynh cũng không nghe thấy.

Những đàn giang xòe cánh bay lượn trên không, làm rợp cá thừa ruộng. Nhiều con lò dò trên bùn lầy, ngồng cổ lên bờ đường để nhìn.

Hay là bắn giang?

Đó là một ý hay. Giang to, dễ trúng. Tội gì tôi không nắm cổ những dịp may mắn tình cờ. Tôi lấy làm lạ cho những thằng đã hỏi Mai trước. Ý hẳn chúng nó cầu kỳ, cố tìm cho được những thứ chim hiếm có và bắn khó để khoe tài. Chúng nó ngu thì chúng nó chết. Ngày xưa, người ta mới kén rẽ bằng cách bắn sẻ, chứ ông Quynh có thách như thế đâu? Ấu là tôi cứ bắn những con giang to bằng cái mẹt này. Hễ ông chê giang không quý vì thịt không ngon, thì tôi sẽ chống chế là định tâm bắn thứ chim này để nhân tiện thử tài nội trợ của Mai một thể. Phải, với thịt giang mà Mai làm được món ăn ngon, thì thuyền quyên ấy mới sánh được vai anh hùng này. Hẳn là ông Quynh không thể “truy” tôi vào đâu được nữa.

Tôi đứng nấp sau gốc cây, chờ dịp thuận tiện để đưa ra những phát đạn hùng dũng. Tôi dương súng ngắm kỹ, rồi bóp cò. Nhưng lần nào cũng vậy, những con nhát thì vỗ cánh bay đi. Nhưng con bạo còn quay cổ, lơ lảo nhìn, rồi rắc lại ít phân làm kỷ niệm, mới bay theo các bạn.

Tôi xấu hổ.

Và nực nữa. Mồ hôi ra, vừa vì xấu hổ, vừa vì nực.

Tôi lại đi.

Lại một đàn giang nữa đậu ở bờ sông. Tôi phải báo thù cho hai phát ban nãy.

Đoành?

Cũng một lượt, chúng nó bay mất.

Ba viên đạn làm tôi nhục nhã.

Mà viên đạn cuối cùng trong túi, nó cũng chẳng tử tế gì đâu Tôi ngồi nghỉ ở cạnh đường, đặt súng vào lòng, thở dài. Hồng, không khéo phen này thì mất vợ!

Tôi đã tính đến nước chuồn thẳng. Song không trôi.

Còn cái nó cạnh tôi, tôi không đem nó đi theo được.

Người An Nam không có tự do mang khí giới, thật là hết sức tai hại. Đã chẳng chiếm nổi một tý thuộc địa nào thì chớ, lại còn những lúc này, không thể mang súng của người khác mà đi bài tâu mã được.

Thôi thì tôi đành vác mặt mo về đồn điền để hàng ông Quýnh và từ biệt Mai. Số phận của nhân duyên tôi phó mặc trời, chứ biết nói thế nào cho xuôi được? Đạn mang đi bốn, nay còn có một. Chẳng lẽ nói mình đau bụng, nên thấy trong có thuốc, đã trót nuốt chừng mất ba viên.

Khôn nổi, thuốc ấy lại là thuốc súng.

Bỗng một ý kiến nảy ra trong óc tôi. Người thông minh nhanh nhẹn, láu lỉnh trong lúc cùng, thường bật ra được những mưu kế phi thường, các bạn ạ. Tôi chợt nhớ ban nãy, qua chợ, có thấy bán rất nhiều giang sống. Âu là tôi chịu hy sinh mấy đồng bạc để bảo toàn lấy danh dự vậy.

Tôi hăm hở đi.

Đến chợ, tôi mặc cả giang và chọn bốn con to béo nhất. Được lắm. Bốn phát đạn mang đi thì đây, tôi đem về bốn con giang nặng trĩu. Thiên xạ, thế chứ còn thế nào! Tôi xách giang đến một gốc cây, treo ghì căng cả bốn con vào cành, thiết rõ chặt, rồi dí miệng súng vào tận nơi, ngắm cho phát đạn xuyên qua cả bốn bụng, rồi mới mắt mắt lợi, bóp cò. Bay nữa đi?

Phát súng nổ, bốn con giang trước không thể cự quậy được, nay thêm nữa là chết ngoẻo.

Tôi cười trói, xách riêng từng con, đi về, sĩ diện như ông tướng.

Thấy tôi đến cổng, ông Quýnh chạy ra đón như đón một chàng rể hiền. Mai cũng mừng rỡ khen tôi rồi rít.

Tôi làm bộ mệt nhọc, vớt giang ra hè, và thở, ông Quýnh nhìn bốn con chim ủ rũ, gật gù nói:

- Thế thì cậu bắn lần này may lắm đấy.

Tôi sung sướng, trở một con:

- Thưa con này, con phải đuổi theo nó đến mười thừa ruộng. Nó động thấy con là bay mất.

Ông Quýnh cười:

- Giống giang tinh mắt lăm. Cho nên bắn nó rất khó.

Thật là cậu rất may. Tôi càng đặc chí, trở con khác và nói khoác đấy.

- Con này khỏe quá, bị đạn rồi mà còn cố bay. Một suýt nữa nó sang bên kia sông thì mất. May quá, mới đến chỗ cây đề thì nó kiệt lực, đụng vào cành, rơi xuống.

- Phải, tôi đã bảo cậu may lắm mà?

Mai nhìn cha, nói:

- Cũng phải biết bắn, chứ cứ may thế nào được.

Thấy người yếu bệnh, tôi càng như cởi tấm lòng.

Theo đà nói khoác, tôi trở con thứ ba.

- Con này thì mãi ăn, con dò đến tận sau mà không biết.

Cả mấy người cùng cười. Ông Quýnh nói:

- Tham ăn cho chết. Tôi không mấy khi được những dịp ấy. Vì giống giang rất tinh mắt cho nên tôi bảo cậu may là đúng lắm.

Thấy tiếng may, tôi liếc Mai. Mai cũng nhìn cha, có ý không bằng lòng. Như thế đủ cho tôi rồi. Được Mai đồng ý, tôi hả hê lắm. Cho nên còn con thứ tư, tôi nói kháy ông Quýnh:

- Con này thì thật không tinh mắt tí nào, vì con đứng ngay đằng trước mà bắn, lúc nó đang nuốt dở con cá.

Ông Quýnh gật gù:

- Tôi bảo cậu may là đúng lắm, vì mọi khi giống giang rất tinh mắt.

Mai thấy cha cố dìm nhân tài, bèn lờm và nững nịu:

- Thầy lại cứ bảo thế!

Ông Quýnh ngọt ngào cười, nhìn con gái, nhìn tôi rồi ngồi xôm cạnh bốn con giang, ông cầm cả bốn cái cổ giò lên như để phân vua, và giảng:

- Thầy bảo cậu Quốc bắn được lũ giang này là may lắm, thầy nói chẳng ngoa, vì xưa nay giang rất tinh mắt. Đây con xem nếu cậu ấy không may, sao tình cờ lại gặp cả bốn con bị khâu mắt sẵn thế này mà bắn bao giờ.

Thôi chết rồi! Tôi giật mình đánh thót, cố dương to mắt để nhìn kỹ. Bỗng cá trong người tôi như bị cái gì nó bò khắp mạch máu. Thì ra bấy giờ tôi mới trông thấy mắt giang bị khâu bằng chỉ thâm thật!

Trời ơi! Túi tôi hết đạn, tôi tự tử bằng cái gì bây giờ.

Cây mít

Sau nhà ông Lũng có cái vườn rộng ngót nửa sào.

Giữa vườn có một cây mít to, lá rườm rà, bóng rợp cả khu. Từ gốc lên, bám vào thân cây, đến cành, chi chít nhưng quả lớn. Khách qua đường, ai không biết, nhìn cái cây sai quả, thì tấm tắc khen:

- Quý hóa chưa! Thật là hái ra bạc.

Nhưng sự thực, cây mít này đã gây bao tai họa cho gia đình ông Lũng, và chứng kiến bao đau khổ của bố con ông.

Ngày xưa - Nghĩa là sáu mươi năm về trước, còn đời ông nội ông Lũng, thì ông cụ vẫn trồng trọt hoa màu ở cái vườn này. Tuy đất hẹp, nhưng mùa nào thức ấy, thu hoạch quanh năm cũng có đồng ra đồng vào.

Một năm - Năm ấy ông Lũng lên chín - Ông cụ xin được của người họ ở làng Vòng một cây mít mật con.

Ông cụ gánh về, trồng ở giữa vườn, rào xung quanh cẩn thận, và bảo con cháu:

- Giống này sai và ngon. Tao chưa được ăn bao giờ.

Nghe nói quý lắm. Nhưng chắc gì tao đã sống đến ngày có quả Tao chỉ ước chết vào vụ hè, để chúng mày chúng tao toàn bằng mít.

Cây mít lớn dần.

Ông nội ông Lũng qua đời.

Bố ông đẻ thêm nhiều con.

Gia đình trở nên túng quẫn, thường ngày ba tháng tám, vẫn phải đi vay gạo hàng bữa.

Xóm ông có thằng địa chủ tên là Tồn. Hiện nay nó vẫn còn sống. Nó thích ăn mít. Nhà nó cũng có một cây, nhưng cây nhà nó quá không sai và chứng ngon. Nó đã lấy giống mít Vòng, nhưng trồng cây nào, chết cây ấy.

Nó chỉ ước ao có cây mít Vòng để ăn và lễ quan. Nhưng muốn có, thì phải

mua. Mua thì phải mất tiền. Giống địa chủ có quen mua mất tiền cái gì bao giờ đâu. Giống ấy chỉ quen nhận đồ biếu. Nếu không ai biếu thì ăn hiếp hoặc ăn lừa. Nhưng khôn nổi, ở Vòng không ai là tá điền của nó, mà cũng không ai nợ nần gì nó để nó kể ơn lấy không mít của người ta.

Một lần mẹ ông Lũng ốm. Bà thèm của ngọt. Trong nhà lại hết tiền. Bố ông nghe nói nhà thằng lý Tồn có mật, nên đến mượn tạm. Nó đưa hẳn một bát, lại cho vay thêm hai đấu gạo nếp. Nó bảo:

- Người ốm thèm ăn gì, cứ cho ăn cái ấy, tự khắc khỏi.

Sau khi mẹ ông khỏi bệnh, thằng Tồn đến đòi mật và gạo. Bố ông không có để trả. Nó không nói gì, ra vườn ngắt cây mít, mới cao độ một thước, nói:

- Có đúng giống mít Vòng không?

Bố ông đáp:

- Thừa đúng.

Nó đúng một lát rồi về.

Nửa tháng sau, nó lại đến đòi nợ. Bố ông lại không có để trả. Nó nói:

- Thế thì vợ chồng mày gán cho tao cây mít con này.

Mẹ ông thấy không thiệt thòi gì, lại được sạch nợ, thì cho là một sự may mắn, nên bảo chồng:

- Phải đấy, cứ gán cho ông lý. Đến kỳ cúng ông thì xin ông ấy một quả. Chứ nhà ta ai thiết ăn.

Thằng Tồn bắt bố ông làm giấy nhượng đứt cho nó cây mít.

Vườn nhà. Nhưng cây của người.

Cái năm cây mít bói quả đầu tiên, bố ông đến nói với nó, xin để cúng ông cụ. Nó ngọt ngào đáp:

- Thế là đúng. Người trồng cây phải được ăn quả trước người thác. Được, mày cứ lấy. Nhưng đừng bỏ. Cúng xong lại mang trả tao.

Đến mùa rau, mẹ ông nhìn cây cải cứ bé cằn đi, nghĩ mãi mới tìm ra lý do:

- Tại cây mít che mát nắng, nên rau không lớn được. Phên gió tưới tắm là thế chứ còn thế nào nữa.

Bố ông thở dài:

- Rồi cây mít còn to, bóng rợp còn rộng. Rồi nó lại ăn hết màu đất. Không biết rồi vườn này trồng gì.

Năm sau, theo lệ năm trước, bố ông không nói với thằng Tồn, trảy một quả mít chín, định để cúng ông cụ.

Thằng Tồn - Khi ấy đã làm phó tổng - Giận cái thói nông dân tự do chiếm đoạt tài sản của địa chủ, nên phải làm cho bố ông biết tay nó.

Tay nó cầm cái ba-toong, hàm hàm đến nhà. Nó không đánh bố ông. Nhưng quật vào bài vị của ông nội ông, và chửi thằng ăn trộm mít. Nó hất cả mâm cơm cúng xuống đất.

Thấy bố ông nói bướng, nó trói vào gốc mít, bắt quỳ hai đầu gối vào hai nửa quả mít mới bỏ đôi. Rồi nó đánh và giao hẹn:

- Từ nay, ông giao cho vợ chồng mày phải trông cây mít. Mất quả nào, ông chẻ xác vợ chồng mày ra. Cho chừa thói ăn cắp?

Bố mẹ ông cực quá, nhưng không biết làm thế nào được. Cây lớn dần. Cà vườn bị cớm nắng. Cỏ cũng không mọc được hướng chi là hoa màu.

Mẹ ông bàn:

- Hay là bán quách vườn đi.

Nhưng không ai mua. Vườn ấy không thể trồng trọt. Và không ai dại mà làm người canh mít công không cho địa chủ gian ác, mất quả nào, chết với nó quả ấy.

Mẹ ông kiếm ăn mỗi năm một vát và thêm. Thiếu đất để trồng hoa màu, gia đình bớt hẳn một mối lợi.

Rồi sực nghĩ ra, bà bàn:

- Hay là ta bán vườn cho cụ chánh? (thằng Tồn đã làm chánh tổng).

Bố ông đến nói với nó:

- Ngày xưa cái năm u cháu ốm, cụ có giúp một bát mật với hai đấu gạo. Con gán hầu cụ cây mít. Ngày ấy cây còn nhỏ, không nói làm gì. Nhưng hai mươi năm nay, cây ấy sai quả, mùa nào cụ cũng hưởng. Đó là quyền của cụ. Con không dám nói đi nói lại. Nhưng có một điều con phải nghĩ ngợi nhiều, là cây của cụ, nhưng nó lại mọc trên vườn nhà con. Cho nên, con muốn nhường dứt hầu cụ cái vườn. Kéo con vẫn mang tiếng là có cây mà không được ăn quả.

Thằng Tồn bỏ dọc tẩu xuống, ngồi nhòm dậy, đáp:

- Anh nói cũng có lý, nhưng anh có để phần có lý cho tôi nữa hay không. Anh làm như ở đời này chỉ có mỗi một mình anh là khôn thôi ấy!

Rồi nói thêm:

- Anh xem, gần tất cả cây ăn quả ở xóm này là của tôi mua hết. Cũng như cây mít của anh. Nhưng có ai kêu ca phàn nàn gì đâu? Có ai đến nói nhường vườn cho tôi không? Ai cũng trông nom cho tôi rất cẩn thận, không cây nào suy suyền quả nào. Hơn hai mươi năm nay, tôi ăn mít Vòng đã quen rồi. Thôi anh về đi, nói lắm, rác tai tôi.

Nói đoạn, nó sai người đuổi bố ông Lũng ra cổng.

Năm năm sau, bố mẹ ông qua đời.

Ông Lũng cũng đẻ nhiều con. Gia đình càng đậm ra túng thiếu. Ông đã phải bán đến thửa ruộng cuối cùng cho thằng Tồn. Nhưng cái vườn sau nhà thì cho cũng không ai muốn lấy.

Bà Lũng bực mình lắm. Mỗi năm mùa mít đến, bà nhìn những quả xanh nhu nhú như cái nắm tay ở thân cây bà tính lấy gậy nhọn chọc cho thối mẹ tất cả đi cho đỡ ngứa mắt. Nhưng bà không dám. Tuy thằng Tồn đã từ chánh tổng nhưng con cả nó làm Lý trưởng uy quyền không kém bố ngày trước. Thằng này cũng có cái thói cho vay để chiếm cây ăn quả của vườn người ta.

Ông Lũng thì coi cây mít như một vật thù. Chính nó làm cho hai đời trong gia đình ông, vì túng bần, là vợ chồng, bố con lục đục, cãi cọ nhau luôn. Mùi quả chín thơm ngào ngạt luôn luôn nhắc ông đến những nỗi uất ức. Nhất là

khi thấy đứa con nhỏ tập nói “cây mít của nhà ta”, thì ông càng căm hờn. Ông nội ông, bố mẹ ông, nay đến vợ chồng ông, có cây mít ở vườn đấy, nhưng đã ai được biết mùi mẽ nó như thế nào đâu.

Một hôm, nghe con ông khóc, đòi ăn mít, ông không thể nhìn được. Ông cầm con dao dứa, chém vào thân cây hai nhát thật mạnh.

Việc đến tai thằng Tồn. Lập tức, nó phăm phăm đến.

Nó chửi ông là làm phản. Nó sai đầy tớ đóng bốn cái cọc ở cạnh gốc mít, buộc bốn chân tay ông vào, rồi cắm cây chuối vào lỗ đít, và đánh. Ông như con ếch bị căng, giẫy giụa. Một lát, máu đít vọt ra.

Bà Lũng ở đồng về, tay xách giỏ ốc. Thấy chồng bị đòn, bà vội vàng chạy đến. Thằng Tồn giật lấy, quăng ra ngoài hàng rào, rồi đá bà một cái ngã sóng soài. Ốc rơi tung toé.

Thằng bé con bò lồm ngồm theo cái giỏ, vừa nhìn qua kẽ rào, vừa khóc. Nó đói, mong mẹ về để có ốc ăn. Sau trận đòn, mình mẩy ông Lũng sưng vù, bốn năm hôm mới khỏi.

Đạo tháng năm năm ngoái, một đêm, mưa to gió lớn.

Cái cành mít to nhất bị gãy, rơi thẳng xuống nóc nhà.

Nhà vốn yếu, nên đổ. Cái cột đè lên đùi bà Lũng. Bà chữa mãi không khỏi. Hiện nay, đi đâu bà cũng phải chống nạng.

Cho tới năm nay, vừa đúng bốn mươi một năm, thì đội phát động về. Ông Lũng lấy lại được cây mít. Các cây trong làng cũng được giải phóng thoát tay địa chủ về với gia đình nông dân.

Lại đúng vào vụ mít chín. Ông Lũng bỏ một quả to nhất làm tư, bóc ra múi, đặt lên bàn thờ, rơm rớm nước mắt, khấn ông bà cha mẹ. Rồi vợ chồng con cái xúm lại ăn. Không ai nói với ai câu nào. Hmh như họ sướng quá. Không phải sướng vì được hưởng cái vị thơm ngọt của giống mít Vòng, nhưng sướng vì đã giành được cái quyền ăn quả của cây nhà trồng đã ba đời nay.

Nhưng ông Lũng ăn có ba miếng. Ông đứng phắt dậy, lấy cái đĩa, xếp vào đó độ hai chục múi to nhất, và nói:

- Để đến tối, họp xong, tao đánh lừa anh cán bộ về nhà, để mời anh ấy ăn với tao, thì tao mới thật thấy ngon, thấy sướng.

1955

Chiếc đèn pin

Lần sau, có việc lên tỉnh, ông Huyện Văn Giang vẫn vào trọ nhà Giốc như thường. Thế là bác thông phiên đã đoán sai. Bác tưởng hôm nọ xảy ra, nó động tới chỗ liêm sỉ của ông Huyện, bác sẽ mất đứt mối.

Mà rồi biết đâu, ông ta lại chẳng cố động các quan khách đến trọ cả nhà khác, thì thật là họa vô đơn chí.

Nhưng mà không. Ông Huyện vẫn vui vẻ sai bảo bác, như quên khuấy chuyện hôm nọ, đến nỗi bác nghĩ rằng hay là đêm ấy bác đã chiêm bao mê hoảng mà thôi.

Song, quyết là sự thực. Ngay hôm sau, khi ông Huyện đã về, bác Giốc nhieéc móc cô Khuê, đến nỗi cô ứa nước mắt nức nở nói:

- Thầy mà cứ đồ cho con phải lòng cái nhà ông dê già ấy rồi con tự tử cho mà xem! Con ngờ đâu ông ấy phải gió thế.

Bác Giốc quát mắt, hỏi:

- Sao thấy ông ấy vào, mà không hô hoán lên?

- Thì con có trông rõ đâu. Mãi đến lúc thầy đánh diêm soi, con thấy sáng, bùng mắt ra nhìn, con hoảng, mới kêu rú lên.

Nghĩ ngợi một lát, bác Giốc nói:

- Lần sau, tao chắc ông ta không còn mặt mũi nào vào trọ đây nữa. Nhưng hễ mà đi phố có gặp, mà nên tránh xa ra.

- Ngộ ông ấy cứ đến đây thì làm thế nào?

Bác Giốc hút xong điếu sái ba, ngồi nhồm dậy, tu một hụm nước rất nóng, đáp:

- Thì mà về nhà cô Lý mà ở. Ông ấy có hỏi, tao bảo mà đi đòi nợ.

Khuê trầm ngâm, thở dài, nói:

- Thật tự nhiên tốn tiền hành lý đi tránh nạn. Ít ra cũng mất ngót đồng bạc. Sao thầy không đề con ở nhờ nhà ai trên tỉnh này có được không?

- Ai người ta nuôi báo cô mày. Vả lại rồi người ta hỏi, tao sợ tai tiếng. Được, mày cứ nghe tao, về Ròng chơi với cô Lý mày dăm ba hôm.

Khuê nguây nguẩy:

- Về Ròng đi xa ốm lên ấy. Từ ga Gia Lâm kéo bộ theo đường đê thì nắng chết người! Mà làng Ròng cũng về Huyện Văn Giang của ông ấy.

Bác thông phiên cau mặt.

- Nhưng trong khi ông ấy lên đây, mày đi Văn Giang mày còn sợ gì. Vả lại ông ấy là phụ mẫu dân Văn Giang đời nào ông thêm trêu ghẹo mày ở hạt ông cai trị.

Bàn bạc với con như thế, bác Giốc yên trí giấu được Khuê vào chỗ kín đáo xa xôi.

Ngờ đâu ông Huyện Văn Giang thấy Khuê cắp nón và gói áo, lại biết rằng cô ra ga, thì ông vờ vịt hỏi bác Giốc:

- Con bé nó ra ga vào giờ này à?

Tưởng có nói thực cũng không hại gì, bác thông phiên đáp:

- Bẩm quan lớn, cháu nó về Ròng, chơi với cô Lý cháu.

Ông Huyện mừng thầm, hỏi:

- Ròng nào? Ròng Văn Giang ấy à?

- Bẩm phải ạ.

- À thế ra nhà mày cũng có họ với người ở Ròng đấy?

- Bẩm cô cháu lấy chồng ở Ròng. Chú cháu trước kia làm Lý trưởng.

Ông Huyện nghĩ một lát, rồi hỏi:

- Lý trưởng nào thế nhỉ?

- Bẩm Lý Trung ấy ạ.

Ông Huyện vừa gật gù vừa há to mồm ra mà:

- À, Lý Trung là em rể mày đó. Bây giờ tao mới biết. Ủi thằng ấy tao coi bộ cũng thực thà.

Nói đoạn, ông uống vội vàng chén nước rồi đi, sai lính xếp cả bàn đèn vào va-ly. Anh lính ngỡ ngác không hiểu ý quan ra làm sao. Vì theo lệ thường, ngài rất lễ mễ. Trước khi vào hầu cụ thượng, dù súng lục kê mang tai, ngài cũng hãy làm một hai chục điều cái đã.

Lần này thì chẳng có súng lục kê mang tai, mà ông Huyện cũng hết sức lật đật! Ông vào dinh, thu xếp công việc cho chóng xong, định về Văn Giang nội nhật hôm nay, để đến tối, vào làng Ròng. Chỉ có sắc đẹp mới khiến nổi ông nhin com trắng, com đen, đầy đọa cái thân già như thế.

Chiều hôm ấy, về tới nhà, một mặt ông Huyện bảo Cai việc cho người đến Ròng thăm xem nhà Lý Trung có phải mới có cháu gái đến thực hay không, một mặt ông sai làm mâm cơm, và tiêm chong chóng hút cho đủ bữa thuốc. Ông găt gong với ông Đề và ông Bộ-ba vào trình việc án mạng lúc trưa ở làng Phụng Công. Ông bực mình những việc quan trọng ấy đến làm rối beng cả óc, không cho ông được thông thả đề nghị nghị đến cuộc gặp gỡ dịu dàng sắp sửa này.

Rồi xâm tối, anh lính phụ khỏe nhất đã đội khăn, mặc áo the dài chỉnh tề, kéo xe ông về làng Ròng.

Chiếc xe nhà lãn đôi bánh gỗ trên con đường gập ghềnh, ông Huyện tuy đau đớn mệt nhọc, nhưng vẫn bắt chạy hết sức. Tay ông cầm chiếc đèn bấm năm pin, thỉnh thoảng lại bật sáng lên, để soi lối cho xe đỡ sa xuống ruộng. Hôm ấy là cuối tháng, trăng sao không có cả một cánh đồng như nhuộm mực.

Về đến Ròng, tuy ông ê ẩm cả lưng lẫn hai vé đùi, song ông thấy nhẹ nhõm ngay. Ông đi rõ nhanh, gọi cổng vào nhà Lý trưởng đương thứ.

Ông nói thực với thuộc hạ mục đích của ông, và hỏi:

- Vậy thầy có kế gì giúp tôi không?

Lý trưởng gãi tai đáp:

- Lạy quan lớn, quan lớn thương đến, chắc cô ấy phải bằng lòng ngay. Và lại cô ấy về đâu, chứ lại về hạt này, thì lọt làm sao được tay quan lớn. Mà con tưởng cô ấy định hầu hạ quan lớn, nên mới lập tâm đến chơi bà Lý Trung.

Ông Huyện vui vẻ, vỗ vai Lý trưởng, vừa cười, và nói:

- Ủ phải, thầy nghĩ đúng đấy. Thế bây giờ ta nên làm thế nào?

- Bẩm đề lát nữa, con bảo nhà con chạy đến nhà Lý Trung, bảo cô ấy sang chơi.

Ông Huyện lắc đầu, xua tay:

- Nó không đi đâu.

- Bẩm có, nhà con ghé vào tai cô ta, bảo thực rằng sang quan lớn đòi.

Ông Huyện gật đầu, nhấp chén nước chè tàu, rồi giục:

- Thầy bảo cô ấy nhà thầy đi ngay cho tôi.

Cái tin quan về làng, tự nhiên đồn âm từ nhà nọ sang nhà kia. Người ta biết rằng quan, vì nhận được cái xe nhà gỗ sơn đen để ngay ở ngõ ông Lý.

Cả làng lo lắng chẳng hay có việc gì chẳng lành, mà đang đêm hôm, quan về một cách bất thành linh như thế.

Duy cô Khuê hiểu. Cô kể sự tình với bà Lý Trung, và hỏi xem nên trốn tránh chỗ nào cho thoát.

Bà Lý Trung bàn bạc với chồng, rồi nhất định dắt cô sang nhà người anh rể họ ở làng bên cạnh.

May sao, hai cô cháu vừa bước chân ra khỏi nhà độ mười phút, thì ở ngoài cổng có tiếng bà lý đương nheo nheo gọi.

Song bà thấy thất vọng ngay, vì thấy nói hai cô cháu mới ra Hà nội lúc chập tối.

Ông Huyện được tin, như bị sét đánh. Ông há mồm mãi mới đáp dĩnh nói được:

- Thế cô có vào trong nhà xem xét kỹ càng hay không?

- Bẩm không?

Ông Huyện giơ cả hai tay lên trời, mắng:

- Đồ ngu? Thầy lý đưa tôi đi vậy. Tôi đã biết rằng vợ thầy không được việc gì đâu mà.

Lý trưởng sợ tái mét mặt, vội vàng thắp chiếc đèn bão và cấp tráp điếu, theo quan đi.

Đến nhà Lý Trung, ông Huyện gọi người mở cổng.

Ông không nói rõ là khám xét gì, cứ xông xộc sấn vào, bấm đèn lên nhà trên, xuống dưới bếp, ra cả chuồng trâu, chuồng lợn. Sau khi sục sạo một hồi vô ích, ông đứng giữa sân ngẩn ngơ thờ dài. Lý Trung mời khan mời vãi, sao ông cũng không ngồi nghỉ. Rồi chẳng nói chẳng rằng, một mình lại xăm xăm đi sang hai bên hàng xóm. Không biết nghĩ thế nào, ông không cho ai đi theo hầu, ông chắc Khuê đã nhanh chân, chui sang ẩn nấp ở đó.

Nhưng sự tìm tòi cố nhiên không có kết quả, gia dĩ ông lại bị thiệt hại: ông vấp vào cái chốt cổng suýt ngã, cái đèn bấm rơi bắn ra xa, tìm hết hơi cũng không thấy.

Ông phát cáu, gọi vánh Lý trưởng bảo đi về, và cùng đường, ông hết lăm lăm đến gắt gỏng:

- Thầy không được việc gì cả.

Lý trưởng sợ hãi, gãi tai nói:

- Lạy quan lớn, tha tội cho con. Bấm bây giờ xin quan lớn cứ nghỉ ở nhà, con sai tuân đi tróc, thế nào cũng thấy cô ta.

Một người thất vọng đến đâu cũng không bao giờ dám tuyệt vọng, cho nên ông Huyện bầu ngay vào cái chút hy vọng ấy, tuy biết nó chẳng vững vàng gì.

Ông nằm khan trên sập nhà Lý trưởng, tay vất lên trán, thỉnh thoảng lại thờ dài. Ông tiếc cả cái đèn pin nữa. Thực là thiệt đơn thiệt kép.

Mỗi tên tuân vác gậy về không lại làm ông chán nản một tý. Rồi đến người cuối cùng thì sự tuyệt vọng của ông đến chỗ hoàn toàn.

Lúc ấy đã đầu trống ba. Ông bồng vũng ngồi dậy, bới lại tóc, cấp khăn vào nách, xỏ chân vào giày, gọi Lý trưởng.

- Bảo nó kéo xe cho tôi về Huyện.

Lý trưởng sợ sệt nói:

- Bẩm đêm đã khuya, mời quan lớn nghỉ lại, nhà chúng con cung sạch sẽ.

- Thôi, thầy cắt hai tên tuần lực lương cho chúng nó đi hầu tôi.

Nói đoạn, ông Huyện như người điên, ùng ùng đi một mình ra cổng chẳng chờ ai cả. Lý trưởng học tốc chạy gọi tuần, và sai người sắp sửa đèn đuốc. Chẳng mấy chốc, giữa hai ngọn lửa sáng, chiếc xe đen đã ì ạch nghiêng bánh lên trên con đường đất gồ ghề.

Sáng hôm nay, Lý trưởng làng Ròng đang ngủ ngon giấc, thì có người đánh thức dậy, ký nhận tờ sức của quan Huyện.

Văn Giang, ngày 25 tháng 2 năm 192...

Le Tri Huyện sức Lý trưởng xã... Tuân cứ.

Tối hôm qua, bản chức đi tuần lại xã thầy và có mang theo chiếc đèn bầm năm pin, mọi nhẽ.

Vậy không biết tên nào cầm đèn ấy, chưa nộp lại bản chức, nay sức thầy phải tìm cho ra và đệ tại bản nha trước ngày 2 tháng 3. Nhược bằng đưa gian giáo có ý chiếm đoạt, thì sẽ phải tội nặng.

Nay sức

Le Tri Huyện

(Ký tên và đóng kiem)

Đánh vần xong, Lý trưởng cậy cục dử mắt, bôi vào cột, thù người ra nghĩ, mặt tái dần.

(Mars -1938)

Lại chuyện con mèo

Vừa bước chân tới cổng sỏ, tôi đã thấy chiếc xe Pho ấy đứng trước thềm nhà, và tiếng chủ tôi nói oang oang trên gác.

Bốn năm nay, làm ở đây, tôi chưa hề thấy có việc khác thường như lần này. Tôi bình tĩnh sao được. Chủ tôi vốn là dân làng bẹp, dân làng bẹp hạng nặng, nên ngày thường sớm lắm là tám giờ ông mời tỉnh giấc. Mà sau khi rửa mặt, mặc quần áo, điểm tâm (bằng nước cà phê sữa) và điểm phổi (bằng khói thuốc phiện) thì ít ra đến chín giờ ông mới xuống làm việc được. Vậy mà chẳng hay hôm nay đã xảy ra việc gì phi thường, đến nỗi ông bỏ cả lễ.

Tôi vội vàng rảo bước vào buồng giấy để chờ sẵn. Vì chắc rằng trước khi đi vắng, ông chủ cần dặn dò tôi điều nọ điều kia, hoặc giao công việc cho tôi.

Nhưng chờ mãi, tôi vẫn không thấy gì. Tôi đến bàn chủ xem có dây thép hoặc thư từ gì khẩn cấp không.

Cũng chẳng có gì đáng chú ý. Tôi ngạc nhiên hết sức.

Ngoài sân, vẫn vọng ra tiếng chủ nói và tiếng chân người chạy ở tầng trên.

Tôi mở cửa gọi loong-toong. Nhưng không ai trả lời.

Bỗng người bồi chạy vụt qua. Tôi vội vàng hỏi:

- Việc gì thế?

Người ấy không dừng lại, chỉ cau mặt để đáp bằng hai tiếng vùng vùng, cộc lốc:

- Ô! Thôi!

Tôi nhận thấy trên má anh có hằn năm vết đỏ, nên tôi chột dạ, càng cố tìm cho hiểu việc gì.

Mà tiếng gót chân dồn dập nện ở cầu thang mới làm tôi kinh hãi làm sao.

Thì may quá, thấy người sỏ-phơ léo nhéo ở ngoài hiên, tôi vội vàng mở cửa sổ ra:

- Việc gì thế, bác?

- Đi nhà thương. Đương gắt như mặ́m đậ́y!

Trả lời một cách oán hờn, anh ta lại vội chạy ngay xuống bếp.

Đi nhà thương? Trong nhà đã xảy ra tai biến gì?

Hay thằng Jean, thằng con trai yêu quý của chủ tôi đã làm sao? Có thể thế lắm. Thằng bé này, chắc vì vú nó lơ đễnh, đã để nó ngã gác. Hay nó bị cảm phong?

Nhưng sao chủ tôi không gọi đây nói mời bác-sĩ đến cấp cứu? Tôi thương hại thằng bé, nếu nó đã gặp nạn. Nó là một đứa ngoan ngoãn, lễ phép. Vừa mới chiều qua, khi thấy tôi hết công việc, nó sấn đến cạnh tôi, đặt hai cánh tay mũm mĩm lên bàn và kiễng chân, há miệng, để ngó lên chỗ tôi làm việc. Ai mà không yêu nó được.

Tôi bế nó, đặt trên đùi. Nó hỏi tôi bằng những câu rất ngây thơ, khiến chủ tôi phải cười đau bụng.

Tôi vừa tính lên gác để thăm nó, nhân tiện xem có thể giúp ích cho chủ việc gì chẳng. Thì bất đồ, tôi thấy chính thằng Jean đương níu tay, co vú nó ra sân sau.

Nó vẫn hồng hào, ngoan ngoãn, và nhất là vẫn lành lặn như thường.

Tôi vẫy tay, gọi vú:

- Chị Hai!

Và hát hàm, tôi trở tay lên gác để làm hiệu hỏi.

Chị Hai mỉm cười, gật đầu, đáp lại tôi bằng một tiếng:

- Đẻ!

Tôi cau mặt để nghĩ. Quái! Ai đẻ? Tôi lại hỏi:

- Ai?

Nhưng chị Hai muốn chừng không nghe rõ, nên đáp:

- Đi nhà thương.

Rồi chị bị thằng Jean co đi xa, khiến tôi nghĩ vẫn nghĩ vợ một mình, mà càng không hiểu việc gì cả.

Đẻ? Ai đẻ? Hay bà chủ? Không có lý. Bà ấy mới có mang được bốn tháng. Chủ tôi nói chuyện với tôi thế.

Vậy lẽ nào bà ấy đã đẻ sớm thế được. Hay là đẻ non?

Nếu vậy, thật là một tai biến cho chủ tôi. Chủ tôi đã tát anh bồi. Phải chăng vì lo cho vợ mà ông đã loạn trí?

Tôi làm ở đây bốn năm. Chủ yếu tôi. Tôi mền chú. Sao tôi thấy cái tin dữ dội này mà thờ ơ cho được? Và bà chủ là một người phúc hậu, thực thà. Tuy bà là vợ một người Pháp sống ở bên thuộc địa, người Pháp ấy lại là nhà doanh nghiệp khá to, vậy mà bà vẫn làm những công việc như vợ một người thường. Chính mắt tôi hàng ngày đã thấy bà vào bếp làm đồ ăn. Và khi rồi, bày vò cả quần áo giúp bồi. Bà đối với kẻ ăn người làm rất ngọt ngào, rộng rãi, đến nỗi chưa bao giờ tôi thấy ai oán thán một câu nản.

Tiếng chủ tôi vẫn một giọng gắt gỏng ở trên gác.

Tôi đứng đắn đo, xem rằng lên hỏi thăm bây giờ có phải phép hay không. Và cũng nên biết đích sự thực đã. Thì may thay, người loong-toong đã ở đâu về. Anh ta xuống xe ở cổng trả tiền vôi vãi và tay ôm cái chai và gói gì to, tất tả rảo cẳng vào nhà.

Nghe tôi hỏi, anh ta chỉ đủ thì giờ trả lời bằng ba tiếng, đã vôi biến mất:

- Bông, băng, còn.

Đích là những thứ cần cho sự đẻ. Tôi phải đi đi lại lại trong phòng, châm thuốc hút để nghĩ xem nên xử trí thế nào. Từ lúc ấy, tiếng chân chạy trên gác càng vôi vàng tấp nập.

Nhưng bỗng tôi ngạc nhiên hết sức. Và do đó, tôi lại yên tâm. Là vì tôi vừa nghe tiếng dịu dàng của bà chủ tôi gọi thằng Jean:

- Jean! Lên hôn Ba! Ba sắp đi đấy.

Ô hay! Ba thằng Jean sắp đi? Chủ tôi sắp đi? Đi đâu? Không có lẽ ông lại đi nhà thương đẻ đẻ.

Tôi mong loong-toong xuống để hỏi.

Tôi nhắm lại xem trong nhà nay còn ai có thể để được nữa không? Không. Trăm câu hỏi vẫn vơ quấy lộn trong óc tôi. Và sau hết, tôi quyết rằng bọn bồi, bếp, sếp phơ, vú em, loong-toong không hiểu việc gì hết. Họ nói liều cả.

Nhưng bỗng không, sao từ nãy, trong nhà như có biến động? Hay chính chủ tôi đã gặp hoạn nạn gì chẳng? Xưa nay ông điềm đạ, sao bây giờ ông to tiếng, cái kính làm vậy?

- Bác Năm đâu. - Ông ấy hỏi - Có phải mua thêm xăng không đây?

- Đủ cả rồi.

Thấy tiếng xôn xao ở chân thang, tôi vội ngó cổ ra, thì những người ấy đã đâu cả.

- Gớm, đi tránh ra, người ta đã vội mê thần đồng lên, lại còn án hương. Ông ấy lại bạt tai cho cái nữa bây giờ.

- Gắt cái con khi, ai không vội?

Tôi lại mở cửa, thì cũng chẳng thấy còn ai.

Trên đệm ô-tô, người ta đã đặt những gói nho nhỏ

Tôi bèn chờ ở cửa sổ, để đợi người mà hỏi.

Anh bồi ôm lễ mễ cái chai còn gắn xi nguyên, một cái hộp nhỏ từ trên gác xuống, rồi để trong xe. Tôi vẫy tay, toan hỏi. Bỗng bị chủ gọi giật, anh ta phải thưa:

- Me-xù!

Rồi tất tả chạy lên.

Một lát, anh sếp-phơ hất tấp vắn kính cửa xe cho kín, rồi lấy tay trở để đếm đồ đạc. Anh ngồi sẵn, cầm tay lái để chờ. Lúc ấy, người loong-toong cũng đứng ở bậc thềm. Tôi hỏi:

- Bác đi đâu về thế?

- Tôi mua bông, băng, còn. Nhà có sắm đủ cả, nhưng ông chủ bảo bông cũ, xấu, phải mua thứ mới. Ông ấy có hiểu quá?

Nói đoạn, anh lắc đầu, mỉm cười với sếp-phợ, rồi tránh rập sang một bên, khiến tôi muốn hỏi, lại không dám hỏi nữa. Tôi biết là có cái gì đáng kính trọng sẽ qua trước mặt anh.

Cái đáng kính trọng ấy, hẳn là ông chú, hoặc bà chủ tôi.

Tôi đoán không sai: Bà chủ tôi tắt tả ra xe, ngó vào trong, soát lại các đồ đạc, rồi nhìn lên gác, gọi chồng.

Bà đứng đợi, một tay giữ lấy cửa xe mở rộng.

Tôi tính ra sân hỏi. Nhưng khi thấy trên mặt bà có vẻ băn khoăn, nên tôi lại trù trù.

Rồi tiếng giày chậm rãi xuống thang gác và ở sân, mọi người quay cả lại phía cửa.

Tiếng giày ấy là tiếng giày ông chủ tôi, tôi nghe đã quen tai. Hẳn là không cần hỏi han ai, nửa phút nữa, tôi có thể biết cái việc quan trọng đã xảy ra trong gia đình này.

Chủ tôi tóc chưa chải, cavát buộc đôi đá, ở trong nhà, xuống thềm. Ông đi thong thả, nhìn từng bước.

Mặt ông rất buồn bã, đau thương. Vừa đi, ông vừa nói những tiếng dõ dành. Hai cánh tay ông khoanh lại trước ngực, vì ông phải nung niu một vật nặng.

Ông gượng nhẹ, ngồi vào đệm xe, mặc cho bà vội đóng cửa lại.

Xe từ từ chạy. Mọi người nhìn theo, và bởi vì đã làm xong việc quan trọng, nên cùng nở một nụ cười.

Tôi cũng thấy được nhẹ bỗng, vì vừa tìm ra câu trả lời rất giản dị của bài tính đó tưởng rất khó tin.

Thì ra sở dĩ từ sáng đến giờ chủ tôi phải trăm đường vất vả, sinh ra ác nghiệt, cả nhà chạy loạn xạ, bối rối như có cuộc lở đất long trời, là vì con mèo Mi-mi sắp đẻ, nên chủ tôi phải sửa soạn để đem nó vào sở Thú y.

8-1939

Hé! Hé! Hé!

- Này xe, cái con mẹ thất lưng tím đang đi trước hiệu Phúc An kia, có phải là vợ nhà Chánh tổng Đồng Quân không nhỉ?

- Bẩm cụ lớn phải ạ.

Cụ lớn - Bởi vì người đàn bà này được diễm phúc hơn người khác ở chỗ có chồng làm quan đến chức tuần phủ. Cụ lớn nghĩ một lát, rồi hỏi:

- Tên con mẹ là Chánh gì hở?

Anh xe vừa bậm chuông, vừa đáp:

- Bẩm, chánh Tiền ạ.

Cụ lớn mỉm cười:

- Tên nó thế không trách nó giàu. Nhưng nó ăn mặc thế kia, đồ ai biết nó có hàng vạn. Đến gần nó, mày đồ cho tao xuống nhé.

- Dạ.

Lúc ấy bà chánh Tiền đương đi vội vàng trên hè. Bà không để ý đến đường phố, bởi vì ở nhà quê ra tỉnh, bà định sắm ít xẻng cuốc, cùng vài thứ lật vật, nên đi đi lại lại ở phố Khách đến mười lượt, để khảo giá các hiệu bán đồ sắt.

Bà mặc áo vải nâu dài không gài khuy, và quần sồi thâm ngắn cũn cỡn. Cánh tay bà khoác cái nón đã tầu tầu Tất cả bộ cánh của bà chỉ hơn người nhà quê thường có cái thất lưng tím.

Bà đương nhìn vào hiệu Phúc An, bỗng tiếng cười khanh khách giòn tan ngay bên cạnh tai, làm bà giật nảy mình:

- Hé? Hé! Hé! Bà chị lên tỉnh từ bao giờ thế?

Cụ lớn Tuần nắm lấy cổ tay bà Chánh, và vồn vã hỏi thế. Thì không ngờ bà này, được hân hạnh bất thần, sung sướng quá, đến nỗi rú lên một tiếng “ôi”, và cảm động suýt rơi nước mắt. Bà ta vội vàng chấp hai tay để vái lúi lại một bước, cung kính chào:

- Lạy cụ lớn ạ.

Cụ lớn nhăn mặt, xoa tay:

- Không, không cụ lớn cụ bé gì, chị em mình bạn gái, ai hơn tuổi là chị, ai kém tuổi là em. Có các ông ấy làm việc với nhau thì muốn gọi nhau là gì thì gọi.

- Dạ, lạy cụ lớn.

- Ô đừng cụ lớn cụ bé gì mà? Hé? Hé? Hé!

- Lạy cụ lớn cho phép con gọi thế ạ.

- Gớm, các bà chị đến khó bảo. Thế nào, bà chị lên tỉnh từ bao giờ, sao không vào trong dinh chơi?

- Lạy cụ lớn tha tội cho, chúng con ăn mặc sỗ sề, sợ vào thì làm bận mắt cụ lớn.

Cụ lớn cười xoa:

- Ô bà chị cứ dạy thế. Tôi trách đấy!

- Lạy cụ lớn, cụ lớn là chỗ cha mẹ, cụ lớn tha tội cho con cháu.

- Thế thì bây giờ vào chơi vậy.

- Lạy cụ lớn, dạ.

- Vào ăn cơm với tôi cho vui nhé.

- Lạy cụ lớn, chúng con đã vô phép cụ lớn rồi ạ. Nhà quê chúng con hay ăn cơm sớm.

- Thì vào chơi nói chuyện vậy. Ông Tuần tôi đỏi về đây, tôi đến thăm các bà chị một lượt, thế mà các bà chị lên tỉnh, không bà nào vào chơi với tôi. Tôi giận lắm đấy.

- Lạy cụ lớn, chỗ chúng con là con cháu, chỉ sợ ăn nói thất thố, nên không dám vào đó mà thôi.

Thì tôi đã bảo chỗ chỉ em mình là bạn gái với nhau, ta cần gì. Các bà chị đong bán, tôi cũng đong bán. Các bà chị làm ruộng, tôi cũng làm ruộng. Thật đấy, ở nhà, tôi cũng vằn giặt giũ, quét tước, chứ có xem xếp ngồi không như

các bà quan khác đâu. Hé! Hé? Hé!

- Dạ.

- Vào chơi trong dinh nhé.

- Dạ, chúng con xin theo hầu cụ lớn.

- Ừ lên xe tôi mà đi.

Nói đoạn, cụ lớn gọi chiếc xe hàng, để nhường bà Chánh Tiên ngồi xe nhà.

Cử chỉ không ngờ này lại khiến bà Chánh cảm động.

Lần này, bà ứa nước mắt thật. Bà ngượng nghịu, run sợ thế nào ấy. Nhìn chiếc xe sơn giả đồi mồi, gọng kèn sáng loáng, vải đệm trắng tinh, bỗng bà ghê cả người.

Bà tưởng như mình không xứng đáng được dùng những thứ sang trọng quá quắt như vậy. Và khi đặt tấm thân cục mịch lên trên chiếc đệm êm ái do cụ lớn nhường cho, bà khoan khoái nghĩ bụng không biết mấy mươi kiếp trước tu đã dày dặn thế nào, nên kiếp này mới được đền bù bằng một phút hạnh phúc này vậy.

Bà ngồi móm trên xe, bà vẫn còn rùng mình. Bà ngẫm đến lời ngọt ngào, tử tế của cụ lớn mà nở nang cả mày mặt. Sao lại có bà quan dễ dãi, phúc hậu như bà Phật này. Một đời người, dù khổ sở thế nào, mà được cụ lớn ban chuyện cho một lát, một lát thôi, thì còn ai muốn chết nữa. Vợ một quan Tuần phủ, vợ một cụ lớn đầu tỉnh, mà đối đãi với vợ một tên Chánh tổng quen, ăn nói thân mật như chị em, nào nắm tay vồn vã, nào bà chị, nào hơn tuổi, nào vào chơi, nào trách móc, trời ơi ai được thế mà chả thọ thêm đến mười năm! Nghĩ đến đó, bà Chánh dào dạt cả tâm hồn.

Bỗng xe bấm chuông và chạy quanh vào dinh. Bà Chánh vội vàng tụt xuống đất, và nói:

- Anh đỗ cho tôi xuống đi bộ, kéo cụ lớn trông thấy lại quở!

Nhưng cụ lớn bà nghe tiếng. Cụ lớn quay lại xua tay cười:

- Không can gì. Đàn ông họ không hay chấp nê như bọn mình đâu.

Đến thêm nhà tư, bà Chánh chùi chân vào chiếc thảm rất kỹ lưỡng, rồi mới dám bước lên gạch hoa. Và cụ lớn phải kéo mãi, bà mới dám ngồi trên chiếc ghế bành đánh bóng. Bà thít người lên.

Cụ lớn gọi lính quạt nước, và lấy lọ chè cất trong tủ mà cụ lớn khoe là thượng hảo hạng. Chính cụ lớn tự pha ra chén, và đưa tận tay mời bà Chánh Tiền.

Mỗi lần bà Chánh được cụ lớn ban cho những câu tử tế dễ dãi, ngọt ngào, thì bà lại rom róm nước mắt.

Cụ lớn hỏi thăm về mùa màng, đong bán. Cụ lớn bàn lẽ thiệt hơn về lời làm ăn. Bà Chánh cảm sự nhã nhặn bao nhiêu, lại phục sự đảm đang của cụ lớn bấy nhiêu. Và cụ lớn nói cả chuyện buôn bán của cụ lớn khi gọi họ, khi đong thóc, khi cân sơn, khi buôn tơ, khi đặt đay, vân vân, bất cứ dịp nào có lãi, cụ lớn cũng không để tiền nằm yên bao giờ.

- Phi thương bất phú, bà chị ạ ông nhà tôi tiếng rằng làm quan, nhưng lương lậu có được là bao. Hé? Hé! Hé!

- Dạ, lạy cụ lớn, cụ lớn ông thực là nhân quan:

- Phải, cho nên tôi vẫn phải giữ nghiệp nhà, là lấy sự buôn bán làm căn bản. Làm bà quan, chẳng qua như được hưởng cái hoa thơm, chứ sung sướng sao bằng các bà chị có ruộng nhiều. Thế năm nay bà chị chỉ cấy có năm mươi mẫu thôi à?

- Dạ, lạy cụ lớn, năm nào chúng con cung chỉ cấy có ngần ấy, còn cho người ta làm rẽ. Vì nhà neo người, sức một mình con không kham nổi ạ.

- Phải, tội gì vất vả lắm. Vả lại chỗ cho người ta cấy rẽ, cũng thừa ăn tiêu rồi còn gì.

- Dạ.

- Chỗ năm mươi mẫu ấy, bà chị bảo trữ lại để bán là phải lắm. Thóc được giá mà không bán, chỉ tổ để chuột cắn.

- Bẩm cụ lớn; mấy li nhà con chặt, không có chỗ chứa thêm thóc nữa ạ.

- Ô quý hóa quá, trong nhà bà chị có những hai lẫm thóc to tướng, thế mà không đủ để chứa thóc kia à?

- Dạ, lạy cụ lớn, thầy chánh nhà con vẫn cứ định xong mùa này thì xây thêm mấy gian nữa. Thầy cháu cứ không muốn bán, bảo trữ lại, chờ năm vỡ đường hãy hay. Nhưng con tưởng đề thóc năm chờ đấy, thà bán đi để đong cái khác còn hơn.

- Phải, bà chị nghĩ chí phải. Việc tiền nong phi ở tay bọn mình không cô lợi. Các ông ấy đàn ông đàn ang gặp đâu nói đấy, chứ sao bằng bọn mình. Hé! Hé! Hé!

- Dạ.

- Thế bà chị còn được bao nhiêu thóc ở trong nhà?

- Lạy cụ lớn, cũng còn độ hơn nghìn bạc, chứ chả mấy ạ.

- Ô, quế hóa quá! Bà chị không bán à?

- Bẩm ý con muốn bán, nhưng thầy cháu cứ muốn giữ lại.

- Ô, này, bà chị để tôi đong cho, cho ông tức một mẻ!

Bà Chánh sung sướng, đáp:

- Dạ, cụ lớn dạy thế còn gì bằng.

Thật đấy, cho tôi đong một nghìn nhé...

- Dạ, cụ lớn đã dạy, thế nào con chả xin tuân.

- Nhưng mà này, chỗ chị em, chả nên giấu giếm nhau. Tôi vừa có dăm nghìn, lại tậu cái đất trên Hà nội để làm nhà cho khách chạy loạn thuê mất rồi. Bây giờ chỉ còn dăm chục để ăn từ nay đến cuối tháng. Bà chị có cho đong chịu hãy nhận lời.

- Lạy cụ lớn, bao giờ cụ lớn ần cũng được, miễn là cụ lời nhận mua là may cho con lắm rồi.

- Thế bà chị không sợ tôi quyt à? Hé Hé! Hé!

Bà Chánh cười theo:

- Lạy cụ lớn, tôi con nào dám ngờ cha mẹ.

Cụ lớn bèn nghiêm trang nói.

Nhưng mà này, chị Chánh ạ, tôi nhận đong của ba chị một nghìn đồng bạc thóc, nhưng tôi hãy cứ gửi ba chị ở nhà đây. Như vậy, bà chị hẳn khỏi nghi nhé! Hé Hé! Hé!

- Lạy cụ lớn, chúng con nào dám thế, xin cụ lớn cứ cho xe về.

- Không, tôi cứ gửi ở nhà bà chị. Bởi vì trong dinh chật chội, có chỗ nào chứa đâu!

- Dạ.

- Rồi bao giờ tôi thuê được nhà ngoài phố, sẽ cho nó về lĩnh thóc sau.

- Dạ.

Bà Chánh nói chuyện một lúc lâu nưa, mới hả hê cáo từ ra về.

Và cô nhiên đến nhà bà nhắc lại nguyên văn cho cả làng, cả tổng nghe những câu nói tử tế, nhã nhặn, dễ dãi, phúc hậu của cụ lớn Tuần.

Ba tháng sau, trời làm lụt lội và đói kém. Thóc lúa cứ cao lên vòn vọt. Việc vào dinh hầu cụ lớn đã thành ra một thời sự cu cũ. Cho nên bà Chánh Tiền chỉ còn trông thấy chỗ cây thóc bán chịu cho cụ lớn mà thôi. Bà thờ vắn, thờ dài. Thà cụ lớn cho người đem đi cho khuất mắt, hoặc cụ lớn bán cho ít nhiều để làm vốn thì bà cũng cam lòng. Từ nọ đến nay, bao nhiêu người xin đong mà bà không dám bán. Bà tiếc quá. Song nghĩ đi thì thế, mà nghĩ lại, bà cho là chẳng thiệt nào. Một đời dễ mà gặp được một bà quan đầu tỉnh đối với vợ một thầy chánh tổng vòn vãi, dễ dãi, phúc hậu, như thế.

Người ta có tiền nghìn bạc vạn hẵn hoi, cũng không thể mua được lời nói tử tế của người trên. Cho nên, nghĩ tới đó, bà lại thấy hả hê, sung sướng nguyên vẹn.

Một hôm, có người lính tuần về Đồng Quân, đưa bà Chánh phong thư. Bà bảo chồng mở ra để đọc:

“Bà chị.

Bây giờ thóc được giá, tôi nhờ bà chị làm ơn bán cho chỗ thóc tôi gửi bà chị trước. Cứ thời giá, thì chỗ ấy thu được đến hơn nghìn rưởi, nhưng tôi chỉ lấy trong nghìn tư mà thôi, còn bà chị có bán được hơn thì mặc ý. Vậy chỗ một nghìn, tôi xin nộp lại bà chị, còn năm trăm lã thì đến 25 này, mời bà chị lên chơi và đưa cho tôi. Thực là tôi quấy rầy bà chị quá, xin bà chị miễn trách.

Lâu nay không thấy bà chị lên tỉnh, tôi nhớ lắm. Vậy thế nào 26 này, bà chị cũng lên, nhân tiện chúng ta nói chuyện với nhau cho vui.

BÀ TUẦN”

Nghe xong thư, bà Chánh Tiền nhăn nhó, rồi thở dài mãi.

Thóc này bán cho ai được, để kịp 26 có năm trăm đem lên nộp cụ lớn đây? Thì té ra bây giờ xoay ngược lại bà là con nợ của cụ lớn.

Suốt mấy ngày, bà lo lắm. Bà phải chạy khắp các nơi để mời người đến đong, nhưng không xong. Chả ai có vốn nữa. Mà ngày 26 cứ gần dần.

Lắm lúc định liều, bà tính cứ lên tỉnh, rồi bầm với cụ lớn là thóc ế. Như vậy bà có thể không thiệt hại gì.

Song, thế không tiện. Cụ lớn đã tin cậy mà giao cho một việc. Mới có mỗi một việc. Chả lẽ chưa chi đã phụ bụng tốt của cụ lớn? Vả lại cụ lớn vốn vã, ngọt ngào, dễ dãi, phúc hậu, ai nữ xử lại thế được?

Kết cục, là ngày 26, bà Chánh Tiền lên tỉnh có mang đủ số năm trăm lã thóc của cụ lớn.

Món năm trăm ấy, bà phải viết văn tự để vay. Bà hậm hực, tức bực và oán thán cụ lớn lắm.

Nhưng mà:

- Ấy kìa! Hé! Hé? Hé? Bà chị! Tôi mong mãi!

Cụ lớn nắm lấy cánh tay và vỗ vập nói thế. Bà chánh Tiền bỗng quên hết mọi sự. Bà lại cảm động, rom róm nước mắt, và hởi lòng hởi dạ như thương.

Kìa! Con...

Bây giờ lắm lúc ngồi buồn mà nghĩ đến chuyện ấy, tôi lại vừa buồn cười, vừa xấu hổ...

Ngày tôi còn đi học ở Hà nội, tôi vẫn nghe anh em bạn kháo nhau rằng hiệu thợ may Đại Ích, mới dọn đến phố Hàng Bông, có một cô con gái đẹp lắm mà ai đã trông thấy một lần cũng phải chịu là một vị tiểu thư tân thời, một giai nhân tuyệt thế, và công nhận cái tên tặng cho cô là “Ngôi sao Hà Thành” là không sai. Ừ không biết các cô gái non, đến tuổi mà chưa được bỏ làm vợ, thường ngày bị các công tử nhắc nhảm luôn thì các cô có hay hắt hơi không? Có khi các cậu lại gọi chằng cả là “mợ nó” mới đáng phục chứ! Ấy, cô này cũng bị chúng tôi, đũa nào đũa ấy, khép án vắng mặt một cách vô lý thế. Duy có tôi, tuy chẳng đạo đức gì nhưng không nhận vợ, vì tôi mới chỉ được nghe tiếng chứ chưa được biết người, cho nên mấy bận đi gần, tôi cố ý liếc mắt nhìn trộm qua tủ hàng, nhưng tức quá không bận nào rõ, chỉ thỉnh thoảng mới thấy cô ấy ngồi thon lòn bên quầy, mặt méo xệch sau hai lần kính tử?

Cụ Đại Ích - Tôi xin phép các ngài gọi thế - Mà nói câu này, các ngài cũng bỏ ngoài tai, vị nào có con gái đẹp, thì tự nhiên trông ra phúc hậu, oai vệ ngay, mà đường đường một đáng bố vợ, dù râu ria chưa có, dù vẫn trẻ măng, nhưng tôn lên chức cụ cũng đáng, mà cô em càng nõn nà, thì ông cụ càng có giá trị. Cụ Đại Ích nhà tôi cũng có giá trị lắm, tuy mặt cụ cũng non nót, chỉ độ băm nhăm bốn mươi tuổi là cùng. Cứ xét mặt cụ thì cũng là tay đao để, thâm trầm lắm, nhưng đao để thâm trầm ở đâu chứ đối với khách mua hàng, cụ rất dịu dàng, ngọt ngào, vui vẻ, nhất là rất lễ phép. Cái lễ phép ăn người của nhà buôn, vì thỉnh thoảng nể lời ăn nói, cách cử chỉ của cụ nhiều người phải vui lòng, miễn cưỡng mua một thứ hàng không vừa lòng.

Tôi lập tâm xem mặt cô con gái cụ mãi mà không ăn thua. Một lần xin được tiền nhà may bộ quần áo Tây, tôi quyết vào hàng cụ dù đắt rẻ thế nào cũng được một dịp làm quen, lần này còn lần khác. Tôi yên chí tài nào cũng gặp mặt cô con gái cụ, nhưng ngờ đâu số tôi đen, đã cố chọn vải, đo người, dăng dai cho đến hàng giờ đồng hồ mà không gặp, tôi đành ngậm bồ hòn ra không. Giá luật cho phép khách mua hàng được nằm ăn vạ lý tù tù ở nhà chủ cho đến khi thấy mặt cô con gái thì tôi cũng chẳng về!

Cụ Đại Ích tiếp tôi rất lễ phép. Cứ những lời cụ rót vào tai tôi thì tôi tưởng dẫu cụ đã tính bộ quần áo ấy đắt hơn hiệu khác ba đồng bạc, nhưng tôi cũng không dám ân hận chút nào. Mà giá cụ làm ơn thả tiểu thư nhà cụ ra

cửa hàng cho tôi được ngắm, thì dù cụ cưa nặng mấy, tôi cũng phải cố nhắm mắt, nhắm mũi mà thọc tiết ví.

Đây những câu sau này, tôi nhắc lại các ngài nghe xem có ngọt ngào không:

- Bẩm ông từ đầu mùa rét năm nay, chúng tôi được nhiều ngài chiếu cố may cái hàng này lắm.

- Nào, bác cai đâu ra đo hầu ông.

- Xin phép ông để cái này bên này.

Cách tiếp khách của cụ Đại Ích làm cho tôi ngỡ ngàng quá chừng, bởi vì tôi mới ba tuổi toẹt, chỉ bằng con rể cụ là cùng, mà cụ lại gọi là ông. Bởi vậy, tôi phải gọi cụ là cụ.

Vài hôm sau, tôi đến thử quần áo. Lần này cũng như lần trước, bông hồng chẳng thấy ở trước mặt, mà tiếng lẽ phép suông cứ làm ngỡ ngàng hai tai. Rồi đến hôm lấy quần áo về tôi chẳng thấy được tia sáng của ngôi sao.

Hà Thành! Chán quá, thà vớt mấy chục đồng bạc xuống sông, xuống biển còn được xem tắm.

Tôi định cố tìm chỗ nào may hàng để bẻ họe chữa đi chữa lại cho có cố mà ra vào cửa hàng vài lần nữa, nhưng số đen đui, họ lại may khéo quá mất rồi.

Nhưng từ đó tôi lấy lại được cái lã con con, là được đứng vào hạng người quen của cụ Đại Ích. Vì một lần gặp cụ ở phố, tôi chào cụ, cụ còn nhớ mà khen bộ quần áo may sát người.

Một lần nữa, tôi cần sắm cái mũ, tôi cũng lại đâm đầu vào đó. Thôi thì đất rẻ thế nào cũng bấm bụng mà mua, tuy cũng lại không gặp cô con, nhưng được nghe cụ mắng người nhà câu sau này, tôi cũng hả dạ:

- Xà! Láo nào! Bán cho người ta thì mới được tính giá ấy, chứ bán hầu ông đây kia mà! Xin bớt ông năm hào.

Như thế thì tôi đối với cụ Đại Ích chẳng phải là người xa nữa, nghĩa là người quen, người thân, người nhà, con rể rồi vậy! Cho nên chẳng lần nào tôi gặp cụ ngoài phố, tôi không cố làm cho cụ trông thấy, để chào trước, cùng bắt tay chuyện trò.

Nhưng tôi vẫn tâm tức một điều, là cô con gái yêu quý của cụ, tôi vẫn thấy anh em ca tụng, mà chính tôi thì chẳng rõ mặt ngang mũi dọc ra sao. Vì bận nào liếc mắt vào mà có gặp cô ngồi bên quầy, thì tôi cũng chỉ thấy mặt cô méo xệch sau hai lần kính tử!

Một hôm, vào ngày Hội Chợ. Cũng như thói nhiều hạng công tử bột, tôi thẳng bộ để đi diện gái. Tôi lướt hết dãy hàng nọ sang dãy hàng kia trong Hội Chợ, mà chẳng thấy một ma nào lọt vào mắt xanh. Đi đã bại hai căng, thì may sao, khi ngoặt ra cổng thấy đằng trước tôi, thướt tha một cái bóng hồng đi một mình cũng ra phía cổng.

Cái bóng đó là một cái ô khum khum màu sữa, dưới cái khung ô, là một cái áo satanh hồng sáu khuy đang bay phấp phới, dưới cái vạt áo là hai cái ống quần rộng nhỏ bé như ống sậy; dưới hai gấu quần, là gót cao mun mút của đôi giày mang cá da trắng. Thấy cái môi ngon, tôi quyết sẵn cho được. Tôi rảo căng đuổi theo. Lúc đến gần độ mười thước, thì một luồng hơi thơm thoang thoang đã làm nở nang mũi tôi.

Tôi cố trông suốt qua tầng vải ô, thấy vẽ rõ bóng một cái đầu xinh xắn, cái áo sa-tanh trơn nhẵn bóng như căng khít lấy cái lưng ong hum húp, tròn tròn, thỉnh thoảng làn gió tạt tung cái tà áo ngoài thì lại lộ cái áo cộc lụa mỡ gà viền đàng-ten, ôm chặt lấy cái đũng quần cảm-châu phình ra, mà hai ông nếp là phẳng tấp!

Khi đang chòng chọc ngắm từ đầu đến chân con bò lạc ấy, thì thỉnh thoảng tôi đi sát ngay trước mặt cụ Đại Ích mà tôi không biết. Cụ Đại Ích trông thấy tôi, tay cất mũ, tay giơ ra và nói:

- Kia, thưa ông, ông cũng đi chơi Hội Chợ, có vui không?

Tôi thi lễ và trả lời:

- Vâng, thưa cụ, Hội Chợ năm nay cũng như mọi năm. Tôi định vào sắm cái hộp bằng tre chạm, nhưng không được cái nào vừa ý.

- Vâng, tôi cũng chẳng mua được cái gì.

Tôi không muốn nói chuyện lâu, nên chỉ cười nhạt không trả lời thì cụ Đại Ích khéo mồm miệng mà nói tiếp:

- Xin phép ngài để tôi giới thiệu ngài một chỗ bán hộp tre chạm của người anh em. Tôi xin đi hầu ngài tới đó, ngài thử chọn xem rồi chiếu cố cho...

- Cảm ơn cụ, xin để bạn khác, vì tôi có người nhà chờ.

Người nhà tôi tức là cô gì đây kia ấy mà, các ngài có hiểu không? Nếu cụ Đại Ích cùng đi với tiểu thư nhà cụ thì tôi xin cam lòng thả cô kia ra mà bám chặt lấy cụ. Vậy ai bảo cụ găm con gái ở nhà, để cụ chẳng được đi “hầu” tôi đến cái hàng của người anh em để tôi “chiếu cố”!

Thoát được nạn cụ Đại Ích, tôi lại phải đi rảo cẳng đuổi theo mối. Lúc đến sau lưng, tôi càng ngắm cái dáng đi của cô ta, càng thấy yêu điệu, cái tay vung vẩy sao mà khéo và mềm thêm. Mà không biết nước hoa cô ấy mua bao nhiêu tiền một lọ mà thơm được làm vậy. Tôi tiến lên trước, để quay lại nhìn mặt! Ôi mẹ ơi? Ông bà nào ăn gì mà để được con đẹp đến thế! Cái mái tóc tơ rẽ đường ngôi lệch, chải kỹ càng quá, nhưng nó kỹ càng ở chỗ cố ý làm cho người ta tưởng lầm là chải dối dá, nó lòa xòa xuống trán, xuống má, nó tỏa ra che gần lấp gáy; lấp tai. Cái dây chuyền quàng qua cổ, giấu trong lần áo trước ngực, tuy kín mà kín hở, vì nó vẫn lóng lánh, nhấp nháy qua khe sợi tơ. Hai cái má bánh đúc, phình phính dưới làn da mịn, đã xoa qua ít phấn lạt, lại được cái ánh phơn phớt của màu ô hất xuống, màu áo hất lên, thành ra hây hây như cánh hoa phù dung. Đôi môi đỏ đỏ cũng khéo tăng thêm vẻ tươi của cái miệng bầu bầu, lúc nào cũng sắp sẵn một nụ đỏ nhà đỏ cửa.

Đến hai con mắt thì đẹp không có chữ tả nữa. Có lẽ tạo hóa cũng mắt lắm công, kén chọn mãi mới được cái mặt này xứng đáng để giao cho hai con mắt ấy.

Nói tóm lại, trông cô tiểu thư này, nhu nhú như bông hồng mới nở, bầu bĩnh như cái gối mới nhồi bông vậy.

Tôi ngắm cô ấy, ngắm chòng chọc mãi khiến cô ấy ngượng, và phải che ô lấp mặt đi. Tôi đành giở thói trắng trợn, âu là bên phải cô đã che ô lấp thì tôi xoay sang bên trái vậy.

Trong bụng tôi bối rối. Tôi nhìn trước nhìn sau không thấy có ai, bèn thảo vội ngay một bức chiến thư.

Tôi tùm tùm, nói bâng quơ rằng:

- May quá, hôm nay đi Hội Chợ tưởng là phí công?

Nói đoạn, liếc vào cô ấy mà xòa cười. Cô tiểu thư biết tôi có ý trêu ghẹo, bèn xoay cái ô sang bên trái.

Lập tức tôi lại đi sang bên phải.

- Gớm làm bộ quá! Cô đi Hội Chợ có mua được gì không?

Cái ô lại ngả sang bên phải, mà tôi thì lại đổi sang bên trái.

- Thưa cô, cô làm ơn cho tôi biết bây giờ là mấy giờ rồi?

- Cô ở phố nào? Sao tôi trông cô quen quá!

Cái ô lại nghiêng về bên trái, mà tôi lại luôn sang bên phải. Trời còn nắng đầu mà che ô! Cái đồng hồ đeo tay của cô xinh lắm nhỉ! Nó bé thế sao nó cũng chạy được?

Chà? Ước gì tôi được làm cái đồng hồ kia. Cứ mỗi câu tôi nói ra, thì cái ô và tôi lại chuyển đổi chỗ. Mà sao cô bé gan lì, nói thế nào cũng không hề nhếch mép!

Tôi thấy bao nhiêu môi thả ra, mà cá chẳng cắn câu tôi bèn trâng tráo, miệng cười, mắt liếc, tay dúm cái ô và nói:

- Hoài của, người đẹp thế mà câm, người ta hỏi từng ấy câu mà không trả lời!

Bỗng tiếng giầy lộp cộp đằng sau đập vào màng tai tôi làm cho tôi quay lại. Thì ra cụ Đại Ích đi tới. Cụ Đại Ích không nhìn tôi, nhưng khi đến ngang mặt cô tiểu thư, cụ đập vào ô cô, ngọt ngào như nhắc cô rằng:

- À! Con, ông hỏi, sao còn không trả lời ông đi!

25 Novembre 1932

Chính sách thân dân

Từ chánh phó tổng đến thư ký, thủ quỹ trong hạt X.X. ai ai cũng lấy làm nghi kỵ tờ thông sức số 57, ngày 2 tháng giêng, của quan Huyện Lê Thăng. Người ta bàn tán mãi, song, không ai rõ ý quan ra làm sao.

Người ta hỏi dò ông thừa, cậu nhỏ, nhưng bọn này cũng trả lời một cách rất mập mờ:

- Thế là chính sách thân dân của ngài chứ gì! Mặt trận Bình dân mà ị.

Giấy sức ấy như thế này:

X.X. Ngày 29 tháng giêng 193...

Quan Tri Huyện Huyện X.X., thông sức

các chánh phó tổng cùng hương lý các xã tuân cứ.

Từ ngày bản chức về trị nhậm hạt X.X., thấy các thầy hết lòng cùng bản chức trông nom sự trị an, đê điều thuế má, v. V. Bản chức lấy làm cảm động lắm. Vậy bản chức thành thực có lời khen ngợi và mong rằng từ nay các thầy cứ tận tâm về nghĩa vụ thế mãi.

Nhưng muốn cho tình quan dân được khăng khít thêm nhiều, và muốn thi hành chính sách thân dân mà bản chức vẫn theo đuổi từ ngày xuất chính, bản chức không những phải quý nể người sống, mà nên thương tiếc đến cả người chẳng may quá cố, trong khi đang làm việc cho dân.

Vậy từ nay trong hạt các thầy, mỗi khi có ai bất hạnh qua đời, trên từ hàng chánh phó tổng, dưới đến thư ký, thủ quỹ không cứ là tạ thế vì bồn phận hay vì bệnh già, các thầy đều phải cáo phó cho bản chức biết để bản chức được dự đưa người thuộc hạ đến chỗ ở cuối cùng.

Bản chức thiên nghĩ khi sinh thời, mỗi người gánh vác một việc dân, việc nước, thì mỗi người có một nhiệm vụ khác nhau. Người nhiệm vụ to, người nhiệm vụ nhỏ. Cho nên bản chức là người trên mà các thầy là phần dưới.

Nhưng một khi đã không ở cõi đời nữa, thì bồn phận người sống là phải kính trọng linh hồn người chết, cho nên bản chức cần phải chào biệt một người giúp việc đã qua đời, đó là bồn phận riêng của bản chức.

Vậy các thầy nên đọc kỹ tờ sức này để hiểu ý bản chức và từ nay cứ thế mà thi hành.

Nay sức

LÊ THĂNG

Vậy có gì là khó hiểu? Bao nhiêu ý kiến thân dân sống, trọng dân chết, nó rõ nét cả ra trên từng ấy dòng, việc chi phải ngờ mà bàn với tán?

Nhưng khôn thay, dân chẳng tin như thế cho. Đối với lời ngọt ngào của quan phụ mẫu này, người ta sợ như gà phải cáo. Trước kia, người ta bị nhiều vố cay đắng vì những lời ngọt ngào như thế rồi. Cho nên bây giờ người ta phải chờ cơ hội xảy ra, một cơ hội chẳng ai mong có, vì nó là sự chết, để xem việc làm, mới có thể chứng thực cho lời nói được.

Dịp tốt để thí nghiệm chẳng phải chờ lâu.

Và dân chẳng phải nghĩ ngợi nữa.

Ông thủ quỹ làng An Đạo đã thở hơi cuối cùng.

Lập tức, không những chức dịch ấy đi trình quan, mà đến chánh phó tổng cũng lên tận Huyện đề cáo phó.

Và quan hện sẽ về An Đạo từ chiều hôm trước để sáng hôm sau, kịp đưa người thiệt phạm ra đồng. Ngai ngại dậy sớm. Đường đất từ Huyện về An Đạo thì xa. Vả tang gia đã ấn định đúng bây giờ thì chuyển cữu.

Lúc ấy, trong nhà ông thủ quỹ, tiếng khóc cạnh linh sàng đương xen lẫn với tiếng cãi lý nhau quanh mâm rượu, thì bỗng có người báo quan đến.

Chà chà! Một tin quan trọng làm sao.

Hiếu chủ vội vàng mũ gậy ra đón tận đầu ngõ, cúi rạp xuống để chào. Và trong nhà, khách ăn chạy tản mát, đứng ngấp ngó ở sau tấm giai. Những mâm cỗ ăn dở bị khênh đi, tầu thoát xuống dưới bếp. Người nhà quét tước và thu xếp vội vàng các chỗ cho sạch mắt.

Quan xuống xe, thông thả tiến vào. Ngai đứng ở sân, ôn tồn nói vài câu chia

buồn. Hiếu chủ cảm tạ, mời ngài đến nghỉ ở nhà ông lý cho tĩnh mạch. Tang gia đã điều đình trước với ông lý dọn dẹp sẵn căn buồng và bày biện cho lịch sự. Ông lý vừa được cảm tình với hiếu chủ, vừa được hân hạnh đón quan mà không phi tôn gì, nên bằng lòng ngay.

Đến chỗ nghỉ chân, quan rửa mặt, uống nước xong, thì vừa vào lúc lên đèn.

Một mâm cỗ chững chạc đã từ nhà đám khênh đến, đặt ở phản giữa. Hiếu chủ cung kính rước quan chúng giám tẩm lòng thành. Quan gật, tụt giày ban ra, lên giường, ngồi xếp bằng tròn chính giữa.

Những ai có diễm phúc ngồi hầu cơm quan, đã được xếp đặt trước cả rồi. Quan rất vừa lòng, trò chuyện rất vui vẻ thân mật.

Ăn xong, theo thường lệ, phải có cuộc mua vui.

Chẳng lẽ quan ngồi chuyện suông với chức dịch cho đến khi ngài buồn ngủ? Cho nên, ông chánh tổng đứng dậy, gãi tai nói:

- Bẩm quan lớn, xin phép quan lớn cho chúng con được hầu canh tổ tôm.

Quan cười, đáp dờ đùa dờ thực:

- Tôi không mang tiền đi.

- Bẩm xin có ạ.

- Ủ thế thì đánh một lát cho đỡ buồn, chứ bây giờ thì ai ngủ được.

Canh bài ấy đánh ba hội. Quan ít ù lắm. Bởi vậy, ông chánh tổng phải giữ lời hứa. Và nếu ông không biết điều mà góp cho quan, thì quan cũng đã hất hàm đề giao hẹn rồi:

- Thật nhé, thầy góp cho tôi nhé.

Sáng hôm sau, quan dậy sớm, khăn áo chỉnh tề, đi bộ đến nhà tang. Ngài trịnh trọng theo cữu. Cạnh ngài, có người che ô hầu. Và xung quanh ngài, tuần làng nghiêm chỉnh cầm roi dẹp đường. Bất cứ ai, dù trẻ con đi xem, hay người quen kẻ thuộc, hay cả đến họ hàng bà con người chết, mà vô ý sán lại gân, là bị vụt liền.

Nhờ có quan đám ma thêm vẻ long trọng. Các chức dịch hàng tổng và những làng gần An Đạo, không thiếu một mặt nào. Mà người ta đến đây để quan trông thấy hơn là để đưa người bạn đến chỗ ngủ ngàn năm.

Cả vùng, ai thấy quan đi đám một người thuộc hạ quèn, cũng lấy làm cảm động. Người ta khen ông thủ quỹ tốt số. Mà thực, giá ông này có khôn thiêng mà nhìn thấy sau linh cữu mình, một vị đeo thẻ bài ngà lững thững đi một cách nghiêm trang, thì có lẽ sung sướng quá đến nỗi sống lại mất.

Đám ma đến huyệt. Tiếng khóc nổi lên như ri, cảm lòng cho đau, trong những phút đau đớn này. Đàn bà lăn xả vào quan tài, vật mình mẩy. Đàn ông méo máo, còng lưng xuống mà khóc. Nhưng trước khi giòng áo quan xuống hố, quan bảo thầy chánh tổng bắt mọi người phải im.

Lệnh trên đưa ra, mấy anh tuần giơ roi vào vợ con người chết, quát:

- Im, không được khóc, quan truyền thế.

Mọi người không dám thút thít.

Quan bước đến trước huyệt, ngài móc túi lấy mảnh giấy giơ lên và đọc.

Nhưng buồn quá, ngài đọc tiếng Pháp. Cho nên, cố nhiên cả người chết lẫn người sống, không ai hiểu ngài nói gì.

Người thông minh, bảo đó là ngài đọc đít-cua. Người mê tín, bảo đó là ngài tụng kinh. Những người dốt đặc, còn phải nghe con cháu khấn bằng chữ nho, thì biết đâu, ông thủ quỹ chẳng nghe hiểu điều văn tiếng Pháp?

Đọc xong, ngài lăm dăm đứng lặng, rồi cúi đầu một cái đoạn lui ra. Cả nhà tang chủ đỏ xô lại, lễ tạ. Rồi ngài lên xe để về Huyện. Ngài vẫy thầy chánh tổng lại gần, dặn nhỏ:

- Này, xe này tôi thuê khứ hồi một đồng, thầy liệu bảo họ trang trải mà trả nhé.

Rồi tặc lưỡi, ngài nói thêm:

- Mà tiền góp tờ tôm cho tôi hôm qua, thầy cũng nên bảo họ biết, tội gì mình chịu?

Chuyện này chỉ nhạt có thế. Nhưng hình như nó là chuyện thực. Bởi nó là

chuyện thực, nên ông Huyện Lê Thăng phải chịu trách nhiệm về phương diện nghệ thuật của văn chương.

Song, ta cũng nên phục ông Lê đã khéo nghĩ được những hành vi cho có vẻ tiểu thuyết. Ông là nhà tiểu thuyết rất tự nhiên và rất có tài.

Bây giờ, ở vùng ông cai trị, người ta còn đợi mua vui bằng nhiều tác phẩm sống của ông. Nhưng có một điều buồn cho thuộc hạ ông, là không những họ sợ sống, mà họ cũng sợ cả chết nữa. Họ sợ để khổ cho con cháu, vì quan lại cứ về đưa ma!

1938

Cho tròn bốn phận

Anh xe nhắc càng lên, nặng nề rập người xuống, bước. Vài bước thực dài để lấy đà, rồi mới đưa ngược khuỷu tay, cúi đầu mà chạy.

Trên nệm lò xo rung rinh, thấy đặt một thứ cây quý giá tuy hơi cổ thụ, nhưng chưa có vẻ gì cần cỗi.

Ngọn cây còn xanh tốt, lại có điểm một bông hoa đỏ thắm. Vỏ cây đã có chỗ nhăn nheo, song người ta khôn khéo, lấy một lần bột gạo thơm che lấp đi. Toàn thân phủ nhiều trắng, thứ nhiều Tây mềm nhũn và má tơi.

Cây đó là một cây thịt.

Cây thịt đó là bà Phán Tuyên.

Trên đùi bà đặt một gói hàng mới mua ở hiệu Tây về cho cô con gái yêu. Cái dịp xe, mỗi khi gặp đoạn đường xấu lại rập rình làm cho những nam thịt ở má, ở ngực bà Phán theo dịp, núng na, núng nính.

Bà nhìn sang hai bên hàng phố bằng con mắt của người rất tự kính trọng, và bằng lòng cái số phận tốt tươi Trời, Phật đã dành cho mình.

Thỉnh thoảng, muốn tỏ sự khinh bỉ đối với khách bộ hành nghèo kiệt và hủ bại, bà móc trong túi ra một cái gương con và chiếc bông đấm phấn, ngang nhiên hết sức làm trẻ lại cái tuổi sắp già.

Đến một chiếc nhà lộng lẫy, có hàng rào sắt, có chuông điện bấm, anh xe ngửa người ghi đà xe lại để đỗ. Rồi anh kính cẩn nâng lấy bọc hàng bà chủ trao cho.

Phía trong cổng, một con chó Tây, to như con bê gằm lên cắn, song lại thôi ngay, ve vẩy đuôi mừng rỡ.

- Cô An đâu mà?

Con sen đứng dẹp sang một bên, chấp hai tay thưa:

- Cô con trong buồng, có lẽ đang sửa soạn đợi bà.

Bà Phán oai vệ bước vào, cất tiếng lạnh lạnh, thứ tiếng riêng của hạng giàu sang:

- Xong chưa con?

Cô An, tay còn gài dở chiếc cúc áo vai, vội vã chạy ra.

- Gớm, sao me về muộn thế! Hành lý và ô-tô xong đã từ bao giờ rồi ấy. Nếu không mau lên, thì đến nơi tối quá mất. Đâu. Me có mua được cho con không.

Bà không trả lời, điềm nhiên cởi gói giấy, giơ ra trước mắt long lanh của cô con gái chiếc áo khoác trắng tinh và chiếc “may-ô” sắc sỡ.

Vì bà muốn cho cô An, lần đầu được ra bãi bể, khoe cùng mặt trời, sự trẻ và sự đẹp của cô, nhân thể để cô có dịp phơi ra ngoài ánh sáng, bộ xương móng, xương quai xanh và xương sườn cụt.

Buổi trưa, Đồ Sơn chỉ còn là một con đường nhựa nát nhẽo, bên cạnh một làn nước phẳng lặng.

Cô An mặc nguyên bộ quần áo tắm, nằm trên chiếc ghế vải ngoài hiên, lim dim mong chóng ngủ để nằm mộng thấy một tấm chông Tiến sĩ mai sau.

Cô sung sướng, thỉnh thoảng hé mắt ngắm lại cặp chân dài và thon bắt chéo lên nhau, với cái ngực nở nang, hai bên nhô lên hai đầu vú nhọn hoắt.

Trong nhà bà Phán ngồi dưới quạt trần, đương loay hoay với nước bài tổ tôm khó đánh.

Một xã hội phong lưu.

Những con ve rí rả kéo dài tiếng không lúc nào ngừng làm nặng thêm bầu không khí oi ả mùa hè.

- Thưa bà, ông Phán nhà vẫn có tin ra được như thường ạ?

Bà Phán ngẩng đầu lên, ngập ngừng trong vẻ khó chịu, nhìn ông Hàn xem câu hỏi đó có ý châm chọc không.

Rồi bà chăm chú xoay lại phu bài, cố tình làm như không nghe tiếng.

Ngoài hiên, cô An cũng mở mắt, nhìn vào phía ông Hàn, rồi cựa mình, xoay đi nơi khác.

Trên nét mặt đang hớn hờ của hai mẹ con, thấy lộ vẻ khó chịu dường như một hình ảnh xấu xa hiện ra trong óc họ, mà họ hết sức xóa nhòa đi không được.

Từ lúc đó, bà Phán ít nói chuyện bông đùa, mà cô An thỉnh thoảng lại cộ quây không yên trên ghế vải.

Một năm về trước, một hôm ông Phán Tuyên đi làm không thấy về nữa. Bà Phán lo sợ, vào tòa hỏi tin tức thì hay rằng hồi mười giờ sáng, ông đã nhận được cái trát bắt vì tội ăn hối lộ.

Dạo đó, bà chẳng làm gì có hai má và chiếc ngực quý phái ngày nay, và cô An còn là cái Chặt vô giá trị.

Sau ba tháng nằm ở trại “Ký giám”, ông Phán ra tòa lĩnh mười tám tháng tù.

Khi lại bị xích tay giải về Hỏa Lò, ông nom thấy vợ con đứng dưới bóng cây bên Tòa án sụt sịt khóc thảm thiết, thì ông cũng không sao ngăn nổi được nước mắt.

Ông thấy cảnh tan hoang của gia đình mất chủ mà lo vì ngoài ông ra, còn ai có thể che chở cho hai tâm thân yếu đuối kia nữa?

Ngoài giờ ăn cơm và lúc điểm danh, ông chỉ nằm trên sàn, hai chân ghéch lên cái cùm gỗ, vắt tay ngang mắt nghĩ cách làm tiền nuôi bọn người vắt vường ở ngoài.

Tuy cảnh trái ngược thực, song ông nghĩ đã là một người đàn ông, bao giờ cũng phải lo cho tròn bổn phận làm cha và làm chồng.

Lắm khi đêm khuya trần trọc, trí ông đương bồi rối thì đằng đầu trại, một bác tù cao hứng lại rống to:

Ai đưa tôi đến chốn này

Bên kia Tòa án, bên này Đê lao

Từ khi mắc nạn đê lao

Tin ra thì có, tin vào thì không.

Giọng hát khô khan, song ông nghe ra muôn phần não nuột. Ông toan nói điệu vài câu cho hả tấm lòng uất ức, nhưng bác Cai đã đập chiếc roi mây xuống sàn mà quát:

- Im mồm!

Trong trại, lại chỉ còn tiếng ngáy, với tiếng muỗi. Trời không nở phụ kẻ có lòng tốt. Hết hạn chống án ông nhận được một tin mừng: trong nhà pha, thiếu người làm bàn giấy, ông Sếp đã nghĩ đến ông.

Bắt đầu hôm sau, ông lại nghiêm nhiên ngồi biên chác, làm cái nghề cũ của mình.

Sự may mắn còn đưa ông xa hơn nữa: ông được giữ phận sự sắp đặt những chuyên tù phát vãng.

Đến đây, tôi hãy xin chua nghĩa hai điều:

- Một là: Khi người ta có tí quyền pháp trong tay, thì người ta có thể làm cái sức mạnh vô hình đó, biến thành một sức mạnh hữu hình thí dụ như những đồng bạc vừa xính, vừa trắng, vừa kêu. Hai là: ngục thất âm u không khi nào lại là chỗ để cho tội nhân ngồi đọc kinh Sám hối cả vì nếu tiếng “sợ” có hai chữ, thì tiếng “Liều” có bốn chữ, nhiều hơn.

Ông Phán đã sinh ra làm người, lĩnh chức “ông Phán”, th tránh sao ra ngoài hai điều ấy?

Vậy nên, ít lâu sau khi lép bực “tù anh chị”, người ta thường bắt gặp những cuộc thì thầm dấm giúi giữa ông và bọn tù nhân đã thành án, sợ cảnh Vạn Bú, Sơn La.

Người năm đồng, kẻ một chục, ông thu nhật ngấm ngấm, chẳng may ngày không.

Số tiền bỗng tự nhiên, đã là một liều thuốc cho ông ăn ngon ngủ kỹ trong ngục, đợi phiên gác thầy Đội Bốn để gửi về cung đốn vợ con.

Những khi giờ nghỉ buổi chiều, ông chải chiếu nằm xuống gầm sàn cho đỡ rệp, ngó mắt ra lỗ “tu mai” khoét dưới chân tường, thì trên môi chua chua những râu, ông để nở một nụ cười bằng lòng của người đã lo tròn bốn phận.

Chẳng bao lâu, loạn tù hết, ông mang áo, chiếu trả lại ông Sếp, thuê xe về

nhà.

Những sự thay đổi trong đời vật chất của bà Phán và cô An làm cho ông nở nang gan ruột.

Nhưng trên mặt phẩn và môi đỏ nẫu của hai người ông thường thoáng thấy một vẻ bần khoản khó chịu.

Cho đến một buổi tối, bà Phán buột miệng, nghĩ to lên rằng:

- Giá ông được đi tù mười năm. Có phải cả nhà sung sướng không nhỉ?

Cô An vội vàng nói theo:

- Vâng, thầy cứ ở trong Hỏa Lò mà lại vui vẻ hơn đây.

Ông Phán như tỉnh giấc mê, sững sốt đáp:

- Ừ nhỉ!

Rồi ba người lùn nhau thẩn thờ, tiếc rẻ một dịp may hiếm có.

Viết 1934, in trong Ông chủ báo - Phổ thông bán nguyệt san số 61 (1940)

Chuyện chó chết cái thâm ý của anh chàng sợ vợ

Trích trong bức thư mừng một người bạn gái có tính hung hãn sắp về nhà chồng

Chị sắp xuất giá tôi chắc chị chả thiếu chi đồ mừng quý hóa về vật chất; vậy muốn tặng chị một thứ lạ mắt, lạ tai về tinh thần, nên theo tính riêng của chị xưa nay, tôi xin chép câu chuyện chó chết này cho hợp thời, gọi là cây nhà lá vườn, chắc chị cũng chẳng từ chối tấm lòng thành thực của tôi vậy.

Tuy việc xảy ra đã mười năm nay, nhưng bây giờ tôi nghĩ lại, vẫn còn thấy bật buồn cười và rợn tóc gáy!

Chỉ e lời chẳng thấu ý, tôi viết ra không được rõ ràng khéo léo, vậy xin chị đọc xong, hãy thử gập cái thư này mà để địa vị vào tôi lúc bấy giờ, sẽ biết tôi vẫn còn là mạnh bạo, và thử ngẫm nghĩ kỹ, rồi ra chị có nên để cho anh khiếp oai không?

Ngày ấy vì nhà có súng, nên tôi cũng đã hiểu luật săn bắn, là mình không có giấy phép mang khí giới, thì dù có vác súng hầu người khác, cũng chỉ được đi cách người ấy năm thước thôi. Nhưng nếu người nào cũng biết trọng pháp luật cả, thì tòa án còn lập ra để bắt tội ai? Chỉ vì nổi dù có biết tội mười, nhưng tặc lưỡi một cái, là cứ làm văng mạng? Mà nhất là tôi đây nếu chẳng cậy mình một chút, thì chi đã phải một phen lo mất mật vì câu chuyện chó chết của anh chàng sợ vợ này?

Khẩu súng ấy của cha tôi mua để bắn chim, nhưng vì cha tôi bận việc luôn, ít có khi rảnh để đi săn, mà tôi thì thèm quá.

Khẩu súng ấy vẫn treo ở tường, nhưng đạn thì cha tôi cất cẩn thận trong tủ kính đứng có khóa ngay cạnh bàn giấy.

Xung quanh nhà, mà nhất là trong các đồi bên cạnh Huyện, lúc nào thấy gài ghè chim gáy lạch đạch bay hàng đàn ở các bụi cây, mà anh lính cơ Ca-rán-tiêng còn mách tôi rằng ở các đồi ấy thường đêm đêm anh vẫn nghe thấy tiếng nai kêu hươu gọi. Anh lại giục tôi nên vác súng mà đi săn.

Cần gì, súng của Quan mà cậu mang đi bắn ở Huyện nhà, thì bố đũa nào dám hỏi!

Anh Cá-rán-tiêng quê ở một làng gần rừng có nhiều cọp cho nên thỉnh

thoảng kể cho tôi nghe về cách săn cọp ở vùng ấy. Tôi thích nghe lắm, mà phục nhất là cái lối chòng lọng cọp rất giản tiện mà thần tình, chỉ cần một cái dây chẳng to lắm nhưng biết cách giật thì con cọp dù khỏe đến đâu cũng mất cựa! Anh chòng lọng thử cho tôi xem vào cổ con mèo rồi dạy tôi cái lối xếp dây và buộc nút.

Từ khi học được cách làm chòng lọng cọp, tuy tôi cũng chẳng hy vọng một ngày kia bắt được ông Ba mươi, nhân những lúc buồn, tôi hay lấy dây ra giật chơi mấy củ khoai lang lăn lóc dưới gầm phản, rồi khi đã thạo, tôi nghĩ ngay đến sự ăn cắp đạn.

Hôm ấy cha tôi có việc phải đi vắng hai ngày. Tôi mừng lắm. Cơm sáng xong, tôi lấy dây, Tét cái chòng lọng cọp treo lên mặt tủ, nhắc một tấm ván long đánh ra dòng xuống, giật cổ được sáu viên đạn. Khi sắp sẵn các đồ đi bắn xong, tôi xuống trại cơ, gọi anh Cá-rán-tiên, rủ cùng đi cho vui, vì anh ấy bắn thạo lắm. Anh ấy thích đi, nhưng ngần ngừ đáp:

- Đẽ đến bận khác. Quan đi vắng, tôi phải ở nhà coi Huyện.

- Anh đi độ hai giờ đồng hồ thôi mà, thầy Quán đồn cũng chẳng biết đâu, và anh đi bắn với tôi chứ với ai mà sợ?

Nghĩ phân vân một lúc, anh đáp:

- Vâng, cậu cứ đi một mình trước, chờ tôi ở đầu phố tôi sẽ đến sau.

Tôi qua trại cơ. Thầy Quán đồn thấy tôi ăn mặc gọn gàng và dáng đi hùng dũng, bèn ngắm và khen mãi, rồi thầy chúc:

- Cậu đi săn cho may mắn nhé!

Câu này rất kiêng kỵ. Trong làng săn, ai gặp người chúc thế, y như hôm ấy vác súng về không có khi lại bị rui ro nữa.

Tôi cũng bị cái mê tín ấy nó bám vào óc, từ ngày được ngửi mùi thuốc đạn, cho nên tôi thất vọng ngay từ đầu.

Chúng tôi chui, rúc, treo, leo, vào rừng, hết sức đi kiếm chim muông, nhưng chẳng gặp con nào. Rồi loanh quanh chúng tôi qua cái làng cách Huyện ly ước ba cây số.

Hôm ấy là ngày phiên chợ, nên người lớn, trẻ con kéo xem chúng tôi đông

lắm, mà mình thì ngưng về một nỗi không được con nào. Chợ ấy hẹp, nhưng có một điều làm cho tôi chú ý nhất, là ở dọc đường đi tôi nhận thấy bốn năm hàng bán thịt chó, mà hàng nào cũng đông người đến mua, có người ngã ngay nón ra đẩy đánh chén.

Tôi đi đến đầu làng, thì gặp một người chòng chọc con mắt nhìn tôi, lại tủm cười ra ý chế nhạo. Hai tay thọc vào túi áo cánh, anh ta ưỡn ngực, vênh râu ngấm mãi vào cái chùm dây xách chim rỗng tuếch, và nói băng quơ rằng:

- Nhục chưa?

Đang vào cái tuổi hung hăng, tôi nào chịu nổi những câu nói xỏ xiên của những quân ngựa miệng, tôi liền quắc mắt lên nhìn, rồi đứng dừng lại, định chất vấn anh chàng lão xược, thì anh Cá-rán-tiêng, biết ý, lôi áo tôi đi và nói nhỏ:

- Thôi xin cậu, nó không biết.

- Nó là đứa nào thế?

- Lý trưởng cự làng này đây.

Thấy nói Lý trưởng cự, tôi càng tức, vì lẽ gì nó chẳng biết tôi là con quan mà dám nói láo? Ấy phần nhiều các cậu con quan thường có cái thói hách hơn bố xin chị tha lỗi cho tôi.

Tôi cáu tiết, quay cổ lại nhìn, thì thấy nó vẫn nhìn theo tôi, mà lại bĩu môi ra cách khinh bỉ. Tôi giận quay gót trở lại, định cho nó một bài học hay về cách xử thế thì anh Cá-rán-tiêng lại kéo áo tôi mà rằng:

- Thôi, khế chứ cậu, con gì kia kìa...

Anh trở cho tôi ở cái đồi bên cạnh, một con vật gì lông vàng và có vằn đốm đen, đang lẫn trong bụi cây.

Tôi ngắm kỹ một lúc, rồi giật mình nói:

- Hô! Hô? Anh ạ.

Anh Cá-rán-tiêng tái mét mặt lại, cũng trở mắt lên rồi nói:

- Không phải, con gì đây.

- Đích là hồ, con hồ con, trông lông nó thì biết.

Lúc ấy con vật nhích đi một tí, thì tôi quả quyết rằng:

- Không còn sai nữa. Anh để tôi bắn.

Anh chàng lão xược ban nãy cũng rảo bước sau tôi thấy tôi nói hồ, thì anh cũng chồm vào rằng:

- Phải đấy, ở đây vẫn có mấy con hồ con. Bắn đi. Con gì cũng bắn phăng đi!

Tôi se sẽ lui lúi nấp sau gốc cây, quay lại thấy anh Cá-rán-tiêng có ý sợ mà lánh xa, còn anh Lý cự kia lại dáng vui vẻ mà nhìn chòng chọc vào con hồ.

Tôi lấp đạn, giương súng, ngắm. Tôi hồi hộp, vì không biết phát này có rửa nhục cho tôi trước mặt cái anh vô lễ kia không, hay là nó lại làm thêm cho tôi một phen rát mặt nữa? Tôi ngắm rất kỹ, trúng lắm. Tôi bóp cò: Đoành!

Tiếng vang inh trời, một vùng khói tỏa tròn lan ra trước mắt, che lấp cả con vật. Bỗng anh Cá-rán-tiêng kêu ầm lên rằng:

- A! Chết rồi!

Anh Lý cự cũng vừa vỗ tay, vừa nhảy như thằng cuồng:

- A ha! Híp! Híp lơ! Con ma quay lơ! Hồ chết rồi!

Chúng tôi mừng rú, thi nhau chạy lại bắt, thì trời ơi chị có cho tôi mượn mau cái rô đề che mặt không, cái con vật nằm sóng soài ra giữa vũng máu còn đang trợn ngược đôi mắt và hàm hè nhe bộ răng nhọn hoắt ra ấy lại chẳng phải là hồ, mà chỉ là con chó vện! Khổ quá thì ra trông gà hóa cuốc, tôi bắn phải con chó vện nhà người ta? Lúc chúng tôi đến nơi mới được vài giây đồng hồ, đương nhìn cái thảm trạng ấy, thì con vật khôn nạn kia đã lim lịm dần mà hồn về chín suối.

Tôi hồi hận vô cùng. Cái cuộc đi săn hôm nay thực là đại đột quá! Tôi mang súng đã không có giấy, đạn lại đi ăn cắp thế mà lại bắn chết con chó vô tội? Rồi đối với chủ con chó ấy hẳn tôi còn lỗi thôi to. Chẳng biết tôi giờ cái con quan của tôi ra thì sự lỗi thôi ấy có giảm đi phần nào chẳng, vậy mà chẳng may cho tôi nữa, người có con chó chết. Lại chính là cái nhà anh Lý cự đáng ghét ấy.

Chúng tôi đang tỏ ý lo riêng với nhau thì người ấy cũng chạy tới rồi nói:

- A, ông bắn chết chó nhà tôi.

Biết mình có lỗi, tôi vút ngay bộ mặt thù địch ban nãy mà dịu ngay cái nét hòa bình lại, mà tự giữ chủ nghĩa “bất đề kháng”.

- Phải, tôi bắn lầm.

- Ông bắn lầm? Phải! Rồi một ngày kia ông tương cả đạn vào bụng người ta nữa!

- Nhưng hình như tôi còn nhớ chính ông cũng bảo rằng hổ, và xui tôi bắn?

- Tôi nói đùa, mặc kệ ông chứ, ai bảo ông nghe? Chó hay hổ ông không biết à?

- Thôi thì nếu có phải chó của ông thật, thì ông bằng lòng, tôi đền tiền ông vậy.

- Ông là ai?

- Tôi là con Quan Huyện, ông này là ông Quyền Cá-rán-tiêng trong Huyện.

Tôi tưởng tôi lòn nó bằng chức tước to như thế, mà tôi gọi anh lính cơ là ông, lại lên giọng Tây có uốn lưỡi thì nó đủ sợ, ai ngờ mặt nó cứ điềm nhiên. Tôi nói:

- Tôi đền tiền ông.

- Tôi không lấy đền.

Tôi hung hăng, trợn mắt, cầm ngang khẩu súng, hất hàm hỏi:

- Vậy anh muốn gì hơn nữa?

Lối bắt nạt ấy rất công hiệu. Trên cái mặt điềm nhiên kia, quả lờ mờ có vẽ ra hai nét nhăn cười:

- Tôi chẳng muốn gì hơn, mời hai ông về nhà xơi nước.

Xơi nước? Tôi cần gì đến nước của nó? Tôi nói:

- Tôi không vào, tôi không khát.

- Thì mời hai ông vào chơi nói chuyện vậy!

Nói chuyện? Chỉ có báng súng của tôi muốn nói chuyện với ngực nó thôi? Nó tưởng tôi ngu ngốc như nó đây ai chẳng biết nó rủ tôi vào nhà để sửa một mẻ cho tôi đỡ tính ngược ngược? Tôi nói:

- Câu chuyện chỉ có thế, ông có muốn nói thêm gì thì nói ở đây.

- Thì hãy mời hai ông vào chơi thư thả đã.

Đến câu này thì thằng cha có ý nằn nì. Tôi hiểu cái thâm ý của nó, nhưng hai chúng tôi lực lưỡng dường này, lẽ nào lại bó tay cho nó thật? Lòng tự ái làm tôi hăng tiết, tôi liền đi trước và bảo:

- Nào ta đi!

Ấy hùng dũng thế, mà vừa đi, tôi vừa phân vân trong bụng đây.

Tay lẽ mẽ xách con chó mềm như sợi bún, anh ta sấn lên đi trước. Đến nhà, anh ta mời chúng tôi lên buồng khách, rồi treo ngược con chó lủng lẳng ở đầu bếp và không biết đi đâu mất.

Ở vào cái địa vị tù giam lỏng, mấy lần chúng tôi bàn nhau đánh tháo, nhưng đã trót xưng danh thật ra rồi thì có trốn đằng trời cho thoát? Tôi nóng cả ruột, buồn cá người. Cái kim ngấn đồng hồ trên tường đã trở chéch sang chữ một.

Một lúc tôi thấy con bé con ở dưới bếp mang nước sôi lên rồi bung bộ âm chén chè tàu ra nói:

- Thầy cháu mời các ông xơi nước.

Tôi chẳng đại gì mà uống nước của kẻ thù, biết rằng chè thực hay bùa mê, thuốc độc? Tôi đang xem xét âm chén, ngửi chè, thì thấy một người lạ mặt đến, khăn áo chỉnh tề. Anh Cá-rán-tiên nhận biết ngay là Lý trưởng đương thứ. Người Lý trưởng này lẽ phép hơn người Lý trưởng cựu, mà có ý thạo khoa giao thiệp lắm.

Anh ta cứ gọi chuyện ra hỏi, nhưng trong bụng tôi lo lắng, không biết ý tứ họ định làm những gì, nên tôi chỉ đóng vai trả lời bằng những tiếng dẫu đo, đủ

diễn ý tưởng, chứ không rậm lời như lúc thường. Rồi độ nửa giờ sau, người Chánh hội, Phó hội, Thư ký, Thủ quỹ lục tục đến dần.

Ồ hay, cả hội đồng hương hội họ kéo nhau đến làm gì đông làm vậy? Làm biên bản án mạng con chó chãng? Tôi càng sợ, mà không thể đoán được ra sao, vì xem ra bọn họ, anh nào bề ngoài cũng ôn tồn nhã nhặn như anh Lý trưởng đương thứ cả. Lại một nỗi anh chủ nhà không ra mặt, để mặc một lũ trên này ngồi nói chuyện với nhau. Họ hỏi thì tôi đáp, mà lúc thấy nguy tôi lại khôn khéo hơn, thỉnh thoảng tôi trả lời: Không biết. Tôi không thể dò được ý họ. Giá họ cùng hàng tuổi cùng tư tưởng, cùng kiến thức, cùng nghề nghiệp thì tôi xét tính tình dễ hơn. Cho nên trong bụng tôi bực dọc lo sợ, nhất là chưa thấy họ đã động đến chuyện chó chết. Mặt anh Cá-rán-tiêng cũng chẳng kém vẻ rầu rầu; nên hai ba lần, tôi nháy anh đứng dậy và ngỏ ý đòi về thì họ cố mời cho được. Lắm lúc tôi nằng nặc đòi đi ra, thì họ phải gọi lão lý cự lên giữ lại, rồi mấy người ra đóng cổng.

Đến hai giờ chiều, tôi thấy tiếng đàn bà nói léo nhéo ở ngoài sân, về việc con chó. Tôi biết rằng vợ anh chàng lão xược đã về, mà mình sắp bí beng to đến nơi. Tôi đang sửa soạn một cuộc xung đột kịch liệt để đối phó trong lúc khó khăn, thì tôi thấy người chồng ở bếp chạy ra, lúc trợn mắt, lúc chỉ trở lên buồng khách, rồi người đàn bà có ý lão xược hơn chồng ấy hằm hằm chẳng khác gì con sư tử cái, chạy lên chào mọi người rồi hỏi tôi:

- Thưa cậu, tôi xin hỏi thực cậu, ai bắn chết con chó nhà tôi?

Tôi đứng dậy, trả lời một cách cứng cỏi:

- Tôi, chính tôi bắn vì tôi ngỡ là con hổ tôi đã xin đền, nhưng ông ấy không nghe.

- Được rồi!

Hai tiếng cụt thun lùn ấy chẳng phải để trả lời tôi mà chính là để phê vào câu chuyện chó chết, lại ngụ ý đe dọa. Tôi tức quá, toan bảo cho con mẹ hung hãn ấy mấy câu, nhưng nó đã nhanh chân ra sân, rồi mở cổng cấp rồ đi đâu, tôi không biết. Lúc đó hai người trai trẻ lực lưỡng ở ngoài đi vào, mà bọn hội đồng hương hội lại nói với nhau rằng:

- À, hai anh tuần này được việc đấy!

Rồi con bé con lên nói:

- Thầy cháu mời các ông xuống dưới nhà nói chuyện.

- Bọn họ đứng cả dậy, tôi và anh Cá-rán-tiêng cũng theo ra, nhưng người Chánh hội xua tay nói:

- Mời các ông cứ ngồi chơi.

Nó rời ra cả, đóng chặt cửa lại, làm cho tôi chẳng còn trông thấy gì ở ngoài.

Tôi lắng tai nghe, nhưng họ thì thảo với nhau khế quá nên chỉ rõ có mấy tiếng sau, làm cho tôi rợn tóc gáy mà thương hại cho tôi mới hai mươi cái xuân xanh.

- Cho chết Chẳng phải trói? Mất cựa!... Con dao này chưa được sắc...

Lo quá, thân cô, thế cô, tôi biết tính làm sao? Súng để cạnh mình, tôi nằm, một tay vắt lên trán để nghỉ kế một tay thọc vào túi chỉ rình móc đạn ra. Tôi bàn mưu với anh Cá-rán-tiêng, xem nên chống cự bằng cách gì thì anh ta lại cuống quýt quá tôi, thêm một mối lo nữa là anh đã bỏ trại không xin phép.

Rồi nghĩ luẩn quẩn rồi beng trong óc, tôi ngủ bằng lúc nào không biết. Trong khi ngủ, tôi chiêm bao thấy bao nhiêu phen kinh hồn, và giữa lúc đương nằm mê thấy họ đem mình ra bỏ rọ, thì có người lay vai tôi đánh thức.

Tôi choàng mắt dậy: lũ người ban nãy đứng cả trước mặt. Tôi giật mình, nghĩ:

- Có lẽ giờ này là giờ quyết định cái số phận mình chẳng?

Tôi bèn ngồi nhồm dậy, tay vớ vội lấy khẩu súng. Họ đồng thanh nói:

- Nào, mời cậu, chả mấy khi, ta hãy đánh chén đã?

Trời ơi, câu nào họ nói cũng y nhị sâu xa. Hay, nghĩa là họ còn để cho tôi vài phút mà ăn uống no nê chẳng?

Tôi thấy lù lù trên bàn một mâm rượu đầy tú ụ, la liệt những đĩa, ngùn ngụt khói bốc lên thơm phưng phức nào dựa mặn, nào thịt luộc, nào muối gừng, nào chả nướng. Tôi nhìn đồng hồ đã hơn năm giờ chiều rồi nóng ruột toan không ăn, thì họ mời và dắt ngồi vào ghế. Tôi cứ phải để ý dò từng tí, xem họ đưa mình đến cái hố nào. Họ mời tôi nâng cốc, cầm đũa, uống, ăn. Tôi ăn dè, uống ít, và chẳng nói câu nào, vì luôn luôn nghĩ đến tính mệnh, nên phải

nghe ngóng, nhai mãi mới dám nuốt. Hễ họ gấp tiếp là không bao giờ tôi dám bỏ mồm, lại gấp trả vào đĩa. Một việc họ trả thù tôi, mà cần gom nhiều trí khôn lịch duyệt hơn tôi để bàn soạn và lại xếp đặt bằng một cái chương trình lâu thì giờ, bí hiểm thế, thì tài nào tôi chẳng phải giữ mình cẩn thận.

Họ ăn uống cũng ung dung, ì ọp như đám đánh chén trong đình, khen lẫn nhau nấu khéo. Mà họ nấu khéo thực, tiếc rằng tôi không dám bạo ăn, khéo đến nỗi từ ngày ấy đến bây giờ, tôi chưa được thấy bữa thịt chó nào ngon như thế nữa. Trong đám đánh chén, tôi để ý nhất vào anh chàng láo xược. Tôi thấy anh ấy ăn tục uống nhiều nhất, mà động anh ta nói câu gì ra, tôi cũng thấy ngang tai muốn bẻ. Không hiểu vì ác cảm mà tự nhiên tôi cảm tưởng thế hay sao, chứ mà tôi thấy anh ta làm gì, nói gì, tôi cũng chỉ muốn tặng anh một phát đạn vào ngực cho đỡ ngứa tay ngứa mắt!

Tôi ăn xong trước nhất, rồi đến anh Cá-rán-tiêng.

Vậy mà họ mới uống cạn có một chai rượu. Bao giờ cho hết hai chai nữa đương đứng chực ở giữa bàn?

Rửa mặt xong, tôi có thể đi đi lại lại để xỉa răng.

Lão lý cự thấy tôi như vậy, bèn nói:

- Mới chữa sáu rưỡi, đã tối đâu, mời cậu hãy ngồi chơi. Thong thả chán!

Ồ, quái đến sáu rưỡi họ định làm gì tôi? Lo quá, sợ quá.

Hắn chả còn nghi ngờ gì nữa, gần bảy giờ, lão Chánh hội nhìn ra ngoài sân, thấy tôi, nói:

- Thôi tôi rồi, ông Cự gọi hai chú tuần dưới bếp mang hai thanh giáo lên đây!

Nghe câu nói ghê cả người, tôi vớ lấy cái súng và liếc mắt gọi anh Cá-rán-tiêng, đứng lại gần tôi, trước bức tường để thủ thế cho dễ, vì tôi mới học được miếng võ ấy. Có lẽ sống chết phen này đây?

Đứng trước cái phút tôi đoán hắn là phút cuối cùng lòng tôi nao nao không sao tả cho xiết nỗi được. Bao nhiêu phiền ảnh trong hai mươi năm trời của đời tôi đều phun phứt diễn nhanh như chớp ở trước mắt. Việc hay làm cho tôi tiếc đời, việc dở làm cho tôi hối hận mà bao nhiêu người thân thích với tôi, cũng lần lượt hiện ra trong trí nhớ, khiến tôi nghĩ tới tình cảnh ấy, nông

nồi này mà thôn thức, xuýt chảy nước mắt. Chị ơi! Đọc đến đây, chị có thấy động lòng không? Nhưng đồ chị đoán được cái thâm ý của anh chàng Lý cự ấy thế nào mà gọi tuần mang giáo mác đến làm tình làm tội gì tôi và cái kết cục câu chuyện chó chết này thế nào đây?

Thưa, kết cục chỉ có thể thôi ăn xong, chúng tôi đi về tụy trời tối, rừng rậm, nhưng trong bụng vững như thành, vì đã có hai người tuần giáo mác dẫn lối cẩn thận! Vậy anh Lý láo kia làm thế là nghĩa làm sao?

Thế nghĩa là, người tuần đưa đờng giảng cho tôi nghe thế, thế nghĩa là anh Lý này có tính sợ vợ mà lại thích ăn thịt chó, lâu nay vẫn khao khát thèm thường nhưng không dám xin tiền mua. Nay nhân thấy tôi vác súng qua, lại trông gà hóa cuốc, cho nên anh Lý “áp triệu” nhận thực chẳng ngay con chó vện của anh ấy là con hổ, để tôi đưa phát đạn vào giữa đầu? Anh rất thỏa lòng, nhưng còn sợ vợ bắt đem ra chợ bán mất, thì hực bữa chén ngon, anh bèn cố mời cho được những tay tai mắt trong làng đến sẵn cho vợ mất nói, mà anh cố níu rịt lấy tôi, vừa để làm chứng, vừa để đền ơn, vừa để lấy thêm thế lực lòe mẹ đi!

Vậy mà, than ôi! Sao anh chả cho tôi sớm hiểu thâm ý để tôi nói dăm ba câu cảm tình?

10 Avril 1932

Chuyện của cô ấy

Nên giấu tên cô ấy. Và cũng chẳng cần biết để làm gì.

Miền là ta biết chuyện của cô ấy.

Cô ấy xinh, thích ăn diện. Đã đỗ tú tài. Không học tiếp đại học, vì lấy chồng. Vợ chồng rất yêu nhau.

Chồng cô ấy là công chức, tháng tháng lãnh một số lương đủ ăn xài. Nhưng ăn xài mới đủ thôi thì chưa ổn. Nếu chỉ đủ thì bao nhiêu thứ hàng tràn ngập trong các chợ, trên vỉa hè Sài Gòn, Gia Định, vừa đẹp vừa rẻ, vừa tiện lợi cho đời sống vật chất, ai tiêu thụ cho? Cho nên cô ấy cũng xin đi làm để có dư tiền.

Và cô được vào làm ở một sở của Mỹ.

Sở nào của Mỹ cũng có khối người Việt. Việc ít nhưng lương nhiều. Cảm ơn người bạn đồng minh tốt.

Cô ấy ở đó được chừng ba tháng, thì một buổi sáng, vào sở thấy trên bàn làm việc có một phong thư ngoài bì đề tên mình.

Mở bì ra, cô thấy một tập giấy đủ một trăm đô-la, và một bức thư:

“Thưa cô, tôi rất lấy làm vinh dự nếu được cô nhận lời đi chơi mát trong thành phố bằng xe hơi với tôi độ nửa giờ, sau buổi làm việc chiều mai 19-4. Nếu cô đồng ý tôi xin cô nhận chút quà của tôi đính theo đây.

Ký tên (một người Mỹ cùng làm trong sở, mà cô có biết mặt)”

Đọc xong, cô không suy nghĩ lâu, gấp thư và giấy bạc bỏ vào phong bì để nguyên chỗ cũ.

Buổi chiều đến sở, cô không thấy phong thư ấy. Hẳn là người Mỹ này biết cô không đồng ý, nên đã lấy đi.

Nhưng sáng hôm sau, là ngày 19 tháng 4, cô lại thấy chiếc phong bì trên bàn làm việc. Trong cũng có một trăm đô-la, và bức thư vài dòng như hôm trước. Chỉ có ngày hẹn khác, ngày 20 tháng 4. Vẫn tên ký của người Mỹ ấy.

Cũng như hôm trước, cô lại gấp tiền với thư vào phong bì, để lại ở bàn giấy.

Nghĩa là cô không đồng ý cho cái anh chàng đó được vinh dự đi chơi phổ với cô trong nửa giờ đồng hồ.

Lại cũng như hôm trước, buổi chiều cô không trông thấy chiếc phong bì ở trên bàn.

Nhưng rồi đến sáng ngày 21, cô lại thấy chiếc phong bì đặt ở trước mặt. Cũng đô-la và bức thư, nhưng đổi ngày hẹn là ngày 22.

Cô lại không nhận lời. Và cứ như vậy suốt một tuần, buổi sáng, bức thư để lại, buổi chiều, bức thư lấy đi và buổi sáng hôm sau, thư lại tới, chỉ đổi ngày hẹn thôi.

Việc này, cô chẳng cho các bạn đồng sự biết. Và cũng chẳng nói chuyện với chồng.

Ở Sài Gòn thường cô nghe thấy nhiều người khen Mỹ là lịch sự, là hào phóng. Dễ người Mỹ này lịch sự và hào phóng đây. Cô lại nghe nói Mỹ là bạn của Việt Nam, họ thường đi chơi với mình. Đối với người Việt, họ lễ độ, nhã nhặn và đứng đắn. Nhất là đối với phụ nữ. Cho nên, buổi sáng thứ bảy, nhận được thư, cô có suy nghĩ. Suy nghĩ về cái con người quá xá là kiên tâm này đối với cô.

Hàng ngày, đi làm, cô đạp xe đạp mất chừng mười lăm phút. Cô mong dành tiền sắm chiếc Hon-đa, đi cho khỏi mất sức và mất thì giờ.

Nay một người Mỹ chỉ mời mình đi chơi có nửa giờ mà biếu mình một trăm đô-la. Hay là nhận lời quách.

Có làm sao? Nếu sáng thứ hai, cô vẫn thấy người ấy mời đi chơi, thì cô đừng nên từ chối nữa. Cô nghĩ thế.

Thì quả nhiên, trên bàn làm việc, cô lại thấy chiếc phong bì.

Cô đọc thư, nhận tiền, bỏ vào túi.

Chiều ngày thứ ba, biết là được hẹn, người Mỹ đợi cô ở cửa sổ. Thấy cô ra, hấn lễ phép cúi chào. Cô giơ tay ra bắt. Hấn mở cửa xe, mời cô vào. Rồi nhanh nhẹn, hấn mở máy.

Trong khi đi các đường, hấn nói chuyện. Hấn hỏi thăm gia đình cô, hỏi tất cả những cảnh, những việc nhìn thấy trước mắt mà hấn chưa hiểu. Hấn nói về

gia đình hẳn, và hẳn rất kính phục người Việt Nam, vì người Việt Nam có nhiều đức tính và rất thân thiện với người Mỹ. Giọng nói của hẳn cho thấy hẳn quả là lịch sự lễ độ và nhã nhặn. Hẳn đưa cô đến đầu hẻm (vì nhà cô ở trong hẻm) thì vừa đúng nửa giờ. Từ giã hẳn, cô giơ tay ra bắt. Hẳn đứng thẳng, cúi đầu chào, như chào một người trên.

Việc này bằng đi, đến mười hôm sau, cô ấy lại được tên Mỹ ấy mời đi chơi trong nửa giờ. Hẳn hẹn ngày giờ đón cô, và cũng biếu cô một trăm đô-la.

Nửa giờ đồng hồ nói chuyện với một người dân nước văn minh mà còn được tiếng tội gì mà không nhận?

Thế là cô lại đi chơi với hẳn. Và cũng vẫn nhưng thái độ cử chỉ đúng đắn như lần trước.

Vậy là cô có dư tiền để sắm chiếc Hon-đa. Chồng cô hỏi tiền nào, cô chỉ mỉm cười, nói là đi vay.

Năm hôm sau, cô lại nhận thư và tiền của người bạn Mỹ mời cô đi chơi. Giờ thì phải dùng tiếng “bạn” mới đúng.

Rồi đến nửa tháng, cô không thấy hẳn mời. Cô đã có ý mong.

Thì một hôm, cô nhận được phong thư. Đập ngay vào mắt cô, là tập dày những hai trăm đô-la. Hẳn mời cô dùng bữa cơm thân mật với hẳn ở khách sạn X. Cô có nghĩ đến cái ý “tầm gửi lẩn ngành”. Cô từ chối bằng cách để lại phong bì ở bàn giấy. Nhưng rồi buổi chiều, chiếc phong bì thư mời ăn biển đi để rồi sáng hôm sau lại xuất hiện ở trước mặt cô.

Ba lần như vậy. Đến lần thứ tư, cô cho phong bì vào túi. Nghĩa là cô nhận lời.

Bữa tiệc chiêu đãi thật trang trọng. Và vẫn những cử chỉ lời nói lễ độ và thân mật như mấy lần trước.

Bốn hôm sau, cô lại được mời, và cô không chối từ.

Và lại một lần nữa: Chả sao có bạn là người nước văn minh, mình học thêm được sự văn minh. Lại có lợi nữa. Đời cô thật may mắn hơn các chị em khác. Cô sắm ti-vi tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, may mặc cho mình, cho chồng. Cô còn muốn có chiếc xe hơi, để chủ nhật; vợ chồng đi chơi với nhau. Giá mà đủ tiền tậu được biệt thự thì hoàn toàn sung sướng.

Mười hôm sau nữa, cô ấy nhận được thư của người bạn mời ăn, nhưng lần này ăn ở nhà hắn. Có lẽ hắn cho là yêu cầu khó khăn đối với một người phụ nữ, nên hắn biếu cô những ba trăm đô-la.

Vì muốn có tiền để thỏa mãn đời sống vật chất với chồng, nên cô không từ chối người Mỹ.

Bữa cơm hôm ấy cũng sang trọng không kém bữa cơm ở khách sạn. Chuyện trò còn có vẻ thân mật hơn.

Ăn xong, hắn tiễn xe cho cô về nhà.

Rồi một lần nữa, hắn lại biếu cô ba trăm đôla để mời cô về nhà ăn cơm với hắn.

Trong độ hơn một giờ đồng hồ, xe đón, xe đưa, chẳng mất công khó nhọc, còn được ăn ngon, được tiền nhiều, buồn gì lời bằng?

Hắn thuộc tính cô thích ăn gì, và không quen uống rượu mạnh, nên biết chiều ý cô và cũng chỉ dùng rượu bia. Hắn tỏ vẻ hân hoan và cảm ơn cô là tấm gương cho hắn bắt chước, nay hắn bớt được mấy thứ rượu có hại cho sức khỏe.

Lần thứ ba, hắn mời cô đến nhà để ăn cơm. Lần này, hắn khoe rằng mẹ hắn vừa gửi cho hắn một thứ nước ở bên Mỹ mới chế ra. Chỉ cần một giọt tí xíu nhỏ vào rượu bia, thì thấy có mùi thơm lạ lùng, thơm đến mấy giờ đồng hồ ở cổ họng, và chất men lại dịu hẳn đi.

Cô uống bia với thứ nước ấy, thì quả nhiên thấy thế thật.

Nhưng cơm ăn xong, lạ quá, cô không muốn về nhà vội. Rõ ràng là một dục vọng của thú vật nó làm cô còn cào không yên. Hắn là tại giọt nước nhỏ vào rượu. Bởi vậy người bạn quý của cô đòi hỏi, cô chẳng từ chối tí nào. Cô vào buồng ngủ của nó. Và cửa đóng kín lại.

Đêm hôm ấy, khi về nằm cạnh chồng, cô ân hận, cô xấu hổ, cô nhục nhã. Cô muốn khóc, nhưng phải cố nhịn. Sợ chồng biết, cô càng không dám thú tội với người bạn trăm năm.

Lần sau tên Mỹ lại mời cô đến nhà chơi, nhưng không phải để ăn. Nó vẫn kèm theo ba trăm đô-la như trước. Cô hiểu là từ nay, cô biến thành đồ chơi của nó.

Nó thuê bằng tiền. Nghĩ vậy, nhưng cô cứ đi. Không phải đi cho nó thỏa dục vọng, mà là để mắng nó là đồ xỏ lá, đồ khôn nạn, miệng nói kính phục người Việt Nam, nhưng chính là khinh miệt người Việt Nam, dùng tiền, dùng thủ đoạn để cám dỗ cô, lừa đảo cô, làm hại đời cô. Cô sẽ ném trả tiền vào mặt nó.

Cô mắng nó thế thật, mà còn dùng nhiều lời đáo để hơn nữa để chửi rửa nó, đặng trút hết nỗi căm thù của cô đối với con quỷ dâm dục ấy.

Thằng Mỹ chỉ cười. Nó không cãi. Nó còn mời cô xem chiếu cuốn phim nó mới quay được.

Ôi trời đất ôi! Thì ra cuốn phim nó đã quay lúc cô vào buồng với nó, từ lúc cô lên giường nằm đến lúc cô mặc xong quần áo.

Cô la hét như điên như cuồng. Cô đòi nó phải đưa cô cuốn phim để cô hủy đi. Nó không thể từ chối. Cô châm lửa đốt ngay trước mặt nó. Rồi cô về. Yên tâm.

Một tháng sau, cô nhận được thư của nó. Không kèm theo tiền. Cô hiểu là nó không dám bắt cô làm thú vật.

Thư nhiều chữ hơn những thư trước.

“Thưa cô,

Tôi sắp được về nước, nên cần bán những đồ đạc để lấy tiền. Tôi biết rằng cô cần mua lại một thứ, nên tôi viết thư này. Ấy là cuốn phim hôm nọ cô đã đốt. Cuốn cô đốt chỉ là bản in lại. Còn bản chính, tôi vẫn giữ để đợi đến ngày tôi rời Việt Nam sẽ bán lại cho cô. Vì là cuốn duy nhất và quý giá vô cùng, nhưng lại vì đối với cô là người mà tôi mang ơn, nên tôi chỉ bán tính bằng giá rẻ, là hai ngàn đô-la thôi.

Tôi đợi cô một tuần lễ để được nghe sự đồng ý của cô. Xin giao hẹn trước, là tôi không thể biểu không cho cô thứ quý giá này. Quá một tuần, nếu tôi không nhận được trả lời của người mà tôi dành quyền ưu tiên, tức là cô thì xin cô cho phép tôi để lại cho người khác.

Cùng lắm, nếu không ai có đủ tiền để lấy lại cuốn phim mà tôi bắt buộc phải cho không, thì người được tôi biểu phải là chồng cô.

Kính xin cô trả lời, và xin cô nhận những lời cảm ơn trước của tôi.

Ký tên”

Đọc xong thư, ấy bàng hoàng, tái mét mặt, suýt ngã. Các bạn đồng sự tưởng cô bị cảm, vội vàng cứu chữa cho cô. Cô nghiến răng, đập chân tay nguyên rủa hết lời thằng khốn nạn. Cô đã nhận của nó bao nhiêu tiền, thì lần này nó đòi lại tất cả. Và thằng ở cái nước có óc con buôn, còn buôn sự đều cẳng để lấy thêm hai trăm đô-la làm lãi nữa. Mà biết đâu lại không phải là thằng khốn nạn đã buôn sự hào phóng đối với cô bằng tiền của cục tình báo Mỹ CIA thuê nó khai thác một loại tài liệu cần thiết.

Cô nghĩ nhiều. Cô lo nhiều. Cô phát ốm.

Cô thú tội với chồng, mong chồng trả thù cho cô.

Không thể đội trời chung với chúng nó. Chồng cô tha thứ cho cô. Cô chỉ đáng thương, vì mắc mưu của nó.

Nhưng cô không thể chịu nổi nhục.

Cô đã tự sát.

Sài Gòn, 20 tháng 10 năm 1975

Cô Kêu, gái tân thời

Nhưng cô có nhận cái tên ấy nữa đâu!

Kêu là nghĩa thế nào? Nghĩ bao nhiêu, cô lại oán cha trách mẹ, không đặt cho cô cái tên mỹ miều. Mà chữ nho, nào thiếu gì tiếng hay, sao cô chịu mang cái tên nôm na xấu xí ấy mãi? Nhất là đi ngoài phố, bay là ở chỗ đông người, mà mẹ cô gọi: Kêu ơi! Thì cô đỏ mặt tía tai, hậm hực, lầy làm ngượng quá! Lại còn những chị em bạn cô? Cứ những lúc ở Bờ Hồ, hay thấy cô gặp một công tử quen nào, là nhè ngay cái tên cúng cơm của cô ra mà réo quang quác, rồi cười rúc rích.

Nhiều lần cô đã van lạy, xin rằng giữ sĩ diện cho cô mà gọi cái biệt hiệu cô mới nhờ người ta đặt hộ là Bạch Nhạn ấy, nhưng các mẹ ranh tai ngược, cứ vờ quên, đề bêu cô, mới tức chứ?

Cô Bạch Nhạn - Phải đấy, bởi vì cô đã thề độc đũa nào còn bêu cái tên cúng cơm của cô - Cô Bạch Nhạn buồn lắm. Vì cổ hủ hết cách. Cái tên đã là “Ca êu sắc” mà lại ăn mặc lồi cổ? Ấy thế cũng mang tiếng là con gái Hàng Đào! Các bạn cô, cô Bích Ngọc thì đã được mặc quần trắng và áo sáu khuy. Cô Song Khê đã được cạo răng. Đến ngay như cô Mộng Lê, mà bà cụ cũng chịu để chị đánh phấn và mặc áo màu nữa là! Ấy là chẳng dám so kè với cô Minh Nguyệt, được mẹ chiều chuộng quá mà cho phép đi học cả nhẩy đầm ở nhà bạn trai đấy!

Thế mà cô Bạch Nhạn ta, úi chào, động có chải cái tóc xòe xòe ra một tí, là bị chửi liền.

Ước nhất là quanh năm cô chỉ được mặc đồ thâm như người có trở, trông tối sẫm như bà cụ.

Ấy, giá cô không mua cái khăn nhung và nhờ bà mợ vờ đem lên cho, thì có lẽ bây giờ cô còn phải chít cái khăn xa-tanh trông như con Sen con Nụ.

Cô bực mình quá! Sao lại có bà cụ nghiệt như mẹ cô bao giờ. Bà cụ tưởng cứ đánh phấn với mặc áo màu là dĩ cả đấy!

Bà cụ biết đâu rằng các cô gái non bây giờ, mỗi năm mỗi một, thay đổi xoành xoạch, thi nhau mà quần nọ áo kia.

Mà có phải nhà cô nghèo kiệt gì cho cam! Tiền của nhà cô, tưởng có sắm ăn,

sắm mặc bằng mấy người ta, cũng còn thừa nữa là. Nhưng bà cụ cứ bắt na bắt nét, bắt tập những nét ăn, ý ở, bắt học những câu nói, việc làm.

Một hôm, cô rình lúc bà mẹ ngủ, mới khẽ lấy hộp phấn Cô-ty mà cô nhờ người mua hộ, vẫn cất kỹ ở trong hòm. Cô đánh mặt cho rõ trắng, bôi cả nốt ruồi giả bên cạnh má. Cô ngồi soi gương, ngắm đi ngắm lại một mình độ nửa giờ. Rồi lại phải đi rửa mặt cho thật kỹ mới dám đi ngủ.

Năm nọ, cô có giầu mẹ, may ngầm một cái áo lam.

Nhưng cô chẳng mặc lần nào. Đến bây giờ màu ấy lại là màu cổ nhất rồi. Những lúc cô có việc đi cùng chỉ em bạn, thì tự cô thấy ê chệ nhất đám, vì cách ăn mặc của mình. Cô than thở, thì cô Song Khê xui rằng:

- Tội gì! Có tiền, cậu cứ sắm văng đi! Mẹ cậu có giết được cậu đâu mà sợ!

Nhưng cô không dám liều thế. Vì lỡ bị mẹ chửi thì cũng khổ. Cô Bích Ngọc cũng phàn nàn hộ cô:

- Ở đời này mà cứ ăn mặc theo lối cổ, thì bất quá lấy được anh giáo học là cùng! Những thằng Cao đẳng nó chỉ ưa tân thời thôi.

Thấy bạn vẽ cái tương lai, cô lại thờ dài, oán cái nền nếp nhà cô. Sao trời đã sinh ra cô là con gái; con gái phố Hàng Đào; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc của một nhà giàu; đương thì đào tơ môn mơn, mà không được sinh trưởng vào một cái gia đình được ăn mặc tự do, để được xứng đáng với từng ấy cái mà cô được hơn người.

Cô bực. Cô bực quá!

Thỉnh thoảng, cô ngồi trông hàng, ló mắt ngắm các tiểu thư đi ngang qua nhà mà đâm ghen.

Nhiều cô thực là xấu, cái môi cong tớn, cái mắt ốc nhồi, thế nhưng hễ ăn mặc đúng một tân thời thì trông không thấy xấu nữa. Thế thì cô, tuy trẻ và đẹp, nhưng vì ăn mặc đen thì có lẽ cái nhan sắc cũng bị tiêu đi mất rồi chứ còn gì? Gớm! Thế thì chán thật. Cô thèm! Cô thèm quá!

Năm nào cô cũng lên Hàng Ngang vài chục lần, để xem hàng mặc mới. Nhiều thứ đẹp và rẻ lắm! Cô ước ao.

Cô giờ tung cả cuộn của người ta ra mà ướm vào mình, đứng trước cái

gương, ngắm nghĩa thật kỹ. Cô lấy làm thích lắm. Rồi cô lại nhà bạn, mượn áo mới may để mặc thử, rồi đi lấy dáng tha thướt, thì ai cũng phải khen:

- Bạch Nhận nó mặc tân thời ăn lắm nhi! Thử coi cái quần thâm ra xem nào.

Rồi họ lại nói:

- Ừ ra cứ mặt trái xoan và người thon thon, thì ai mặc quần trắng áo màu cũng nổi.

Mỗi bận cô được khen như thế, thì về nhà, cô lại đâm nghĩ. Cô mơ màng đến ngày cưới cô, quyết thế nào cô cũng xin mặc quần trắng và áo sa-tanh hồng, thêu hoa to bằng cái bát. Rồi cô tưởng tượng đến người bạn trăm năm của cô, trẻ, đẹp, đầy đà cứ chiều chiều dắt cô ra Bờ Hồ hóng mát. Những người ấy phải mặc quần Tây phẳng nếp, đầu chải thật bóng. Mà cô thì cầm cái mũ cho chồng, mặc lối tân thời từ đỉnh đầu đến dưới gót!

Cô mơ màng cho nên cô thèm quá rồi? Cô không chịu nổi nữa. Cô đánh liều. Cô giấu bà cụ, sắm một mẻ toàn nhưng thứ tân thời.

Cô mua đôi giày cao gót, mũi vá; may một cái quần lụa Nhật Bản có bốn nếp gấp ở lườn, lại khâu trái một đường ở ống, mà ống thì hẹp, và vén gấu; một cái áo sơ mi viền đăng-ten và thêu hai bông hoa ở hai bên ngực; một cái áo cánh kín tà dài đến hông, cũng viền đăng-ten xung quanh; và một cái áo dài sắc sỡ, chỉ chít những hoa là hoa vẽ rắc rối như thời cục nước Tàu; một cái ví cầm tay da hung hung, trong có sẵn những đồ để trang sức.

Cô sắm những thứ ấy, nhưng không dám để ở nhà. Cô gửi đàng chị Bích Ngọc, ở phố Hàng Trống.

Rồi từ đó, mỗi buổi chiều, cô thu thu hộp phấn vào bọc, cô đến chơi nhà cô Bích Ngọc.

Đến nơi, cô xỏ khăn, lấy lược ra chải lại mái tóc. Rồi rẽ lệch đường ngoi.

Rồi uốn lại mái tóc cho cong xuống và thò ra mang tai. Rồi cô bôi phấn khắp mặt, tai và gáy. Rồi cô vơn cổ ra để xoa cho đều. Rồi cô rẽ dài môi ra để tô son. Nhưng cô bạn dạy rằng đừng nên bôi cả vào bề dày của môi mà xấu, phải làm cho cái miệng chúm lại, nghĩa là phải theo chiều cái môi mà vẽ đỏ một cái môi giả, mỏng và hẹp hơn làn môi thật, gọi là môi quả tim. Rồi cô mặc quần trắng, xếp cho thẳng nếp, đứng ống. Rồi cô vận cái áo sơ-mi, cái áo cánh và áo dài sắc sỡ, vuốt cho phẳng phiu. Xong đâu đấy, cô lặn đôi giày

mang cá, ôm cái ví đầm, đến trước tú gương mà đứng. Cô quay đằng trước. Cô quay đằng sau. Cô đi đi. Cô lại lại. Cô uốn éo. Cô thướt tha. Rồi cô đứng yên. Cô ngắm. Cô bàn. Cô bình phẩm. Cô khoái lắm!

Rồi trong độ nửa giờ, ngắm chán, cô trút hết bộ cánh ra, xin thau nước, lau kỹ cái mặt rồi mặc quần áo thâm, đi về.

Ấy chẳng ngày nào là cô Bạch Nhạn không diễn tân thời một mình, một lúc như vậy. Có thể cô mới đỡ thèm, đỡ hậm hực Nhưng những hôm mưa lướt lướt cả ngày, thì cô nóng ruột quá. Mà cứ đến cái giờ ấy, quái lạ, cô nằm bẹp gí, chẳng thiết làm cái phải gió gì cả.

30-5-1933

Đàn bà là giống yếu

Sau năm năm chuyên môn khảo cứu các thứ thịt đàn ông, cái Bồng đã biết đặt cái sắc đẹp của mình vào những công cuộc khai mở.

Quả tim nó chẳng phải là cái bắp thịt đỏ hồng, thoi thóp, cảm động nữa. Quả tim nó đã biến thành một gian buồng nhỏ, bọc sắt, có ống thu lôi trong đó chứa chất biết bao nhiêu hy vọng của nhùng anh chàng đại đột, nhìn đời qua cửa sổ nhà trường, tay cặp sách miệng lầm nhảm, nhắc lại câu: Đàn bà là giống yếu.

Một hôm, trong rạp hát, giữa chốn tối tăm, nó đã mỉm cười, đem quả tim quý hóa đó, nùng nịu đặt vào lòng một quan phu góa vợ, mà một bước lên chức bà lớn nghênh ngang.

Hình như trời đã đặt một cái khuôn riêng để đúc nặn các người làm bà lớn. Nên chẳng mấy chốc, bà phủ đã được đúng kiểu mẫu, chỉ riêng bộ mặt cũng đã long trọng. Người ta tương chiếu bánh dày đám cưới, ở giữa đặt một quả chuối ngự, và ngay đầu quả chuối, nằm dài hai múi cà chua. Rồi khi hai múi cà chua tách ra để theo nhịp với cặp mắt híp, đưa quan ông vào chốn nát-bàn, thì ai cũng phải thấy một cái hố sâu thăm thẳm sâu như bụng dạ một người đàn bà. Song, quan ông lại có cái hình thể kháng hẳn. Vì ở người ngài cái gì cũng cong, từ cái sống mũi đến cái lưng tâm, từ cái lưng đến cách sử kiện. Tuổi đã già mà ái tình còn trẻ. Ngài mua được người ngọc ở chốn thành thị về để hầu hạ sớm khuya, thì thỏa chí lắm. Ngài quyết từ nay không chê bai những món lê nhỏ quá, để làm sao có đủ tiền cho người yêu tiêu xài vung phí.

Thường, những buổi chiều tà, khi bức màn đen lóng lánh kim cương rủ xuống để che kín vũ trụ, trong vườn hoa, trước tư thất quan ông quan bà nhỏ to trò chuyện như một cặp nhân tình.

- Thế nào? Mai là rằm rồi, bà đã sửa soạn ra đèn chưa?

- Đã đem đầu vào làm tôi con Thánh thì tôi quên làm sao được. A, ông này, tháng hai Chính, tôi tổng cố nó đi rồi. Ai lại cung văn mà toét mắt, bản như ma. Lắm khi nửa giá châu, chán quá, tôi phải thăng ngay lập tức.

- Đuổi nó đi, đến mai, lấy ai hát cho bà?

- Đã hơn nửa tháng nay, vợ Lý trưởng sở tại đã cho gọi nhà phó Bái thay rồi.

Thế mới gọi là cung văn chứ. Đàn ngọt, hát hay, lại nhanh nhàu, sáng sủa. Thằng này khỏe mạnh, vạm vỡ, ăn nói có duyên, chứ chẳng hom hem như thằng chết giẫm trước đâu.

- Dễ thường tôi hom hem thế này, cũng là tuồng chết giẫm nhỉ?

- Chết nổi! Ví mình với thằng cung văn! Sao ông đại dột thế! Thật từ ngày hầu hạ ông, tôi như người đi xa về được đến nhà. Chẳng cần phải lầu son, gác tía, tôi mới được mãn nguyện. Đòi tôi chỉ mong có hai điều: Một quả tim và một túp lều tranh.

- Còn thiêu một cuộn giấy bạc nữa là ba mới đủ?

Quan ông vừa nói tiếp, vừa lả lơi cười, rồi ôm chầm lấy quan bà: Một con nhái bén bám vào một quả dưa chuột?

- Bà đừng giận nhé. Thế bà có yêu tôi không?

- Gớm nữa? Lấn thân lắm? Đàn ông chỉ hay bịa ra những câu hỏi để đàn bà chúng tôi phải bịa ra những câu trả lời! Có! Rồi sao nữa?

Quan ông đứng dậy, cầm tay quan bà, dắt vào nhà, đóng cửa lại, qua bậc cửa buông, gài then kỹ lưỡng. Rồi, dưới bộ ria mép như một cái mũ nồi úp chụp lấy cái miệng chúm chím, quan để nở ra một nụ cười móm.

- Rồi thì... Bà còn đợi gì nữa.

Quan bà òng ẹo, đưa cặp mắt lờm yêu chồng thỏ thẻ:

- Nhưng mà thế thì rét lắm.

Năm phút sau, dưới ánh đèn treo trong phòng, hiện nguyên hình bộ phận một người như hồi sơ sinh của các bà mụ nặn.

Cứ thế, những cảnh nồng nàn yêu dấu của hai linh hồn sắp nguội, mỗi buổi chiều lại diễn ra, đến nỗi mấy con thạch sùng cũng phải đánh ghen mà tặc lưỡi.

Cứ thế, ngày giờ trôi qua đi, quan phủ say tí, không còn nghĩ lại quăng đời dĩ vãng vầy bùn của vợ nữa. Thời gian cùng một tay vẽ những vết nhăn trên trán người đời, lại đem khăn lau xóa hết những sự xấu xa ô uế trên mặt họ, để cho ai, tới lúc chết, cũng được anh em đọc điếu văn kể công trạng và đức

tính lúc còn sống.

Đến một hôm giông tố.

Mưa đổ. Gió gào. Trời lạnh buốt. Quan lớn đi bắt xóc đĩa, mãi khuya bì bõm mới về tới dinh. Bước chân vào hiên nhà tư, quan sung sướng nghĩ tới cái giường đệm bông, cái lồng ấp thịt, thì lại quên hết nỗi khó nhọc xông pha. Mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào.

Cơn dông mỗi lúc một dữ.

Bỗng một luồng gió đánh bật cánh cửa, tung ra ngoài một cái bóng đen, xô cái bóng nhanh tít ra phía vườn, bắn nó lặn vào quãng tối tăm mờ mịt.

Hồn vía chưa đến nổi lên mây, nên quan lên còn có can đảm chạy ngay vào trong nhà.

Buồng bà lớn còn hé mở, có ánh sáng chiếu ra. Quan vội vã đẩy cửa vào thì chao ôi! Cơn gió bên ngoài không ngờ mạnh đến thế. Nó chui khe cửa, làm tung cả chăn đệm trên giường, làm xô cả tóc bà lớn, làm tóc cả áo quần bà lớn, để lại trên tấm thân ngà ngọc có một chiếc áo sơ mi.

Bên ngoài, mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào.

Dầu người đàn độn đến đâu cũng đoán được tấn kịch vừa xảy ra trong buồng ấm cúng này, nữa là quan lớn “đèn trời soi xét”.

Quan chẳng còn nghĩ nổi quần áo ướt, khuỳnh hai tay vào háng, trừng mắt nhìn vợ.

Khác hẳn những kẻ có tội, bà điềm nhiên, lên giường quần chăn nằm ngủ.

Quan không sao ghìm được cơn thịnh nộ, áp lại gân chỉ ngón tay dẫn deo, rít lên:

- A, ra con này giỏi thực. Mà không coi ông ra gì. Văng mặt ông một tý, mà đã rước trai vào!

Bà đưa mắt nhìn ông một cách ngạo ngược, ngắt lời.

- Tiếc thay, ông biết chậm quá rồi, ông ạ. Bây giờ ông mới bắt được thì ông ngu quá. Đã hơn nửa tháng rồi kia mà!

- Mày trêu gan ông! Ông thì cho mày vào tù?

Bà ngồi nhồm dầy, nhìn chính giữa mặt ông, cười rữ rượi:

- Úi chà! Dễ nhỉ! Xin quan lớn đừng lôi đình. Khỉ lắm!

- Ông thì bắt cả nhà mày cho mà xem. Nuôi ăn cho béo để giờ quẻ.

- Ông nuôi tôi béo? Thế tôi có trả công ông không? Bên mua, bên bán, ông có quyền gì mà hạch? Ông nên biết, cái quyền tự do của tôi, ông đã cướp mất...

- Quyền tự do của mày? To nhỉ, ông có nhốt mày không cho mày ra ngoài đâu mà mày báo mất tự do?

- Phải, ông chẳng đóng cửa cầm tôi đi lại, song cái thân tôi, ông đã nhét nó vào trong bốn bức tường trát bằng giấy bạc trộn với cơm, ông có biết không?

- Ai bảo mày đâm đầu vào?

- Thế ra ông không cảm ơn tôi đã cho ông biết những khoái lạc mãn kiếp ông cũng không biết à? Tôi đã mở đường mở lối cho ông đi, ông không biết còn toan giờ mặt. Đồ vô ơn!

- Con bé này thực không coi ai ra gì nữa!

- Tôi đã bảo ông rằng, tôi cho ông lợi dụng tôi để chóng được thăng, ông không hiểu, thế thì tôi cũng phải lợi dụng ông. Ở đời này, ai không thừa cơ lợi dụng là khờ.

- Gớm thật! Mày dạy ông luân lý thế phải không?

- Tôi còn dạy ông hơn nữa. Ông đừng có lôi thôi vào tôi. Này, ngay bây giờ, tôi chạy ra trại cơ, trại lệ, ngoài phố, gõ cửa nhà từng đứa mà bảo: Dậy mà xem, bà phủ ngủ với trai ngay bên cạnh mũi quan phủ.

- Ông cấm mày nói!

- Cấm thế nào được? Tôi chỉ bán cho ông cái phiến thịt của tôi, chứ có bán đâu cái tự do?

Câu nói bướng bỉnh làm tắc con thịnh lộ của quan ông. Cái búi tóc bí mật

sau gáy, giá biết cử động, chắc cũng phải xô ra mà ngồng lên trời, làm thành một cái đầu ngạc nhiên.

Bà lớn được thể nói tiếp:

- Cái sung sướng của tôi chi là cái vỏ, cũng như chiếc áo lụa màu này, ai biết đâu gói chặt một tấm thân nát bét. Chữ “tử tế” của ông nêu lên cho mọi người, giá viết nó là “bất bí”, mà đọc là “bóp nặn” thì đúng hơn. Tôi có nói. Rồi tôi đi khắp chỗ quen thuộc, bạn bè với ông, báo với họ rằng: Mூrì mấy lần, bà phủ ngủ với trai, ngay trong buồng quan phủ.

Câu sau cùng, bà thông thả dần từng tiếng nghe chừng đã có công hiệu. Ông thì như bị từng ấy nhát búa nện vào chỗ yếu, vội vã sấn lại, lấy tay bịt miệng bà:

- Có khê chứ không?

- Việc gì phải nói khê? Người ta chỉ nói khê những điều nói dối, những câu ân ái thôi. Chứ những lời nói thực, phũ phàng, thì việc gì phải nói khê.

- Những bọn người nhà nó biết thì sao?

- Thì nó sẽ bảo ông là thằng mù, thằng ngốc.

- Nỡ nào bà để chúng nó chửi tôi?

- Tại ai? Ai giở mặt trước?

Quan ông đầu dậu:

- Trong lúc nóng nẩy, nghĩ càn, bà chấp làm gì!

- Ông đã biết lỗi rồi chứ?

- Vâng, thì biết lỗi.

- Chưa xong: ông phải chuộc lỗi mới được. Lập mồm tôi ông phải kiếm cái nút.

- Bằng gì nào! Bằng giấy “đinh” nhé?

- Không thềm?

- Bằng kim cương nhé?

- Tôi thừa rồi.

- Bằng ngọc thạch nhé?

- Tôi chẳng thiếu!

- Thế biết bằng gì bây giờ?

- Ông không đoán ra à? Ông không nhớ chủ nhật trước, đi chơi Hà nội, tôi trả cho ông cái ô-tô “Fo” mà chê: “Vợ chồng lão phủ xoàng lắm” đấy à? Ấy, nút mồm đấy!

- Chết chữa? Bà điên rồi sao? Mong những cái ấy đào đâu ra?

- Đào trong ruột những thằng dân của ông, chứ còn ở đâu nữa? Ông quên rằng ô-tô của bọn các ông chẳng phải chạy bằng ét-xăng, mà chạy bằng mồ hôi nước mắt của dân đen à. Ông ngu lắm, hèn lắm?

- Chả hèn lại thua?

Nói xong, ông toan ôm lấy bà, nhưng lại bị hất ra:

- Gớm chết? Ướt như chuột thế này. Ông có ừ không đã?

- Thì ừ chứ sao!

- Được rồi. Nhưng hôm nay tôi hãy phạt ông đã. Ông để tôi một mình đêm nay. Thằng ranh ban nãy làm mình mệt lử ra... Chứ như ông ấy...

Nói xong, bà cầm tay quan ông dắt ra ngoài, đóng sập cửa lại. Bà còn văng vẳng nghe quan ông hỏi câu sau cùng:

- Gớm đã. Ban nãy bà bảo mười mấy lần?

- Mười bảy lần.

Bà trả lời liều vậy. Chứ bà còn đương tưởng tượng đến cái xe hòm nó nhe bộ răng kèn sáng nhoáng ở đằng mũi, để cười, cười ông sẽ đưa bà đến chỗ phú quý vinh hoa hơn...

Bạc để

..."Nhân ông Cửu đi vắng, ông Trưởng bèn một mình lẳng lẳng vào buồng dò xét... Ông soi kỹ mọi nơi, bỗng giật nảy mình, ông thấy có một viên gạch giữa gậm phản bị cạy lên. Ông nhấc gạch lên, bới đất ra, thì lạ quá, một cục bạc mười đồng, buộc chằng dây đỏ chữ thập nằm nghiêng ở đó. Ông cởi dây, xem kỹ từng đồng, thì quả là đồng bạc ta vẫn tiêu, gõ kêu rất ròn tiếng. Ông bèn buộc cẩn thận lại, để trả vào chỗ cũ, lấp đất lên, chặn lại hòn gạch, nhưng nhất định rồi sẽ hỏi ông Cửu cho ra việc lạ này. Nếu có điều gì ám muội ở trong, tất ông không tha, thế nào cũng trình quan về bắt..."

Một hôm ông Trưởng Sắc đương ngồi dưới giàn thiên lý để lau từng cái lá lan một, thì có người em họ ông là Ba Tuần buôn bán ở tận ngoài Cẩm Phả về chơi. Ông Ba Tuần đi với một người lạ mặt.

Người lạ mặt trạc độ ngót bốn mươi tuổi, khăn áo chỉnh tề, mặt mũi đầy đặn, tay xách cái va-ly da, ra dáng nặng nề lắm.

- Ông này là bạn thân tôi, ông Ba Tuần giới thiệu, bạn thân tôi là ông Cửu ấu, muốn nhờ bác một gian buồng dưới nhà ngang để ở trọ trong ít bữa.

Ông Cửu ấu đỡ lời:

- Tôi nghe ông Ba nói chuyện ngài là người dễ dãi, cẩn thận, nên tôi mới dám phiền ngài.

Thấy ông Trưởng ra ý phân vân, ông Ba nói:

- Xin bác chớ nề hà, rồi sau đâu sẽ có đó. Ông Cửu đây là người hào hiệp, rộng rãi, xin bác chớ bận lòng. Bác cứ tin ở tôi.

- Không phải như thế, tôi rất tin chú, nhưng tôi e nhà tôi chật hẹp quá chằng, chú ạ.

- Bác đừng ngại, công việc của ông Cửu là phải đi vắng luôn, rồi ông ấy thế nào, bác sẽ biết, tôi không cần khoe trước.

- Nếu ngài không sợ phiền, ông Cửu đồng dục nói, thì sau này dù thế nào tôi cũng không dám quên ơn.

Dứt lời ấy, ông Ba bấm ông Trưởng ra đằng sau và thì thầm:

- Rồi hẳn làm nên, anh em ta cũng có phận nhờ. Người này chỉ đi làm điều hay cho người khác và hay cứu kẻ nghèo. Tôi không muốn nói rõ vội. Chẳng nhẽ chỗ anh em thân, tôi lại không rủ hẳn đến ở đằng bác, e rồi bác lại trách tôi là đem môi lợi cho người ngoài.

Ông Cửu trố mắt lên để nghe, thấy nói tiếng lợi, tuy chưa rõ là lợi thế nào, nhưng đã híp mắt lại, gật lẩy gật đề.

Ngay từ hôm đầu người khách trọ đã làm ông chủ nhà bằng lòng quá: Ông Cửu ầu mở va-ly ra, lấy một đồng bạc, đưa ông Trưởng.

- Tính tôi thích vui, nhờ ông cho làm một bữa chén; anh em ta trước lạ sau quen, khi tôi ở lâu, ông mới biết tôi được.

Rồi ông đếm mười đồng nữa, dí vào tay ông Cửu mà rằng:

- Gọi là có món tiền mọn, tôi đưa ông để đỡ ông sự phí tổn vì tôi phiền ông trong tháng đầu.

Ông Trưởng cầm cọc bạc, vui sướng quá. Nhất là khi ông liếc trộm vào cái va-ly của ông Cửu thấy đến năm sáu cọc tròn mà dài, gói giấy cẩn thận thì bụng bảo dạ: Tay này cũng sù đây, được lắm. Ông Cửu xếp lại đồ đạc trong va-ly, ông Trưởng thấy những gói ấy nặng trĩu, lấy làm thích lắm. Xếp xong, ông Cửu nhìn ông Trưởng nhếch mép cười, rồi đóng va-ly, khóa lại.

Ông Cửu ở dưới nhà ngang, nhưng thường đi vắng luôn. Song hễ ở nhà, thì ông tay hay mượn chiếc chậu thau đồng lên buồng làm gì, để hàng hai ba tiếng đồng hồ, rồi khi dùng xong thì tự tay mang ra ao, lấy trấu và cát đánh cho thực sáng, mới đem trả. Ông ta có một tính khác người thường, là hễ ở nhà, thì không thích cho ai lên buồng riêng của mình, có một lần ông đã mắng thằng đây tứ vô ý trước khi mở cửa vào, không đánh tiếng hoặc gõ cửa, nhưng mà khi ông đi vắng thì tha hồ, ai vào cũng được, tuy đồ đạc, quần áo, ông để bừa bãi, mà có một lần ông Trưởng sợ quá, cái va-ly của ông Cửu, trong để rất những bạc đồng, mà ông ấy quên không khóa. Ấy là lần đầu, mà cũng là nhân tiện, nên ông Trưởng mới mở va-ly ra thì biết thế, chứ ông không có tính tò mò, việc ai mặc người ấy, ông không muốn để mắt vào cách hành động của ông khách trọ làm gì.

Ông Cửu ầu là một người vui chuyện, thích đánh chén, cho nên hễ động ở nhà thì y như ông đưa tiền mượn ông Trưởng làm rượu. Ông Trưởng lấy làm hả về chỗ ấy lắm. Nay thịt gà, mai thịt chó, thôi thì tha hồ mà đánh ngã từng chai bô; không mất tiền, ông uống vô tội vạ.

Một hôm, trong lúc say sưa, ông Cửu nghiêng ngả nói:

- Chẳng giấu gì ông. Tôi thì tiền bạc chẳng thiếu, duy chỉ thêm thuồng...

Ông Cửu ghé vào tận tai ông Trưởng mà nói.

Nhưng nói xong, ông Cửu giật mình, có ý hối hận vì đã quá lỡ mồm trong khi vui chuyện, bèn dặn thêm:

- Chết chữa! Nhưng tôi xin ông giữ kín cho việc ấy, chớ nói với ai mà lộ chuyện của tôi.

Song việc đời nó đi như vậy: cái gì đã cố giữ kín tức là cố để hở, cho nên muốn để hở một cách kín đáo, không gì bằng ta bịt kín nó một cách hở hênh. Bà già thấp thoáng sau bức rèm, còn khiến bọn thiếu niên công tử sái cổ lệch mắt bằng mấy cô thiếu nữ đứng lộ ngay ra ngoài cửa. Cho nên từ hôm đó ông Trưởng phải chú ý đến cách làm việc của ông Cửu, mà cũng từ hôm đó nhà ông Trưởng có nhiều khách ra vào hơn trước mà khi qua nơi ông Cửu ở, ông khách nào cũng cố lách vào một đôi con mắt tò mò. Họ đến chơi, mục đích chỉ có thể.

Nhưng ông khách nào đã được làm quen với ông Cửu, thì tất nhiên là được ông Cửu chèo kéo ở lại đánh chén, vì vậy không mấy chốc, mà tiếng hào hiệp, nhã nhặn của ông Cửu đã đồn dậy khắp làng trên làng dưới, cho nên bọn sâu rọu sợ vợ, nhất định không chịu bỏ phí dịp mà không đến gạ gẫm tỏ tình thân ái với cái hũ nhà ông khách quý, mà họ cho là trời đánh rơi!

Ông Trưởng nhận thấy việc ông Cửu làm, rất có vẻ bí mật. Có khi ông ta đi vắng từ sáng sớm, đến nửa đêm thì về; có bận ông đi vắng từ nửa đêm, đến gà gáy hôm sau nữa thì về; cũng có lúc trời mưa gió đùng đùng, ông cũng xách ô ra đi, rồi giữa trưa hôm sau thì về. Sự đi về rất thất thường, không bao giờ giống nhau cả. Ngày đi ông ta không nói trước, nhưng ngày và giờ về rất đúng hẹn. Một lần ông Cửu dặn 2 giờ sáng hôm sau thì về, thế mà ngay từ nửa đêm, trời nổi một cơn phong ba bão táp, vậy mà khi đồng hồ vừa điểm xong hai tiếng, thì ở cửa đã có tiếng ông ta gọi, chớ từ phía sủa vang.

Thấy ông Cửu có lắm cách hành động khác thường, nên ông Trưởng càng tò mò dữ. Một hôm, thằng đầy tớ chạy lên nhà trên trợn mắt, trợn mũi, thì thảo với ông rằng:

- Con thấy cái chậu thau đen quá, ông ạ. Con không biết ông ấy làm gì mà bắt con đánh mãi không sạch.

- Thế à? Ông Trương cũng trợn mắt to không kém mắt đầy tớ, đâu! Đâu? Chậu đâu?

- Con đánh sạch rồi.

- Bận sau ấy nhé, mày đem lên cho tao xem nhé.

- Nhưng mới bận này ông ấy mới bảo con đánh, mọi bận ông ấy vẫn làm lấy.

- Thế à? Bận sau, thấy ông ấy sắp đánh, mày nói với ông ấy rằng để mày đánh hộ nhé.

- Vâng, nhưng con sợ ông ấy mắng. Vì ông ấy dặn con đừng nói với ông.

- Thế à? Quái nhỉ.

Rồi tối hôm ấy, ông Trương luẩn quẩn cả đêm, đâm lo, không biết người này là mật thám thực hay chính là tay hội kín. Nhưng chẳng có lẽ ông Ba Tuần là em họ rất thân, rất đáng tin không khi lại nỡ lừa dối, để làm tai làm vạ cho ông như thế. Hay là ông Cửu sẽ làm lợi cho ông những gì mà ông chưa biết chẳng? Ông càng cần phải dò xét ông Cửu từng bước.

Một hôm, lẳng lặng, ông thân hành đi theo ông Cửu, thì quả nhiên ông thấy ông ta xuống dưới cuối tổng vào hàng nước nhà bà Tổng ích ngồi từ sáng đến trưa, rồi đứng ở góc đa đầu làng vợ vẫn đến tối mịt thì về. Ông hỏi bà Tổng ích, thì bà ấy cũng bảo đã đến hơn tháng nay, vẫn thấy người này vào nghỉ chân ở hàng ấy, có khi ngồi cả ngày, nhưng không nói chuyện với ai, hoặc hỏi han dò la gì cả.

Hôm sau, lúc đương uống rượu với chả cá, ông Trương đánh liêu, hỏi:

- Thế nào? Việc ông làm sắp có hiệu quả chưa?

Ông Cửu ra dáng sợ hãi, vội bịt miệng bạn, xua tay nói:

- Chớ! Bất khả lộ ngôn! Tôi bất khả!

Rồi ông đánh trống lảng ngay ra chuyện khác, khiến cho ông Trương càng đâm nghi.

Tối hôm ấy, ông Cửu ấu bảo thằng người nhà lấy cho mượn cái thau đồng, rồi ông đóng chặt cửa buồng lại.

Ông Trưởng nghe tin, bèn rón rén dòm qua khe vách. Ông thấy ông Cửu cởi trần ra, mở va-ly, đếm lấy ra mười đồng bạc, bày sát nhau trong lòng thau trắng xóa. Đoạn ông đứng chấp tay một cách rất cung kính, miệng lẩm bầm câu gì, rồi vớ vào gậm giường lấy lên một cái chai lớn, đổ nước đen đen vào trong thau. Ông lắc thau đến hàng năm sáu mươi lần, rồi sau đánh cái diêm, châm lửa vào nước, thì tự nhiên thấy khói um, không trông rõ gì nữa. Ngay lúc ấy, ngọn đèn tắt phụt, trong buồng tối um, ông Trưởng không thể nhận rõ được ông Cửu làm những gì cả. Một lúc lâu đèn ba bốn giờ đồng hồ sau, trong buồng lại bật sáng, thì không có gì khác thường. Ông Cửu tự mang thau đi đánh, rồi ngay lúc ấy, để đến mười hai giờ đêm rồi, ông ta khăn áo ra đi, dặn đến bốn giờ chiều mai thì về.

Nhân ông Cửu đi vắng, ông Trưởng bèn một mình lẳng lặng vào buồng dò xét. Ông soi đèn vào gậm lấy cái chai ra xem, thì thấy có một thứ nước gì đen kịt như mực. Ông soi kỹ mọi nơi, bỗng giật nảy mình, ông thấy có một viên gạch giữa gậm phản bị cạy lên. Ông nhấc gạch lên, bới đất ra, thì lạ quá, một cọc bạc mười đồng, buộc chằng dây đỏ chữ thập nằm nghiêng ở đó. Ông cởi dây, xem kỹ từng đồng, thì quả là đồng bạc ta vẫn tiêu, gõ kêu rất ròn tiếng. Ông bèn buộc cẩn thận lại, để trả vào chỗ cũ, lấp đất lên, chặn lại hòn gạch, nhưng nhất định rồi sẽ hỏi ông Cửu cho ra việc lạ này. Nếu có điều gì ám muội ở trong, tất ông không tha, thế nào cũng trình quan về bắt.

Đã là thân, tôi không giấu giếm ông một mảy may, ông Cửu nói với ông Trưởng thế. Ông tính tôi không làm gì mà quanh năm được phong lưu, tức là tôi chỉ nhờ ở cái phép lạ này thôi.

- Phép gì?

- Phép làm cho bạc đẻ.

- Ô, ông có phép làm cho bạc đẻ? Lạ nhỉ!

Thấy ông Trưởng rất ngạc nhiên, ông Cửu cười đáp:

- Phải, cho nên ai biết tôi thì biết, không biết thì thôi, tôi không cần. Rồi tôi cũng định đền ơn ông một bận.

Ông Trưởng vội trợn mắt, nói lấy lòng:

- Chết, ông nên sẽ chứ?

Không cần. Tôi có đúc bạc giả, có đi ăn trộm ăn cướp của ai đâu mà sợ.

Ông Trương cười ích kỷ:

- Nhưng người ngoài biết ông lắm tiền thì...

- Tha hồ cho họ cướp! Cướp bao nhiêu, tôi lại làm ra được bấy nhiêu. Tôi vẫn đi giúp người nghèo khó chả về thay nữa là.

- Ông làm bạc đẻ thế nào?

- Cứ một đồng thì đẻ ra một đồng; chứ không đẻ ra hơn được. Ví dụ tôi muốn có mười đồng thì tôi làm phép cho mười đồng của tôi ở cũ. Tôi học được phép này ở trên Mùong phải cầu thần chú và có thuốc.

Ông Trương sực hiểu, tròn miệng lại và nói:

- Ô, thảo nào!

- Lần vừa rồi, tôi thấy bạc không đẻ, tôi biết ngay bị lộ, tất thế nào cũng có hơi người lạ mó đến nó. Vì bạc nó ở cũ phải đúng giờ cho nên hẳn ông thấy mọi khi tôi về lúc nào cũng đúng hẹn lắm. Tôi cần phải đi xa khi nó thụ thai, vì nếu tôi ở gần, thì không những nó tịt không đẻ, mà nó lại tiêu sản, hỏng cả mẹ lẫn con, nghĩa là bạc biến thành ra đất cả!

- Nhưng sao tôi thấy khi ông đi vắng lâu, khi thì ông đi vắng chóng?

- À, đó là tùy số bạc cần đẻ. Muốn làm độ hai ba đồng, thì đi vắng ít, nhưng muốn làm hàng chục, hàng trăm, thì phải đi vắng nhiều hơn. Cái đó phải tính trước chứ. Chỉ lỡ về sớm hay muộn một chút là mẻ bạc ấy hỏng toi!

Ông Trương tùm tùm nói:

- Ông làm thử cho tôi vài đồng nhé.

- Ông Cứu cười, gật đầu:

- Được, nhưng mà...

- Nhưng mà sao? Hay là làm hộ không được?

- Không phải thế. Cái phép đẻ bạc cũng như đẻ con. Ông lấy bà ấy thì đẻ ra con là con ông, tôi không nhận là con tôi được. Ấy nó như người, chẳng khác một tý gì cả. Bạc của tôi đẻ, đổ ông tiêu được.

- Lạ nhỉ. Thế đi vay mà cho nó đẻ có được không?

- Được chứ sao lại không? Miễn là chính tay ông đưa tôi, thì thế nào tôi cũng làm được. Nhưng có một điều kỳ lạ là bạc của tôi mà cho ông vay thì không tài nào tôi làm cho nó đẻ được. Cũng như hai người đàn bà lấy nhau có khi nào đẻ được ra con? Hà! Hà! Hà! Ông hiểu không? Hay lại bảo tôi đón đầu!

- Không, chết! Chết! Có khi nào thế! Tôi hiểu rồi!

- Phải, bởi vì tôi thiếu gì, cho ông vay bao nhiêu mà tôi hết được, và có mất đi đâu mà sợ, nhưng chỉ tại không làm cho nó đẻ được thì tổ phí thuốc mà thôi, vì như thế cũng như lộ vậy. Ta có việc gì giấu được quỷ thần đâu? Đến ngay như ta với nhau cũng còn không giấu được nhau nữa là! Hà! Hà! Hà!

Ông Trương ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi đứng dậy, mở hòm lấy ra năm đồng đưa ông Cửu nói:

- Nhà tôi chỉ còn từng này bạc đồng, ông làm ơn hộ tôi một món.

- Vâng, nhưng ông bảo đánh mấy đồng này rõ mới hộ tôi. Rồi tôi làm cho mắt ông trông thấy nhé.

Ông Trương mừng rỡ, cảm ơn ông Cửu, và tạ lòng trời run rủi cho được gặp ông thần giáng phúc, từ nay khỏi nỗi vất vả về cách kiếm tiền.

Khi mấy đồng bạc đã đánh thực sáng nhoáng, ông Cửu bèn vào buồng với ông Trương giải cả tiền lên mặt chậu thau, rồi miệng lẩm bẩm mấy câu thần chú, đổ vào thuốc, và lắc đi lắc lại mãi. Đoạn ông đánh diêm châm thuốc vào thuốc thì khói um tủa khắp bốn bên, rồi đèn tắt; một lúc, ông Cửu bảo thắp đèn, thì đã thấy chậu thau khô, mà năm đồng bạc buộc với nhau bằng chiếc dây đỏ chằng chữ thập ở giữa đáy chậu.

- Thôi, bây giờ thì ông phải để tôi làm một mình tôi đi chôn bạc đây, cũng như ta dưỡng thai ấy mà, ông đừng xem mà lộ. Lộ thì không những không thành, mà bạc lại tiêu sản hết mất.

Nói xong, một mình ông Cửu ra vườn, ông Trương không dám dòm theo nữa. Một lúc ông Cửu trở về vội vã giật lấy cái khăn và chiếc áo, vừa đi vừa rảo bước ra cổng, vừa quay lại nói:

- Tìm được đất chôn lâu quá, nên tôi sợ muộn, tôi xin phép ông tôi phải đi ngay. Năm giờ rưỡi sáng mai tôi về. Thật là vì ông anh nên tôi mới phải lật

đặt đây nhé. à, ông chớ nên nói với ai việc này.

- Vâng! Cảm ơn ông anh.

Trong khi vắng ông Cửu, ông Trưởng thấp thỏm không sao ngủ yên, trong bụng khắp khởi mong cho chóng đến sáng. Động chợp mắt được một tý là đã nằm mê thấy mình trở nên nhà cự phú, có đồn điền, có ô-tô. Rồi vừa tảng sáng, ông đã ngồi nhồm dậy, tỉnh như con sáo, tay xách cái đồng hồ, ra cổng đứng ngóng, nhìn theo từng phút.

Đến năm giờ hai mươi thì, đúng hẹn quá, ông Cửu đã ở đằng đầu làng đi lại, đến cổng nhà thì vừa năm giờ hai mươi chín. Ông Trưởng trở đồng hồ vội la rầm rĩ:

- Ấy chết! Sớm một phút có được không?

- Được, không ngại, tôi đến nhà nhưng không lên tiếng vội, cũng như tôi về đúng giờ.

- Thế ngộ muộn vài phút có được không?

- Được, nhưng muộn quá thì không hay.

- À, ra nó cũng như uống thuốc.

- Chính thế! Thôi, đúng giờ rồi, ông ra gốc cây cam xanh mà đào lên.

Ông Trưởng mừng rỡ, tất tả ra vườn đào đất, thì quả nhiên có hai món năm đồng buộc riêng đôi bằng cái dây đỏ, giống nhau như đúc! Những đồng tròn, trắng, xinh xinh xinh, mới nguyên, lóe sáng trước ánh mặt trời buổi sớm, như hé một nụ cười vui vẻ để chào chủ. Ông Trưởng ngắm nghía, gõ thử, sướng lắm. Ông Cửu nói đùa:

- Hay ông cho tôi nào?

Ông Trưởng dùm miệng vào mà cười, và nói đùa lại:

- Vâng, ông có tiêu được, mời ông cứ tiêu giúp.

- Xin cảm ơn ông. Giá tôi có tiêu được thì ông chả phải bảo! Bây giờ ông có quảng ra đường, cũng không mất.

- Thật à? Thế nhà tôi tiêu có được không?

Thấy ông Trưởng ngơ ngác, có ý sợ hãi, ông Cửu phì cười:

- Được, nhưng ông phải nói: ù-ù cạc-cạc, ta cho đồng bạc, phải cảm ơn ta, đi mà tiêu pha, ù-ù cạc-cạc.

- À, lạ nhỉ, ù-ù cạc-cạc, ta cho đồng bạc, phải cảm ơn ta, đi mà tiêu pha, ù-ù cạc-cạc.

Từ hôm sau, không những ông Trưởng Sắc và ông Cửu ấu phải tiếp khách ăn ghe, mà bọn nhà giàu, ngóc, cũng kéo nhau đến chơi rất đông. Ai nấy đều muốn tỏ lòng thân thiện, và cố mời cho được ông Cửu đến chơi nhà, uống rượu. Ông Cửu cảm động, thường nói với ông Trưởng:

- Tôi đi thiên hạ đã nhiều, nhưng không thấy đâu văn vật như vùng ta. Tôi xem ra, ở đây, ai cũng trung hậu, biết quý người lắm.

Nhưng họ chiêu đãi ông Cửu để họ lợi dụng ông ấy, vì cái phép bí mật làm cho bạc đẻ mà ông Cửu dặn ông Trưởng giấu kín, nó đã hở toác ra mất rồi. Cho nên không ngày nào ông Cửu không có người nhờ làm bạc đẻ. Tuy ông cũng biết rằng đã ăn của người ta một bữa thì phải trả ơn, nhưng họ nhiều quá, mà từ chối thì nể. Ông Trưởng thấy vậy, lấy làm ngượng, song biết làm thế nào? Nào có mất gì của riêng ông đâu mà ngại, vả lại họ nể ông Cửu thì họ nể cả ông, ông Cửu được họ chiêu đãi sao, thì ông cũng được hưởng như thế. Thôi thì được một dịp cho người làng nước nhờ vả, mà người làm ơn vẫn vui lòng, không phàn nàn, thì ông cũng mặc ông Cửu với họ. Cho nên, người đưa một đồng, kẻ đưa dăm đồng, ai nấy đều nhờ ông Cửu làm thử cho một bận. Đồng bạc con, họ thấy như hết đồng bạc mẹ, mà tiêu pha dễ dãi như thường, nên họ đều nghĩ như nhau, cố giấu giếm mỗi lợi, để găm cho riêng mình cái mỏ mà đi vay mượn chỗ xa xa cho dễ dãi. Các ông nhà giàu thì định thả con săn sắt để bắt con cá sộp, nên định chờ dịp tốt hơn để mời hẳn ông Cửu đến ở nhà mình, mà nhờ ông một chuyến.

Nhưng được độ mười hôm, ông Cửu tuyên bố một tin, làm cho dân làng đều ngao ngán:

- Tôi không ở đây nữa. Tôi lấy làm nhớ các ngài lắm.

- Ô hay! Ông giận gì chúng tôi?

- Phép bạc đẻ như thế, hễ tôi ở đâu quá hai tháng thì không làm được nữa.

Các ngài có lòng yêu mà lưu tôi lại cũng vô ích.

- Vậy ông đi đâu, cho chúng tôi biết, hoặc ông cho chúng tôi rõ quý quán về đâu.

- Tôi quê ở Hà nội. Tôi có năm mươi nóc nhà ở các phố. Lại tỉnh nào tôi cũng có một nếp nhà. Nhưng tôi không thể làm phép này ở ngay nhà của tôi được nữa. Vì nhà nào tôi cũng ở qua hai tháng rồi. Trời ơi! Tôi còn nhớ khi tôi ở Hà nội, sao mà bận thế. Ai cũng đem tiền đến để nhờ đẽ, đẽ nổi không lúc nào được nghỉ cả.

- Vậy ông định đi đâu?

- Tôi cũng chưa định. Thôi, gặp nhau như thế là đủ, khi nào tôi nhớ các ngài, tôi sẽ đến chơi, có ngại gì?

- Nhưng mà tôi muốn nhờ ông thí cho dân chúng tôi cái ân cuối cùng.

Ông Cử bùi ngùi cảm động:

- Lạ là các ngài còn phải nhắc. Tôi ở đây bấy lâu được nhờ vả dân làng, cho nên trước khi đứng dậy, tôi cũng muốn gọi là trả lại chút nghĩa ấy, để lưu lại cái tiếng về sau.

Ai nấy đều hỏi dạ, nói:

- Vậy hôm nào ông từ giã chúng tôi, chúng tôi xin mời ông dự một bữa tiệc để tỏ lòng quyến luyến.

- Các ngài có lòng tốt, tôi không dám từ.

Cả làng, từ ông già bà cả cho chí trẻ con, ai cũng tập nập rủ nhau đến nhà ông Trưởng để đưa bạc đi đẽ. Thôi thì có bao nhiêu bạc giấy, hào, xu, họ đổi thành bạc đồng, và đánh cho thật bóng loáng. Ông Cử mỗi tay biên sỏ trong hai ngày, vì từ thằng khố dây trong làng, cũng cố cầm cố bán trác đồ đạc trong nhà để kiếm vài đồng bạc trắng. Ông Chánh Bá, giàu nhất tổng, đưa đẽ hẳn năm trăm, mà còn tiếc vì vội quá, không kịp bán nốt mấy chục mẫu ruộng, ông Lý Thới, ông Lý Sang, ông Phó Ung, ông Cả Sích, vân vân và những nhà có máu mặt, đều cùng nhau đưa hàng trăm, còn hạng đưa hàng chục, hàng đồng, thì tên biên vừa đen kịt hai mươi trang giấy. Khi cộng số, ông Cử phải lắc đầu lè lưỡi nói với ông Trưởng:

- Sáu nghìn bảy trăm sáu mươi tư đồng, chà! Có lẽ tôi phải lánh đến bảy tám hôm chắc!

- Ông Trưởng cười gượng:

- Chúng tôi chỉ dám phiền ông có lượt này nữa thôi đấy. Ông chịu khó vậy.

- Vâng, tôi có dám phàn nàn đâu!

Vừa xẩm tối, mọi người đã chen chân nhau vào nhà ông Trưởng để được xem phép lạ.

Nhưng họ có được trông thấy gì đâu, vì phải đứng cả ở ngoài sân, mà ông Cửu thì ở tận trong buồng để làm việc. Hàng năm sáu giờ đồng hồ sau, bỗng ông Trưởng, vẻ mặt quan trọng như ông tướng chạy ra hè hô lớn:

- Bây giờ ai phải về nhà nấy để bạc dưỡng thai. Cấm không ai được dòm, vì nếu có người lạ thì bạc tiêu sản, biến ra bùn mất cả. Ai không tuân lệnh mà làm hỏng mẻ này, thì phải đền sáu nghìn bảy trăm sáu mươi tư đồng, một thành hai!

Mọi người thấy câu nói đều sợ thiệt đến cửa riêng, bèn kéo ồ cả ra về. Độ năm phút sau, sân nhà vắng vẻ, ông Cửu bèn đi dò la chung quanh hàng rào, rồi một mình, khênh bạc ra vườn, lúi húi làm nốt công việc.

Lúc chôn xong, thì vừa hai giờ sáng, ông Cửu mệt nhoài, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nhưng theo phép, ông phải lánh xa chỗ bạc dưỡng thai, nên ông vội vã khăn áo ra đi, và dặn lại ông Trưởng:

- Bốn giờ kém năm sáng hôm thứ bảy sau, tôi sẽ trở lại. Trong chín hôm tôi không có đây, ông phải cấm không được cho ai lai vãng ra vườn nhé.

Chẳng phải nói thì độc giả thừa hiểu rằng ông Cửu ầu đi lượt ấy thì thôi không trở lại cái làng văn vật này nữa, mà số bạc ngót bảy nghìn, không những không làm mẹ đồng nào mà lại thành ra con ông cả.

Thế mà đúng ngày hẹn, cả làng, lớn bé già trẻ đều phớn phở đến sân nhà ông Trưởng để chờ ông Cửu về. Họ nóng ruột nên cố thức suốt đêm, đến tận bốn giờ kém sáu phút, nhưng cũng không thấy bóng ông thầy Mùong đâu cả. Đào vườn thì không ai dám đào, vả biết chỗ nào mà đặt lưới cước?

Đồng hồ chỉ bốn giờ kém bốn phút, mọi người không kiên gan nữa, bèn bàn

nhau cứ đánh bạo mà đào. Nhưng sục sạo cả vườn, họ chỉ thấy... Số bạc đã bị tiêu sản, tiêu cả con lẫn mẹ!

Việc lừa dối vỡ lở ra, cả làng đến chửi rủa ông Trương Sắc, bắt ông phải đi tìm cho được thằng bọm để làng đi trình quan, bỏ tù, nhưng nghĩ đến ông Ba Tuần sợ môi hở răng lạnh, nên ông Trương phải cam như hến. Tức quá, ông bèn nhất định đi ra Cẩm Phả, để trút cho ông Ba Tuần những của chẳng ngon mà làng nước tặng ông xoi, và bắt ông ấy phải đi tìm đũa gian phi, kéo ở làng họ làm sốt ruột lắm.

Đến nơi, mặt hầm hầm, ông đem lời trách móc, thì ông Ba Tuần cứ cười nhạt mà xin lỗi hoài. Rồi sau, chẳng làm thế nào hơn được nữa, ông mới dịu, thì ông Ba Tuần ghé vào tai ông, hỏi nhỏ:

- Bác mất bao nhiêu tất cả?

- Đúng ba trăm.

- Thế bác có muốn hấn đèn lại hay không?

Ông Trương bĩu môi, nói nhếch:

- Hấn đèn! Biết hấn ở đâu mà đèn?

- Được, tôi biết. Nhưng bác đừng lôi thôi với hấn. Bác cứ để cho hấn làm chỗ khác mới được.

- Nhưng hấn lấy gì mà đèn tôi?

- Bác về làng, phải mật chuyện này đi. Này, hấn sẽ lấy của người khác đèn bác.

- Hấn còn lấy của ai được? Ai dại gì mà tin hấn nữa?

- Ô, thiếu gì, lại những hạng có tiền và dại dột như tôi và bác chứ gì!

- À, ông Trương sục hiểu, nói: - À, ra chú lập tâm giới thiệu hấn với tôi đấy à?

Ba Tuần cười:

- Phải, vì trước kia tôi bị chú Hai Đông giới thiệu, nên xuýt mất với nó hai

trăm rưởi, nhưng chú ấy xui tôi nên im đi, mà rủ một người thân thích và có của vào cạm để nó lừa thì nó trả.

- À, nó ranh quá nhỉ. Thế bây giờ chú bảo tôi cũng làm như chú à?

- Ừ, tội gì.

Ông Trưởng cắn ngón tay nghĩ ngợi một lúc, rồi gật gù nói:

- Được, ông cậu ruột tôi là ông Nghị Thăng, giàu có tới vạn, mà cũng thực thà dễ bảo như anh em mình. Ông ấy tin cậy tôi lắm. Để tôi giới thiệu cho nó!

Nói đoạn, đắc trí, ông Trưởng Sắc cười xòa, mà ông Ba Tuần cũng ôm bụng, gò lưng, mép soạc đến mang tai mà cười như nắc nẻ...

Báo hiếu: Trả nghĩa cha

Mưa phùn. gió bắc. Rét buốt đến tận xương.

Nhưng mưa, gió, rét, có hề chi đến bữa tiệc giỗ ông cụ để ra ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô “Con Cọp”? Bởi vì trong buồng khách, cửa đóng kín mít, hơi lửa lò sưởi xông lên nóng rực. Mà khách đến chơi, ông nào cũng gói mình vào đến trăm thứ áo, lại xù xù ở cổ một chiếc chăn con!

Khách đến dự tiệc toàn là hạng ông nọ ông kia, danh giá, mà ông chủ nói là chỗ thân. Cho nên cố mời cho kỳ được. Vì chính ông cũng là hạng tai mắt trong phố phường. Ông là nhà tư bản vậy!

vả lại, không nhân ngày giỗ bố, mà làm bữa tiệc cho thực linh đình, mời mọc cho thực đông khách, để tỏ rằng mình tuy nhờ trời làm ăn đã được khá, nhưng chẳng phải hạng uống nước quên nguồn - Bởi đạo làm con là phải báo hiếu cho cha mẹ, để khỏi phụ công sinh thành dưỡng dục, thì thế gian họ cũng cười cho. Nghề thế, phú quý sinh lễ nghĩa.

Mà phú quý sinh lễ nghĩa thực. Chẳng tin cứ nhìn cách cử chỉ của hai ông bà chủ nhà ra đón tiếp khách thì đủ rõ. Hai ông bà cùng béo tốt, đẹp đẽ. Nhất là ông, cái bụng phưỡn ra, nấp trong bộ quần áo xếp nếp cứng thẳng như cái hộp. Tóc bóng mượt, nhẵn như cái gạo lĩnh úp trên đầu, không chịu kém vẻ đẹp với bộ ria sữa khéo như vẽ. Miệng lúc nào cũng chực tóe ra một chuỗi cười. Vì ngày hôm nay, bốn phận ông là phải hay cười. Mà đã cười thì cười cực to, ôm bụng mà cười, cười cả từ câu nói buồn cười đến câu nói không buồn cười. Nghĩa là ông hết sức khoe cái cười lấy lòng, cái cười thiệp đời của nhà tư bản. phải, người ta đã chẳng quản mưa, gió, rét mướt, mà quá bộ đến nhà để chiếu cố thì mình phải lấy làm hân hạnh, vui vẻ mới được. Cho nên ai đến, ông cũng chấp tay vái chào cung kính, rồi mời mọc ân cần, quý quý, hóa hóa, ăn nói rõ ra một nhà nền nếp, gia giáo.

Trong buồng ăn, tiệc đã dọn trên bàn, cái bàn chữ nhật, giải trên một tấm khăn trắng nuột. Cốc to, cốc nhỏ, chai lớn, chai con, bát sứ, đĩa Tây, bày la liệt, nhưng có thứ tự, lóng lánh dưới ngọn đèn trăm nến.

Chuông sáu giờ vừa dứt. Khách đến đã đủ. Một tiếng ông chủ mời, thì một trăm bốn chiếc chân, vừa chân người vừa chân ghế, lê sên sệt trên nền gạch Tây bóng lộn. Hai mươi bốn chiếc cốc đầy rượu đụng nhau, chủ khách bắt đầu cầm đũa.

- Xin ngài cho phép chúng tôi vào vô phép bà chủ.

Câu nói vừa dứt, thì đã thấy bà chủ ở trong buồng đi ra, chấp tay, tươi như cái hoa:

- Các quan đã có lòng yêu chúng tôi, mà đến chiều cô bữa cơm thường nhà chúng tôi, chúng tôi xin đa tạ. Xin rước các quan xơi rượu.

- Chúng tôi chẳng dám tin là bữa cơm thường! Kỳ cụ cố ông mà ông bà làm to thế này, thì chúng tôi tự xét mình lấy làm xấu hổ vì bất hiếu. Thôi nhờ bà nói giúp cho chúng tôi xin vô phép cụ cố bà.

- Thưa các quan, cảm ơn các quan, cụ bà chúng tôi ở trong nhà quê ạ. Nhiều lần chúng tôi mời ra ở đây, nhưng không chịu đi. Cho nên chúng tôi vẫn lấy làm ân hận lắm.

Cái lễ phép tắc trách đã làm xong, chủ khách ăn uống rất êm đềm vui vẻ. Êm đềm vui vẻ thực! sung sướng thay! Cúi lò sưởi nổ đôm đốp, át cả tiếng giọt mưa phùn. Chuyện nói to làm lấp các tiếng gió bắc thổi. Hơi rượu nồng nàn, ai nghĩ đến rét buốt thấu tận xương.

+

++

Mưa phùn. gió bắc. Rét buốt thấu tận xương.

Ngoài đường phố, ở quăng trước cửa nhà có bữa tiệc này, có một người đàn bà, lưng khoác áo tơ lá, đầu đội chiếc nón nghệ, dáng điệu bỡ ngỡ. Bà dòm hết nhà nọ đến nhà kia, mà lại dòm một cách ngốc dại. Nghĩa là không nghĩ đến rằng lẽ người ta đuổi, hay mắng, cho là định rình ăn cắp, người ta bắt lên cầm thì sao? Dòm chán rồi lại hỏi thăm. Mà hỏi chỉ độc nói trống không. Khi chẳng ai hoài hơi mà trả lời, thì bà ta cũng không biết phàn nàn hoặc sửa lại câu hỏi cho nhã nhặn thêm chút ít. Ấy thế rồi chịu đứng ngoài đường, như yên trí rằng ở đây cũng như ở nhà quê, không có xe pháo qua lại. Bà lại nhìn quanh quần từng nhà một...

Hàng mười lăm phút, bà ta loanh quanh, đi lại đến năm sáu lượt. Rồi nhận thấy một cái nhà có cái mái chĩa ra, bà bèn đứng lại để trú mưa. Người đàn bà ấy trạc ngoài sáu mươi, trông rõ quê mùa, đàn ngốc. Mặt mũi đen đui, dẫn deo, xấu như con khỉ. Hai mắt thì toét nhoèn những dử. Cái hàm trên thì chìa ra như mái hiên. Hai tay thì lóng cồng, gí cái nút buộc giải yếm vào tận mắt,

lúng túng cởi mãi mới lấy được một miếng trầu, bỏ vào mồm, nhai phóm phém. Trông lại càng xấu. Cái áo vải nâu dày cộm cộp, cái quần một ống, nói nôm ra, là cái váy, lưng thùng như cái bồ, chỗ thì ướt, chỗ thì khô. Có lẽ là bộ cánh quý nhất, nên ra tỉnh, mới dám mặc đến, nay bị ướt thì tiếc, nên cố vắt mãi cho khỏi đẫm nước mưa. Rồi lại cởi cái khăn vuông ra, để hờ cái đầu bạc trọc tếch mà gãi, nhăn mặt lại mà gãi. Rồi lấy ngay cái khăn đội đầu ấy mà lau chỗ gấu váy có dính đất. gôm, sao mà người đầu lại có người không biết thế nào là bản cả!

Rét đã run lên chẳng được, lại còn cứ lảm bảm nói một mình. Không biết nói những gì? Tính công tính việc hay là than thở, hay là vui thú cái chi chi? Nhưng thế thực rõ là cái lối người từ thuở bé chưa hề được thấy cái gì là hể hả.

Đương ngồi thì bỗng đằng sau lưng có tiếng cửa mở. Người đàn bà nhà quê quay lại, thì thấy trong nhà đèn điện sáng trưng, lố nhố bao nhiêu người, hình như ăn uống. Chỉ trông thoáng có thể thì thấy cửa lại khép lại, và có người đi ra.

- Alê! Chạy! Chốc nữa hãy đến. Người ta vừa mới ăn!

Nói xong người ấy đi.

Bà lão nhìn theo, không hiểu họ bảo ai. Nhưng chùng chùng đoán rằng người ấy là bồi biệc ở cái nhà này đây. Cho nên, một lát sau, trông thấy người ấy về, bà lão đứng ngay dậy, toan hỏi. Nhưng chưa nói được gì, đã bị mắng ngay câu nữa:

- Alê! Không đi đi thì ông ấy ra bây giờ!

- Đây có phải nhà ông chủ không?

- Ông chủ nào? không biết! Alê! Đi!

Thế rồi cửa lại hé ra, rồi áp lại. Người ấy vào trong mát.

Bà lão cố liều, rón rén bước lên bậc thềm cao, dòm qua cửa kính. Vì đèn sáng, nên trông rõ lắm. Rồi không biết nghĩ sao, bà lấy tay sờ mãi vào cửa để mở. Nhưng không biết cách nào, bèn lay thành thành, như không sợ hãi gì cả.

Một người đứng hầu chạy ra mở cửa. Có lẽ là người ban nãy, cho nên thấy bà lão thì đẩy ra, và nói:

- Đi! Chốc nữa...! Dạ!

Cánh cửa lại đóng đánh thình. Bà lão nhìn theo, thì thấy người hầu ấy khoanh tay đứng nói gì với một người đang ngồi ăn. Mà chính vì đã trông thấy người ngồi ăn ấy, nên bà lão mới dám bạo dạn như thế. Người ngồi ăn ấy tức là ông chủ nhà, chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô “Con Cọp”.

Ông chủ đứng phắt dậy, phưỡn bụng đi ra mở cửa. Bà lão mừng rỡ, híp mắt, nhăn nhó cái mặt để cười và nói to tướng:

- Thành ra tôi ngồi ngay ở cửa nhà mà không biết!

Ông chủ nhà cau mặt, ra ý không bằng lòng, tặc lưỡi một cái. Rồi cánh cửa lại đóng ập lại.

Bà lão không hiểu ra sao. Hay là mình trông lầm chăng. Ấy thế mà còn ngốc quá, bà cố cạy và đẩy mãi cửa. Nhưng may, không sao đẩy được. Nhìn theo vào, bà thấy cái nhà ông ấy đi tuột vào trong, mà khi ra ngồi vào bàn tiệc, thì lại cười nói như trước.

Độ mười lăm phút sau, có người đập tay vào lưng. Bà lão quay lại, thì người ấy nói:

- Tôi đưa bà cụ đi vào cổng đằng này, ông tôi bảo thế.

- Không đi được lối này à?

- Ông tôi đương có khách.

Bà lão bước xuống thềm, đi theo. Vòng hai phố thì đến một cái cổng hơi rộng. Cổng mở, bà bước vào, đi qua một cái sân, thì đến cái nhà con, trong có chiếc ô tô bóng nhoáng. Người ấy bảo:

- Bà cụ ngồi tạm đây.

Bà lão nhìn bốn bên. Đèn tuy sáng, nhưng cũng không hiểu mình ngồi tạm nhà ai. Mà nói rằng ngồi, chứ có cái gì để ngồi đâu. Vả muối và hôi thối quá. Nên chỉ mong chóng có người đưa về, để lễ và để nằm nghỉ. Vì đi xe ngót một giờ đồng hồ cũng mệt. Bà lão nóng ruột quá.

Nhưng may sao, một lát sau thấy có người đi đến. Bà lão nhờ nhắn ông chủ xuống cho mình hỏi.

Độ mười phút, quả nhiên có tiếng gót giày lộp cộp nện trên sân gạch. Bà lão cố nhìn xem ai. Mừng quá.

Thật đích là ông chủ.

Ông chủ đứng trước mặt bà lão, nét mặt hầm hầm, trợn mắt, khoanh tay vào ngực mà gất:

- Một suýt nữa thì làm tôi ê cả mặt! Ai bảo bà ra làm gì?

Bà lão chưa kịp trả lời cái câu hỏi không ngờ, thì đã bị mắng luôn mấy câu nữa:

- Tôi đã cấm bà không được ra đến đây kia mà. Đã một lần trước rồi, mà không chừa! Bà không biết để sĩ diện cho tôi! Đây này, bà cầm lấy! Bà về đi! Mặc kệ bà! Bà phải về ngay bây giờ! Mới có hơn bảy giờ, còn sớm!

Nói xong, ông ấn vào tay bà lão một cái tròn tròn, rồi quay gót trở lên, và gọi rầm rĩ:

- Thằng bếp đâu rồi! Mày đưa bà ấy ra! Mà mày phải bảo chúng nó rằng tao cấm, không đưa nào được kéo bà ấy cả! Cho mà đi bộ để bận sau mà chừa.

Bà ấy là ai? Bà ấy là một người đàn bà góa. Đã ngoại ba mươi năm nay, có một đêm, bà ấy trót dại chiều chồng, mà tình cờ đẻ ra được một đứa con trai. Sinh được ít lâu, trời bắt tội bà ấy góa bụa. Nhà nghèo, làm ăn vất vả, kiếm chẳng ăn đủ, nhưng bà ấy chẳng nhẫn tâm bỏ đứa bé thơ ngây trả nhà chồng để bước đi bước nữa mà vui thú với cái tuổi xuân đương hơ hớ. Qua mấy năm khó nhọc, khi sài, khi đẹn, suýt chết mấy lần, thì đứa bé đến tuổi đi học. Rồi vì nghèo khổ quá, nó phải ra tỉnh kiếm ăn theo anh em. Nhờ được cái nó nhanh nhẩu, láu lỉnh, liều lỉnh, mà chẳng biết nó làm ăn ra sao, nó có được ít vốn, rồi lấy được ở đâu một con vợ giàu. Từ đó, thằng ấy một ngày một khá, buôn bán phát tài. Nay giàu đến hàng mười vạn. Thằng con ấy tức là ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô “Con Cộp” vậy.

Bà lão lẩy bẩy, theo người bếp lôi ra cửa ban nãy. Đến đường, còn đương ngơ ngơ ngác ngác, chưa rõ nên đi lối nào, thì không biết tâm trí để đâu, bà ta lập cập, vấp một cái, ngã xoài ngay ra rãnh cống. Quần áo mặt mũi lấm bê bết. Cái tròn tròn vẫn nắm trong tay bắn quăng đi. Bà lão cố sờ soạng. Khi tìm thấy, bèn gí vào mắt để xem, thì cái tròn tròn ấy là đồng hào ván...

Mưa đê khóc, gió đê rên. Rét đê cắt đứt ruột mẹ người con mà họ đương

khen là hiếu tử.

Tiểu thuyết Thứ Bảy xuất bản, 1935

Báo hiếu: trả nghĩa mẹ

Đây có phải nhà ông chủ ô tô “Con Cọp” hay không?

- Phải, ông hỏi gì?

- Thưa cụ, ông chủ có nhà không ạ?

- Ông ấy đi vắng chưa về.

- Thưa cụ, tôi hỏi thế này khí không phải, cụ có phải là cụ sinh ra ông chủ tôi không ạ?

- Không phải, con vú già đây!

Người khách đương luống cuống, sượng sùng, vì sự mình làm con vú già với mẹ ông chủ, thì trông thấy một người đàn bà béo tốt và trẻ ở nhà trong đi ra đến sân. Muốn cho khỏi lầm lẫn thứ hai, người khách vội hỏi ngay người vú:

- Kia có phải là bà chủ không?

- Không phải, đây là mẹ đây!

Câu trả lời dấm dẩn, đáng lẽ làm cho người khách phải luống cuống sượng sùng lần thứ hai, thì trái lại, người khách nhận thấy vẻ mặt uất ức những sự giận dữ của bà cụ tự xưng là vú già và người được giới thiệu là mẹ, nên nhanh trí, hiểu ngay rằng không những mình không lầm lẫn thứ hai, mà lần thứ nhất mình cũng hỏi đúng. Tất là trong gia đình này, đương có sự xung đột mẹ chồng nàng dâu chi đây.

+

++

- Tôi lấy cậu, là vì ái tình của tôi đối với cậu, thì tôi chỉ biết có cậu, ngoài ra, tôi chẳng biết thằng nào con nào ở nhà này cả! Cậu ngu lắm, cậu không biết bảo bà ấy!

- Thôi, người già vẫn hay trái tính, mợ nên biết nhin. Mợ ở với tôi cả đời, chứ bắt quá bà ấy sống được mấy nữa!

- Bà ấy ở đây ngày nào, tôi ê chệ ngày ấy. Đây cậu xem, hôm qua đây, một

suýt nữa mà bà ấy vào cửa trước, thì có họa mặt mình là mặt mo! Cậu chỉ nói dối tôi. Cậu đuổi bà ấy, sao bà ấy còn đây?

- Tôi không đuổi thì tôi chết! Mợ cứ chửi đứ đũa nào nói dối mợ! Chẳng tin mợ hỏi lại thằng bếp mà xem. Nhưng chắc bà ấy phải đi bộ mà về nên lạc đường, mới trở lại. Tôi đã bắt bà ấy mai phải về rồi.

- Đồ mặt dày! Thế mà không biết nhục! Sao nó không chết đi cho người ta nhẹ nợ!

- Thôi, mợ nói vừa chứ.

- Tôi không nói vừa, cậu bênh mẹ cậu à! Ồi giờ ơi! Đây, cậu giết tôi trước đi! Ồi hàng phố ơi! Con gái già nó hại tôi!

- Tôi xin mợ! Tôi van mợ! Tôi lạy mợ!

- Cậu buông tôi ra. Tôi không để con mẹ ấy yên đêm nay được!

+

++

Sáng hôm sau, ở cửa nhà ông chủ xe cao su kiêm chủ hãng ô tô “Con Cọp”, người ta trông thấy căng cái màn đen diêm trắng. Mà đi trên hè, ai cũng ngửi thấy mùi khói hương, khói trầm, thơm phức.

Trong nhà có đám tang?

Phải, bà cụ sinh ra ông chủ mới tạ thế hồi đêm. Trong nhà trong, thằng bếp thì thảo hỏi con vú:

- Cụ tức bà, rồi cụ uất lên mà chết, phải không chị?

Con vú nháy mắt, trở tay vào cổ, nói:

- Thắt!

Thằng Quít nghe thấy, bĩu môi, trở vào mồm mình:

- Chỗ này đen những máu, trông ghê quá, đích là thuốc độc.

Uất lên mà chết? thắt cổ? uống phải thuốc độc?

Chẳng đúng! Chúng nó nói láo toét hết! Quân bạc thế đấy! Dem cắt lưỡi chúng nó đi!

Ai muốn rõ nguyên nhân vì sao bà cụ tạ thế, thì hãy đọc tờ cáo phó sau này, sẽ biết:

CChúng tôi lấy làm đau đớn, cáo phó để các cụ, các quan, các ông, các bà biết cho rằng thân mẫu chúng tôi là:

Cụ Trần Thị Y

Hưởng thọ 67 tuổi,

Chẳng may thụ bệnh, đã tạ thế ngày 15 tháng giêng, năm quý dậu, tức là ngày 9 Février 1933, tại nhà riêng chúng tôi, phố P, số 15.

Chúng tôi định đến ngày chủ nhật 12 février 1933 hồi 8 giờ sáng, sẽ làm lễ an táng tại nghĩa địa hàng tỉnh.

Dô ai tử: Nguyễn Văn D.

Hôn tử: Nguyễn Thị N.

Đồng gia đặng khắp bái.

Lời cáo phó ấy đăng lên mười tờ báo hàng ngày, lại in riêng thêm một nghìn tờ nữa. Thành ra ngót bốn vạn tờ ở nhà bưu điện bay ra như bướm bướm khắp các nơi, khiến các cụ, các quan, các ông, các bà, ai thấy cái tin đau đớn bà cụ thụ bệnh mà tạ thế, cũng phải giật mình mà vội vã đến thăm viếng, và chia buồn cùng người gặp lúc vận hạn.

+

++

Rồi đến đúng 8 giờ ngày 12 Février, đám tang cử hành.

Đầu tiên, năm lá cờ ngũ hành phấp phới theo chiều gió. Rồi đến ông thiên lôi, bà la sát, cao lệnh khênh đi hai bên. Một đoàn trống cà rùng, rinh tưng rinh, đi xung quanh chiếc trống cái, mà những phu đều áo nỉ đỏ, nón dậu sơn. Kế đến một cái kiệu long đình sơn son thếp vàng, thông thả tiến từng bước, trông rất uy vệ chững chạc. Theo sau long đình, là bốn chiếc xe nhà

bóng nhoáng, trên có bốn vị sư, mỗi vị đi hai lọng. Rồi ước trăm bà vải đội cầu dài dằng dặc, mỗi bà tay cầm phướn, miệng tụng kinh âm âm. Một cái minh tinh cao ngất ngều đi trước một bức trướng vóc như căng ngang đường, có bốn chữ quen quen là dĩ sơn vân ám to tướng. Đoạn đến hàng hai trăm câu đối, cái vàng, cái trắng, cái đen, cái tím, cái xanh, cái bằng xa tanh, cái bằng vóc, cái bằng lượt, cái bằng dạ, xếp hàng đôi, mà trẻ con cầm đũa nào cũng mặc áo dài trắng. Những câu đối ấy toàn chữ nho khó đọc cả. Duy chỗ lạc khoản thì dễ nhận hơn. Có chữ giống như thẻ bài ngà của cụ thượng. Có chữ trên thì rậm rì khó đọc, nhưng dưới thì là chữ lâm muôn chừng là hàn lâm. Có câu thì người ta bảo là của cụ lớn bố chánh. Có câu thì trông rõ ba chữ Bắc kỳ nhân, rồi có ba chữ cuối mới đến tên. Nói tóm lại, nhiều quá, không ai nhớ hết. Vì còn những câu của ông phủ, ông Huyện, ông tham, ông phán chi chít những chữ nho là chữ nho.

Sau đoàn câu đối thì là bốn năm cái bàn đọc, rước đồ tam sinh với các phẩm vật. Cứ đồ mặn lại xen đồ chay, mà cuối cùng, là con bò thui to kéch. Bàn nào bàn nấy chằng chịt những dây vải trắng tinh.

Đương mỗi mắt về nhìn các nghi vệ, thì khách qua đường lại đình tai về nghe đội kèn Tây thuê tự Hà nội về. Họ ăn mặc như lính Tây thổi những bài rất hùng hồn, như muốn giục người hăng hái ra trận. Cái linh xa tám người khênh, thông thả đi nối ngay sau phường kèn. Trong linh xa, khói hương trầm bay nghi ngút, giữa có bức truyền thân vẽ sơn, mới xong tối hôm trước, để kịp rước. Bà cụ thì mặc áo gấm và đi giày vân hài. Nào hoa tai, nào hột vàng, nào tráp đòi môi, nào ống nhổ sứ, ai trông cũng đoán được nhà giàu. Đi sau linh xa, phường bát âm đưa những bài lâm khốc, như than, như khóc, như oán, như hờn, nỉ non, rên rĩ, nghe buồn chảy nước mắt được! Một người khăn trắng, thắt lưng xanh ra ngoài, giơ cái phèng lên mà đánh, để ra hiệu cho bọn khênh cữu. Thịnh thoảng, để trả lời tiếng phèng rè, một hồi phách nổi lên, lách cách như tiếng nhái kêu. Cái nhà táng thừa mấy hôm trời, thợ cả phổ làm suốt ngày thâu đêm mới kịp và mới vừa lòng ông chủ. Vì nghe đâu đất đến trăm hai! Bốn mươi hai người khênh đòn cữu, khi tiến khi quành, đều đều tấp tểp. Trong nhà táng là quan tài, sơn son thiếp vàng, rất đẹp. Người ta bảo sắm mất hơn sáu chục. Trong cái phương du đi sau nhà táng, thì họ hàng thân thích, chen lách mà bước từng bước một. Tiếng khóc than kêu gào thảm thiết, ai nghe thấy cũng phải nảo lòng. Người ta bảo là bọn khóc mướn, nhưng lấy gì làm chứng? Rồi đến hàng nghìn người, các cụ, các quan, các ông, các bà, rặt những chỗ thân thuộc, đi theo sau. Cuối cùng thì ba bốn chiếc ô tô, sinh sịch tiến dần. Và hai ba chục chiếc xe nhà, như nêp khúc đường chật hẹp.

Được xem cái đám ma linh đình uy vệ là thế, thì ta nên khen người hiếu chủ đã khéo trả nghĩa mẹ. Mà nhất là nếu trông thấy người ấy, ta lại càng tâm phục cái bụng hiếu thảo, không bển không bờ.

Người ấy mặc đồ sô gai. Chứ còn bụng dạ nào mà nghĩ đến áo quần cho chải chuốt! Đi trước cứ thì giật lùi từng bước. Lúc nào cũng bung miệng mà khóc, còng lưng xuống mà khóc, đến nỗi phải chống gậy! Vậy mà có đủ vững được đâu? Mấy hôm nay, vì thương mẹ quá thành ra ốm yếu, họ hàng sợ người ấy ngã lăn ra, cho nên phải cử người đi kèm, vừa che ô, vừa ôm chặt lấy ngang lưng cho đỡ khuyụ. Người ta lại sợ hiếu chủ thương mẹ quá đập đầu vào quan tài, lỡ chết thì hoài, vì lúc trong bụng bối rối vẫn hay sinh liêu, nên phải bện cái nùn rom để chít quanh đầu. Thì dù có đập mạnh đến đâu, cũng không đến nỗi vỡ sọ.

Người con dâu mới lại đáng ái ngại nữa chứ! Khốn nạn, mấy hôm nay, người này kêu khản cả tiếng, khóc hết cả hơi. Mà ông trời độc địa, cứ khăng khăng bắt bà cụ, hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi, để bây giờ dâu con không có mẹ mà hầu hạ. Lắm lúc lại như thù giận lũ phi nhân đạo, họ cứ nhẫn tâm khênh cửu đi, thì nàng dâu lại nằm lăn ra đường mà chần lồi, rồi lại kêu gào rầm rầm. Lúc hạ huyết mới càng thương tâm. Áo quan chưa ngắm đúng hướng, người ấy đã nhảy đánh tụp xuống mà nằm thẳng cẳng ra, ôm chặt lấy mà hờ, mà khóc. Rồi quá lắm, đến nỗi ngất đi. Nếu bốn năm người không lôi dậy và không tốt khuyên, thì có lẽ người ấy còn muốn sống làm gì! Thà đi theo mẹ còn hơn chịu bơ vơ như chim mất tổ!

Não lòng thay! Bà cụ ở dưới suối vàng, có thiêng chẳng tá? Giá bà cụ biết rằng mình được con nó báo hiếu, làm đám ma long trọng dường này, thì hẳn cũng ngậm cười. Mà nhất là giá bà cụ lại trông thấy trước rằng con trai và con dâu mình nó thương mình quá thế thì chắc lúc "thụ bệnh", cũng chẳng đành tâm mà nhắm mắt!

Tiểu thuyết Thứ Bảy xuất bản – 1935

Chiếc Quan Tài

Chiếc quan tài ấy đặt trên tấm phản, giữa một túp nhà xiêu. Một người đàn bà, quần áo nâu bạc, ngồi phệt ở bên, úp mặt vào cánh tay khoanh cạnh ván thiên, thỉnh thoảng hé vuông vải nhỏ mới, ghé ra ngoài xỉ mũi xuống nước. Gần đó, một thằng bé con, chỉ mặc một manh áo rách, thò cái gậy tre vừa đẵn, nghịch với những tấm bọt sủi trên mặt lướt bùn.

Bỗng bốn người đóng khố, lục lưỡng, đẩy chiếc mảng chuối áp đến hè, rồi cùng nhau vào, khóa chân để rửa, nói mấy câu, và đứng lên phản, bắt tay vào cỗ ván.

Họ còng lưng, ưỡn ngực, để khênh cho thẳng bằng. Song, họ không thấy nhọc nhằn, vì chiếc áo quan ấy nhẹ quá. Nó bằng gỗ tạp, lỗ chỗ những vết mọt đen, mỏng vừa một đốt ngón tay. Họ chép miệng, phàn nàn với nhau, thương hại anh Cu xấu số, khổ cho đến lúc chết, chết ngay vào độ trời làm vỡ đường.

Mảng chuối chở chiếc quan tài lênh bênh theo tay bốn người đẩy ra công. Chị Cu trùm khăn lên mặt, khóc thảm thiết. Cứ cả quần áo thế, chị lội bì bõm, đi sau chồng.

Giá không có mảnh vải trắng che mặt, đồ người lạ nào bảo chị là người nhà người chết. Và giá không có tiếng khóc, đồ ai đoán là ngoài đường có đám ma. Thằng Cu thì chẳng biết gì. Nó thấy người ta ghé lưng, bảo nó ôm cổ để công. Nó ngơ ngác làm theo, hình như thích chí vì được đi lội.

Bốn người đẩy mảng, dò từng bước. Đi dưới nước đã chậm, thế mà đường lại trơn. Những bọt nước tóe bắn lên, làm tắt cả hương. Mấy cây nến cắm trên khúc chuối, bị gió, không sao cháy được. Người ta đã nhiều lần thấp lại cả hương lẫn nến, nhưng vẫn tắt như thường.

Xung quanh, làn nước đỏ mênh mông, từ sáng đến bây giờ, mỗi lúc lên một cao. Chị Cu gào mãi nên rất cổ. Chị phải thôi khóc. Và cố bấm đầu ngón chân xuống đất, cho khỏi ngã.

Mực nước chỗ thấp thì đến bẹn, chỗ cao thì đến thắt lưng hoặc đến ngực. Cả làng chỉ còn có mỗi một nơi cao nhất, là khu giữa vườn nhà ông Lý, may quá, chưa bị ngập. Cho nên ngay từ khi anh Cu ngáp cái sau cùng, chị Cu phải kiếm coi trâu lên xin với chủ đất, để nhờ chỗ chôn chồng. Ông Lý thương hại, vui lòng nhận lời, lại khuyên chị nên đưa ngay anh Cu "ra đồng"

kéo chỉ một giờ nữa, vườn ông cũng tràn nốt. Thật thế, cả làng, hiện nay chỉ có khu vườn ấy là hở. Còn thì từ ngoài đồng cho đến khắp các xóm, chỗ nào cũng những nước là nước. Nói đúng ra, giữa đồng cũng còn vài ba cái gò là còn nổi lên. Nhưng những đường ra đấy, từ khi mới có tin vỡ đê, tuần đã chặt tre rập ngang lối, vít kín cả lại rồi. Chỉ còn một lỗ con con chui khe lũy, người ta vẫn đánh trâu qua để thả cho nó bơi đến các gò, đứng nắng và ăn bèo Nhật Bản, thì lối ấy nhỏ quá. Vả trừ trâu ra, ai dám bơi qua những nơi ruộng sâu đến một con sào.

Chiếc mảng lênh bênh độ một lát, thì quàng vào ngõ xóm Trung. Tuy đường hẹp, nhưng lối đi cao dần. Nước đến thắt lưng, sau đến bẹn, rồi sau đến đầu gối. Rồi sau cùng, mảng chuối chịt lại, mắc cạn, không đi được nữa.

Người ta ghé tay bê áo quan. Chị Cu vác vồ cuốc lên vai, đi theo. Nước rẽ qua những cẳng chân đen thui, kêu rào rào, tóe bọt trắng sang hai bên.

Chị Cu giục mọi người mau tay lên, vì chị lo ngại quá.

Quả nhiên, mới từ nãy đến giờ, nước đã lảng gần khắp vườn nhà ông Lý. Chỗ đất vừa đào cách đây độ một giờ đã có những dòng nước ngòn ngoèo bò theo nơi thấp, và rỉ vào, ngập đến lưng huyết.

Bốn người rảo cẳng, rồi đặt quan tài xuống. Họ nhảy vào hồ, hai tay bốc nước, thoăn thoắt tát ra. Nhưng vô ích. Nước ra bao nhiêu, lại vào bấy nhiêu. Mà nước vào lại mạnh hơn nước ra. Tát cũng không kịp.

Bốn người thất vọng, bảo nhau khênh bốn góc cỗ ván. Hai người tiến, hai người lui, rồi cùng đứng ngay ngắn ở hai đầu huyết. Họ cúi lưng, đưa thấp dần dần tay xuống. Chiếc quan tài hạ từ từ. Cảnh đau đớn làm chị Cu đứt từng khúc ruột. Chị muốn khóc cho hết nước mắt, gào cho hết hơi, để được chôn theo chồng. Nhưng bỗng chiếc quan tài đứng sững lại, không xuống được nữa. Nước ở dưới dội nổi lên. Tiếng khóc im bật.

Bọn người nhìn nhau lo sợ. Lúng túng. Làm thế nào? Bàn tán hồi lâu, hai người nhảy xuống, đứng ở hai đầu áo quan để lấy sức nặng, thì nó mới chìm được. Nhưng nước vào huyết đã nhiều, nên khi người ta vừa nhảy xuống, nước ở dưới dềnh lên, tràn qua ván thiên. Quan tài như chiếc thuyền đáy phẳng, nó bập bênh. Hai người mất thăng bằng, ngã khụy, thụt cẳng xuống huyết.

Cách ấy không được. Ỗ ộp, mỗi người nói ra một kế. Chỉ làm sao thắng nổi có mỗi một tí nước, mới chôn được dễ dàng. Chị Cu tưởng tượng đến chồng

bị ngâm sũng, chi thút thít, kê lể, thương con người đến chết còn vất vả.

Chẳng mấy chốc, chiếc quan tài vì nhẹ, lại tự nhô lên đến gần mặt đất. Cả huyệt đầy những nước mát rồi. Bây giờ mới là lúc khó khăn. Họ vẫn luẩn quẩn bàn bạc.

Sau hết, ba người phải lấy lưới cước, hếch kê ván cho nước ồ vào thực nhiều và cùng nhau đứng về một đầu cho sức nặng đủ dận được xuống đất. Một người lấy vồ chêm vào thành huyệt, ghì chặt lấy. Một người cước đất, và chi Cu khuân vôi vàng, vớt xuống hố. Thấy thây chồng đầu cao đầu thấp, chi đau đớn lắm. Nhưng biết làm thế nào?

Họ lèn đất vào thành huyệt và áo quan, rồi quẳng những tảng to lên trên. Cho đất đủ sức chìm một đầu quan tài, họ lại đứng sang đầu bên kia. Và cũng làm như trước. Họ thở ì ạch, khó nhọc như một cuộc vật lộn. Khi cổ ván đã bị chèn chặt hai đầu, họ bèn rủ nhau lên, để hết sức đào đất cho nhanh chóng mà quẳng xuống. Nhưng họ vừa bước chân khỏi, cổ áo quan đã bênh lên theo. Song, được cái nó không nổi cao quá. Biết rằng sức phấn đấu có công hiệu, họ huỳnh huých làm một lúc nữa thật mau. Chiếc quan tài lần này chịu nằm gí xuống tận đáy huyệt.

Bây giờ họ đã đỡ vất vả. Chỉ còn việc đắp đất lên cho thành nắm mà thôi. Ấy thế mà khi ngòi má đắp vừa xong, nước đã láng vào khắp vườn, không còn hở một chỗ nào nữa.

Những con giun đất màu đen to bằng ngón tay út nổi lênh bênh, dập dềnh theo đà sóng, trôi với đám bọt rác.

+

++

Một giờ, lại một giờ. Mực nước lên cao dần, cao trông thấy.

Xung quanh má anh Cu, có những lá tre khô bám vào. Rồi có bèo Nhật Bản. Rồi có cả bọt rác nữa. Thứ này bám vào chốc lát, rồi bị sóng lôi đi. Thứ kia ôm lấy nhau, nhảy nhót, chạm óc ách vào nắm đất mới đắp. Nước dập dờn liếm mãi vào khe những mảng đất, làm cho nó mủn ra. Rồi nó lở thành những cục con con, lả tả rơi từng tý một.

Độ nửa ngày, nước tràn qua mặt má.

Gió hiu hiu. Bụi tre cát kết như nghiền răng. Những lá vàng rào rào bay xuống, chạy trên mặt nước như thuyền buồm thuận chiều. Lúc nào sóng cũng dập dờn làm ải đất mả đắp dôi. Hòn to không mấy chốc thành hòn nhỏ. Hòn nhỏ không mấy chốc bị cuốn đi. Năm mô bị vệt dần. Rồi nó không cao hơn mặt vườn nữa. Rồi chẳng bao lâu, tự nhiên, ở dưới, nhô lên một tầng đất mới.

Tầng đất này cũng mỗi lúc một tụt, bị sóng đánh, bị ải, và bị cuốn đi. Rồi hết lượt này đến lượt khác, đất ở dưới cứ nhô lên và cứ bị cuốn đi từng hòn nhỏ cho đến hết. Rồi sau hết, ục một tiếng, cả chiếc quan tài tự nhiên nổi bênh lên. Nó nghiêng đi, hát tầng đất cuối cùng trên mặt ván trơn bùn như mỡ. Tầng đất rơi tồm xuống nước. Cổ áo quan trông trắng, rồi đứng yên trên huyết như chiếc thuyền bị cạn.

Chiếc quan tài nổi theo mực nước lên cao dần. Sóng bập bênh cứ vỗ mãi vào thành nó như cố đẩy nó đi. Rồi sau, nó không bị vướng gì nữa. Nó quay đầu, lừ lừ theo chiều gió và chiều nước, lênh đênh, lúc trôi ngang, lúc trôi dọc.

Độ nửa ngày, chiếc quan tài đã tự đến góc vườn, cạnh bờ lạch. Đến đây, nước phía ngoài chảy xiết, hút nó bập ngang vào rặng tre. Nó mắc ở đó. Rồi một bè gỗ bám cạnh nó. Rồi một cụm bè bám cạnh nó. Rồi cả một mảng vừa gỗ, vừa dừa, vừa bè. Cả tảng bị nước đẩy ra lạch, nhưng không nổi.

Chiều gió đổi làm nhích dần mọi vật, mỗi lúc một tụt. Nhưng cổ ván gặp cành giông tự nhiên, rúc đầu vào bụi. Rồi lái ngang, hẩy mảng bè ra cho nó chui qua khe rặng tre và theo dòng lạch trôi nhanh như mũi tên. Rồi một mình chiếc quan tài cựa quậy, như cũng muốn tìm lối ra chỗ rộng. Nhưng nó nặng nề, nên hết xoay dọc lại xoay ngang. Nó tiến rất chậm chạp, vì thỉnh thoảng có giông tre cản lại.

Nắng gay gắt làm cho khô đất bết trên mặt cổ ván và cong vênh một phần nắp lên. Cả người nằm trong, trương phình ra, cũng hình như không chịu được chỗ quá chật hẹp.

Chiếc quan tài như con thuyền không chủ, bập bênh, lách theo lũy tre. Lúc nó dừng lại. Lúc nó nhích đi. Lúc nó giúi nghiêng, lại bập vào bụi. Rồi sau hết, nó tới một chỗ có khe rộng. Tự nhiên, nó lao một cái, thích hai cạnh vào tre hai bên, rồi đâm thẳng ra giữa lạch chảy xiết. Đến đây, nó quay mấy vòng, rồi lừ lừ, nó trôi dọc theo dòng nước...

Tiểu thuyết Thứ Bảy số 180; 1937.

Con Ngựa già

Hơn hai mươi năm về trước, đã có thời kỳ tôi ở Huyện Yên Mỹ. Hồi ấy, tôi mới độ chín mươi tuổi.

Vì ngoài phố ít ao, vả giếng gánh nước ở xa, nên nhân dân, ai tắm giặt, phải vào nhờ ao trong Huyện cho tiện. Lối từ cổng đến ao, đi sau tư thất của quan phụ mẫu, nên mỗi khi tôi vắt bộ quần áo sạch lên vai, và cầm chiếc gáo sắt Tây ở tay để đi tắm, là tôi lại đứng trước chuồng ngựa, ngắm nghía ngựa rất lâu.

Ông Huyện nuôi ba con ngựa, một con hồng, một con bạch, và một con ô.

Trong ba con ấy, hai con kể trên không có gì đáng chú ý. Nhưng còn con ngựa ô, bao giờ tôi cũng phải nhìn nó bằng đôi mắt kính phọc. Nó cao lớn, trông bề ngoài cũng biết là sắc mắ, bắt kham. Nhất là tôi được nghe rất nhiều chuyện về nó.

Con ngựa ô ấy, ông Huyện, hồi ở Yên Dũng, đã mua lại của ông phó công sứ Bắc Giang, sắp về Tây. Vì lẽ đó, nó cũng có tên là ngựa Tây. Và cũng vì là ngựa Tây nên nó không hiền lành như ngựa ta. Nó dữ, khỏe mạnh và hung hăng lắm.

Đã có lần nó cắn anh bồi ngựa một miếng vào tay, máu chảy lênh láng, khi anh ta đang tắm cho nó. Anh bồi đã là tay giỏi ngựa, vậy mà một đôi khi phải chịu nó. Nó có một tính lạ, hễ thấy người đem đồ lại gần để đóng xe, là nó hí lên rầm rĩ, và đá vung vít. Có bận, ba bốn người lính lực lưỡng mới đóng nổi nó vào xe; một người giữ chặt dây hàm thiếc, cho nó khỏi quay lại cắn, hai người bẻ khuỷu hai chân trước, để hễ nó đá bằng hai chân sau, thì nó ngã. Lúc ấy, nó mới chịu. Nhưng động thấy đôi càng xe làm trĩu dây da quàng lưng, là nó phi liền. Vì vậy, người ta phải đóng đồ rõ nhanh, và ai ngồi xe, phải lên ngồi sẵn sàng cả trên đệm. Vì nó mà đã chạy, thì có trời ghìm nổi!

Lần đầu tiên, anh bồi chưa biết tính nó như thế, nên để nó đánh đồ xe, gãy tan mất một bánh. Lại lần nữa, nó đã cứ xe không, thẳng đường, té một mạch cho đến tận bến đò, xéo vung vít cả vào người ở chợ, rồi kéo thẳng xe xuống sông. Lại một lần nữa, anh bồi lúng túng, chưa kịp nắm chặt cương, nó đã cuốc. Bà Huyện ngồi trên, kêu la rầm rĩ. Nhưng may, khi đến cổng, vì nó quành non quá, đầu càng xe vấp vào bờ tường, bà Huyện ngã lộn nhào ra đằng trước, sây sát cả mặt mũi. Song, nếu không thế, nó chạy chưa biết đến

đầu, và chắc gậy nên tai nạn còn lớn hơn nhiều.

Khi con ngựa ô chạy đã xâm xấp mồ hôi, thì nó càng hăng. Nó té nhanh và dai sức lắm. Có lần nó đã phi ngang xe lửa từ ga Đình Dù đến Phú Thụy. Rồi vì tàu phải đỗ ở Phú Thụy, nên nó chạy vượt lên. Người bồi nói rằng hôm ấy, hành khách xe lửa, ai cũng phải thò đầu ra cửa để xem cuộc chạy thi của sức máy móc và sức giống vật.

Không những con ngựa ấy khỏe mà thôi, nó lại khôn nữa. Ai lại gần nó thì nó hục hặc, cắn đá, nhưng đến ông Huyện đứng cạnh, thì nó hiền lành như con bò. Tha hồ ông vuốt ve, thò tay vành răng nó ra, hai tai nó vẫn cứ cúp ra đằng trước một cách ngoan ngoãn.

Lính Huyện còn ca tụng mãi cái việc nó cứu chủ. Một đêm, ông Huyện cưỡi nó đi tuần. Xảy gặp một toán đông người, có khí giới. Không biết chúng là bọn cướp, hay chúng thù ông Huyện, biết ông đến chỗ ấy, nên đón đường định hại. Chúng ồ ra, chặn lối đi. Bị tai nạn bất thần, ông Huyện cuống quýt. Nhưng con ngựa ô đá vung vít, giải vây được, và cắm đầu té một mạch về nhà.

Lại một lần nữa, trong mùa nước to, Lý trưởng làng Lục Điền phi báo ông Huyện khúc đê sạt bốn mươi trượng, ông Huyện cưỡi con ngựa ô đến chỗ xung yếu thì được độ năm phút, ô tô ông sứ đến. Ông sứ cho là ông Huyện chăm chỉ, lấy làm bằng lòng lắm. Giá dùng con ngựa hồng hay bạch, tất ông đến sau ông sứ, và sẽ bị quở trách là lười biếng việc quan.

Bởi thế, duy chỉ có ông Huyện là quý con ngựa ô, còn cả nhà coi nó như kẻ thù, vì ghét nó quá. Bà Huyện bảo đem bán quách nó đi, để tránh những sự nguy hiểm. Người bồi động đến gần nó, là quát trước ít ra là năm chiếc roi gân bò vào mặt nó, để thị uy. Ai có việc phải đến gần nó, cũng trông ngục thành thành, cố mau chóng để tránh cho xa cái hàm răng và cẳng chân ghê gớm của nó.

Những điều tôi kể trên kia, là tôi nghe người bồi ngựa nói lại. Nhưng chính mắt tôi đã trông thấy con ngựa ô ấy chạy nhiều lần. Mỗi khi ở ngoài đường, có hội nhạc rung đều, là tôi phải bỏ cả sách vở hoặc bát đĩa, tức tốc ra đứng ở hè nhà, để dùm miệng lại mà vừa nhìn, vừa sợ. Con ngựa chạy như bẫm, như bở. Cát đường bụi mù. Tôi hồi hộp, nhảy lên chồm chồm mà reo:

- Ngựa ô của quan!

Mà chẳng những một mình tôi mới lộ bịch như thế. Hàng trăm trẻ con khác

còn lố bịch hơn tôi. Chúng chạy theo. Và khi con ngựa đã vào đến sân, chúng thập thò ở ngoài cổng Huyện, ngó vào, nhìn con vật thờ ỉ ạch mà bàn tán về nó đến trăm chuyện!

+

++

Nhưng mấy năm nay, con ngựa ấy già, sức lực nó yếu đi. Nó kém hung hăng và bớt cần, đá. Song, mỗi khi đi tắm, tôi không thể nào không đứng trước chuồng nó mà ngắm nghía nó bằng đôi mắt kính phục.

Thế rồi một hôm, tôi thấy đồn con ngựa ô ốm.

Tôi đi qua chuồng thấy nó lử thử, nằm duỗi bốn cẳng một cách uể oải. Thúng thóc và bó lá tre để ở phía trong, vẫn còn nguyên. Vài hôm sau, một ông thú y người An Nam ở tỉnh về Huyện. Người bồi ngựa nói rằng:

- Quan cho mời quan Đốc về chữa, nhưng quan Đốc bảo nó già và phải bệnh đau ruột, không thể chữa được.

- Thế nó chết à?

Người bồi gật đầu:

- Tại mấy năm trước nó khỏe và làm nhiều quá, nên về già, động ốm là nặng. Quan Đốc bảo đến đốc tờ Tây cũng không thể cứu được. Mà có khỏi, nó không thể kéo xe và cưỡi được nữa!

- Con ngựa ấy chết thì hoài nhỉ!

- Chết thì chôn!

Người bồi thân nhiên nói thế. Còn tôi, khi nghe thấy tiếng "chôn", tôi lại chỉ mong cho con ngựa ô ấy chết thực, để được xem đám ma ngựa nó ra làm sao. Thực vậy, tôi tưởng tượng đến một cái hòm kếp xù là quan tài, trong có xác con ngựa. Rồi vì nặng, nên tất phải đến ba bốn mươi người khênh trên vai mới nổi. Theo sau áo quan, chắc người bồi dắt con ngựa hồng và con ngựa bạch đi theo để đưa ma.

Nhưng sự thực không phải thế.

Sáng hôm sau, khi ông thú y về, bỗng tôi thấy ở cổng Huyện một lũ người lôi một cái gì nặng nề, có lũ trẻ phố đứng xem xúm xít. Tôi liền chạy ra, thì ra lính trong Huyện với con ngựa ô.

Người ta lôi nó đi chôn.

Thế là đám ma ngựa.

Con ngựa ô bị trói bốn cẳng làm một, đầu thùng có mười người kéo. Cổ nó cũng buộc vào một dây, năm người lôi. Nó nặng lắm. Mười lăm người co hết sức, dơ ta rõ đều, mà nhúc nhích được rất chậm. Tôi len vào chỗ trẻ con, đứng lại gần để nhìn, thì bỗng tôi nhủ cả người. Con ngựa ô vẫn chưa chết. Hai mắt nó còn mở, và có lẽ bị đau đớn, nên nó mở to ra, lộ cả lòng trắng ở xung quanh. Nó thở phì phò, và thỉnh thoảng còn cố cựa quậy để chống lại việc bị chôn sống.

Nhưng hễ nó ngóc cổ, hay co chân, là lập tức bị những ngọn gậy thẳng cánh giáng xuống.

Người ta hết sức lôi xềnh xệch con ngựa dần dần đến được bãi cỏ cách Huyện độ năm mươi thước Tây. ở đấy, đã có một cái hố mới đào. Người ta kéo nó xuống hố.

Nhưng cái má ấy đào ngắn và hẹp. Khi con ngựa nằm, thì cẳng nó duỗi thẳng, và cổ nó vươn dài. Người ta thử cố ấn cả xuống huyết; nhưng không được. Đầu nó vẫn ghéch trên mặt bãi, bốn chân nó vẫn lêu đêu chống lên trời.

- Đào rộng thêm ra.

Một người lính bảo thế. Nhưng người khác tặc lưỡi, đáp:

- Làm gì có mai có cuộc ở đây. Ấn mẹ đầu nó xuống.

- Phải đấy.

Tức thì, người ta lấy chảo buộc chặt đầu con vật và lôi gò trở lại. Cổ nó như bị gập đôi, và người ta cố nhét cả cho vừa vào huyết. Con ngựa đau, thở hừ hừ, lưỡi thè ra ngoài miệng.

Nhưng bỗng người ta lại nói:

- Đấy, đã bảo mà, đi mượn mai đào rộng ra. Lười thế nào được. Còn chân nó vẫn ở trên kia kia.

Anh bồi nhìn xung quanh, thấy một người có con dao rựa, vội reo lên:

- Được rồi!

Dứt lời, anh giật lấy dao và giơ thẳng cánh, chặt đôm đốp vào đầu gối con vật. Nó đau quá, giãy lên. Nhưng độ mười phút, bốn cẳng nó lủng lẳng, rồi cụt dần. Xương trắng và thịt đỏ chồi ra.

Song, bọn lính được một trò cười nôn ruột. Chắc lúc ấy, con ngựa tưởng có thể chạy trốn sự đau đớn, nên nó dùng hết sức tàn để bằm bằng bốn cẳng cụt. Nó bằm nhanh biến, như lúc nó phi nước đại. Tiếng cười và vỗ tay giòn tan. Bọn lính pha trò:

- Ái chà, đến tỉnh rồi đây!

Họ lại cười âm ỉ. Con ngựa chạy không như thế, trước rất khỏe và nhanh, sau yếu và chậm dần, và sau hết, muốn chừng kiệt lực, nó không cử động nữa. Tôi chăm chăm nhìn trò ngộ nghĩnh. Khi không được cười nữa, người ta lại bỏ lưỡi dao vào mặt nó để nhắc nó chạy đi. Quả nhiên, nó lại lấp bắp bốn cẳng trên không, và tiếng cười lại nổi lên rầm rĩ.

Tôi cười, nhảy lên mà cười, vỗ tay mà cười. Vui quá! Rồi mỗi khi con ngựa mệt, nằm im, lại có người cho một nhát dao mạnh vào thân nó, để cho nó lại khua bằng bốn chân cụt.

Mãi đến một giờ sau, khi trò ấy nhắc đi nhắc lại đến năm sáu lượt, không được người ta hoan nghênh nhiệt liệt nữa, bọn lính mới quẳng bốn chân xuống hố, và bắt đầu lấp đất lên. Lúc ấy, mắt con ngựa vẫn còn mở trừng trừng, và bụng nó vẫn còn phập phồng thở...

1938

PTBNS số 61; 16-6-1940

Công dụng của cái miệng

Mẹ chồng chị Cu Sút chết vừa nãy. Tin ấy chẳng mấy chốc bay đi khắp làng.

Ở nhà quê, có việc gì con con xảy ra mà người ta không biết ngay tức khắc? Huống hồ mẹ chị Cu Sút ốm liệt giường liệt chiếu đến dăm hôm nay và cấm khẩu từ lúc gà gáy.

Cho nên, cần gì phải đăng cáo phó trên báo, các cụ, các quan, các ông, các bà cùng thân bằng cố hữu mới biết?

Thật vậy, trên từ "các cụ" Lý trưởng, thư ký, giữa đến "các quan viên" hàng xã, rồi đến "các ông các bà" hàng xóm, dưới đến "thân bằng cố hữu" cùng đình của anh Cu ngày xưa, chỉ trong một loáng, miệng nọ truyền sang miệng kia, ai nghe tin đau đớn cũng điềm nhiên và cho là có thêm một chuyện mới để gặp người quen thì nói.

Rồi họ tỏ cảm tình với người quá cố.

"Thân bằng cố hữu" thì bảo nhau để sửa soạn:

- Này, có liệu trốn đi không, kéo chị ấy đến nói khó nhờ khênh đôn lại nê, mất công mà chẳng được gì.

"Các ông" thì phê bình:

- Già mà nghèo, không có tiền uống thuốc, thì chỉ ôm một trận xoàng cũng đủ nghèo.

"Các bà" thì dài lời hơn. Đại khái:

- Ôi giờ ôi thế à? thế thì bà ngồi đây nhé, để tôi chạy ù lại đằng ấy, giao hẹn với chị Cu Sút là mẹ chị ấy còn vay của tôi năm đấu gạo độ trong năm đấy.

Hoặc:

- Ngày xưa, ông ấy (tức là chồng người chết) có phúng ông tôi ba hào thật, nhưng lúc ông ấy chết, bà tôi đã phúng lại những ba hào với một cành cau, cau đạo ấy đấy. Thế mà khi bà tôi mất đi, bà ấy làm ăn còn khá, tôi chả thấy bà ấy phúng lại cái gì, thì việc gì bây giờ tôi phải phúng giả nợ.

"Các quan" thì nhìn nhau, lắc đầu một cách nhạt nhẽo:

- Nhà nào chứ nhà ấy thì sưng, còn có cóc khô gì mà mời chúng ta nữa.

"Các cụ" thì tức lắm. Cụ Lý bảo cụ ký:

- Mẹ kiếp, không khéo cụ lại mất giấy mực khai báo toi. Làm thư ký mà từ đầu năm, trong làng Chỉ rặt những đám chết thế này thì lấy gì mà hút. Thật là quá quắt, cụ nhỉ?

+

++

Nước ta là nước văn hiến. Ai cũng bảo thế. Bởi vậy, những việc quan, hôn, tang, tế, đều phải làm theo lễ nghi. Trong nhà, lỡ ra có người chết, đổ ai không mở sách ra tra, hoặc hỏi han người quen việc, xem phải làm những gì.

- Chẳng may bà cháu nằm xuống, nhờ bác bảo hộ tôi nên thế nào.

Chị cụ, nước mắt chạy quanh, rẽ hàng rào râm bụi, hỏi bác dĩ tư câu ấy. Bác dĩ nghĩ một lát, rồi đáp:

- Thôi thì tùy gia phong kiệm, mà tử đắc táng vi vinh. Nhà bác chẳng có gì, thì kiếm bộ áo cho tốt, rồi ngày mai, rước cụ ra đồng.

- Vâng, nhưng mà tôi ăn mặc ra làm sao.

- Thì cứ phải xô gấu chứ, bởi vì ông cụ về trước bà cụ kia mà.

- Thế còn các cháu?

- Thằng cụ phải xô gai để chông gậy thay bác giai, và cũng phải trở ba năm đấy.

Chạnh nhớ chồng và nghĩ đến cảnh góa bụa, chị cụ sụt sịt. Bác dĩ ngăn:

- Ấy, chớ, phải may xong áo, lập xong bàn thờ mới được khóc. Bây giờ trong nhà cứ phải im phăng phắc như lúc bà cụ hãy còn mới được.

+

++

Người quan tâm đến cái chết của mẹ chồng chị Cu Sút, thì ngoài bác dĩ Tư

ra, cố nhiên là còn có cụ thư ký.

Nghe tin bà ta chết, cụ thở vắn thở dài, gắt gỏng vợ con ôm tởi. Song, cụ chưa thất vọng hẳn.

cụ chiêu một hớp nước sôi nóng, thở phì một cái, khói thuốc phiện loãng phi thẳng ra miệng. Cụ tháo diện tầu, và trong khi chờ cho nguội để nạo, cụ vén quần lên, gãi đùi sồn sột.

- O hay, nó đi đã về chưa, mà?

Cụ hỏi vậy. Nhưng không ai trả lời.

Nóng ruột, cụ lấy cái giẻ để đệm tay, rồi vừa ngược mắt lên xà nhà để nghĩ ngợi, vừa cầm móc để nạo. Tiếng xái sào sạo long, rồi đến tiếng sắt quèn quẹt ở phía trong tầu đã nhẵn thín. Cụ dốc miệng tầu vào chén, gõ vào diện còm cộp, rồi lại đánh. Cụ nạo, nạo mãi, nạo quèn quẹt, dễ thường đến chảy máu tầu.

Cụ lập bàn tĩnh lúc này khí thật thường. Mọi ngày, cụ vẫn xơi thuốc vào lúc cơm xong.

Nhưng hôm nay, cụ cần hút ngay buổi sáng. Một là để khuây khỏa sự buồn bực về chức vụ, độ này, sinh chả có, giá thú chả có, chỉ độc một số tử "chó chết". Hai là còn mấy điều xái của khách thuốc thết cụ chánh tổng tối qua, có lẽ vẫn còn dùng được, cụ hút đi cho đỡ phí của. Ba là cụ để cho chị Cu Sút đến trình khai tử cho mẹ chồng, cụ lấy sự ăn tiêu xa xỉ ra làm chứng, để bảo ngọt Chị phải biện cái lễ xứng đáng.

Bỗng anh người nhà về, nói:

- Thưa cụ, đích là chết rồi.

- Mà thấy tiếng khóc chưa?

- Chưa.

- Sao mà biết là chết?

- Con hỏi thăm.

- Thăm ai?

- Ngay chị Cu Sút ạ.

- Tốt. Thế mày không xui chị ta biện cái gì để đi trình à?

- Không ạ.

Cụ cau mặt:

- Đồ khi!

+

++

Trong tang gia đã nổi lên những tiếng khóc thảm thiết.

Người đàn bà góa xoa tóc, gục đầu bên cạnh cái thây ma mà tru lẫn tréo lộn.

Cái thây ma ấy bây giờ đã cứng đờ trong lằn vải liệm trắng, bên cạnh đặt bát cơm, quả trứng luộc, có cắm chiếc đĩa bông và dăm nén hương.

- Ôi mẹ ơi, cực nhục lòng con, mẹ đi đâu mẹ bỏ con bơ vơ như chim mất tổ...

Rồi nhớ đến chồng, chị gào:

- Ôi anh ơi, anh đi đâu để vợ con anh mất trông cậy, để thân tôi cực nhục trăm chiều, anh ơi là Anh ơi!

Nhưng bỗng một tiếng quát:

- Im miệng.

Chị cu ngẩng dậy, héch cái mũ mấn ra để nom. Chị xỉ mũi, lau vào gót chân rồi quệt đôi mắt đầm lệ:

- Lạy cụ ạ.

Cụ thư ký - Không biết đã sẵn sàng ở đó từ lúc nào - Mặt hàm hàm, trở ba toong vào mặt chị, hắt hàm hỏi:

- Ai cho phép mày khóc?

- Lạy cụ, mẹ con chết thì con khóc.

Rồi không nhìn được nỗi thương tâm, chị ti ti:

- Mẹ ơi!

Hai mắt long lên, cụ ký giờ nắm đầu ngón tay:

- Ông thì vả vỡ tan họng mày ra bây giờ! Mẹ mày chết, mày đã trình báo gì tao chưa, mà đã dám khóc?

- Ôi mẹ ơi, tôi có miệng thì tôi khóc, chứ ông cấm thế nào được tôi.

Cụ ký cúi tiết, hung hăng đập gậy vào chiếc quan tài, còn rỗng không, nhìn tên người nhà, quát:

- Thằng xiêng, mày vả vỡ miệng nó ra cho ông. Lôi nó ra đình kia. Khóc à!

Tiểu thuyết Thứ Bảy số 306; 1940

Cụ Chánh Bá mất giày

Phải hiểu rằng cụ Chánh Bá có thương nhà này thế nào, cụ mới quá bộ đến xoi rượ, chứ như nhà khác, dễ mà mời nổi cụ đấy hẳn? Cụ lại không mắng cho vô số, chứ lại thềm đi à? Ấy thế mà mới chập tối, họ đã để ngay đũa nào nó xà lộn mất đôi giày mới của cụ, có chết không! Ủ thì đông người thì đông chứ, nhà có việc, nhà nào chả có nhiều kẻ ra vào! Nhưng cụ ngồi chơi tận trên nhà trên thăm thẳm, thì còn kẻ gian nào dám lên vào đó? Vả riêng mình cụ ngồi ở sập giữa, thì còn ai ngờ đi lẫn được giày? Chẳng qua là lỗi tại chủ nhà không biết trông nom cẩn thận người nhà người cửa, trong khi chúng hầu hạ mà thôi! Mà đũa nào lấy đôi giày ấy cũng to gan thực! Hồn với ai thì hồn, chứ sao được hồn ngay của cụ Chánh Bá! Thực là vuốt râu hùm!

May thay cho nhà chủ, là tự nhiên lại biết ngay rằng cụ mất giày. Chứ đợi đến lúc cụ ra về, hay vô phúc cụ đi giải, mà tìm giày không thấy, thì không biết làm thế nào? Lại cũng may nữa, là cụ chưa biết rằng đôi giày mới của cụ không cánh mà bay đấy. Chứ mà cụ biết, thì chết với cụ! Xưa nay cụ chúa ghét những thói gian xảo. Ngay như đây tớ cụ, đũa nào mà lảng vảng ra chợ, tắt mắt đồ đạc của người ta, người ta có bắt được và trình cụ, thì cụ cũng không tha. Cụ nhất định giữ lấy đồ ăn cắp, rồi sai đánh cho một trận thật.

Thế cho nên cụ Chánh Bá mất giày, nhà chủ sợ xanh mắt:

- Đôi giày của cụ như thế nào, hở cậu?

- Mới nguyên, kiểu gia Định, đế cò lép, mua những ngót ba đồng.

+

++

Độ một tháng nay, cụ Chánh Bá bực mình vì đôi giày của cụ nó móm quá. Anh người nhà nói rằng nó mới, kiểu gia Định, đế cò lép, là anh đã làm một lỏi vắn "cổ điển" đẹp lời, chứ nếu theo giọng "tả chân" thì phải nói rằng nó xấu và cũng không có chữ để tả nữa!

Đôi giày ấy, chẳng biết cụ mua từ khai Định mấy niên, đến bây giờ, đóng lại đế là lần thứ bốn, mà nó vẫn hoàn không đế. Mũi thì nứt rạn và vá nhiều nơi. Cái cá đã đóng thêm lượt nữa, nhưng nó vẫn thủng. Lượt da thì ả và bật dây gàn hết. Bọn thợ khâu giày phải trốn như chạch, vì lỡ ra không nhẹ tay mà

chọc mạnh cái dùi vào, là nó toạc ra - Vì tất nó toạc ra - Thì oan gia.

Cho nên chiều hôm ấy, trước khi đi ăn cỗ, cụ đội khăn, mặc áo chỉnh tề, mà cụ ngắm đến đôi giày, thì cụ phát khùng lên. Cụ cầm cái giẻ, nhỏ tí nước dãi, lau lại cái mũi cho đỡ mờ, nhưng cụ ngắm, cụ vẫn phải nhăn mặt.

Cụ đi đi lại lại vài lượt, ra ý nghĩ ngợi, rồi gọi anh đây tở thân và sai rằng:

- Đội khăn, đi hầu tao.

Anh đây tới gầy cái bã điếu, lau qua cái tráp, rồi đứng khoanh tay chờ lệnh. Cụ bá nhìn vào đôi giày, nghiêm sắc mặt lại, gắt:

- Mà làm tao xấu hổ về đôi giày!

Thấy khí giận ngầu ngầu trên mặt chủ, anh này gãi tai không dám trả lời.

- Tao bực lắm! Làm thế nào bây giờ?

Anh đây tở không biết nói tiếng gì hơn là tiếng "dạ" đỡ đòn. Nhưng cụ bá lại gắt:

- Tao không thể đi đôi giày được nữa. Kệ chúng bay! Muốn làm thế nào thì làm!

Câu gắt khí lạ, các ngài nhỉ! Giá chúng mình làm nũng vợ, hay bắt nạt em gái, thì dùng câu ấy được đấy. Nhưng bắt đền người nhà thì kém "logic" lắm!

Nhưng mà cụ Chánh Bá tôi nói thực đấy! Đôi giày của cụ cũ và xấu, là lỗi tại đây tở ngu. Nay cụ bắt phải có đôi khác thay vào, thì không đũa nào được trái ý.

Anh đây tở lo lắm. Nếu anh bảm cụ mua giày mới, thì khổ anh. Vì cụ cứ ừ, nhưng không đưa tiền. Nếu không có giày cho cụ, thì cụ đánh đòn về tội kiệt.

Cụ đề cho anh luống cuống một lúc, rồi cụ mới dịu nét mặt, khoan thai vẩy lại gàn, rỉ tai nói nhỏ. Đến câu chửi kết luận, anh ta mới tùm tùm cười, phục ngầm thầy là mưu cao, và thấy nhẹ nhàng, đỡ lo đôi chút.

Ấy thế rồi hai thầy trò đi.

Đến nơi, nhà chủ đón chào rất trân trọng. Họ mời cụ lên nhà trên, hầu hạ kính cẩn, sợ hãi. Lại còn sợ không quen tính cụ xưa nay ra sao, nên cứ phải thì thào hỏi dò cậu người nhà từng tí. Và nhờ cậu luôn luôn đứng cạnh cụ, xem thiếu thức gì, thì cứ việc sai bảo tự nhiên.

Cụ ngồi một mình trên sập giữa, và xơi riêng một mâm rượu đầy tú ụ. Nhà chủ không dám ghé ai ngồi hầu, mà cũng chẳng ai dám ngồi hầu. Vì lỡ ra có sơ suất hay thất thố, thì thà cụ cứ mắng chửi ngay cho lại là phúc. Đàng này, cụ cứ im, rồi để bụng. Thế là mất làm ăn.

Lúc chập tối, trong khi có hai thầy trò cụ Chánh Bá ở nhà trên, thì cụ khẽ gạt tên đầy tớ, và liếc mắt một cái. Anh này hiểu ý, ra hiên đứng nhìn, rồi đến cạnh cụ, cúi xuống nhặt... Rồi thu thu vào trong bọc. Rồi len lén ra ngoài ao. Rồi giơ thẳng cánh tay, ném xuống nước. Tôm!...

Vì thế cho nên cụ Chánh Bá nhà tôi mất đôi giày mới nguyên.

+

++

Cụ Chánh Bá mất giày! May mà cụ không biết đấy! Chứ giá cụ mà biết, thì chết nhà chủ! Vì cụ xưa nay chúa ghét những thói gian xảo! To gan thay, đứa nào dám vuốt râu hùm!

Lúc cụ xơi cơm xong, nhà chủ mới lên mời cụ đánh tổ tôm. Cụ vui vẻ cho phép ngồi, và hỏi dăm ba câu chuyện. Nhà chủ ngồi xỏm ở cạnh sập. Và trong khi hầu chuyện, anh ta vớ lấy cái điếu để hút. Đấy, chính lúc ngọn đóm lập lòe dưới gậm, anh ta mới nom rõ bốn xung quanh giường, không thấy đôi giày nào cả. Anh ta tái mét mặt, đến nỗi chưa hút được hơi thuốc, thì mối lo đã đùn đùn đưa lên đến ngực, đến nỗi anh ta sặc và ho sù sụ! Sợ quá! Nhưng không dám nói ra, anh ta mới lằng lằng soi khắp nhà. quái! Không tìm thấy đâu cả.

Nhà chủ xin phép cụ cho bốn người lên hầu bài, rồi đi xuống. Lúc gặp cậu người nhà, anh ta mới hỏi khẽ:

- Đôi giày của cụ, cậu có cất không?

- Không! Sao bác hỏi lố bịch thế?

- Vậy thì mất à? Đôi giày của cụ như thế nào, hờ cậu?

- Mới nguyên, kiêu gia Định, đế cờ lép, mua những ngót ba đồng!

Hỏi xong, nhà chủ sai người đi soi đèn, tìm khắp mọi nơi, sau nhà, bờ giậu, xó bếp, ngoài vườn, chuồng trâu, cũi chó. Nghĩa là những chỗ có thể ngờ là kẻ gian giấu được, hoặc các nơi mà đàn chó con mọi khi vẫn chơi đùa.

Càng không thấy, nhà chủ càng lo. Cậu người nhà thỉnh thoảng lại nói một câu dậm dọa:

- Hay là tôi lên trình cụ xem nhé!

Trình cụ! Cui không cụ biết thì cụ chửi cho ửng mồm! Nhà chủ cứ bắt gia nhân đi tìm mãi, nhưng vẫn chẳng hy vọng gì, bèn đánh liều bỏ phí một đồng bạc để treo giải thưởng cho người tìm thấy.

Nhưng có mà trời tìm! Giá có cao đoán rằng cụ đã mật sai người nhà cụ vút bồm xuống ao rồi, mà mò, thì cũng vô ích. Vì từ nãy đến giờ, thì giờ cũng đủ cho đôi giày rửa ra và tiêu hết rồi, chứ còn gì!

Nhưng mà mất giày cụ Chánh Bá! Việc to! Chết!

Ấy, ở trên nhà, cụ vẫn đương vui vẻ gọi phỗng, và tính nước bài. Chứ nếu ai mà hót với cụ rằng đôi giày mới của cụ, có đũa nào thó mất, thì hẳn cụ quăng bài đó, rồi cụ tra tấn cho ra. Vì xưa nay cụ dữ như con hùm, khét tiếng trong hàng tổng là quyền hành, hách dịch, thét ra lửa!

Cụ thét ra lửa thật hay đôi? Ấy là tán rộng thế cho nó hay đấy. Chứ nếu biết rằng mất giày mà cụ thét ra lửa thực, thì cháy tiệt cả nhà, còn gì nữa? Mà nhà nước thấy cụ có phép lạ, thì đã gửi toách cụ sang Tây từ đời nào, để viện hàm lâm khoa học, các ông Bouvier, Caulery, Gravier, Joubin, Marchal, Mesnil khảo cứu. Và như thế thì chắc chắn cụ được đôi giày Tây để đi, chứ cụ có còn ở nhà nữa đâu mà mất đôi giày gia Định, đế cờ lép! Nhưng nói cho cụ đỡ oan, là từ ngày cụ có chân sơ học yếu lược tới nay, được đổi ngạch bá hộ sang văn giai, thì cụ cũng hiền lành hơn trước một chút. Cho nên, giá cụ có biết rằng cụ mất giày, thì cũng mặc kệ cho nhà chủ tự xử trí.

Tìm mãi không thấy, hai vợ chồng nhà chủ trợn mắt trợn mũi, luống cuống, chỉ trỏ bàn nhau. Không biết làm thế nào cho êm chuyện. Rồi thở ngán than dài, hỏi mãi vì sự trông nom không cẩn mật để xảy ra sự mất mát đáng tiếc ấy.

Rồi đến hai giờ sáng, xong ba hội tô tô, mọi người mời cụ Chánh Bá nghỉ, kéo mệt. Nhà chủ sai đốt đuốc để tiễn cụ lại nhà. Khi chỉ còn một mình cụ ở lại, cụ mới quàng cái khăn vào cánh tay, rồi lấy đóm soi đôi giày dưới đất. Đôi giày của cụ thật mới, bóng nhoáng, kiểu gia Định, và đế cò lép, được để cẩn thận bên gậm sập. Cụ hiểu ý, liếc mắt nhìn nhà chủ. Nhưng cụ lại thấy nhà chủ cũng nhìn trộm cụ, thì cụ lại phải soi đóm xuống lần nữa, và làm như ngạc nhiên, không hiểu, nên nói:

- Ố! Không phải...

Nhà chủ, trông ngực thành thành, vôi vàng đáp để đánh trống lấp

- Dạ! Bẩm phải đấy ạ.

Thế rồi cụ làm như vô tâm, và hay tin người, cụ vươn vai, ngáp, rồi cót két đôi giày mới, đi về, lấy làm vừa lòng lắm...

PTBNS số 5; 1-4-1937

Đào kép mới

Mới độ bảy giờ tối, ba ngọn đèn điện ở cửa rạp tuồng An Lạc đã bật lên. Cái trống dựng nghiêng ở chân tường đã bắt đầu rung những hồi inh ỏi.

Hiệu trống ấy, cứ một nhịp, kéo dài cho đến tận tám giờ, có khi tám giờ mười lăm, là lúc khai diễn.

Thỉnh thoảng, thằng bé con vừa nện tùng tùng, vừa uể oải giục:

- Các ông các bà, lấy vé vào mà xem, gần đến giờ rồi.

Đó là nó mời mấy ông nhỏ, mấy bà vú em, được dịp vắng chủ, ra đây để "xã giao" với nhau.

Các ông, ông nào ông nấy tóc chải thật mượt, hoặc gài cái lược bằng dây thép uốn, bá vai nhau, vắt chân chéo khoeo, đứng ở trước cái bảng quảng cáo giấy vàng dán trên mặt liếp, để tập đánh vần quốc ngữ.

Các bà thì áo cánh cộc lụa mặc ra ngoài áo cánh cộc vải, kệ cho lũ trẻ đưa chạy tung tăng, đưa bò lồm ngồm, ngồi ở gần hàng nước, phàn nàn bà chủ nghiệt hoặc nói chuyện chồng bạc tình.

Rất ít người lấy vé vào coi hát.

Tiếng trống vẫn làm đình tai.

Trong cái buồng hẹp ngay cạnh cửa, có lỗ tò vò bé con con, trước cái bàn để sẵn ba bốn tập vé, bà chủ ngồi thừ mặt, vú vạch ra cho con bú.

Không còn gì buồn bằng cảnh ế hàng.

Trong rạp, từ bảy giờ rưỡi trở đi, ba chiếc quạt Tây, buộc dít vào một dây kéo, đã bắt đầu hoạt động. Ghế các hạng, lát đác đã có một vài người ngồi. Ngọn gió nhân tạo không phải được tới những dãy ghế cuối cùng, cao lêu đêu, dãy ghế hạng năm xu mà người ngồi, đếm được gần bốn chục. Trong khi chờ, khán giả cười to, nói lớn, nhổ bậy, hoặc cãi nhau.

Nhưng bỗng một hồi chuông rung mạnh. Đèn phía trong sân khấu bật lên, làm rõ những mảnh sơn bong trên lớp vải màn mỏng bao nhiêu, thì làm mờ cái phong cảnh vẽ đi bấy nhiêu.

Trống, kèn, nhị, thanh la, tung ra những tiếng gắt gỏng.

Bỗng một cái đầu bóng thò ra ngoài màn sân khấu, ngo ngác nhìn. Một nhịp cười dồn ở hàng ghếбет. Một hồi chuông rung ngắn nữa. Chiếc màn từ từ rút kít cuốn lên từng nấc: Cảnh triều đình.

Người ta suyt. Người ta hét im. Nhưng ở cuối rạp, vẫn cười to, nói lớn, vẫn nhổ bậy, cãi nhau.

Vai vua gầy gò, ngồi trên cao, trước cái phong sơn thủy, vuốt bộ đuôi ngựa làm bức rèm mờ, nhìn hai dãy bá quan, hát những câu không ai nghe rõ. Bá quan nghiêm chỉnh, thỉnh thoảng sờ nạm râu anh em ruột với râu của vua, mắt liếc ngang liếc dọc, ra vẻ trịnh trọng.

Rồi một anh nhỏ mồm, quần áo thâm, quỳ giữa sân khấu, bung trên đầu cái đĩa bày bốn chiếc chén không. Vua giơ tay mời. Bá quan sáu người, thì bốn người đứng dậy, mỗi người cầm một chén, vạch râu, kê tay vào mồm, hắt cạn, rồi lại ngồi xuống.

Vua cười kha khả, phán:

- Giui! Giui quá đi mắc mà thôi!

Rồi cả bọn kếp hát đứng dậy, đi bài tẩu mã. Tiếng kèn đưa cao, giọng hát hùng hồn vang nhịp, ăn theo với điệu bộ múa may. ở hàng ghế dưới, tiếng ồn ào đã hơi dịu.

Bỗng anh nhỏ mồm ban nãy, ở trong buồng trò chạy ra, hót ho hót hải. Anh vấp vào một vai quan, ngã lộn tùng phèo. Tiếng vỗ tay ran như tràng pháo, để thưởng cho anh kếp hát pha trò đậm.

Ngã xong, anh kếp đứng phắt dậy, đứng thật ngay, xòe năm ngón tay lên trán để chào kiểu nhà binh. Người ta lại cười.

Vua nói giọng Sài Gòn, phán hỏi:

- Chi mà bay giội giàng làm giậy, thẳng kia?

- Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chí nguy, chí nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba ki lô mét!

- Ầi! ải!

Vua quát vậ, rồi với chiếc nậm gỗ, đập chan chát:

- Ái ái! Nếu giậy, khổ dã châng khổ dã, nguy tai thị nguy tai! Cuộc chiến tranh nếu cứ kéo dài, ta e nữa mộc mai dâng khổ. ở này, bá quang!

- Dạ.

Rồi vua gò lưng, lắc đầu, lắc cổ, hét:

- Quâng Phiêng đã Lâm Truy kéo tới, làm giua tôi lại gặp buổi giang nang, trăm truyền cho giăng giỡ bá quang, xem ai có tài có gang ra giúp nước, hà!

Vừa dứt lời, hai anh kếp mồm nhả thín, ngồi ngoài cùng, ban nầy trợ khác không được đánh chén, vội đứng cả dậy, xắn áo thêu, xốc lại mũ, rồi múa may, uốn éo, làm bộ giương súng, cưỡi ngựa, vắn ô tô, nhảy xe đạp. Người xem hát cười râm râm. Hai anh lại nhảy xe đạp, vắn ô tô, cưỡi ngựa, giương súng một lượt nữa, đụng cả vào nhau, ngã nghiêng ngựa, cho đến tận lúc tiếng cười ngớt. Rồi trong rạp im phăng phắc. Một luồng gió, qua chỗ đi tiêu, đượm mùi cống, lọt vào cửa tò vò, làm cho cả rạp thấy thoang thoang luồng không khí hăng hăng. Nhưng không ai để ý đến, người ta chăm chú nhìn và nghe hai anh kếp đương phệnh phạo giờ lỗi anh hùng rơm. Anh bên phải vươn cổ nói:

- Đã có tôi phò tá!

Anh bên trái, ngoác mồm tiếp:

- Lại có mỗ tá phò!

Rồi cả hai anh đồng thanh vừa hát vừa giơ tay:

- Xin Thánh thượng đừng lo.

Đoạn lại cùng vênh vào trở vào ngực mình:

- Đã có tôi... phò tá!

Dứt lời, hồi vỗ tay sao mà vang và lâu thế!

Thằng bé bán nước và lạc rang lách qua các chỗ ngồi để rao hàng. Trên sân khấu, vẫn diễn ra những điệu bộ và những câu pha trò nhảm nhí. Hai ba ông quần áo Tây ngồi trên hạng nhất, thờ dài, rồi đứng dậy ra về. Nhưng hàng

cuối cùng mỗi lúc một thêm người, mà cũng chỉ đông ở hạng ấy.

Nhìn khu ghé nhất, ghé nhì, khách vắng tanh tanh, ông chủ gánh hát lo lắng.

ở ngoài đường, bọn tìm cuộc vui buổi tối vẫn đi lại rầm rập. Nhưng mấy ai qua rạp An Lạc, nghe tiếng kèn, tiếng nhị, đã chịu liếc mắt vào trong, xem đào kép áo mũ râu ria, diễn những trò gì.

Mấy năm nay, ít người thích nghe hát tuồng cổ.

+

++

Gánh An Lạc dọn đi đâu mấy tháng, nay lại mới về, thuê ở chỗ cũ.

Ngay từ buổi sáng, ở cửa rạp, người qua đường vô ý đến đâu cũng phải trông thấy một cái cổng kết bằng lá dừa, gài thêm những cành nhãn cài hoa râu bụt. Trên cổng, hàng chục chiếc cờ Pháp, Nam bay tíu tít. Trên tường, một miếng vải trắng căng thẳng, có dán một dòng chữ trang kim:

Đào kép mới! Bản rạp chân chính! Đào kép mới!

Rồi đến năm giờ chiều, lúc mặt trời đã xế, trước nhà hát, bảy chiếc xe cao su đã chực sẵn cả ở vệ đường.

Một lát, bảy chiếc xe thông thả bước một tiến đi. Xe đầu, một cái biển dán giấy đỏ, có chữ viết lớn:

Đại diễn tích hát mới! Lưu Lễ bình Phiên - Bản rạp mới chân chính! Đào kép mới!

Ngồi trong xe, một thằng bé con giơ thẳng hai cánh, nện vào mặt chiếc trống cái, và một thằng nữa, đánh thanh la, thỉnh thoảng phồng má, thổi bài kèn Tây ra trận.

Xe thứ nhì, bốn tài tử, người kéo nhị ngồi phệt dưới sàn xe, hai người thổi kèn và sáo, lèn nhau trên đệm, và người đánh đàn ngồi chỗ mũi, giang hai cẳng để lấy thăng bằng.

Xe thứ ba, một cô tiểu thư mắt toét, mặt trắng, má đỏ, với một con bé tóc xõa. Hai người cùng áo gấm, giày Tàu.

Xe thứ tư, ba ông ngồi kẹp đùi vào lưng nhau, một ông thượng ban, một ông trung ban, một ông hạ ban, cùng mũ cánh, áo thêu, ông thì mặt đỏ, ông thì râu dài, ông thì mũi hìn, tai bẹp.

Xe thứ năm, thứ sáu cũng vậy. Cũng những ông trông ra phết Thái sư.

Xe thứ bảy, thì một cô xấu, nhưng tân thời, mặt phấn má hồng, môi đỏ, rẽ lệch, chiếc áo căng lườn, trông tức anh ách, như một bài thơ thất luật.

Đoàn xe quảng cáo mười lăm vị đào kép mới, đi diều hết phố này sang phố khác. Mặt trời chưa lặn. Ngọn cây đứng yên. Bóng râm mới lần được nửa đường bên trái. Bọn đào kép phải phơi dưới ánh nắng nóng như thiêu. Trên mặt phấn một vài người, mồ hôi lấm tấm, rồi ròn ròn nhỏ giọt. Họ lấy quạt che nắng và phẩy. Song, trời này mà họ cứ mũ áo ấy, đai măng ấy, đi rong phố, thì dù họ có cố khéo giữ lấy bộ mặt tươi tỉnh, nhưng ai chẳng đoán được cái cảnh đáng thương của kiếp đào kép hát tuồng!

+

++

Tối hôm ấy, cũng mới độ bảy giờ, sáu ngọn đèn điện làm sáng trung cả cửa rạp An Lạc. Thằng bé con lại khua trống rầm rầm.

Các ông bếp, các bà vú em vẫn xã giao, đi lại nhộn nhịp. Nhưng trước cái bảng giấy đỏ, đã có nhiều ông sang trọng đứng đọc, và qua cái lỗ hồng bán vé, thỉnh thoảng một vài cái tay trắng nuột thò vào xĩa tiền.

Độ tám giờ, trong rạp đã nhiều khách. Trên dãy ghê hạng nhất, có chừng hai chục người. Hạng nhì đông hơn. Hạng ba đông hơn nữa. Hạng năm xu càng đông hơn.

Người ta thử xem rạp An Lạc chân chính. Người ta thử xem tài đào kép mới. Người ta thử xem tích hát mới.

Nhưng rồi người ta lắc đầu với nhau. Vẫn cái màn lờ sơn cũ che sân khấu không được kín. Vẫn cái đèn bóng trước ngó ra. Và sau một hồi chuông rung, thì cái màn ấy cũng vẫn cút kít cuốn dần lên từng nấc: Cảnh triều đình.

Sau một vài tiếng im, tiếng sượt, ở hàng ghê dài cuối cùng, cao lêu đêu, họ vẫn cười to, nói lớn, nhỏ bậy, cãi nhau.

Trước cái phong sơn thủy vá, vai vua, mặt mũi phương phi, không đeo râu, ngồi trên ngai cao, mắt liếc bên phải bên trái, có vẻ oai vệ, để nhìn hai dãy bá quan, và hát những câu không ai nghe rõ.

Rồi một anh mõm trắng, quần áo đỏ, quỳ giữa sân khấu, bung trên đầu cái đĩa bày sáu chiếc chén không. Vua giơ tay mời. Bá quan sáu người, thì cả sáu người đều nhắc chén, vạch râu, ngửa cổ ra để uống rượu bằng không khí. Anh mõm trắng cầm chiếc nậm gỗ, rưới vào chén một lượt rượu nữa. Bá quan lại uống một tuần nữa và kêu say. Lúc ấy, anh mõm trắng đứng dậy nhìn một vai quan đang lão đảo. Anh lướt tay vào nậm râu của hắn, rồi quệt vào mõm mình. Thế là anh say đồ điên đồ cuồng, mắt trợn ngược lên, chệnh choạng, sờ soạng, ngã bên kia, giúi bên nọ, mãi mới vào được buồng trò.

Trời ơi! Người ta cười, người ta vỗ tay, tưởng đến vỡ rập.

Vua cười kha khả, phán:

- Giui! Giui quá đi mắc mà thôi!

Rồi bài tâu mã theo giọng kèn, hùng hồn vang nhịp.

Bỗng anh mõm trắng ban nãy, hót hơ hót hải chạy ra. Anh vấp vào một vai quan, ngã lộn tùng phèo. Tiếng cười lại vang động. Ngã xong, anh đứng phắt dậy, ngay như tượng gỗ, xòe năm ngón tay lên trán để chào kiêu nhà binh. Người ta lại cười.

Vua nói giọng Sài Gòn, phán hỏi:

- Chi mà bay giội giàng làm giậy, thằng kia?

- Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chí nguy, chí nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba ki lô mét!

- Ầi! ải!

Vua quát vậ, rồi với chiếc nậm gỗ, đập chan chát:

- Ầi ải! Nếu giậy, khổ dã châng khổ dã, nguy tai thị nguy tai! Cuộc chiến tranh nếu cứ kéo dài, ta e nữa mộc mai dâng khổ. ở này, bá quang!

- Dạ.

Vua hét:

- Quang Phiêng đã Lâm Truy kéo tới, làm giua tôi lại gặp buổi giang nang, trăm truyền cho giảng giỡ bá quang, xem ai có tài có gang ra giúp nước, hà!

Hai anh kép ngồi ngoài, một anh mặt đen, râu đỏ, phun phè phè từ thái dương đến môi, một anh mặt trắng, râu vẽ bằng mực, lanh lẹ xắn áo, xốc mũ, múa may, uốn éo, làm bộ giương súng, cưỡi ngựa, vắn ô tô, nhảy xe đạp. Tiếng cười lại vang lừng.

Anh bên phải lắc đầu lắc cổ, nói:

- Đã có tôi phò tá!

Anh bên trái vươn cổ, phụng phạo tiếp:

- Lại có mõ tá phò!

Rồi cả hai anh cùng giơ tay và cùng hát:

- Xin Thánh thượng đừng lo.

Đoạn lại cùng vênh vào trở vào ngực mình:

- Đã có tôi... phò tá!

Trên hàng ghế đầu, người ta nhăn mặt, bàn tán:

- Nhảm quá. Ta phải lừa rồi.

- Phải, họ nói láo, chứ chần chính cái cóc khô gì. Vấn đề bài trí ấy, có đào kép mới mà vẫn hát tích cũ, thì có khác trước tý nào?

Một người tinh mắt, mỉm cười, trở lên sân khấu nói:

- Các ngài thử nhìn kỹ xem bọn kép này là mới hay cũ. Cái anh lần trước ngồi kia, thì bây giờ bỏ bộ râu ra và ngồi đây. Cái anh ngồi bên này bây giờ vắn mũ khác áo khác và vẽ mặt khác. Vả được độ một vài thằng kép khổ hoặc con đào ươn, mà đã nặng lên là mới, là chần chính, thì chúng mình chỉ mắc một lần là cùng!

Rồi cùng thất vọng, rủ nhau ra.

+

++

Từ hôm sau trở đi, chiều nào cũng vậy, cỡ độ năm giờ, bọn đào kép ban An Lạc lại mũ mấn, phấn sáp, râu ria, ngồi trơ tráo trên xe cao su, đi diễu qua các phố để phơi nắng cái đời hát tuồng còn ngắc ngoải.

Nhưng những người đã xem diễn qua một tối, họ đều chán ngán. Nghe tiếng trống kèn cổ động âm ã, họ cũng biết rằng gánh hát còn sống đó, song, chẳng ai muốn để ý xem tối nay, trong rạp, bọn vua quan trò hề ấy họ âm oẹ với nhau những trò gì!

PTBNS số 13; 1-12-1937

Đồng hào có ma

Tôi cực lực công kích sách vệ sinh đã dạy ta ăn uống phải sạch sẽ, nếu ta muốn được khỏe mạnh, béo tốt. Thuyết ấy sai. Trăm lần sai! Nghìn lần sai! Vì tôi thấy sự thực, ở đời này, bao nhiêu những anh béo, khỏe, đều là những anh thích ăn bẩn cả. Thì đây, các ngài cứ hãy nhìn ông Huyện Hình, hẳn các ngài phải chịu ngay rằng tôi không nói đùa.

Chà! Chà! Béo ơi là béo! Béo đến nỗi giá có thằng dân nào vô ý, buột mồm ra nói một câu sáo rằng: "Nhờ bóng quan lớn", là ông tưởng ngay nó nói xỏ ông. Tức thì, mặt bàn là một, mặt nó là hai, bị vả đôm đốp. Mà rồi thằng khôn nạn ấy, ông truy cho đến kỳ cùng, không còn có thể làm ăn mở mày mở mặt ra được. Bởi vì ông có sẵn trong tay hàng mớ pháp luật, thì ông ngại gì không khép thằng bảo quan béo vào tội "làm rối cuộc trị an". Thế là việc công việc tư, ông đều được trọn vẹn. Vì không những ông được hả giận, lại còn được tiếng mẫn cán là khác nữa.

nhưng có sao từ ngày xuất chính tới nay, hai mươi năm trời rồi, ông vẫn còn lết đệt tri Huyện mãi. Cái đó không quan hệ. Các bạn học cùng ông, họ đều thẳng đường quan cả, vẫn thường phàn nàn hoạn lộ quá chậm chạp của ông. Trước mặt họ, nghe câu nói thành thực ấy, ông chấp tay, cúi đầu, làm ra vẻ buồn rầu. Nhưng lúc quay lưng đi, ông bĩu môi, chửi thảm một câu, bụng bảo dạ:

- Làm bố chánh có vắn xỉ ra mà ăn!

Lý lịch của ông Huyện Hình cũng xấu thật. Bởi vì ngôi Huyện nào, ông cũng bị dân kiện. Mà quan trên xét ra ông lại trể nải việc quan. Đời làm quan của ông chỉ có hai việc chính: đánh bạc và chơi gái.

năm nay, ông đã ngoại tứ tuần. Ông vẫn lấy cái tuổi của ông để lên mặt tiền bối, khinh những ông Huyện trẻ khác, nếu tụi này dám chỉ coi ông là bậc ngang hàng. Ông liền khoe thằng cả nhà ông đã hai mươi năm, rồi ông cặp ngón tay trở và ngón tay cái với nhau, vê vê trên mép. Trên mép ông, ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu. Ông để râu, cho khác hẳn với tụi Huyện trẻ nhãi. Nguyên cái da mặt ông nhỏ, mà có lẽ vì ông béo quá, nên lỗ chân lông căng ra, căng thẳng quá, đến nỗi râu không có chỗ nào lách ra ngoài được. Đến nỗi năm bốn mươi tuổi, mà mặt ông nó cứ nhăn thín như thường. Ông bực mình, bèn ra lệnh cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dao, để ông nuôi râu. Thì sau hết, những lông tơ nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. Và đến bây giờ, đứng ở hai bên miệng ông, nó thành hai cái dấu chua

nghĩa (...).

Buổi đầu sáng hôm ấy.

Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường. Nó hót hơ hót hải qua công chòi, rồi sợ sệt bờ ngõ, không biết quan ngồi buồng nào. Bỗng một người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già chạy xồng xộc đến trước mặt nó, và hỏi:

- Đi đâu?

Con mẹ biết ngay rằng đó là cậu lính lệ. Và như hiểu rõ phép vào quan, nó giúi đưa cậu lệ hai hào đã cầm sẵn ở trong tay, rồi nói nhỏ:

- Nhờ cậu bẩm quan cho tôi vào hầu.

Cậu lệ tuy đã cầm tiền, nhưng làm như ta không để ý đến việc nhỏ nhen ấy, bèn vừa thò tay, vừa nói to:

- Đưa xem đơn, việc gì?

Rồi trong khi nhà nuôi kể lễ, thì cậu lệ đánh vắn để đọc lá đơn. Đoạn cậu lắc đầu, nhăn mặt bảo:

- Vào kia, nhờ bác nho Quý bác ấy làm hộ cho. Đơn này không được.

Con mẹ tái mặt, hỏi:

- Không được thế nào, thưa cậu?

Cậu lệ giơ hai tay ra giảng:

- Nghĩa là nếu nhà chị muốn việc chóng xong, nghe chưa?

- Thưa cậu, cậu cứ vào trình quan hộ. Chả nói giấu gì cậu, nhà tôi bị mất trộm hết sạch cả đồ đạc lẫn tiền nong. Sáng nay, vay mãi mới được đồng hai bạc, để đi trình quan, cậu làm ơn thương hộ cho.

Cậu lệ nhìn nét mặt nần nì của nhà Nuôi, song vẫn thản nhiên:

- Tôi bảo nhà chị không nghe thì tôi mặc kệ. Tôi thấy nhà chị ăn mặc thế này, lại bị lúc vận hạn đen đui, tôi lại chẳng động lòng hay sao? Nhưng ở đây, cái lệ nó thế. Tôi tử tế, nên bảo trước. Nếu nhà chị không theo, thì quan

quở, chớ có trách tôi đây.

Muốn chứng thực lời nói của mình, mẹ nuôi cởi nút dải yếm ra, rồi xĩa năm đồng hào đôi còn lại lên gan bàn tay, và nói:

- Đây này, chẳng tin, cậu đêm mà xem, chỉ còn vừa vắn tiền trình thôi.

Cậu lệ lắc đầu. Con mẹ vừa buộc lại tiền, vừa nhăn nhó, van lơn:

- Lạy cậu, thương cháu, cho cháu được nhờ. Cậu cứ vào bảm quan hộ. Hễ quan bắt làm lại đơn, thì cháu xin ra nhờ bác nho Quý ngay.

Bỗng một tiếng chuông gọi. Cậu lệ dạ giật một tiếng, rồi ù té chạy. Con mẹ Nuôi nhìn theo, biết rằng buồng quan ngồi ở chỗ ấy. Nó đánh liều tiến đến, vừa tiến, vừa lo. Nó bước chân lên thềm, trống ngực bắt đầu nổi mạnh. Nó đã trông thấy quan. Nó lại sợ nữa. Vì lo sợ quá, nên quên đứt rằng chính nó đi trình việc mất trộm. Nó lại tưởng như nó là đứa trộm vậy. Nó rón rén, đứng nép vào cạnh cửa, thập thò, ghé vào trong, và lắng tai nghe. Nó thấy quan đang dặn cậu lệ xuống bảo nhà bếp ninh cho thật dừ cái chân giò.

Và đến khi cậu lệ dạ tiếng cuối cùng và đi vào sân sau, mé cửa trong, thì nó hiểu ngay rằng đã mất toi hai hào cho thằng xỏ lá nó chẳng bảm cho mình một tiếng nào.

Bỗng hai con gà Tây béo sù quàng quạc kêu ở sân trước. Nó thốt giật nảy mình. Quan đang ngồi, choàng một cái, ngài đứng dậy, chạy vội ra hiên, đứng ngay cạnh nhà Nuôi, và gọi vánh:

- Có đứa nào đây, lừa hai con gà vào cho tao!

Tức thì, người ta chạy tán loạn để xua gà, và nhà Nuôi thì chấp hai tay, quỳ ngay xuống gạch, và nâng ngang đầu cái lá đơn.

Khi đôi gà đã chạy về, quan bèn nhìn con mẹ và bảo:

- Vào đây.

Nó mừng quá, lóp ngóp đứng dậy, vội vã theo vào trong buồng giấy.

Nó đứng ở cạnh bàn, run lên bần bật. Nó liếc nhìn quan. Ngài oai vệ quá. Nó lại sợ hơn nữa. Nhưng dù run hay sợ, nó cũng không quên được việc vi thiềng quan.

Nhưng tiền trình diện quan, nó lại buộc vào trong dải yếm. Nó cởi ra mới lấy được.

Nó mới lúi húi rút cái nút buộc ra. Nó sợ quan chờ lâu, nên phải vội vàng. Mà vì vội vàng, lại lo quan gắt, nên nó lóng cóng. Cái nút vừa xổ ra, thì loảng xoảng, cả món tiền rơi tiệt cả xuống gạch.

Năm đồng hào đôi nảy lên mấy cái, và từng ấy tiếng kêu làm nó giật mình. Tự nhiên, nó choáng cả người và hoa cả mắt. Nó cúi nhìn chỗ nhiều hào rơi nhất, ngay bên cạnh nó. Đồng thì chui nằm ẹp gần chân nó, đồng thì xoay tít mấy vòng, đồng thì bắn ra góc buồng. Mấy đồng nữa thì thi nhau lăn ra tận chỗ xa.

Nó không thấy quan nói gì, nên cũng hơi tĩnh tâm. Nó bèn cúi xuống để nhặt tiền. Một đồng, hai đồng. Đồng thứ ba nghiêng ở mé tường. Nó tìm đồng thứ tư. Mãi nó mới thấy ở tận gần chân bàn giấy của quan. Nó tìm đồng thứ năm. Quái, nó tìm mãi, mà không thấy đâu cả.

Nó phải có năm hào đôi. Năm hào đôi mới thành đồng bạc được. Vừa ban nãy, nó giở ra cho cậu lệ xem, và lại buộc cẩn thận vào dải yếm. Không lẽ đồng hào ấy có ma, đã biến đi đâu mất chóng thế được. Vậy chỉ quanh quẩn ở trong buồng này mà thôi. Nhưng nó đã tìm kỹ lắm rồi. Mà trình đơn tám hào, tất nó bị quan chửi. Không biết làm thế nào được, nó tần ngần chấp hai tay, vái:

- Lạy quan lớn ạ.

Rồi nó lúi lúi bước ra cửa. Rồi nó đi về...

Ông Huyện Hinh cứ ngồi yên sau bàn giấy để nhìn theo con mẹ khôn nạn. Rồi khi thấy nó đã đi khuất, ông mới đưa mắt xuống chân, dịch chiếc giày ra một tý. Và vẫn tự nhiên như không, ông cúi xuống thò tay, nhặt đồng hào đôi sáng loáng, thổi những hạt cát nhỏ ở đế giày bám vào, rồi bỏ tọt vào túi.

Hai cái bụng

Hôm nay thì nó lả đi rồi. Tai nó ù. Mắt nó lóa. Nó nằm vật ở lề đường. Miệng nó há hốc ra mà thờ.

Bởi vì, cũng như hôm qua, và cũng như hôm kia, hôm kia, nó đã đi lang thang hết chỗ này đến chỗ nọ, mà chẳng kiếm được tí cháo lưng hồ.

Nó?

Nó là sự đói khát, kinh tởm, kết thành hình.

Nó có cái sọ dẹt được tóc. Không biết một thứ bệnh gì hương hỏa của cha mẹ đã làm cho cả da chỗ ấy nhăn thín, bóng lộn, đỏ đòng đọc như cái mụn đương loét, khiến tóc nó chỉ có thể mọc lơ thơ, như vàng cỏ trên tảng đá cằn.

Nó có một cái mặt - Mẹ ơi! Không biết có gọi được là mặt không đấy! Mặt gì mà mặt lại thế kia, và miệng lại vô dụng thế được. Phải, mắt đâu có thứ mắt xung quanh là một hình bầu dục, vẽ bằng vành thịt tro đỏ lầy nhầy, lúc nào cũng ứa ra một dòng nước vàng và giữa thì lơ dờ một hột nhãn, thứ hột nhãn non choèn, vàng ẽnh. Còn cái miệng nó thì dô ra như miệng khi, hai hàm răng to tướng, lúc nào cũng cầm cập hục hặc với nhau. Nhưng thế không phải để nhai, mà để run. Vì trời rét.

Những quần áo nó mang vào người chỉ có một mục đích là che cho thân nó không kín. Chắc là những thứ giẻ khươm mười niên, người ta vứt đi, vì bợt quá. Nhưng nay nó buộc miếng nọ với miếng kia, dít mảnh này vào mảnh khác, và vì dùng lâu ngày, nên cũng dày thêm bằng tầng mồ hôi, quện với ghét, và bụi. Đố ai đếm nổi tất cả có bao nhiêu chỗ rách và những chỗ rách ấy hình gì. Đố họa sĩ nào pha đúng được màu quần áo ấy, và nếu có cời những thứ ấy ra, đem treo lên cho công chúng đoán, đố ai dám nói đó là đồ mặc của người.

Vậy thì, với bộ quần áo xơ mướp ấy, nó biến thành một cái bù nhìn. Bù nhìn là cái khung có hai tay và hai chân làm bằng ống tre, thì nó cũng là cái khung có hai tay và hai chân chẳng to hơn mấy. Bù nhìn có bộ mặt chẳng thành hình, thì nó có bộ mặt cũng dums đó, xấu xí như con ma dại.

Nhưng bù nhìn chỉ làm cho chim chóc phải sợ hãi, nhưng nó thì có thể làm cho người ta không dám đến gần. Vì đến gần nó, trông thấy nước da đen sạm, dãn deo của nó, người ta tưởng như đó là cái thầy ma chưa tiêu hết hiện

về. Và cũng có mùi hôi thối xông lên. Và cũng có ruồi nhặng bám vào để hút chất bẩn.

Thật thế, một đồng rác, chưa đáng sợ, đáng tởm bằng nó. Vậy mà nó phải đi hết chỗ này đến chỗ nọ, để kiếm cái nhét vào dạ dày.

Để nó sống.

Vì nó chưa chết.

Nó đã đi ăn mày. Nhưng ai cũng đuổi nó quày quầy. Người ta quen cho những người sạch sẽ, có nét mặt đáng thương, có quần áo còn dính đôi chút mỹ thuật. Người ta chỉ bố thí cho kẻ ăn xin "hạng nhất". Còn nó, nó đi đến đâu, người ta đóng cửa, người ta chửi, hoặc người ta mặc kệ cho chờ chán thì phải cút.

Cho nên nó phải làm lấy mà ăn. Nó đến các chợ, vét những tí bánh còn dính trên lá, và gặm những mẩu khoai vớt còng queo trên đất sạn. Nó lạy van đũa ăn xin khác bót cho nó chút canh cặn cơm thừa.

Nhưng mấy hôm, chỉ có ngàn ấy thứ tọng vào bụng, nó sống làm sao được? Nó phải ăn đến thịt nó. Bởi thế, nó gầy hơn, nó còm hơn, nó đét lại, không đủ sức lê nổi tấm thân đã mòn. Bởi thế, chân tay nó lúc nào cũng run rẩy như cây sậy, mắt nó giương to tướng, nhưng vẫn lơ đờ. Nó không bệnh tật gì, song nó ngây ngô như người ốm.

Hôm nay thì nó lả đi rồi. Tai nó ù. Mắt nó lóa. Nó nằm vật ở lề đường. Miệng nó há hốc ra vì đói.

Nó chỉ thèm được ăn.

+

++

Bà ấy thì đến một tháng nay, cứ phải uống thuốc mãi.

Đầu tiên, ông Đốc tờ Tây đi ô-tô đến nhà, đem đủ các thứ đồ dùng để nghe ngực, thử máu. Rồi ông bóp trán, kê cái đơn, mua mắt ngót một chục đồng bạc thuốc.

Nhưng uống thuốc, mà bà ấy vẫn thấy thế, bà bỏ dở không dùng.

Có người mách một bác sĩ người Nam chữa bệnh giỏi lắm. Bà ấy cho mời liền. Và cũng như bạn trước, thuốc không công hiệu.

Bà cho là thuốc Tây không hợp với tạng bà. Thuốc Tây chỉ tài về khoa cấp cứu. Chứ bà phải dùng thuốc Bắc. Thuốc Bắc, tuy hiệu nghiệm chậm, nhưng khi đã ngấm vào trong tạng phủ người ta, thì nó chắc chắn lắm. Nó hợp với bà hơn.

Bà bèn mời một ông lang ta. Quả nhiên, ông lang cũng đồng ý với bà, bảo rằng thuốc Tây chữa người Nam không được. Vì nó chỉ làm để cho người Tây dùng. Và lại, Đốc tờ chỉ hay dọa dẫm, động một tí là lao, là đau dạ dày, là thương hàn, là đến một nghìn thứ bệnh nguy hiểm khác.

Ông lang rón hai ngón trên cổ tay bà, trầm ngâm. Ông lim dim đôi mắt. Rồi lúc tóm trúng bệnh, ông lấy bút giấy kê đơn lập tức. Ông hện uống một chén, bà sẽ thấy khác ngay. Uống đến ba chén, bà không còn một tí gì khó chịu trong người nữa. Lúc đó, chỉ cần dấm thang thuốc bổ, là bà lại khỏe mạnh như thường.

Bà cho người lên hiệu bào chế cân thuốc. Bà yên chí thuốc có nhiều vị đắt tất là hay. Bà chẳng tiếc tiền, bỏ ra hơn năm đồng, đổi lấy một bát nước sánh như mật.

Nhưng nghe ngóng một hôm tròn, bà chẳng thấy bệnh chuyển. Vẫn thế.

Kiên tâm, bà lại cân chén nữa. Và chén nữa. Nhưng bà lắc đầu, chịu không thể tin được mấy ông lang ta chỉ khuyếch khoác cái mồm.

Rồi bà mời đến ông thầy khách. Thầy khoe nhà thầy đã ba đời làm thuốc ở bên An Nam. Thầy nói tiếng An Nam sõi như người An Nam, tuy thầy đã già và tứ đại đồng đường. Nhìn bộ râu bạc dài dưới cằm thầy, con bệnh tín nhiệm ngay. Vậy mà thầy cần làm khách hàng tín nhiệm hơn, nên hết gièm pha thuốc Tây, đến chê bai các ông lang An Nam. Thầy rằng không ai biết gì hết. Duy thầy mới khiến nổi bệnh này.

Thầy cũng xem mạch, và xem cẩn thận lắm. Thầy hỏi vặn từng tí, và sau hết, bảo bà cho người nhà theo về hiệu lấy thuốc. Thầy cam đoan bà uống thuốc này không phí tiền.

Nhưng chán chưa! Thuốc ấy cũng chẳng ăn thua gì cả.

Lạ quá. Bệnh gì lại có bệnh thuốc không trị nổi bao giờ!

Bà ấy có bệnh gì?

Không biết.

Vì mấy ông thầy thuốc không ông nào nói rõ.

Nguyên là bà ấy béo quá. Gớm! Béo đâu có béo lạ béo lùng thế! Béo đến nỗi hai má chảy ra, cổ rút lại. Béo đến nỗi bụng sệ xuống. Béo đến nỗi trông phát ngấy lên!

Mà bà ấy lại giàu nữa mới rầy rà chứ! Nhà, bà ấy có hàng dãy ở khắp các phố. Ruộng, bà ấy có hàng trăm mẫu ở nhà quê. Tiền, cạnh tường buồng ngủ, cái két khổng lồ, lúc nào cũng chứa hàng tập giấy trăm lớn.

Bà ấy có đủ điều kiện để sung sướng.

Nhưng chỉ có một tí xíu mà trời chẳng chiều cho ai được hoàn toàn. Là bà ấy yếu dạ lắm.

Bà ấy chỉ phiền về mỗi chỗ ấy.

Thế mà hôm cuối tháng trước, một bà bạn mời bà ấy đến ăn cỗ cưới con gái. Bà ấy đã tính chối từ, song lại sợ bị trách.

Cho nên bà ấy phải dằn lòng đến ngồi vào mâm cơm.

Bà bạn gấp tiếp, ép ăn những bóng, những mực, những long tu, những vây cá, và đến trăm thứ khác nữa.

Nề bạn, bà ấy ngắc lên đến cổ. Và lo quá, vì biết rằng xong bữa cỗ này, rồi thế nào cũng có chuyện lôi thôi to đây.

Quả nhiên, từ hôm ấy đến nay, bà ấy cứ thấy bình bịch cái bụng, lúc nào cũng đầy đầy, không tiêu, khó chịu quá.

Khô thật! Thuốc thang chịu, uống đến thế mà bà ấy không đói cho!

Bà ấy chỉ thèm ăn được.

Tiểu thuyết Thứ Bảy số 245, 1939.

Hai thằng khốn nạn

Năm 1926, nước to, đê vỡ tứ tung, nhân dân bêu rếch, khổ sở. Nhất là khi nước đã rút rồi, trông cảnh tượng mới lại càng đáng ngậm ngùi nữa.

Cỏ tàn khắp cánh đồng xa,

Bên làng hoang hủ mấy nhà lơ thơ,

Đầu đường mẹ bé con thơ,

Người tìm sang Bắc, kẻ đưa về Đoài.

Bởi thế, bác Lan luôn mấy tháng, nào nhà đổ, nào trâu chết, nào đất bán, nào ruộng cầm. Gia tài tuy chẳng được là bao, nhưng đến cái cảnh tai bay vạ gió mà sạch sành sanh, thì dầu ông vua đời xưa mất nước, hay thằng bé bây giờ mất tiền, cái tâm lý cũng đau đớn ngang nhau vậy.

Không những thế, vợ bác lại mới chết về bệnh dịch, để cho bác một đứa con trai mới biết ngồi. Cái cảnh gà sống không còn mồi mà nuôi con mới đáng đau lòng. Bác Lan thực là một thằng khốn nạn vậy.

Đêm hôm trước, bác ngồi nghĩ mà rớt nước mắt. Cửa chòm cửa nôi đã không còn gì, nhịn cơm từ sáng nhường con đã lả cả dạ dày. Nếu mai cũng thế này nữa, thì bố chết đói, con chết đói. Ấu là trong nhà còn một thứ của nôi nữa, đem bán nốt đi chẳng?

Bác Lan nghĩ thế thì làm thế. Bác xin được cái thúng sứt cặp bên đôi quang và chẻ cái đòn gánh. Sáng sớm, gánh thằng bé con đi. Một bên quang là một tảng gạch để thăng bằng thúng hàng bên kia. Một bên quang là một cái thúng đựng hàng. Trên cái thúng, tùm hum manh chiếu rách che hàng cho đỡ nắng.

Bác đi lang thang làng này, làng khác, qua chợ nọ, chợ kia. Nhưng chỉ thấy có người xem, mà không thấy có người mua.

Bác Lan đói quá, mắt đã mờ. Thằng bé con trần truồng trong thúng, nằm ngả ra, mồm miệng bê bết những dãi, mũi và vỏ khoai lang. Đi đường, bác gặp toàn bọn khóc dờ mếu dờ như bác cả. An ủi nhau cũng chỉ có một câu:

- Này, bác đến nhà ông nghị Trinh, may ông ấy hiếm hoi, thì ông ấy mua cho.

Đi lần mãi mấy làng, bác mới đến nhà ông nghị Trinh. Trời đã sắp xẩm tối. Đứng ở cổng, trông vào trong nhà, bác thấy gạch Tây đánh bóng lộn, sập gụ, tủ chè, gương đứng, giường Tây, thật có vẻ đỉnh chung sung sướng.

Bác Lan đánh liều gọi cổng. Anh bếp ở trong chạy ra:

- Nhờ cậu vào bẩm với ông bà rằng có người bán con đương ở cổng.

Cậu bếp hỏi han một vài điều ra dáng tử tế, săn sóc, nhanh nhẹn lắm, rồi mới đi vào.

Bác Lan, vì cái đói khát cấp bách quá, nên tưởng tượng ngay độ dăm phút nữa thì bụng sẽ được no đây. Nhưng tưởng tượng thế là lầm. Độ một giờ sau, bác thấy một người mặt mũi phương phi, cổ rụt, bụng phệ môi trề mà không râu, mặc quần áo lụa, phe phẩy cái quạt, ra vườn chơi.

Bác đoán là ông Nghị, bèn đánh tiếng. Thì quả là ông Nghị thực. Vì nghe giọng nói hách dịch lắm:

- Sao không giật chuông gọi người nhà nó vào bẩm?

Bác Lan kể nỗi cơ cực, và ngỏ ý dạm bán đứa con. Ông Nghị nhìn qua bác, nhìn qua đứa bé, rồi nói:

- Ừ, để rồi tao nói chuyện với bà sẽ hay. Chờ đây, tao ra ngay.

Nghe câu ấy, bác Lan tuy trong bụng lép kẹp, nhưng thấy như được no một nửa vậy.

Hơn nửa giờ nữa, ông bà Nghị mới ra.

Bác Lan chào, rồi cũng những câu khi nãy, bác nói với bà Nghị. Bà Nghị ra ý cảm động. Bà bế đứa con vào lòng, ngắm nghía mãi.

Ông Nghị thấy bà có vẻ vừa ý, bèn hỏi giá:

- Mà y định bán bao nhiêu, nói cho thực.

- Bẩm tùy ông bà cho.

Người bán không nói giá, người mua không biết giá, thì làm thế nào? Độc giả các ngài đánh giá hộ đi? Một người như chúng ta đây, khéo nuôi, khéo

dạy, thì chưa biết chừng, vĩ nhân cũng nên đấy. Một trăm nhé! Hai trăm nhé! Năm trăm nhé!

Ông Nghị thấy bác Lan lưỡng lự, không muốn nói giá, thì đương ngồi xỏm ở trước cái thúng, bỗng ông đứng phắt dậy:

- Đáng lẽ anh cho không tôi, tôi cũng không lấy, vì tôi phải nuôi nó cho anh. Nhưng thôi, việc phúc đức, tôi cho anh ba hào, cầm lấy!

Vừa nói, ông vừa móc túi lấy tiền đưa. Bác Lan gãi tai thờ dài. Có lẽ không ngờ đâu cái giá trị một thằng bé con có thể mà thôi.

- Thưa ông...

- Tôi không nói lời thôi. Ông với ênh gì! Tôi không quen mặc cả. Ba hào không bán thì thôi!

Nói xong ông quay lưng vào, gọi bà đi, và đóng cổng lại.

Bác Lan vợ vẫn nghĩ ngợi mãi. Chờ mãi cũng không thấy có người ra trả thêm xu nào.

Nửa giờ sau, bác không thể nào nhịn nổi được cái dạ dạy rộng tuếch từ hôm trước. Thôi thì ba hào thì ba. Con mình được chỗ ấm no nương tựa, còn hơn là bố con bêu rếch, xó chợ đầu đường. Nghĩ vậy, bác giật chuông. Một lát, ông Nghị ra.

- Thế nào? Anh có định bán như thế không mà gọi?

- Thôi, lạy ông, ông thương phận nào, con nhờ phận ấy.

- Thương là thế nào! Nói cho dứt khoát. Bằng lòng bán ba hào không?

Bác Lan mím miệng, gượng cười một cách rất chua chát:

- Vâng!

Ông Nghị đưa bác vào trong nhà. Làm giấy má xong, ông còn xem xét đứa bé rất kỹ càng. Khi thấy sau lưng nó có nhiều nốt ruồi quá, thì ông có ý không bằng lòng, chê bai mãi rằng xấu. Xấu thì phải bớt tiền. Cho nên khi trả, ông không cho bác cả ba hào, mà phạt hai xu nốt ruồi!

Bác Lan lay van mãi. Nhưng bác nghĩ, nếu cô năn nì hai xu, thì chưa chắc đã được, mà không khéo thì bị trả tiền lại. Nghĩ nực cười, mình đã khốn nạn, lại gặp phải một thằng khốn nạn hơn, thì thôi, chịu cầm hai hào tám vậy.

Bác bé đưa con lần cuối cùng, hôn hít, dặn dò mãi, mới dứt. Khi ra ngoài cổng, bác đi không nữa, tình cha con vương vít, bác nghĩ muốn trả lại hai hào tám mà lấy con về.

Bác đứng lại, quay nhìn trong nhà ông Nghị, thì thấy kẻ bung chậu nước, người lấy xà phòng, người tìm khăn mặt. Bà Nghị thì tự tay tắm cho đứa bé, ra dáng âu yếm, nâng niu. Bác nhìn mà cũng hả tấm lòng, nỗi đau đớn cũng như tiêu tan vậy.

Còn ông Nghị, hai mắt vẫn nhìn cái lưng nốt ruồi, nét mặt còn như tiếc món tiền tiêu vô ích khi nãy. Một chốc, ông ra ý hồi hận, nói với vợ:

- Bà ạ, hoài của, giá bớt hẵn năm xu, nó cũng phải chịu.

- Sao ông nghiệt thế! Tiền hàng vạn lo nghị viên không tiếc, mà mấy xu này lại tiếc hay sao?

Ông Nghị đang tức hơi, phát gắt mà rằng:

- Tiêu những món đáng tiêu thì còn tiếc cái gì! Thằng bép đầu! Mày chạy đi tìm thằng bán con ban nãy, bảo nó giả tiền tao mà lấy lại con lập tức!

Bác Lan giật nảy mình, co căng, ù té chạy bán sống bán chết, vừa chạy vừa đếm:

- Một, hai. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám...

Viết 7-6-1930

An Nam tạp chí số 12; 1930

Kép Tư Bền

Các ngài thích xem hát bội, hẳn chẳng ai là không biết tên Kép Tư Bền. Ấy anh ta chỉ nổi tiếng về cái tài bông lơn, lả lác ra sân khấu, chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ nhìn một cái điệu bộ cón con của anh ta, các khán quan cũng đủ phải ôm bụng mà cười, vỗ tay đôm đốp.

Anh ta ở Sài Gòn ra hát ở Hà nội đã ba năm nay. Vì anh ta có tài riêng mà tính lại thích tự do, nên anh chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng hề rạp nào khéo dùng anh một độ, là cũng đông khách. Cho nên, tối nào bà con Hà thành đọc chương trình hay xem báo, thấy kép Tư Bền đóng vai giễu là cũng nô nức đi xem. Lắm người đến chậm, phải mang tiền về không, phàn nàn rằng rạp chật quá!

Cho nên những tối hát có anh giúp, thì các hí viện đều trưng lên là buổi hát đặc biệt.

Nhưng đã hơn một tháng nay, anh không diễn ở đâu cả. Vì đã hơn một tháng nay, cha anh ta ốm. Đã hơn một tháng nay, lúc nào trong cái gác tối om ở gian nhà ngay đầu ngõ Sầm Công, cái tiếng rên rĩ của ông cụ cũng hòa lẫn với tiếng rầu rĩ của siêu thuốc mà làm anh Tư Bền phải rầu gan nát ruột, chẳng thiết đến sự làm ăn. Bệnh cha anh càng ngày càng nặng, thuốc thang chữa chạy, nào anh có quản ngại gì. Nhưng cái số tiền để dành của một vai kép dần dần cũng đi bài tẩu mã, đến nỗi anh phải đi vay trước của các ông chủ rạp hát ít nhiều.

Một hôm, ông chủ rạp Kịch trường đến nhà anh ta chơi. Sau một vài câu hỏi thăm chiếu lệ, ông ta nghiêm sắc mặt, nhắc đến món nợ:

- Sao? Cái số tiền đó, cậu đã có để trả tôi chưa?

- Thưa ngài, xin ngài hãy thư cho ít bữa, khi nào thư thả, tôi sẽ đi làm và nộp sau.

Ông chủ bĩu môi, nói:

- Thôi, biết bao lần rồi! Cậu không trả, tôi sẽ đem ra tòa đó.

Anh Tư Bền cười lạt cho xong chuyện, nhưng lại thấy ông chủ ngọt ngào dõ:

Bấy lâu cậu nghỉ hát ở các rạp, khách nhắc nhở luôn đấy. Vậy cậu liệu liệu

mà đi làm ăn chứ?

- Vâng, tôi định thế...

- Tôi mới nhờ một nhà văn sĩ đại danh soạn cho một vở hài kịch theo lối tuồng cổ. Vậy cậu ra giúp tôi vai chính. Vì phi cậu, không còn ai xứng đáng.

- Diễn vở mới thì phải học, thưa ngài?

- Phải, phải học và tập diễn trong độ nửa tháng.

- Trong nửa tháng! Chà!

Anh Tư Bền nhắc lại ba tiếng đó, nhưng trong anh lẫn vẫn nghĩ ngợi biết bao nhiêu điều: Trong nửa tháng, trong mười lăm hôm trời, mỗi ngày anh phải xa cách cha mấy tiếng đồng hồ để đi học diễn. Cha anh ốm. Trong khi anh vắng nhà, ai trông nom săn sóc thay anh? Nghĩ vậy anh đáp phắt:

- Thôi, xin lỗi ông, tôi bận quá mà!

Rồi anh trở vào màn và nói tiếp:

- Cha tôi yếu, tôi phải ở nhà.

Lúc ấy, ở trên giường bệnh, ông cụ ho sù sụ, rồi thò tay ra cái ghế đầu kê cạnh, để với lấy cái ông nhỏ. Nhưng lật bật cầm không vững, cụ đánh rơi ngay xuống sàn gác, đờm rãi nổi lên bành.

Anh Tư Bền giật mình, chạy lại đỡ cha:

- Sao ông không gọi con?

Rồi anh đỡ lấy chổi quét chỗ nước lênh láng đi, đoạn nét mặt rầu rầu, anh nói.

- Đó, ông coi, vắng tôi sao đặng.

- Không, cậu cứ nhận lời giúp tôi, tôi sẽ sai người đến trông nom hộ cậu.

- Đa tạ ông, nhưng tôi không yên tâm.

Lúc ấy, trong màn có tiếng keng keng của chiếc đĩa đập vào bát sứ. Đó là hiệu gọi. Anh Tư Bền lật đật chạy lại gần cha. Giọng khàn khàn của ông cụ

sai anh rót chén nước.

Nhân muốn gây cảm tình, ông chủ rạp Kịch trường lại gần giường, mở màn, rồi hỏi:

- Chào cụ, cụ có biết tôi là ai không.

Ông già giương hai mắt lên. Rồi như đã nhận biết, bèn nhăn bộ răng ra cười, cái cười khó đăm đăm, và gật gật mấy cái, rồi run lấy bầy, giơ tay ra bắt.

Các ngài đừng tưởng rằng ông cụ quen gọi lối Tây, nên mới bắt tay đâu. Đến phải nhăn bộ răng ra cười còn là sự bất đắc dĩ nữa là. Nay sở dĩ ông cụ phải bắt tay, vì là tiếp khách theo lối lịch sự của những người mà con mình có nhờ vả.

- Cụ cũng không yếu lắm nhỉ. Sao cậu Tư Bền không nhận lời cho tôi?

Ông cụ hát hàm, có ý hỏi.

- Tôi sắp cho tập vở mới, định nhờ cậu ấy sắm vai chính.

Ông cụ lại nhăn răng ra cười và gật, nhưng anh Tư Bền nói ngay với cha.

- Ông mệt lắm, con phải ở nhà.

Ông cụ cau mặt. Chỉ có anh Tư Bền hiểu. Bởi vì ông cụ chẳng muốn vì mình mà con làm trái lòng người chủ nợ. Ông chủ dõ dằn, nói:

- Cậu cứ giúp tôi đi. Cậu mà nhận lời, thì món tiền ấy, cậu để đến bao giờ cũng được. Còn tiền hỏa hồng khi diễn tấn "Ông Huyện ba phải" này, cậu cứ lấy cả để thuốc thang cho ông cụ.

Cái sức làm cho anh kếp Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà nở nang cả lòng xương ngực. Ông cụ cố thở mạnh mấy cái cho khoan khoái trong lòng.

- Cậu nghĩ sao?

- Nhưng nửa tháng trời! Ai trông nom cho cha tôi?

- À, thôi, thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học vở. Đến hôm diễn thử lần cuối, cậu hãy đến rạp cũng được. Vì tôi biết cậu thông minh và

có tài hơn người khác. Tội chi, có dịp trở tài, vả lại để cho thiên hạ nhớ mong lâu cũng không tiện!

Nghe câu nói sau cùng như được ăn miếng bánh thánh, anh Tư Bền có vẻ nghĩ ngợi. Anh nhìn cha. Ông cụ thấy con còn ngần ngừ, thì lộ ra vẻ không bằng lòng. Cụ nhăn mặt, cổ cất lên cái tiếng khàn khàn để gắt:

- Nhận lời đi!

Nói xong, lại ho sù sụ.

Anh Tư Bền cảm động, nhìn ông chủ rạp Kịch trường và trả lời.

- Vâng!

Ông chủ vì chờ cái tiếng vâng này mất nhiều công quá, nên sợ nó không được chắc chắn. Đến hôm diễn, mà cha anh Tư Bền có làm sao, anh cứ vắng mặt ở rạp hát, thì lỗ bát. Ông bắt anh làm giấy giao kèo.

Bà con sính xem hát, hôm đó thấy ô tô quảng cáo chạy rong khắp phố để thả chương trình, và vài căng ở các ngã tư, đều nô nức rủ nhau đi xem buổi biểu diễn đặc biệt, có Tư Bền sắm vai chính.

Tối đến, cửa rạp Kịch trường đèn thấp sáng trưng như ban ngày, chiếu rõ cái cảnh người đứng lô nhô như luống hoa trăm hồng ngàn tía, bướm ong chờn vờn. Trên thềm, dưới bậc, giữa đường, non nghìn thiếu niên nam nữ túm tụm lại, tìm chỗ để đứng ngắm nhau cho đỡ nóng ruột lúc chờ đợi. Tiếng nhạc hòa trong rạp, du dương trầm bổng, chứa chan biết bao tình tứ ái ân, như câu, như kéo, làm cho người ta quên hẳn, mà bất giác moi túi lấy tiền mua vé.

Rồi cái làn sóng người dần dà tràn vào trong. Trên các hàng ghế, chỗ nọ nhắc lại câu bông lơn của kếp Tư Bền, chỗ kia bắt chước điệu bộ của kếp Tư Bền. Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vào lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu.

Vinh dự thay, anh kếp Tư Bền! Nhưng mà khốn nạn thân anh! Người ta biết đâu rằng hiện giờ này, ở nhà, cha anh đương dở chứng khò khè, chỉ chờ từng phút để thở một hai hơi nữa là hết nợ, và ở trong buồng trò, anh cũng đương nẫu ruột nhàu gan. Thật vậy, ai ngó vào trong buồng trò mới thấy được cái khổ tâm của anh Tư Bền. Anh ngồi ủ rũ trước cái gương, bụng thì rối beng,

mặt thì nhăn nhó, nhưng tay vẫn phải sờ vào hộp phấn hồng để đánh mặt, quẹt vào đĩa mực để bôi nhọ cái mồm. Rồi anh phải mặc trái cái áo lung thụng thêu, lộn đôi hia xanh và đội cái cánh mũ chuồn ngược. Anh đóng vai này, trông ra phết giàu sang sung sướng. Chốc nữa, anh còn phải làm cho chủ anh bằng lòng, các bạn anh trông anh mà gắng sức, các khán quan được một phen cười vỡ bụng vỗ rít tay kia mà! Nhưng mà cha anh Tư Bền sắp chết! Ban nãy lúc anh ở nhà ra đi, đã thấy nguy lắm rồi. Thôi! Nhưng mà mặc kệ. Anh phải quên đi, mà bông, mà đùa, mà pha trò trên sân khấu, cho chúng tôi cười, hét lên mà cười, cười đến nổi lăn ra cả đất chứ?

* * *

Một hồi chuông vừa dứt, màn kéo lên. Một tràng vỗ tay đôm đốp như pháo nổ để hoan nghênh ông chúa khôi hài. Anh Tư Bền lững thững bước ra, cúi đầu chào, rồi đứng thân người ra như phỗng một lúc. Tiếng reo, tiếng hò, tiếng vỗ tay lại làm dữ hơn trước! Mà khách quan thấy anh ăn mặc ngộ nghĩnh, cái mồm bôi nhọ nhem, thì ai nhìn cười được! Càng thấy anh đứng yên, họ càng được ngắm, và cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười già! ác thật! Vai anh Tư Bền hôm ấy cứ phải đứng trên sân khấu. Nhất là anh phải làm nhiều điệu bộ hơn mọi khi. Lắm lúc còn phải rặn ra mà cười ha hả!

Hết cảnh đầu. Sao mà lâu thế! Anh được nghỉ một chốc, mới nhờ người về xem tình hình cha anh ra làm sao. Rồi anh lại phải ra trò. Anh lại phải hò, phải hét phải dẫn từng tiếng, phải ngân từng câu, phải làm những điệu bộ, phải cười ha hả như cảnh thứ nhất. Người xem hát thì cứ trông thấy anh là cũng đủ cười rồi. Nào họ có để ý và nhìn rõ đâu được cái vẻ lo âu của anh, nó hiện ra ở trước mắt. Bỗng khi anh đương phệnh phạo trên sân khấu, khi người ta đương vỗ tay đôm đốp, thì anh nghe thấy có người ở trong phòng nói ra:

- Nguy hơn ban nãy. Đã cấm khẩu rồi!

Cha anh cấm khẩu rồi! Đành vậy, nhưng chính là bây giờ mới nhiều cái vui trò. Khán giả dưới kia, hàng mấy nghìn con mắt, đương chăm chăm vào anh và im phăng phắc. Họ chỉ chờ anh há miệng là họ được lăn ra mà cười và vỗ tay mà thôi.

Cảnh thứ hai cũng lâu như cảnh đầu, mãi mới hết. Lúc anh đang ngồi thừ trong buồng trò, thì anh lại nhận được tin báo nữa, là hiện nay cha anh đã mê đặc, chân tay lạnh cả rồi.

Còn gì đau đớn hơn cái tin ấy nữa! Anh Tư Bền bỗng ứa hai hàng nước mắt, rồi khóc nức nở:

- Cha ơi!

Ông chủ thấy vậy, sợ quá. Anh mà bỏ dở vở kịch đương vui thì nguy. Ông cố khuyên giải, và cấm không ai được báo tin gì cho anh biết hết.

Sân khấu bài trí đã gần xong. Ông chủ bắt anh đánh lại tý phần cho thêm xuân sắc, và sửa lại bộ áo mũ cho có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Ông thấy anh vừa dặt lại dải áo, vừa sụt sịt mếu máo, thì bắt anh im đi, chùi nước mắt. Rồi ông đẩy anh ra sân khấu. Anh lại phải hò, hét, ngâm, cười, múa, nhảy, để mua gượng lấy những tràng vỗ tay. Cái cảnh thương tâm của anh Tư Bền, đi đôi với cái bông lơn, cứ diễn ra mãi, mỗi chốc lại càng thương tâm hơn lên. Mà càng thấy vắng bặt tin nhà, ruột anh càng nhàu như dưa, xót như muối.

Cái cảnh cuối cùng mà anh cho là lâu tới, thì khán giả cho anh là chóng quá. Cho nên khi sắp hạ màn, anh cúi chào, thì cả rạp vỗ tay đôm đốp thật dài, dài mãi. Anh tưởng phen này quyết hết nợ, quyết được về cạnh giường bệnh của cha để nhìn mặt cha một lượt sau cùng trước khi tắt nghỉ, thì ở hàng ghế hạng nhất, người ta kêu ầm:

- Bis! Bis! (1)

Ông chủ rạp lại cho kéo màn lên. Anh Tư Bền lại phải giấu bộ mặt rầu rầu mà anh thích - Vì nó hợp với tâm lý anh hơn, - để vui vẻ mà diễn lại đoạn cuối lượt nữa.

Rồi khi bài kèn chào nổi lên, hồi vỗ tay sau cùng như làm vỡ rạp. Cái màn từ từ buông xuống. Anh cúi đầu thông thả chào. Nhưng bao nhiêu người, chẳng để chậm thì giờ, đã tranh nhau chạy lên gần anh. Người thì tặng hoa, người thì bắt tay, người thì véo mũi, người thì khen. Làm cho anh ruột càng như thiêu đốt.

Khi không còn phải thở dài để hoan nghênh những cái hoan nghênh của công chúng, anh Tư Bền mới lật đật chạy vào buồng trò, cởi vội mũ áo và rửa quàng mặt mũi.

Lúc ấy, trong khi anh đang rối beng nghĩ đến cha anh, không biết bây giờ đã lạnh tới đâu, thì một người bạn hát chạy đến, vội vã ấn vào tay anh tập giấy bạc của ông chủ để sẵn cho anh, và nói:

- Mau mà về. Anh Tư! Hông từ ban nãy mất rồi! Khôn nạn thân anh quá!

1933

(1) Diễn lần nữa .

Ngậm cười

Làng tôi bây giờ sở dĩ được yên ổn, là nhờ lòng can đảm, nghĩa hiệp của anh Cu Bản, đã liều mình khám phá ra cái tổ trộm cướp ở cánh rừng thông.

Sáu tháng về trước, luôn một dạo, những lúc đêm khuya, tĩnh mịch, không có trăng, ít người dám đưa mắt ra ngoài sân tối mịt. Nghe ngọn gió rít qua khe liếp cũng đủ trọn! Hễ có tiếng chó rờ lên sủa khan ở xóm bờ sông, là ngay từ đứa bé lên hai cũng biết giật mình. Nó khóc thét lên, ôm chầm lấy mẹ... Mẹ nó vỗ, xoa, ru khe khẽ để lắng tai nghe. Rồi nếu một hồi tù và dậy lên, thì ông già vắn to ngọn đèn hoa kỳ, ngồi nhòm dậy, húng hắng ho, hoặc hút thuốc lào, cho đỡ vẻ lặng lẽ.

Nhưng bỗng vắng nghe ở đâu kêu cướp, rồi trống đánh liên thanh, tiếng khóc như ri, tù và rúc, chó sủa lạc tiếng, liên liền nhau từ làng này đến làng khác, dài hàng mấy cây số, thì người cứng bóng vía đến đâu cũng phải lạnh run lên, đánh thức cả nhau dậy, ngồi đến suốt sáng.

Mười tối thì đến bốn năm tối kinh khủng như thế. Mà bọn cướp rất tài, ban ngày chúng khéo lẩn lút trong cánh rừng thông. Các nhà chuyên trách mấy lần cho lính vào sục cũng không bắt được.

+

++

Lúc ấy, vào khoảng bốn giờ chiều. Chị Cu Bản đương ngồi nhặt rau trong bếp, thì chồng về. Nét mặt hăm hở, anh nói:

- Này u nó, quan đã cắt tôi rồi.

Chị ngơ ngác:

- Cắt gì?

- Cắt đi bắt tổ cướp rừng thông?

Xám ngắt mặt, chị gắt:

- Quan bắt thầy nó vào chỗ chết mà cũng nghe à?

Anh Cu vênh mặt, kiêu căng, đáp:

- Chỉ nói đại! Việc gì mà chết. Chính tôi tình nguyện với quan để xin đi!

Chị cu òa lên khóc:

- Thầy nó nỡ bỏ mẹ con tôi chết đói hay sao? Khổ quá! Tôi biết trông cậy vào ai được? Thầy nó đừng đi!

Ba đứa bé, ngỡ ngác nhìn cha mẹ, cũng òa lên khóc.

Anh cu cảm động, an ủi vợ:

- U nó cứ yên lòng. Thế nào sáng mai tôi cũng về. Nếu tôi không ra tay, rồi quân cướp cứ những nhiều mãi, vùng này còn ai làm ăn gì được!

- Đành vậy, nhưng lỡ ra...

- Thì cũng đành chứ sao? Tôi làm việc ích cho mọi người mà u nó cũng cứ ngăn cản.

- Làm ích cho nhà giàu, chứ những hạng như mình thì lo gì bị cướp? Tôi chỉ sợ lỡ ra, thì một nách ba con mọn, tôi biết làm thế nào?

- U mày đừng dờ hơi! Việc gì mà lo xa như thế? Tôi sẽ được thưởng. Quan hứa rồi. Nếu thành công, ta không phải vất vả như thế này nữa.

- Thôi, tôi van thầy nó đừng đại dột. Tôi không để cho thầy nó đi đâu.

Anh Cu quắc mắt, nói:

- Việc quan nào phải việc trẻ con! U nó không được nói thế.

Chị Cu lại òa lên khóc, túm chặt lấy áo chồng. Anh Cu giằng ra, mắng:

- U nó không được giữ. Quan và lính chờ tôi ngoài đình kia. Để tôi đi, kéo chậm.

- Không! Không đi! Thầy nó hãy ăn cơm đã, vội gì.

- Không cần. Đã có cơm của quan. Tôi phải đi ngay bây giờ mới kịp.

Nói đoạn anh cu nhất định dứt áo ra đi. Anh ôm ba con vào lòng, xoa đầu, dặn dò mấy câu, rồi ra cổng. Chị Cu bế con, khóc lóc theo chồng. Nhưng vẫn thản nhiên, anh Cu coi nhẹ nghĩa vợ chồng, tình cha con. Đến đầu làng, anh

ri tai nói với khán thủ kéo chị Cu trở lại.

+

++

Sự thành công của anh Cu Bản đã làm cho vợ anh góa chồng! Đêm hôm đó, nhờ anh can đảm, quân cướp lũ lượt bị giải lên Huyện. Nhưng anh Cu Bản bị bỏ mạng. Thương thay!

Từ bấy giờ, trên đầu chị một tấm khăn tang, kẽ nách chị ba mụn con mụn. Đoạn trường lắm lúc nghĩ mà buồn tênh...

Cả làng ai cũng ái ngại cho chị Cu Bản và ngậm ngùi thương hại con người trọng nghĩa mà khinh thân.

Bọn nhà giàu được ăn no ngủ yên. Họ mổ gà mổ chó ăn mừng. Họ khen quan Huyện tốt với dân, biết hy sinh một người để cứu nhiều người. Họ xui chị Cu Bản bế cả ba đứa con lên kêu quan phụ mẫu thương đến tình cảnh neho nhóc của chị mà cho một món tiền bồi thường.

quan Huyện rất tử tế. Ngài nói:

- Nhà chị không phải kêu, bốn phận ta là phải bẩm lên quan trên xét đến người có công. Cứ về mà chờ đợi ít lâu. Rồi chị sẽ không phải phàn nàn về sự ân thưởng đích đáng của chồng chị.

+

++

Ôm tấm mong mỗi, chị Cu Bản vui vẻ về nhà, kể chuyện cho mọi người nghe. Ai cũng có bụng mừng thay cho chị.

Thường khi làm ăn vất vả, được bữa nay, lo bữa mai, chị lại nhớ thương chồng. Nhưng chị lấy ngay cái hy vọng ra để tự an ủi. Nếu được thưởng, chị dùng món tiền để sinh lợi, thì chắc được đủ ăn suốt đời.

Năm hôm, mười hôm. Cái trò mong vẫn hay thấy lâu. Chứ chị biết đâu lá đơn của chị còn phải qua tòa này sở nọ, có khi nó đi chậm và hay nghỉ như ông cụ già.

Rồi nửa tháng, lại một tháng. Chị Cu Bản càng ngày càng quần bách. Com chẳng đủ nuôi con. Nhà dột, không ai gội gội. Sân rêu, cỏ mọc, chị chẳng có lúc nào sửa sang. Mấy đứa bé bêu rếch. Nhưng biết làm thế nào? Nếu chị ở nhà trông nom chúng, thì ai đi làm lụng kiếm miếng cho mà ăn? Giá chúng lớn, độ lên bảy lên tám cả, thì chị đã cho một đứa đi ở, để đỡ phải nuôi. Khôn nhưng thẳng lớn mới lên năm tuổi.

Rồi nữa, một tháng, hai tháng. Người ta thấy chị Cu Bản rách rưới. Không ai không phàn nàn cho chị. Mặt mũi chị hốc hác, đen đui, xấu xa. Người ta hỏi thăm, chị đều trả lời:

- Nay mai, tôi sẽ có món tiền thưởng.

Thưởng. Cái đó không thể không có. Chắc lắm rồi. Quan đã hứa thế. Nhưng hôm nay chị chưa có gì cả. Chị nóng ruột. Khô. Nhưng, nhất định chị chờ cái tương lai.

Ở ngoài, họ đồn chán lên đấy. Có người mong chị được thưởng một nghìn bạc. Có người đoán chị được lương ăn suốt đời. Có người ở xa, lại nói dựng đứng ngay rằng đã gặp chị lên tỉnh lĩnh hai nghìn ở kho bạc.

Nhưng sự thực chưa có thể. Sự thực thì chị Cu Bản vẫn tự an ủi bằng cái hy vọng những khi đầu tắt mặt tối, và khóc thầm những lúc nhà vắng đêm khuya. Chị nhớ lại hôm chồng hăm hở đưa quan lính vào chỗ tổ cướp. Chị nhớ lại lúc trông thấy xác chồng nằm co ro trên vũng máu để tự nhiên chị thành góa bụa, với ba mụn con thơ. Chị đau đớn. Nhưng chợt chị nghĩ đến lời quan Huyện hứa, quả quyết sẽ được bồi thường về công của chồng chị. Trời ơi, bao giờ nhỉ? Bao giờ cái đói, cái rách, cái khôn quần nó tha cho chị mà đừng dọa nạt chị nhỉ? Bỗng chị nhìn lên vách. Thấy bóng chiếc khăn ngang, chị cảm động, thút thít khóc.

+

++

Một hôm, chị Cu Bản hăm hở chạy sang nhà tôi. Tôi không thấy tay chị cầm chiếc rá. Mặt chị cũng không nhăn nhó như mọi khi. Chị giơ tờ giấy có dấu son đỏ lòe, nhờ tôi xem hộ, và hỏi:

- Ông lý đưa tôi tờ sức, nói rằng quan bảo tôi đi lĩnh thưởng phải không?

Tôi mừng thầm cho chị. Chị lại hỏi:

- Có phải không? Bao nhiêu, hở cậu?

Xem xong, tôi nhìn chị, rồi khẽ đáp:

- Phải, thưa, anh ấy được truy tặng cửu phẩm bá hộ, chị ạ.

- Chứ không phải tiền à?

- Không!

Bỗng chị Cu Bản xám mặt lại. Chị run bắn lên, rồi mếu máo khóc. Chị giật lấy tờ giấy, chạy ù ra cổng, quên đứt rằng đáng lẽ chị phải vui vẻ cho chồng chị ở chín tuổi được ngậm cười.

Tiểu thuyết Thứ Bảy số 188; 1938.

Ngựa người và người ngựa

Đố ai biết anh phu xe lững thững dắt cái xe không ở đằng ngã tư đầu phố kia, đi như thế từ bao giờ đây?

Trông anh ấy có vẻ "đói" khách lắm. Có lẽ thế thật. Vì ai lại tám giờ tối ba mươi Tết rồi, còn lang thang phố nọ sang phố kia thế? Mà hàng phố, nhà nào nhà nấy đóng cửa cả rồi, còn mấy ai ra ngoài đường làm gì, mà còn hòng một "cuộc" tất niên?

Ấy thế! Trả xe cho xong quách, về nhà hú hí với vợ con có hơn không, tội gì! Vợ anh, con anh, đương chờ anh ở cửa đó nọ. Năm hết Tết đến rồi. Còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi, chứ còn lâu la gì?

Ấy, giá trong túi có nặng cái đồng tiền, thì chả phải bảo, anh ta cũng về nhà cho xong quách, việc gì còn phải vợ vắn vắn vợ như thế này! Khốn nhưng anh ấy vừa mới ốm dậy, ốm một trận tương mười mười chết, thành ra không những mất một dịp kiếm tiền vào lúc cuối năm, mà bao nhiêu tiền dành dụm trong bấy lâu, sạch sành sanh cả.

Bởi vậy hôm nay, anh ấy cố vay được cái vốn để đi mua xe, kiếm bữa gạo để ăn Tết.

Quái, không hiểu cái ngày nay là ngày gì, mà từ chiều đến bây giờ, anh ấy mới được có hai hào chỉ! Ban chiều, khách áo gấm, áo nhung, đi nhan nhản ở đường, mà mời mời miệng, cũng không có một ai lên xe, nữa là bây giờ! Bực nhất là thỉnh thoảng lại lẹt đẹt tràng pháo nổ, làm cho anh ấy nóng cả ruột gan. Nghĩ đến cái cảnh Tết nhà giàu mà thèm rở dãi. Họ quăng tiền đi về dịp Tết, thi nhau tiền trăm bạc nghìn để xa phí vô ích, mà mình thì lo méo mặt mấy hào bạc gạo ngày mai không xong.

Thỉnh thoảng, anh ta dỏng tai quay cổ, xem có ai gọi ở đằng xa không. Thì chỉ thấy đánh đẹt, lòe một cái ở giữa đường, làm cho anh ta giật mình đánh thót. Giật mình, rồi lại thở dài, ngán cho cái đời bấp bênh, lắm lúc muốn quẳng phăng cái xe đi, làm nghề khác. Nhưng bỏ nghề này thì xoay ra nghề gì?

Anh ấy đi lững thững như thế, qua Hàng Trống, quặt ra phố Nhà Thờ, xuyên thẳng ra lối nhà thương Phú? Doãn, thì bỗng đứng dừng, quay cổ lại nhìn.

- Xe!

- Đây!

Ba chân, bốn cẳng, anh ấy chạy vội lại phía có người gọi, hạ hai cẳng xuống.

- Bà về đâu?

Một bà trạc độ ngót ba mươi tuổi, mình mặc xa tanh nâu, đầu quàng khăn bịt trắng, bỏ giọt xuống tận bụng, đứng ở đầu hè:

- Anh có đi giờ không?

- Bà đi mấy giờ?

- Một giờ.

- Xin bà sáu hào.

- Sao anh lấy đất thế? Hai hào!

- Thưa bà, xe ngày Tết vẫn thế, vả lại bây giờ còn ai kéo nữa, mà bà giả rẻ thế. Con kéo một chuyến, rồi cũng đi giả xe, về ăn Tết đây!

Bà khách thấy anh xe nói ra ý không thiết kéo, nên quay lưng đi.

- Này, bà giả bao nhiêu?

- Hai hào là đất rồi, ngày dung chỉ có hào rưỡi một giờ thôi.

- Thôi, năm hào rưỡi, bà có đi, không thì thôi.

- Thôi.

Bà khách lại quay lưng đi, lần này thì đi thẳng.

Anh xe vắt chân chéo kheo, chông cẳng lên trời mà nhìn theo mãi một lúc. Anh đoán có lẽ người này cũng là khách kiết, nên mới trả rẻ quá như vậy. Thôi thì người già thì ta non. Anh chạy theo và gọi:

- Này, mời bà lên xe!... Hai... Hào...! Xin bà hai hào rưỡi.

Bà khách vừa bước chân lên sàn xe, thấy anh xe vùi hai hào rưỡi, vội nhảy tọt ngay xuống đất:

- Không hai hào thì thôi.

- Thôi, đây, mời bà lên.

Bà khách vạch cổ tay áo, xem đồng hồ:

- Chín giờ năm nhé, nhưng kể là chín giờ đúng cũng được.

Anh xe kéo giờ, nên cũng chỉ chạy "dưỡng lão" thôi, đít nhôm mạnh, mà bước ngắn. Vì thì giờ là tiền bạc, chậm phút nào là tiền phút ấy.

Trước anh xe tưởng bà khách đi có việc gì, cho nên còn chạy. Sau thấy bà cứ trở vờ vẫn hết phố nọ sang phố kia, mà chả đỗ ở phố nào cả, thì mới đoán có lẽ là cánh "ăn sương" chi đây. Anh bèn đi bước một. Nhiều lúc muốn hỏi thực, nếu có phải giăng há thì mình giới thiệu cho một món sộp đáo để.

Nhưng lỡ không phải thì họ mắng cho và không trả tiền thì khổ.

Qua chợ Đồng Xuân, vòng về Hàng Cót, lại rẽ sang Cửa Đông, bà khách bỗng hỏi:

- Anh có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

- Vâng, nhưng bà có cho cháu hai hào thì cháu kéo hầu bà giờ nữa.

- Được.

- À, anh có hào lẻ không, cho tôi vay mấy hào, chốc nữa tôi giả cả đồng cho tiện.

Anh xe móc bao phục, lấy ra hai hào, đưa cho bà khách. Bà khách vào hiệu, mua gói thuốc lá, bao diêm, còn tiền mua cả hạt dưa để cắn.

Anh xe nhấp nhôm chạy rảo căng vài bước, rồi lại tiến bước như trước. Một lúc, anh mới đánh bạo hỏi một câu rõ khôn:

- Bà tìm ai, thưa bà?

- Tôi tìm người quen.

- Người quen bà ở phố nào?

- Anh cứ kéo đi.

Anh xe lại cứ kéo như thế, ra Ga, vòng về đường Sinh Từ, quặt về Hàng Bông, Hàng Manh, Hàng Vải Thâm, vân vân. Mãi mãi, mà người khách vẫn không tìm thấy ai quen.

- Thưa bà bây giờ mấy giờ rồi?

- Mười một giờ kém năm.

- Con kéo hết giờ này, xin bà cho tiền để con đi đón khách ở ga về.

- Anh có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

- Thưa bà, con đón khách ở ga hay ở nhà chóp bóng thì một cuộc cũng được hai hào chỉ.

- Anh đã chắc có khách chưa? Hay là mật ít ruồi nhiều, rồi dắt xe về không. Anh lại cố kéo tôi giờ nữa, đi thủng thỉnh thế này mà được tiền, chả hơn chạy mửa mật ra ư?

Anh xe nghe bụi tai, lại bằng lòng kéo. Hàng phố càng thấy thưa người đi. Các cửa đóng kín mít. Đi một lúc, qua Ngõ Trạm, vòng sang Hàng Điều, rồi rẽ sang Hàng Bò. Lúc ấy, bốn bên im lặng như tờ, chỉ thấy tiếng lách tách bà khách cắn hạt dưa thôi, thì bỗng một tràng pháo nổ, ù ù đẹt pháo giao thừa.

- Mấy giờ rồi, thưa bà?

- Phải giờ nhà nào bây giờ đã đốt pháo giao thừa! Mới có mười hai giờ kém mười lăm.

Anh xe mới nghĩ: "Mười lăm phút nữa, mình sẽ có sáu hào. Sáu hào với hai hào là tám. Thế nào ta cũng nài thêm bà ấy mở hàng cho một hào nữa là chín. Chín hào! Mở hàng ngay từ lúc năm mới vừa đến. Thật là may! Mới năm mới đã phát tài! Thôi, sang năm tất là làm ăn bằng mười bằng trăm năm nay".

Rồi anh nghĩ đến vợ con anh, mà phân chân trong lòng, như có cái sức gì nó xúi giục anh quên khổ để vui lòng làm việc vậy.

"Sáng mai, kéo chuyển khách qua ga, xong rồi, ta đánh bát phở tái, rồi mua cho con cái bánh ga tô cho nó mừng. Vợ ta nghe thấy trong túi ta có tiền, thì chắc hơn hờ, thấy ta làm lụng vất vả để kiếm tiền nuôi cả nhà, tất là thương ta lắm. Nhưng ta sẽ làm ra dáng không một nhọc, để vợ chồng con cái ăn Tết

với nhau cho hể hả".

Anh vừa nghĩ thế, vừa kéo về phía nhà thương Phủ Doãn. Tới chỗ khi này, anh dừng xe lại, nói:

- Bây giờ có lẽ mười hai giờ, xin bà cho cháu tiền.

Bà khách có ý luông cuông, nói:

- Chết! Anh hỏi tiền tôi bây giờ à? Anh chịu khó kéo tôi một giờ nữa đi.

- Thôi khuya rồi, cháu phải về nhà.

- Này, chả nói giấu gì anh, tôi cũng đi kiếm khách từ tôi đến giờ. Có anh biết đấy. Có gặp ai hỏi han gì đâu. Tôi định nếu có khách thì hỏi vay tiền trước để giả anh. Nhưng chẳng may gặp phải cái tôi xúi quẩy thế này, thì tôi biết làm thế nào?

- Thế cô đi xe tôi từ chín giờ, cô không giả tiền tôi à?

- Bây giờ thì tôi biết làm thế nào?

- Tôi kéo cô lên Cẩm.

- Lên Cẩm thì tôi cũng đành lên với anh, chứ tôi biết làm thế nào!

- Thế mà cũng vác mặt mặc cả xe giờ, lại còn vay tiền người ta mà mua thuốc lá với hạt dưa!

- Nhà tôi ở ngay đầu ngõ Hàng Bún, khi nào anh đi qua, thì tôi giả tiền anh chứ gì!

- Chứ gì! Một trăm ngõ Hàng Bún, ai biết ngõ nào mà tìm!

- Tôi không có tiền đâu, chả tin anh khám mà xem.

- Tôi không khám, cô giả tiền tôi cho tôi về!

- Đây, hay là phu la, áo, đồng hồ đây, anh muốn lấy thức gì thì lấy.

- Tôi lấy để làm ma mẹ tôi à?

- Thôi này, đừng cẩu làm gì. Tôi bảo, cảnh tôi cũng như cảnh anh, cũng là đi

kiếm khách cả. Nhỡ phải một tội thế này, thì chịu vậy, chứ biết làm thế nào?

- Thế sao cô không bảo thực tôi từ trước, để tôi kéo cô qua các nhà sãm để hỏi, cô còn sĩ diện mãi.

- Nào ai biết cơ sự nó ra thế này. Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây, thì tôi không có tiền giả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt. Vậy anh cố kéo tôi nữa, may tôi có khách thì tôi có tiền, mà anh cũng không phải phàn nàn nữa.

- Tôi thật là nợ nần gì cô kiếp trước hay sao, mà nay tôi khổ với cô như thế này. Đầu năm mà đã rấp! Rắc rồi!

- Anh đừng nói thế, ai muốn thế này làm gì!

Bất đắc dĩ, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.

Nhưng lần này thì thật là không buồn bước lên nữa. Chán quá!

Rõ số đâu mà số ăn mày thế này!

Anh xe vừa đi, vừa thở dài. Khách cũng vừa đi, vừa thở dài. Càng đi, càng thấy phố vắng tanh, vắng ngắt. Thình thoảng mới gặp một người tùm hum cái áo ba đờ xuy, mà đi có ý vội vàng.

Buồn thay! Đàn muỗi vo vo bay, đùa nhau xung quanh ngọn đèn. Lá cây sột soạt rụng, đuổi nhau ở trên đường nhựa.

Anh xe dặt xe đi diều qua các cửa nhà sãm để xin việc cho cô ả. Nhưng lúc ấy đã hai giờ sáng rồi cho nên ế! May sao, đến đầu phố Hàng Gai, thì gặp một người ăn mặc ra dáng ăn chơi, đang tắt tả cúi đầu đi. Cô ả dử mời, đánh liều gọi lại, vờ vĩnh hỏi thăm đường. Nhưng khốn nạn, anh chàng này lắc đầu, và cứ rảo cẳng bước đều:

- Tôi không biết, cô hỏi thăm anh xe này cũng được. Tôi còn vội đi mời đóc tờ cho vợ tôi ôm đây!

Hai cái thở dài thất vọng theo đuổi nhau, rồi không ai nói thêm một lời nào. Anh xe lại từ từ tiến bước.

- Cô làm thế này thì tôi chết mất!

- Thôi anh bằng lòng vậy.

- Ấy cũng may cho cô, vợ vẫn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật thám hoặc đội con gái thì khôn!

- Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần, vì tôi có "ba tăng".

Đi một lúc lâu, chẳng gặp một ai cả, cô ả bảo anh xe:

- Này, anh đỡ xuống tôi bảo. Tôi nói thực với anh nhé. Bây giờ đã về sáng rồi, chắc anh kéo tôi mãi cũng đến thế mà thôi. Tôi thì thực không có tiền giả anh đâu. Tôi gán cho anh khăn, áo, đồng hồ mà anh không lấy, thì tôi chả biết nghĩ thế nào cho phải cả. Thôi thì anh kéo tôi ra chỗ kín, vắng, anh muốn bắt tôi gì tôi xin chịu.

- Tôi bắt gì cô mà tôi bắt!

Cô ả nắm lấy tay, vỗ vào vai anh xe, nhăn nhó cười:

- Anh này thực thà quá, nghĩa là chỉ có anh với tôi thôi, thì người tôi đây, anh muốn làm gì tôi cũng bằng lòng.

- Ôi thôi! Tôi lạy cô. Nhớ cô đỡ bệnh cho tôi thì tôi bỏ mẹ tôi.

- Không sợ, tôi mới khám bệnh hôm qua.

- Thôi, tôi chấp tay tôi van cô, cô có thương tôi thì mời cô xuống xe cho tôi về, và xin cô tiền xe!

- Thế thì anh cứ kéo tôi về nhà tôi, xem có đồ đạc gì đáng giá, thì anh cứ việc lấy.

Anh xe bụng bảo dạ, thôi thì cầm bằng như mất tất cả buổi đêm nay là cùng. Nhưng ta chịu khó kéo nó về, may xem có cái gì thì ta lấy, còn hơn về không. Thật là đồ nát đụng nhau.

- Nhà cô ở đâu?

- Trên Hàng Bún.

Anh xe vừa kéo, vừa lẩm bẩm nói một mình:

- Không có tiền, cũng leo lên xe mà ngồi, chỉ sĩ diện hão thôi, lại còn tí tách hạt dưa, với phì phèo thuốc lá mà không biết ngượng!

Cô ả đành chịu mặt dày cho anh xe mắng một ít câu cho bõ hờn, cứ ngồi im như phỗng.

Lúc ấy, gió bắc thổi căm căm, buốt đến tận xương. Nhà hàng phở đã thấy có người dậy. Nhưng họ dậy có phải để đi tìm gái đâu!

Đến cửa một nhà sấm, cô ả bảo:

- Anh hãy ghé vào đây một tý cho tôi hỏi vay tiền người này xem có được không.

Anh xe hơi có hy vọng, đỗ lại để cho cô ả vào. Rồi vì mệt lử, anh ngồi phịch xuống sân xe, tựa lưng vào thành, vừa chờ, vừa nghĩ vợ nghĩ vẫn.

Một lúc lâu, một tràng pháo nổ vang trời, làm anh giật mình. Anh sực nghĩ đến cô ả, không biết cô ta vào đây làm gì mà lâu thế. Hay có lẽ đã có món khách nào chẳng. Nhưng thế nào cũng phải trả tiền cho mình về đã chứ, lại bắt mình chờ đến sáng hay sao? Anh gõ cửa gọi.

Người bồi sấm ra.

- Ông ơi, tôi hỏi thăm ông, người con gái quần khăn quàng trắng vào đây ban nãy, nằm ở buồng nào?

- Chả có buồng nào có khách cả.

- Thế người con gái ấy đâu?

- Ra ngay từ bao giờ rồi, còn đâu mà hỏi?

- Thôi chết tôi rồi, ra cửa nào?

Người bồi lấy ngón tay cái, hất ngang về phía cổng sau. Anh xe choáng người như nghe tiếng sét đánh. Anh bàng hoàng như chợt tỉnh giấc chiêm bao.

Người bồi sấm nói xẵng:

- Đi cho người ta đóng cửa. Ai bảo anh xông nhà cho tôi? Năm mới đừng bí

beng!

- Ông ơi!...

Người bồi giúi vai anh xe, đẩy ra, rồi đóng ập cửa lại. Anh xe nghiêng răng, cau mặt, lủi thủi ra hè, cầm cái đệm quật mạnh vào hòm đánh thành một cái! Anh móc túi lấy bao diêm đốt vĩa, rồi khoè bàn chân, co cái càng lên, đưa tay ra đỡ, thủng thẳng dắt xe đi.

Tiếng pháo chào xuân nối đuôi nhau ùng ùng toạch toạch...

11-2-1931

Người thứ ba

Nhưng còn người thứ ba nữa, cũng quan tâm đến cái chết của mẹ chồng chị Cu Sút, chẳng kém gì cụ thư ký.

Vậy mà chúng ta cứ quên.

Suýt nữa thì hoài của!

Nguyên là chị Cu Sút cũng khá thông minh - Mà làm gì chẳng thông minh, khi thấy người trên bề học một việc rất vô lý - Chị hiểu ngay công dụng của cái miệng. Cái miệng, trước khi để khóc mẹ, hãy phải dùng để trình nhà chức trách biên vào sổ tử cho, thì mới đúng là trong nhà có người chết. Nếu không, thành ra mình khóc lậu à? Mà trình nhà chức trách, đổ ai làm nổi việc ấy bằng lời nói suông. Cho nên, vừa bị kéo tới thăm nhà, chị cu đã lạy van cụ thư ký bằng một món tiền. Thiên chúa ơi, bằng một món tiền... Hai hào!

Tức thì, cụ thư ký nguôi giận, và không lôi xềnh xệch chị ra đình nữa. Chị được "tự do ngôn luận" trước cái thầy ma.

Tin ấy cũng truyền ngay đi khắp làng. Cụ Lý gật gù, khen:

- Lão ta thế mà đa mưu, giỏi!

Nhưng cụ chánh hội chê:

- Lão ta thế mà khờ. Phải tay tôi, không năm hào, tôi còn dọa.

Còn báo "phụ nữ" - Thế nào các bà chả bênh vực quyền lợi cho đoàn thể - Buông lời phê bình bằng những giọng văn ít chải chuốt:

- Cha con đẻ ra mẹ nó, bà thì bà kiện đến tam toà, chứ bà chịu à!

Do sự công phẫn, các bà xui chồng đến nhà chị cu, mỗi người giúp một tay.

Bởi thế, chẳng mấy chốc, mẹ chồng chị được hoàn toàn là người chết hợp pháp. Bà được người ta khênh nằm trong áo quan bày ở giữa nhà, trên thấp hương nghi ngút. Bà được một ông hơi biết địa lý, nhanh nhẩu đi mượn la kinh, ra bãi tha ma đầu làng, ngắm hướng, rồi đào sẵn huyệt. Và ông bảo giờ dần sáng mai, rước bà cụ ra đồng.

Người thứ ba, tức là ông quản lộ. Chức này, chỉ có tỉnh này mới đặt ra.

Nhiệm vụ của ông quản lộ là phải coi đường làng, từ ngày xây gạch. Công việc ấy chẳng nhẹ nhàng và dễ dàng gì đâu. Hai bên bờ đất lở ư? Ông phải cho người đắp lại. Mặt đường vì mưa, bùn đất phủ lên ư? Ông phải bảo những nhà ở cạnh đường lấy xẻng giầy đi. Vô phúc con trâu nào không đi sang hai bên cạnh, mà bén cẳng lên chỗ gạch lát ư? Ông làm biên bản. Tức thì, chủ bị phạt.

Kê trong làng có đặt chức ấy cũng tốt lắm đấy chứ? Đường làng lúc nào cũng sạch, bền, ai chẳng muốn ngắm?

Song, đó là về lý thuyết, chứ không phải về thực hành. Sự thật, người ta ít được gặp ông quản lộ ở ngoài đường. Bởi vậy, đường được rất ít hân hạnh để sạch và bền. Và những con trâu, cả trâu của ông quản lộ nữa, được nhiều hân hạnh đi lên nền gạch, thỉnh thoảng lệt bệt vào đó những đống gì kha khá to để làm duyên.

+

++

Sáng sớm hôm sau.

Bốn người hảo tâm đã sửa soạn đòn, khênh đến đầu ngõ nhà chị cu, bày sẵn trên đường, và vào trong nhà giục tới tấp.

Chỉ từng ấy người cũng đủ nhắc nổi chiếc quan tài, vì nó mỏng, và vật chứa ở trong cũng chẳng nặng nề gì.

Chỉ là một bộ xương nhỏ nhắn, bọc bằng làn da mỏng manh.

Trong phút chuyển cữu, chị Cu Sút đứt ruột đứt gan. Chị gò lưng, cố níu cổ ván lại. Nhưng mặc kệ, nó cứ theo tám cẳng chân, tiến nhanh thoăn thoắt.

Người ta nâng đều tay để xuống thêm và ra ngõ. Người ta đặt trên đòn, úp mái vào, thấp nển, thấp hương, rồi buộc lại bốn chiếc mảnh bốn bên cho chắc chắn.

- Ôi mẹ ơi là mẹ ơi, rồi đây một ngày một xa, biết bao giờ cho mẹ con ta lại gặp nhau! Ôi giời cao đất dày ơi! Giường cao chiếu sạch mẹ chẳng nằm, mẹ ra nằm ngoài giữa đồng, mẹ ơi là mẹ ơi!

Nhưng có ai để ý đến sự kẻ lẽ thảm thiết ấy?

- Nào? Bắt tay vào! Xong ba hồi chín tiếng thì anh em lên cho đều nhé.

Tiếng phèng rè nổi lên như run, như khóc. Chiếc nhà táng vừa nâng cao, chị cu thương tâm quá, đứng không vững, ngã khuyu xuống đất.

Nhưng mà:

- Này! Hãy dậy đã.

Chị mở mắt ra, nhìn.

Ông quản cố cầm roi mây, phì hơi rượu vào mặt chị, nói:

- Mày dậy đã, không có phép thế.

Chị cu vừa khóc, vừa rên rỉ:

- Phép thế nào, ông ơi.

Ông quản lộ cau mặt, gõ đầu roi vào nhà táng:

- Nghĩa là nó là phép thế. Đường là đường làng. Làng cắt tôi ra trông nom. Chị có tư cách gì mà dám đưa ma bà cụ lại không nói với tôi một tiếng? Bốn người này khiêng áo quan vào trong nhà giả chị ấy!

Chị cu choáng váng, vội đứng dậy. Chị thấy ông quản lộ giẫm một chân lên đầu đòn để ghì xuống. Chị khóc:

- Thôi, tôi lạy ông, tui vong linh mẹ tôi lắm, ông ơi!

Ông quản cố xua tay cho mạnh, cố lắc đầu cho nhanh, cố nhăn mặt cho ra vẻ tức giận, nói:

- Chẳng có thì tôi đưa chị lên quan, chứ đường là đường làng hay đường riêng nhà chị mà chị dám mục đích rắc vàng bừa bãi ra đây? Ai quét hầu chị? Mà tử khí xông lên, ngộ người làng chết lây thì tôi biết nói sao?

Người xúm quanh, mỗi người một điều:

- Thôi, bác quản, giờ sinh ra thế, bác ngơ cho chị ấy, chị ấy không biết phép.

- Không được, nghĩa là không biết phép thì tôi làm cho biết phép. Tôi có tư cách coi đường làng. Nếu tôi dễ dãi, ngộ rồi trên các cụ "trách nhiệm" tôi, thì

ai ra chịu tội cho tôi.

Chị Cu Sút thấy ông quản lộ dùng những chữ việc quan để tỏ ra mình khó tính và hăng hái như vậy, thì sự thông minh bỗng vụt ngay vào trong óc chị.

Chị không khóc nữa, lấy vạt áo chùi đôi mắt đỏ hoe, rồi từ từ cởi nút giải yếm.

Liếc mắt thấy phát tài đến nơi, ông quản dụ mặt:

- Tôi vẫn biết chỗ người làng người nước, làm ra sinh mất lòng mất bề nhau, nhưng nghĩa là việc quan anh cứ phép công anh làm, ai oán thì oán.

Nói đoạn, ông lại liếc mắt lướt nữa, thấy chị cu đã nắm cái gì ở trong tay. Ông biết rằng không phải nói thêm gì. Ông đứng yên, để nhường lời cho chị. Mặt ông, lúc đó, tuy trơ trẽn, nhưng tươi lăm.

Chị nhờ người vào nhà lấy cái đĩa, rồi để đánh cạch hai mươi trinh vào, dịu dàng thưa:

- Gọi là thế, có coi giàu biểu ông, thôi thì ông cho các bác ấy khênh bà cháu ra đồng.

Ông quản để năm đầu ngón tay vào lòng đĩa, vét một cái rất anh hùng, rồi gật đầu, hất roi:

- Thôi được!

Tiểu thuyết Thứ Bảy số 307; 1940

Người vợ lẽ bạn tôi

Cái lần tôi đến thăm anh Quý ở Bắc Ninh, vào hồi sáu tháng trước đây, là lần tôi thấy anh ấy đối với tôi nhạt nhẽo và ngượng nghịu nhất.

Tôi không ngờ và cũng không để ý đến thái độ ấy. Vì hai chúng tôi thân với nhau từ thuở ẵm chõm. Có thể nói theo lối thiếu vệ sinh nhưng đầy thi vị, là "con chấy cắn đôi".

Vì chúng tôi đã lâu mới gặp nhau, nên bao nhiêu chuyện để trong bụng bấy nay, tôi lôi hết ra để nói. Và cố nhiên, khi chuyện đã hết, tôi thấy đói. Tôi ngồi yên, ngáp vặt, đợi cơm trong buồng khách tranh tối tranh sáng. Bỗng anh Quý ngậm ngừng, rồi cười và bảo:

- Này, anh ạ, cái "trống cà rùng" hồi ấy, tôi mới cho về ở đây.

Nói xong, anh lại cười, bằng cái cười chữa thẹn. Mà tôi thì sực nhớ ra.

Nguyên từ ngày Quý đổi về Bắc Ninh, anh không đem vợ đi theo nữa. Anh thường phàn nàn ở bên quê lắm việc, mà cha mẹ thì già, nên vợ anh phải ở lại để trông nom cửa nhà và đồng áng.

Bởi vậy, nghề thế, được thả lỏng, anh đâm ra chơi bời. Và không hiểu tí toáy thế nào, mà cô đầu Huệ có mang với anh.

Hồi ấy, anh có cho tôi biết. Và trong thư, anh gọi Huệ là "Trống cà rùng".

Cho nên vừa nghe ba tiếng "Trống cà rùng", tôi vội nói:

- Thế à? Đã đẻ rồi kia à?

Quý thấy tôi không tỏ ý gì, cười rõ to, vui vẻ đáp:

- Ô, đã hơn hai tháng nay.

- Con trai hay con gái?

- Con trai. Tôi mới cho mẹ con nó về đây hôm qua.

Rồi bùi ngùi, anh tiếp:

- Bởi vì dưới ấy, nhà ở thiếu vệ sinh, mình trông thấy đứa bé mà không yên tâm chút nào. Gia dĩ, con mẹ chủ nó cứ dọa đuổi.

- Phải, làm cô đầu lại có con, thì ai người ta nuôi báo cô.

- Không phải thế. Từ ngày nó có mang, tôi vẫn phải cấp tiền. Nhưng mình thì tốn kém mà nó phải chịu rúc trong cái chái nhà ẩm thấp, tối tăm, cửa giả chả có. Nhất là từ ngày nó đẻ, tôi càng không đang tâm cho thằng bé con ở đấy.

- Thế chị ấy đã biết tin này chưa?

Quý thờ dài:

- Chưa. Nhưng tôi giấu sao nổi. Nhà tôi chẳng bằng lòng cũng chẳng được.

Nói đoạn, anh đứng dậy, rủ tôi:

- Anh vào mà xem mặt thằng bé. Nó giống tôi lắm.

Tôi theo Quý. Đến buồng ngủ, tôi nhìn vào trong giường, nhưng Quý cười, bảo:

- Huệ nó len lét, cả ngày chẳng dám lên nhà trên.

Qua sân xong, chúng tôi cúi đầu cho khỏi đụng mái bếp. Đứng trong nhà mà ngọn lửa lập lòe của mấy thanh củi cháy lom dom không đủ làm cho đỡ tối, tôi bị khói làm cay cả mắt, và rất khó thở.

Tôi dừng lại để nhận kỹ. Cạnh lò, người bếp đương thổi cơm, và tận góc phản ngả mâm, một người quần áo thâm đen ngòm, ngồi bế con. Quý đến gần, đánh diêm soi vào mặt thằng bé đang ngủ say. Tôi nhìn nó, nhân tiện liếc trộm vào mặt Huệ. Người đàn bà thấy có khách lạ, lại bị ánh sáng chiếu gần, thì bẽn lẽn, cúi gằm xuống, và cũng không dám nhếch mép để chào nữa. Vì chắc người ấy không rõ tôi là bạn hay họ với Quý, và biết chào là gì.

Không muốn đứng đó để Huệ thẹn lâu, tôi quay gót đi lên. Và bảo Quý:

- Trong bếp khói quá, thở rất độc. Anh nên cho thằng cháu lên nhà trên.

Quý chán nản đáp:

- Mặc kệ, bảo mãi chẳng nghe. Biết thế, tôi không cho về đây lại xong. Vì về đây, mà cứ cả ngày chúi xuống bếp, thì cũng thế.

Tôi nói nhỏ:

- Thì buổi đầu về nhà lạ, ai chả ngỡ ngàng?

- Anh bảo ngỡ ngàng với ai? Cả nhà chỉ có tôi với thằng Hương, với thằng bếp, còn thẹn thò quái gì nữa?

Viết đến đây, tôi cần ngoặc dấu chua nghĩa để nói rõ rằng thằng Hương là con trai anh Quý, đã lên năm, và người làm bếp là cháu họ xa của anh, theo anh gần mười năm nay để giúp việc thổi nấu. Anh rất tin cậy hẳn, vì hẳn thật thà có một. Nội tiền nong, và thìa khóa hòm, tủ, anh vẫn giao cho hẳn giữ. Anh coi hẳn như cánh tay phải, như người nội tướng đảm đang vậy.

Tôi hỏi:

- Thằng Hương đối với Huệ ra làm sao?

- Nó bé, đã biết quái gì.

- Thế Huệ đối với nó?

Quý tự đắc đáp:

- Huệ sợ cả từ thằng bếp sợ đi!

Vừa lúc ấy, người bếp dọn cơm lên bàn, Quý cười, chỉ vào hẳn và nói:

- Chẳng tin, anh cứ hỏi nó mà xem.

Người bếp vui sướng, khoe:

- Thật đấy, thưa cậu. Cô ấy vâng cả với con. Con bảo mãi mà cô ấy vẫn cứ quen mồm. Cô ấy chả dám nhờ con làm việc gì cả. Lắm lúc con rỗi, thấy cô ấy vừa bế em vừa đun nước pha sữa, con tranh làm hộ, nhưng cô ấy nhất định không nghe. Bất đắc dĩ, muốn bảo con làm việc gì, thì cô ấy đến tận nơi, khẽ nói: "Anh làm phúc chịu râu hộ tôi việc này, việc nọ". Ăn cơm, cô ấy cũng mời con một cách lễ phép.

Tôi cười nói đùa:

- Phải, bởi vì anh là một nhân vật quan trọng trong nhà này.

Bữa ăn ấy, Huệ không dám ngồi với chúng tôi. Người đàn bà địa vị kém cõi ấy không rời ra khỏi xó bếp. Vì chắc chị ta tự xét chỉ xứng đáng với nơi thấp hèn ấy mà thôi.

+

++

Cách đó hai tháng, một hôm tôi có việc phải qua Bắc Ninh. Nhân tiện, tôi vào thăm anh Quý.

Nhưng lúc ấy, cả Quý lẫn Huệ và người bếp cùng không có nhà. Tôi hỏi thằng Hương về em bé nó, thì nói nói:

- Vú em bế sang chơi nhà bên cạnh.

Tôi chờ trong chốc lát. Bỗng có chiếc xe đỗ phịch trước cửa. Một người đàn bà mở ví tay lấy tiền trả xong, thoăn thoắt mở cửa bước vào. Tôi biết ngay là Huệ, vì còn nhớ mặt, dù lần trước mới thoáng trông trong bóng tối.

Huệ hôm nay không phải là Huệ hai tháng về trước. Huệ hôm nay hoàn toàn là một thiếu phụ tân thời, vợ ông phán trẻ.

Chị ta thấy tôi, cúi đầu xuống chào, và nói một cách bạo dạn:

- Bác mới sang chơi? Nhà em cũng sắp về.

Đoạn Huệ vào buồng ngủ. Tôi để ý, thấy tiếng loảng xoảng chùm chìa khóa, và tiếng cánh cửa tủ kẹt mở và đóng đánh sinh. Đoạn Huệ gọi bằng tiếng lạnh lạnh:

- Vú em ơi!

Không thấy ai đáp, chị ta gọi:

- Hương! Vú em đâu?

- Thưa dì, vú ấy ở bên bà đốc ạ.

- Gọi vú ấy về đun nước bác xoi chứ? Con nhà, chẳng biết gì cả?

Rồi Huệ vui vẻ chạy ra nói với tôi:

- Thưa bác, chúng nó đoảng quá. Bác miễn trách cho. Cả thằng bếp nữa, đi tám năm trông canh chưa về!

Hôm ấy, thật tôi rất ngạc nhiên về sự thay đổi từ cử chỉ cho đến cách ăn nói của Huệ. Tôi không thấy tăm bóng người đàn bà sợ sệt, len lét ngồi dưới bếp nữa. Tôi chỉ thấy một người hóm hỉnh, cố khoe tài nội trợ. Người ấy mắng vú em không coi nhà, sai đây đó quạt than để là quần áo, và xuống bếp làm giúp đồ ăn. Rồi khi người bếp bung com ra buồng khách, thấy tôi, anh ta ngó cổ vào trong nhà. Khi yên trí rằng không có ai, anh ta mới đứng cạnh tôi, thờ dài, bĩu môi, thì thào than thở:

- Động có khách lạ đến, là làm ra dáng chăm chỉ lắm. Còn lúc không, cả ngày chỉ nằm ăn vạ trên giường để nhổ vật. Đến nỗi con cũng không nuôi nổi, phải thuê vú em. Ấy thế mà còn đòi các, lắm lúc mắng vú em như tát nước vào mặt. Thưa cậu, cậu con bây giờ ăn ở khác lắm, không được như trước nữa. Cậu con cả nghe cô ấy lắm, nhiều lần mắng cả anh Hương lẫn con. Ngày trước, nói đến cô ấy, cậu con vẫn gọi là nó, và dặn con nên trông nom cửa nhà cẩn thận, kéo cậu con không tin cô ấy đâu. Thế mà bây giờ đã giao chìa khóa tủ cho rồi. Con tính nay mai cậu con đưa nốt lương tháng cho cô ấy chi tiêu nữa, là cửa nhà tan nát.

- Thế mợ phán đã biết cậu có vợ lẽ chưa?

- Cũng đã có người nói đến tai. Mà từ lúc cô ấy hỏi dò, biết mợ con hiền lành, thì lại càng giở ra nhiều cái nục cười. Cô ấy làm nũng cậu con, có ý giữ cậu con, chẳng muốn cho đi lại chơi bời với ai. Thịnh thoảng, đối với con, cô ấy cũng không coi vào đâu. Tưởng chừng như cô ấy muốn coi con như hạng đây đó khác. Từ ngày cô ấy về, cậu con không tin cậu con như trước nữa. Mà con làm việc gì, có cô ấy xen vào, con thấy khó chịu lắm. Hình như cô ấy tước cả cái tự do của con vậy.

- Cô ấy thay đổi chóng lắm nhỉ.

- Vâng. Trước kia ai chẳng tưởng cô ấy chỉ cả ngày loanh quanh dưới bếp, sợ hãi từ con trở đi. Chứ có ngờ đâu. Nhưng độ một tuần, cô ấy đã mon men hay lên nhà trên. Rồi đi đứng, nói năng quen đi, không ngượng nghịu nữa. Và đã mấy lần có bạn đến, cô ấy tiếp, nhưng chỉ thì thào với nhau trong buồng trong. Cô ấy có dám lộ mặt ra đến phố đâu. Mà động thấy có ai lạ vào nhà, là thụt cho mau xuống bếp. Nhưng dần dần, độ ngoài một tháng, thì khi

vắng cậu con, cô ấy đã mời khách ngồi ở xa lông, nói năng, cười đùa râm râm. Song cô ấy sợ con mách, nên nói lớt, ngọt ngào lắm. Bây giờ thì bà ấy công nhiên mời khách ngồi ghé bành thả cửa, dù cậu con có nhà cũng vậy. Và thỉnh thoảng lại sĩ diện, quai mồm ra gọi "Bếp ơi!". Con hầu cậu con, chứ con việc gì phải làm đầy tớ đồ dĩ ấy. Con chẳng ra gì cũng là cháu cậu con. Con gọi cô ấy là cô đã là quá đáng. Vì con sợ cậu con mà nhận cô ấy là vợ lẽ, chứ bất quá cô ấy chỉ ngang hàng với con là cùng!

Bữa cơm hôm ấy, Huệ cùng ngồi ăn với chúng tôi. Nàng cứ chỉ lễ phép, không dám nói chuyện, chỉ thỉnh thoảng sẵn sóc cơm nước, sai bảo người bếp một cách ngọt ngào mà thôi.

+

++

Nhưng hôm nay thì không thế nữa.

Hôm nay, vì anh Quý viết giấy mời tôi về Bắc Ninh để anh hỏi ý kiến về chuyện gia đình, nên tôi đến thăm anh.

Anh nhờ tôi nuôi thằng Hương để dạy dỗ nó, nói thác rằng nó mến tôi, chỉ đòi được ở với tôi. Nhưng tôi biết thừa là thằng bé khốn nạn đã nhiều lần bị vợ lẽ của cha đánh đập tàn nhẫn.

Khi tôi hỏi sao người bếp không ở với anh nữa, thì Quý còn tức giận, đáp:

- Anh tính, bạc ác đến nó là cùng. Nó đi theo tôi từng ấy năm. Trước kia tôi giao cả tiền nong cho nó, mà có một lần, nó nỡ ăn cắp của tôi.

- Anh bắt được?

- Bà cụ nhà tôi, à, bà để ra Huệ ấy mà, rình bắt được. Chứ tôi tin nó quá, nên không ngờ.

Lúc ấy, Huệ ở nhà trong, chạy ra, nói xen vào:

- Vâng, nó lấy của nhà tôi hai chục, giấu trong hòm. Thì ra trước kia, giá nhà tôi có bị nó rút ruột rút gan bao nhiêu cũng không biết.

Quý nhìn vợ, cười nhạt, rồi nói với tôi:

- Cho nên tôi phải giao tiền nong cho nhà tôi giữ. Minh thì bận, còn có lúc nào để mắt đến hết mọi việc được.

Huệ nói:

- Rồi, thưa bác, muốn chừng biết từ nay không thể xơ múi gì nữa, nó mới chán cảnh, và cứ sinh sự với tôi. Ấy, đi ăn đi ở mà cứ hỗn với chủ nhà, thì bác tính còn trời đất nào nữa. Tôi mới bảo nhà tôi đánh cho một trận và tống đi.

Thấy Huệ nói giọng lên bộ quá, tôi hiểu tất cả ẩn tình. Đây tứ trung thành bị đui, con rút ruột phải xa lìa, không rõ Quý có hiểu hiện gia đình anh đang bị một cuộc ngoại xâm ghê gớm hay không? Nhưng vẫn không thấy tình thế nghiêm trọng, anh còn khoe thêm rất tự đắc:

- Bây giờ tôi nuôi thằng bé này, cũng như thằng bếp trước, vì nó là người làng nhà tôi đây. Nó ngoan lắm.

Tôi cười nhạt, không trả lời.

Tôi muốn nói cho Quý rõ về thực trạng gia đình anh. Muốn chừng Huệ hiểu ý. Cho nên, khi ăn cơm xong, như mọi lần, tôi rủ Quý đi chơi phố. Song, thoáng thấy Huệ đưa mắt cho chồng, thì Quý ra ý ngần ngại, khó chịu. Nhưng đồng thời, người thiếu phụ kêu khó ở, vào buồng nằm.

Quý theo Huệ vào một lát, rồi lúc ra, anh cố tươi cười để lấy lòng tôi, và nói:

- Nhà tôi nó mệt, anh cho đến khi khác.

+

++

Tôi biết Quý không còn khi nào để có thể đi chơi với tôi. Vì cả đến cái tự do của anh cũng bị cô vợ lẽ chiếm nốt. Hẳn từ nay, tự nhiên hoàn toàn anh bị tước quyền làm chủ nhân ông.

Thì ra ở đời, mỗi khi nước nọ xâm chiếm nước kia, cuộc chinh phục về mặt kinh tế, về mặt chính trị, cũng đi dần dần từng bước nguy hiểm như vậy.

Tôi đã thấy bao nhiêu ca thế rồi.

PTBNS số 48; 1-12-1939

Oản tà roằn

- Anh Phong, thế anh định bỏ chết tôi à? Không trách người ta bảo đàn ông bạc tình, có oan tí nào đâu! Tôi vì nghe anh dỗ ngon dỗ ngọt, nào những là lấy nhau, nào những là ăn đời ở kiếp cùng nhau... Từ đó đến nay, tôi dốc một lòng chờ đợi, ai đến dạm hỏi, tôi cũng kiếm có thoái thác. Vì tôi đã trót hứa cùng anh. Ấy thế mà anh quyết tình giở mặt. Hẳn anh cũng biết tôi chỉ là quá đại dốt mà nghe anh, nên mới mang vạ vào mình. Anh nghĩ sao cho vuông tròn thì nghĩ...

- Cái bụng Nguyệt vài tháng nữa thì tròn bằng cái thúng, Nguyệt còn phải cần gì đến tôi nghĩ nữa!

- Tôi không nói đùa! Nếu anh không làm hại tôi, thì làm gì tôi không lấy được người chồng tử tế.

Lúc bấy giờ, ở bờ hồ Hoàn Kiếm, mảnh trăng ngọn gió như khơi động tâm tình gió trăng. Nguyệt và Phong lững thững bước vào cầu Thê Húc.

Hai vẻ mặt cùng lo, nhưng hai cái lo khác nhau. Nàng vì quá nhẹ dạ, nên phải nặng lòng, cái khối lo nó đang nằm co ở trong bụng. Chàng lo vì vô tình định thỏa bụng muốn, bây giờ phải cố tình đẩy cái không muốn ra.

- Thế có chắc Nguyệt chữa với tôi không?

- Nay, năm nay tôi mới mười tám tuổi đầu, sao anh đã đổ bậy, đổ bạ cho tôi cái tiếng khỉ gió ấy! Anh hỏi tôi chữa với ai à? Rồi nó giống ai, nó máu mủ ai, thì anh biết. Tôi con nhà trâm anh, anh cũng con nhà thế phiệt, vì một lời giao ước, nên tôi mới quá chiều anh. Tuy tôi chưa là vợ anh, nhưng cũng như là vợ, nên tôi dốc một lòng chung thủy, thì chữ trinh tôi giữ nguyên cho anh. Nếu bây giờ tôi loan chung phượng chạ thì đây này, tôi sẽ chết như thế này này!

- Đừng thề độc, lỡ chết thật thì oan!

- À anh nhiếc tôi mãi. Thôi, đồ bạc tình! Anh buông tôi ra!...

- Nay, cầm lấy cái này.

- Cái gì đấy?

- Lọ thuốc thôi thai, Nguyệt uống nó vào, cho cái thai ra, thế là mất tích.

- Eo ơi! Anh nói mà tôi ghê cả mình! Nếu anh cố tình giết cả hai mẹ con tôi, thì đây này, tôi liều chết ngay trước mặt anh, cho anh trông thấy. Anh buông tôi ra. Trời ơi! Ngờ đâu hồ Hoàn Kiếm này chỉ là mồ hồng nhan!

Nàng giật tay ra, chạy lại mé đầu cầu. Phong vội chạy theo, níu vạt áo lại:

- Ấy chết! Chớ chớ! Tôi thử Nguyệt đây mà!

- ...!

- Này em ơi!

Nguyệt gục đầu, ôm mặt, hu hu khóc...

- Nguyệt ơi! Em chớ lo, anh vẫn biết Nguyệt là người chung tình với anh, Nguyệt không phải phiền lòng. Cái thai trong bụng Nguyệt là con anh, là con Nguyệt, Nguyệt cứ yên tâm. Anh thề rằng sẽ chu toàn danh tiết cho Nguyệt. Đến ngày khai hoa, anh sẽ đưa Nguyệt sang nhà hộ sinh tỉnh Bắc Ninh. Sau khi mẹ tròn con vuông, anh sẽ tính cuộc trăm năm với Nguyệt.

- Này đừng nỏ mồm!

- Em đừng mắng anh mà oan! Thôi, em cứ đi về...

- Tôi không về đâu cả. Sóng gửi thác về, mà tôi đây rồi!

- Anh van Nguyệt, nếu anh không giữ được lời hứa, xin nguyện trời tru đất diệt! Em cứ về, cứ yên lòng...

Nàng lau mắt, khẽ giọng đứng dậy, gọi xe về nhà.

Phong vừa đi vừa nghĩ:

"Ừ, suýt nữa mình gieo cái vạ tầy đình, giết cả hai nhân mạng. Giá một mình con Nguyệt nó tự tử, thì mặc quách nó, nhưng lại đèo cả đứa con ta ở trong bụng nó!... ừ, tính tháng, tính ngày, quả nó có mang với ta... Vậy đợi lúc nó đẻ, ta lấy con về nuôi, còn việc trăm năm với nó thế nào ta không nên nghĩ trước".

+

+ +

- Chết chữa! Thế mợ định uống thuốc thôi thai thật đấy à?

- Cậu tính tôi mới có mười tám tuổi đầu, chồng con chưa có, mà chữa hoang, thì còn xấu gì bằng!

- Chà, việc gì mà xấu, sự xấu tốt đối với phong trào dư luận xã hội như làn khói trước ngọn gió to, chỉ đánh loáng là không ai trông thấy nữa. Thế thì dư luận có gì là đáng sợ? Vả lại tôi hiếm hoi, lấy nhà tôi ngót hai mươi năm giờ, con cái chưa có, thì mợ cứ yên lòng, sau khi ở nhà hộ sinh ra, tôi sẽ thu xếp để mợ với tôi ăn đời ở kiếp.

- Tôi cảm ơn cậu! Cậu hơn tôi bốn chục tuổi đầu, tôi mà lấy cậu thì người ta cho là bố lấy con. Vả vợ cả cậu như con sư tử cái, lẽ nào lại để yên cho cậu thương tôi. Cậu cứ mặc tôi, để tôi tự xử, cậu không cần nghĩ đến. Bao nhiêu việc, tôi đã định sẵn, tôi đành uống thuốc để giữ cho vuông tròn tiếng tăm. Vả tôi là con nhà thi lễ, môn môn đào tơ, làm gì không lấy được chồng ông họ ông kia, can chi vội vàng mà vợ quàng vợ xiên vội.

- Mợ nói thế, tôi đau lòng quá. Mợ phải hiểu cho rằng cái thai trong bụng mợ là đứa con sau này của đôi ta.

- Nếu cậu có thương con cậu, thì mai, tôi xin gửi lại giao trả cậu.

- Chết nổi! Tôi xin mợ.

Luồng nước cuộn cuộn dưới sông, hàng cột ù ù trước gió, dây sắt cầu như dăng mắc mỗi tơ tình. Trên cầu sông Cái, Nguyệt đứng thừ ra, tựa tay vào lan can, mặt nhìn làn sóng lênh bênh trước mặt. Bắc vênh bộ râu ghi đông, nét mặt ra dáng van lơn lo lắng.

- Nào tôi có phải ăn ở bạc tình với mợ đâu mà mợ nữ dứt lia thế?

- Tôi cũng biết vì tôi đối với cậu chung tình, nên cậu đối với tôi trung hậu, nhưng tôi không thể nào đeo mo mà sống ở đời được.

- Sao mợ lại bảo là đeo mo? Vẫn biết rằng đàn bà quý giá ở chữ trinh, nhưng mợ có phải là gái thất trinh đâu? Vì mợ quá yêu tôi, quá chiều tôi, nên đến nay đeo đẳng khôi tình cùng tôi. Vậy rồi sau, tôi nuôi con, lại cưới mợ về làm vợ. Làm người vợ, cần giữ chữ trinh với chồng. Mợ chung tình với tôi từ trước đến nay, thì đối với riêng tôi, mợ vẫn chu toàn được chữ trinh. Vậy có

làm sao mà phải nghĩ? Nếu tôi bạc tình cùng mợ, toan bỏ lửng mợ, thì mợ mới đáng hờn duyên tui phận chứ!

- Thôi tôi xin cậu, tôi nào dám tin cái mồm mép đàn ông!

- Nếu tôi ăn ở như kẻ khác, xin thề rằng ngọn đèn điện này tắt, tôi cũng chết.

- Thề! Thề cá trê chui ống! Cậu buông tôi ra, tôi xin gửi thân tôi cho Hà bá dưới sông này.

- Mợ định tự tử? Nếu mợ chết, tôi xin chết theo ngay.

- Khổ lắm, cậu kê xác tôi! Tôi không tin ai ở đời này nữa! Những cái mặt nhăn nhui tron tru, nhưng toàn là bụng ba que xỏ lá cả. Tôi vì đại đột mới nên nông nổi này.

Một cái ô tô sinh sịch qua, chiếu hắt ánh sáng vào mặt Bắc, trông rõ cái nét nhăn nhó, cặp mắt gấp gáy.

- Mợ ơi, mợ yên lòng. Mợ nên hiểu tôi, đừng phụ bụng tôi, bởi tôi biết bụng mợ lắm. Vả dĩ, bấy lâu tôi khao khát chút con để sau này nó chống gậy cho tôi, nối dõi tông đường cho nhà tôi. Nếu nay mợ quyết tình giết cả mợ lẫn con, tôi sẽ phải âu sầu ân hận suốt đời.

Nguyệt bung mặt khóc, Bắc lấy vạt áo chùi nước mắt hộ và dỗ:

- Mợ ơi! Tôi đã theo lời mợ là đến ngày mợ đẻ, thì sang nhà hộ sinh tỉnh Bắc Ninh mà nằm cho êm tiếng. Bây giờ, chỉ cần mợ giữ cái bụng cho kín đáo. Mợ đẻ xong, tôi nuôi lấy con.

- Thế rồi cậu bỏ tôi bơ vơ?

Bắc nhăn mặt, giậm chân:

- Khôn nạn, cho tôi nói hết câu đã. Tôi lạy mợ! Tôi tính việc xin cưới mợ sau.

Nguyệt thở dài.

- Mợ đã bằng lòng như thế chưa?

Nguyệt đưa tay lên miệng, cắn móng tay út, không trả lời, ra dáng nghĩ ngợi.

- Mợ ừ đi, mợ đừng uống thuốc thôi thai nữa, phải tội đấy!

-

- Mợ cứ yên bụng cho tôi được yên lòng. Mợ ừ đi!

- Ừ!

Hai người lững thững đi, gặp hai cái xe, liền thuê về nhà. Lúc sắp ly biệt, Bắc còn dặn với một câu:

- Mợ yên dạ, cho tôi yên lòng nhé!

- Ừ!

+

++

- Bà đẻ con so hay con rạ?

- Thưa bà, con so.

- Bà nên nói thực, thì tôi mới liệu được. Tôi xem bụng bà, hình như đẻ con rạ thì phải hơn.

- Thưa bà, thực tôi đẻ con so.

Đó là lời bà đỡ nhà hộ sinh cùng nói chuyện với Nguyệt. Bà đỡ ngờ quá, hỏi vặn:

- Mọi khi những người đẻ con so thì da bụng cứng và có gân vằn đỏ. Người đẻ con rạ thì da bụng mềm, mà có gân vằn trắng. Nay tôi xem bụng bà, quả là bà đẻ con rạ. Phép nhà thương không nên nói dối, lỡ ra nguy đến tính mệnh, chứ chả chơi đâu.

- Thưa bà, xin bà kín cho, tôi đẻ con rạ!

- Vâng, bà nên nói thực thế mới phải. à, ông nhà ta tên là gì? ở đâu?

- Thưa, cậu cháu tên là Nguyễn Văn Tình, đã mất năm ngoái, sau khi tôi có mang được vài tháng.

- Tội nghiệp! Thế ông mất, bà có mang được mấy tháng?

Nguyệt luống cuống nói chữa:

- À, thưa bà, cậu cháu mất năm nay ạ. Mới mất tháng tư, mà tôi có mang từ tháng giêng.

- Bà cũng chỉ độ tối hôm nay thì trở dạ thôi. Bà cứ nằm nghỉ yên. Lần trước bà ở cũ, trai hay gái?

- Thưa bà, cháu gái.

- Nay cháu biết làm gì rồi?

- Thưa bà, tôi sinh cháu được vài hôm thì bỏ cháu.

- Thế bà đẻ dễ hay khó!

- Thưa bà, dễ ạ.

- Được, vậy bà cứ nghỉ yên để lấy sức.

+

++

... Ngày chủ nhật, sau khi Nguyệt đẻ, có mấy bọn người ở Hà nội sang, vào nhà thương thăm.

Bọn trước, hai công tử ăn mặc Tây, đúng một quần thụng đỏ, áo cộc xanh, ở trong gian Nguyệt nằm bước ra, bung miệng, rúc rích nhìn nhau cười, thì thào:

- Hú vía! Tao tưởng con Nguyệt nó chữa với tao, tao sợ quá!

- Tao chả ngờ nó chữa với mày, nhưng tao thấy mồm thằng bé giống mồm tao, tao đã giật mình. Nó ăn vạ tao, thì tao bỏ mẹ! May được cái nước da thằng bé nó minh oan cho tao.

Hai người vừa đi khỏi thì Phong đến. Phong ấy cửa lại gần Nguyệt, hỏi:

- Trai hay gái?

Nguyệt trả lời khẽ:

- Trai.

- Thế à? Mợ có mạnh không? Có ăn được không?

Nguyệt thừ mặt ra, không đáp.

- Mợ làm sao thế?

-

- Cho tôi bế con một tí.

- Không bế!

- Ái chà! Mợ cu làm bộ.

- ...

- Con ngủ à! Mặt giống cậu hay giống mợ?

-

- Công tử rúc mãi vào nách mợ! Ra đây cậu yêu tí.

- Yên!

Phong mở cái lót trùm đầu thẳng bé ra. Nguyệt nhắm nghiền mắt lại.

Khi nàng mở mắt, đã thấy Phong len lén cút từ bao giờ rồi.

Lúc bấy giờ, Bắc ôm một bọc to tướng đến nhà thương. Nhưng khi ở ngoài cửa kính, Bắc thấy có người đến thăm Nguyệt, thì ngờ là họ hàng, không dám vào vội. Chàng vừa đi bách bộ, vừa liếc mắt vào trong. Chàng đã hút hết điếu thuốc lá rồi, nhìn hết các nhà cửa, cây cối rồi, mà người họ vẫn chưa về. Một lúc thấy kẹt cửa, bụng chàng mừng lắm. Chàng nhìn theo hút người ấy, đến khi thấy rẽ hết phố, mới dám vào.

- Chào mợ! Trai hay gái?

- Trai.

Bắc lộ ra nét mừng rỡ, vui vẻ hỏi:

- À! Ai vừa vào đó?

- ...

- Mợ mệt à?

- Không!

- Mợ có ăn được cơm không? Có mạnh khỏe không?

Nguyệt thở dài, Bắc mở bọc, lấy ra nào rượu bò, nào sữa bò, nào vú cao su.

- Con có cứng cáp không? Mợ có nhiều sữa không?

- Yên cho tôi nằm nghỉ.

- Cho tôi bế con một tí, nó giống tôi hay giống mợ?

- Im cho nó nằm.

- Ồ hay! Mợ giận tôi đây à?

- Không!

- Bao giờ mợ định về?

- Không biết.

Nguyệt thở dài mãi, thằng bé con ở trong bọc, cựa cạy, tiếng nhoe nhoe.

- Dậy với cậu, con!

- Yên cho nó ngủ!

Thằng bé vẫn khóc. Cái lót trùm đầu nó xê ra ngoài. Bắc lật ra xem mặt con:

- Cậu đây, nín đi!

Nguyệt nhắm nghiền đôi mắt lại, vất tay lên trán để che mặt. Bắc nhìn kỹ cái tóc, cái mặt, cái mũi con... Rồi gỡ bọc ra ngắm cả người thằng bé... Ngắm xong, bọc cẩn thận trả lại, chàng từ từ lui ra, thở dài một cái rõ dài, nét mặt

thất vọng.

Té ra thằng bé con chàng mà nước da lại đen như cái cột nhà cháy! Vậy nó không phải con Rồng cháu Tiên. Nó là giống "Oăn tà rroăn" không biết chống gậy.

PTBNS số 13; 1-12-1937.

Phành phạch

Nghe thấy chiếc đồng hồ treo thong thả điểm mười tiếng, bà uể oải sờ trên đầu giường, ấn ngón tay cái vào núm quả lê bấm chuông, rồi lại uể oải đặt phịch cánh tay xuống. Trời oi bức làm cho người ta mệt nhọc, chán nản và lười biếng.

Mấy hôm nay, nhờ trời, dân Việt Nam ta không phải phàn nàn rằng nước ta kém nực. Gớm ghiếc! Nóng đầu lại có nóng thể! Suốt ngày, ánh nắng rọi xuống, làm cho đất trắng xóa, nẻ kẽ, lá cây gục lả như sắp chết khát. Thỉnh thoảng, trận gió Tây nổi lên, hất hơi lửa vào mặt. Buổi tối thì im gió, nên khí nóng cứ lẩn quất một nơi. Quạt đến rã cánh tay, chẳng qua chỉ đổi hơi bức chỗ này lấy hơi bức chỗ khác.

Bởi vậy, ai kia, chứ bà thì thấy khổ lắm. Bà bứt rứt, khó chịu, nhiều lúc muốn vứt phăng cả chân tay đi, tưởng chừng như thế thì đỡ vướng víu. Bà rửa mặt, lau mình cả ngày, mà da vẫn nóng hầm hập. Bà bới tóc ngồng lên tận đỉnh đầu, ngồi ngửa bụng ra, chống hai tay lại đằng sau mà thở. Nhiều lúc, ngó thấy trời xanh ngấn ngát, bà phịu cả đôi môi dày và ướt, cau có nói:

- Lạy bố, thế này thì đến chảy mỡ ra mắt!

Buổi tối, bà không thích đi đến những nơi thoáng khí để hóng mát. Phải vạ mà đánh phấn, mà bôi môi, mà đóng áo dài vào! Nực lắm và phiền lắm! Và trời này, chắc gì kiếm được một nơi có tí gió để đứng? Chi bằng nằm trong buồng, tắt đèn đi cho nó có vẻ dịu mát, mở tung hai cánh cửa chớp, rồi vịn quạt máy vù vù. Như thế, may bà còn chợp ngủ được tí nào chẳng. mấy hôm nay, bà lũng củng suốt đêm.

Vậy thì bà nằm đó. Nhưng thoát trông đó ai dám bảo là một người. Nếu người ta chưa nom rõ cái mặt phị, cái cổ rụt, cái thân nung núc, và bốn chân tay ngắn chùn chùn, thì phải bảo là một đồng hai ba cái chẵn bông cuộn lại với nhau, sắp đem cất đi. Thật thế, bà béo lắm, một cái béo rất hùng vĩ, ít ai có thể tưởng tượng được. Mùa hè, ai trông thấy bà mà không phát ngáy thì tôi không phải là người.

Bà bấm chuông để gọi con Đỏ con, vì đã mười giờ rồi.

Quả nhiên, con Đỏ con chưa dám ngủ. Nó thức để chờ bà gọi. Xong việc, nó mới được yên thân. Nó lừng lững lên, tay phe phẩy chiếc quạt giấy. Nó lên quạt hầu bà.

Bà cắt cho nó việc ấy, thật là bà đủ lòng nhân đạo đối với một con bé ở mười hai, mười ba tuổi đầu. Phải, còn gì nhẹ nhàng cho bằng việc ngồi yên một chỗ, cầm chiếc quạt khế đưa đi đưa lại. Bà đã vì thương người mà nuôi com không cho nó là tốt. Chứ ngữ ấy, com chẳng biết thổi, nước chẳng biết gánh, quần áo chẳng biết giặt, nếu chẳng xin ở công không để kiếm miếng ăn, tất chỉ có đi ăn mày. Con Đỏ con, cả ngày, chỉ có việc bế anh, rồi làm phụ dưới bếp. Rồi đến khi anh ngủ, có chuông bà gọi, thì lên quạt hầu bà. Bà có khiến nó làm việc gì nặng nhọc quá sức nó nữa đâu?

Con Đỏ con mới được bà nuôi ngót một tháng, nên nó vẫn còn gầy còm lắm.

Nó đến mé tường, rút cái núm truyền điện để tắt quạt đi. Nó thuộc chỗ và làm thạo lắm. Bà dạy nó và bắt nó thử đi thử lại hai ba lượt cho quen tay. Bà lại dạy nó rằng gió quạt điện chí độc, lờ ra ngủ quên ở trước quạt máy, có khi thành bán thân bất toại, chứ chẳng chơi đâu. Và bà cũng sợ để lâu thì hại quạt và tổn tiền điện.

Con Đỏ con cuộn dây quạt, đặt lên mặt bàn. Rồi nó khẽ nâng chiếc ghé đầu, đặt thật nhẹ xuống gạch, ngay bên giường bà nằm. Nó ngồi lên, và mở to chiếc quạt giấy, phẩy phành phạch vào phía bà.

Bà nằm sấp, chân co, chân duỗi, úp mặt xuống, nhắm mắt sẵn, thỉnh thoảng giục:

- Mạnh vào một tí.

Con Đỏ con ngồi thẳng lại như để lấy hết gân sức, để quạt phành phạch vào bà. Lung áo lụa của bà phồng lên như cánh bướm. Nhưng nó thì nực lắm.

Trong buồng im phăng phắc. Ánh đèn phổ lẳng lẳng chiếu qua hai chiếc cửa sổ có chấn song sắt. Người đi ngoài đường vẫn dần. Sự tĩnh mịch của đêm khuya ru người ta vào cõi mộng.

Dần dần, con Đỏ thấy mỏi tay và buồn ngủ. Nó tựa lưng vào tường và quạt yếu đi. Lúc ấy, bà cũng đã thiu thiu.

Nhưng bỗng bà giật mạnh chân và giẫy luôn mấy cái. Bà kêu:

- Trời, sao mà nóng khổ nóng sở thế này!

Con bé giật mình, sực tỉnh. Nó lấy hết gân sức để quạt phành phạch.

Bà xoay nằm ngửa, dang cả hai tay lẫn hai chân cho thoáng. Áo và quần bà phân phật, bay như sóng gợn.

Một lát, bà thở đều đều. Cánh tay con Đỏ con đưa đi đưa lại mỗi lúc một yếu. Nó gật giúi giúi. Mấy lần suýt ngã.

Bỗng đồng hồ nổi tiếng chuông. Trong lúc ngủ gà ngủ vịt, nó đếm một, hai ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một. Nó ngẩng đầu dậy, mở to mắt ra, nhìn bà. Nó thấy bụng bà phập phồng. Nó đôi tay để quạt cho mạnh. Nó nhìn cái tủ gương, ngọn đèn điện, chiếc quạt máy cho vui mắt, đỡ buồn ngủ.

Nhưng không buồn ngủ sao được? Ngồi luôn một chỗ và làm một việc trong lúc đêm khuya thanh vắng lại tối đèn, đó ai mà không chán, không mệt, không buồn ngủ? Bởi thế, con Đỏ con như thấy chiếc quạt và đôi mi mắt nặng trĩu. Nó phe phẩy chậm, chậm dần... Chậm dần. Rồi nó ngoẹo đầu, cánh tay lả xuống, không cử động nữa. Vậy mà nó vẫn mê thấy nó quạt luôn luôn.

Thấy tiếng bà gọi, nó choàng dậy, và phành phạch rõ mạnh. Mồ hôi nhễ nhại, đầm cả áo nó. Bà cựa. Bà nghiêng mình, quay mặt vào tường, nên thỉnh thoảng nó quạt trộm vào nó một cái.

Đồng hồ điểm mười hai tiếng. Con Đỏ con cựa mình, ngồi lại cho đỡ mỏi, rồi quạt phành phạch thật mạnh.

Nó mong mãi bà không cho nó đi ngủ.

Nhưng bà nực, bà không ngủ được. Bà chỉ chợp mắt được độ dăm phút là cùng. Vừa thấy ngọn quạt phẩy không đều tay, bà đã cựa, và giục:

- Mạnh lên, mày!

Con Đỏ con mỏi lắm rồi. Nó ê ẩm cả người. Nó cố mở mắt ra, mà hai mí cứ muốn cặp díu lấy nhau. Tay nó đôi tay kia, nhưng rút cục hai tay cùng rã rời. Nó cứ phải quạt mãi.

Nhưng rồi chẳng đủ sức để chống được giấc ngủ, nó gục đầu, đánh rơi tay, đánh rơi quạt. Nó ngủ...

Lúc ấy, đang được thiu thiu, bỗng bà thấy mồ hôi chảy ra, bà biết con ranh con đã ngủ. Bà ngóc dậy, quệt dòng nước dãi chảy ròn ròn xuống má, bà

nhìn vào tận mặt nó. Rồi đưa tay ra, bà giúi cho nó một cái thực mạnh. Rồi lại nằm xuống. Con bé bàng hoàng, mở mắt, luống cuống. Nó cúi nhặt quạt, vội vàng phẩy phành phạch vào mặt bà. Bà cởi một khuy áo ngực ra để hưởng lấy gió mát.

Tiếng gà xa xa gáy theo nhau. Rồi một lát, đồng hồ đánh một tiếng. Nó vẫn phải quạt. Chưa xong việc, nó chưa được nghỉ tay. Nhưng nó buồn ngủ lắm rồi. Bởi vậy, mỗi khi nó thấy sắp ngủ, nó phải cố sức tự đánh thức nó, và quạt rõ mạnh: Phành phạch! Phành phạch!

Giọng mệt nhọc, bà khen:

- Ủ, con này giỏi.

Rồi bà cựa mình, quay mặt lại nó. Bà duỗi cánh tay đến gần nó, để mỗi khi thấy nó uể oải, thì đập vào nó một cái.

Hình như khí trời đã bắt đầu dịu.

Nó quạt luôn luôn trong độ mười lăm phút thật mạnh và thật đều tay.

Bà mát, dễ chịu lắm. Nó mệt, khó chịu lắm. Bà mơ mơ màng màng. Lần này có lẽ bà ngủ được yên. Nó cũng mơ mơ màng màng. Lần này nó không thể thức hơn được nữa. Quả nhiên bà ngáy hơi to. Nó không biết bà ngủ, song, tự nhiên tay nó đưa thong thả dần, rồi như chiếc đồng hồ hết dây, tay nó không phe phẩy nữa.

Bà ngủ say, quên cả nức, đánh một giấc đến sáng.

Nó cũng thiếp đi... Đầu gục, hai cánh tay dờ ra, nó ngủ ngời trên ghế cho đến khi ánh nắng gay gắt bắt đầu rọi vào buồng.

PTBNS số 48; 1-12-1939

Răng con chó của nhà Tư sản

Lúc ấy, độ sáu giờ chiều. Một cái ô tô đằng xa chạy lại. Ánh sáng hai ngọn đèn pha chiếu tóe đến chân trời. Xe qua cầu, đến trước cái nhà Tây có giậu sắt thì còi bóp ran như ếch kêu và dừng lại. Khi ô tô chưa đỗ hẳn, thì đã thấy con chó nhảy vọt từ trên xuống đất, ngoe nguẩy đuôi vừa sủa, vừa chồm lên hai người đang bước xuống. Hai người đó, một người là chủ nhà này, còn một người là khách.

Đèn xe tắt. Cửa xe đóng. Chủ khách bước vào nhà. Họ đều Âu phục, mặc lối đi sẵn, trên đôi ghệt còn bê bết những bùn, vai đeo súng, tay xách xâu chim nặng trĩu. Con chó chạy trước, vừa chạy vừa quay cổ lại, vừa vẫy đuôi, vừa ăng.

Chủ mời khách vào xa lông. Buồng này bày biện đúng kiểu tân thời, toàn đồ bằng gỗ lát đánh bóng nhoáng. Tường nhà quét vôi xanh, gạch chỉ xanh, lại được ngọn đèn măng sông ánh sáng cũng xanh xanh. Cứ trông buồng khách, cũng đủ đoán tất ông chủ nhà này là một nhà giàu, ăn chơi lịch thiệp.

Bà chủ vừa trang điểm xong, ra ngồi đó để tiếp khách. Trên chiếc ghế thứ tư, con chó nhảy tót lên, ngồi chồm chồm, thè lưỡi, nhìn hết người nọ đến người kia

Người đời ai được phú quý cũng hay khoe của. Cho nên, dù khôn ngoan khéo léo hơn người, ông chủ nhà này cũng mắc phải cái bệnh ấy. Nay cái dinh cơ này, cái ô tô này, cái bộ buồng khách, buồng ăn này, đối với ông, đã là cũ rồi, khoe lắm cũng chán miệng, cho nên ông nói đến cái mới. Cái mới đây, là con chó Lu.

- Ấy, chính nó là giống Bleu d' Auvergne đấy, bác ạ. Tôi mua nó mất ba trăm bảy mươi đồng. Cái người Tây bán nó cho tôi, vì nể tôi lắm, mới để rẻ thế. Cứ kể ra thì những hơn bốn trăm kia! Cũng có con đẹp hơn thế này, những hơn năm trăm. Nhưng kể ra An Nam mà đã dám bỏ ra ngót bốn trăm bạc để mua chó, thì đã là ngông lắm rồi! Vả lại, người mình mấy ai chơi chó sành, cho nên mua con nhiều tiền quá cũng phí mất. Nay, bác ngắm kỹ nó mà xem. Giống chó này tai to, mũi lúc nào cũng ướt ướt, chân cao và to, lốm đốm. Ấy, không biết nhận xét thì làm với giống khác đấy. Con này, tôi chỉ yêu về cái đầu vuông như chữ điền, này, nét ngang đây nhé nét sổ đây nhé,, thần tình không? Con nào được cái bụng thon, mõm ngắn, nhất là hai lườn phình ra như lườn dê thế này, là khỏe và nhanh lắm đấy. Hẳn ban nãy, bác đã thấy cái dáng nó oai vệ là ngần nào rồi đấy nhỉ. Có phải bao giờ nó cũng đi

trước tôi mùi thước không? Cứ lấy thước mà đo, cũng chả sai mấy tí đâu. Lúc đi như thế, cái mắt nó đưa đưa cái mũi nó ngửi ngửi, trông đẹp đáo đẽ. Khi nào nó đánh hơi thấy chim nấp ở trong bụi, thì nó gục đầu xuống, khẽ ngồng ngồng cái đuôi. Thế là tôi biết hiệu. Lúc tôi lấp đạn xong, tôi "chutt!" một tiếng, thì nó chồm ngay vào con chim. Anh chim bay ra, "Pan!" thôi còn chạy đằng trời! Mươi lượt như thế cả mười, chẳng sai một lượt nào!

Lúc ấy, con Lu ngồi trên ghế, đối diện với chủ, chúm chúm cái mồm để nghe chuyện.

- Không những nó săn giỏi, mà giữ nhà, tìm đồ đánh mất cũng tài. Bây giờ bác thử đưa cái kính của bác cho nó ngửi hơi một lúc, rồi bác giấu vào trong vườn, tôi bảo nó tìm cho mà xem.

Được ông bạn cũng là người hâm mộ chó, cho nên thử biệt tài con Lu. Quả nhiên, chưa được năm phút, con Lu đã ngoạm cái kính, ngoe nguẩy đuôi, đưa trả khách.

ông chủ đắc chí, cười ha hả, vuốt ve, vỗ mãi má nó, rồi bế nó vào lòng, hôn lấy hôn để, vui thú như được cậu con hay chữ vậy!

- Tôi nuôi nó cẩn thận lắm. Tôi không cho nó ăn dưới đất bao giờ. Cho nên nó quen thói sạch sẽ và khôn ngoan lắm. Thế mới biết cái giống chó Tây nó cũng hơn cái giống chó An Nam mình thực. Chó An Nam thì lông đã xấu, lại hay ăn bần, đã ăn bần lại hay cắn càn. Lắm bận, nó lừ lừ ở đằng sau mình, rồi đóp trộm ngay một miếng vào quần, mới nan du chứ! Con này, hễ đã lên tiếng thì y như có kẻ gian vào nhà. Nó chồm hẳn lên mặt mà cắn, thằng trộm nào vô phúc vào nhà này thì hẳn là mất chỗ đội nón! Nhưng chỉ từ mười giờ đêm trở đi, nó mới sủa mà thôi

Lúc ấy, cơm bung lên, để trên bàn ăn. Chủ khách đang mời nhau lại ngồi, thì con chó đã nhảy tót lên bàn, chồm chồm ngồi trước chủ.

- Con Lu này được cái lễ phép lắm. Tôi dạy mãi mới được đấy. Đây, đĩa đồ ăn của nó đây nhé, cơm trộn với thịt, ngon lành thế này, nhưng tôi chưa cho ăn, thì đồ dám ăn. Ngay khuất mắt mình cũng vậy.

Ông chủ cầm đĩa đồ ăn của con chó, mang ra sân đằng trước. Khách và con vật đi theo sau

Con Lu vẫy đuôi, ra dáng mừng rỡ. Ông chủ để đĩa cơm ở giữa sân. Con Lu cúi cổ xuống ngửi. Nó sắp ăn, thì chủ nó mắng ngay bằng tiếng Tây:

- Tãng xông(1)

(1). *Liệu hôn.*

Thấy không được phụng dưỡng tử tế như mọi khi, con Lu từ từ lui ra.

- Ta không cần phải coi. Lúc ta ăn xong, mà đĩa này nó vẫn không dám đụng đến đâu. Thôi, mời bác vào xơi cơm.

Lúc bấy giờ, giá ông chủ có ý một tí, thì chắc đã thấy một vật gì đen đen, lù lù ở ngay ngoài cổng. Đó là một người ăn mày, ngồi bó giò ở đấy. Người ấy đội cái nón toạc tung cả cặp, đã đóng khóa, lại mặc cái áo rách cụt cả tay. Thành ra bốn chân tay khăng khiu, đen thui thui, dài ngoằng ngoẵng. Cái bị bẹp há hốc miệng, nằm chờ bên cạnh cái dạ dày lép kẹp.

Người ăn mày chờ đấy từ lâu. Thấy trong nhà lạch cạch tiếng đĩa bát, mùi đồ xào theo chiều gió đưa ra, hấn gào lên xin, mà cũng chẳng có ai nghe tiếng. Lúc hai người ra sân, hấn lạy van vã bọt mếp. Nhưng hai ông còn đương dờ bần chơi với chó, không ai để ý đến người

Người ăn mày biết thế, nên lại cố lấy sức để gào to. Nhưng cái tiếng hét hơi của hấn đập đến màng tai ông chủ, thì ông chủ trợn mắt, hằm hằm quát:

- Làm gì mà léo nhéo lên thế? Làm át cả câu chuyện của người ta! Bước ngay! Không ông đá cho một cái thì chết bây giờ!

Người khốn nạn im thin thít. Chủ khách bèn vào buồng ăn cơm.

Lúc ấy, hai con mắt người ăn xin chòng chọc nhìn vào đĩa cơm của con chó. Hấn thèm quá. Nước dãi chảy ròng ròng, không nuốt kịp. Muốn vào ăn trộm một miếng, nhưng chỉ sợ con chó cắn cho một miếng thì chết! Hấn thấy con chó cứ đứng gần đĩa cơm mà không ăn, thì không hiểu ra làm sao. Hấn tưởng con chó chê cơm nhạt, không thèm ăn, thì hấn muốn đánh đổi số phận hấn cho con chó nhà giàu!

Giá con chó biết tiếng người, hấn hấn đã lân la đến gần để đánh bạn, rồi kể lẻ nổi đói khát, có lẽ, chỗ anh em, con chó cũng động tâm mà lấy tình "nhân đạo" nhường cho hấn đĩa cơm ấy. Hay là vì hấn xù xù ngồi đó, cho nên con

chó phải đứng canh chãng? Hấn liền lẩn ra sau cái cột cổng để dòm vào. Một lúc, quả hấn thấy con chó lừ lừ ra nằm chỗ khuất bóng ở cạnh tường.

Được dịp may, người ăn mày đánh liều dò ra, tiến gần lại mấy bước. Nhưng con chó lập tức đứng dậy, cũng tiến gần lại mấy bước, vừa đi vừa gừ. Thằng người giương hai mắt nhìn con chó, con chó cũng giương hai mắt nhìn lại thằng người. Thành ra đĩa cơm ở giữa, người tiến thì chó cũng tiến, người lui thì chó cũng lui. Hai bên hằm hè nhau, người lờm chó, chó lờm người đều cùng giữ miếng nhau, như hai kẻ thù không đội trời chung vậy.

Cứ như thế, không bên nào chịu bên nào. Độ hơn mười phút, người ăn mày cùng thế, nghĩ ngay được một kế. Tay hấn vớ được hòn đá to tướng, thu thu đằng sau, chạy tọt lại đĩa cơm, rón một miếng rõ nhanh, đút tòm vào mồm.

Nhưng con chó nhanh hơn. Nó cũng chồm vọt lại, nhảy xô lên, há mồm, nhe răng ra cắn. Người ăn mày giơ thẳng cánh tay, nhằm giữa mồm con chó, ạch hòn đá một cái rõ mạnh. Con chó ẩng lên một tiếng, rồi nhanh như chớp, nó vọt được kẻ thù xuống đất, giơ hai chân ra cào mặt và móc mồm. Nhưng nó bị ngay một cái đám nữa vào đầu. Nó chịu buông thẳng người ra, nằm sóng soài, ẩng rằm lên.

Ông chủ đương ăn cơm, nghe tiếng chó kêu, vội bỏ cả bát đĩa, lẩn vợ, lẩn khách, ông cầm đèn hấp tấp chạy ra:

- Thôi chết rồi! Con Lu làm sao thế này! Ôi giờ ơi! Nó gãy hai cái răng rồi! Khổ tôi quá!

Thế rồi thét người nhà vẳng lên, ông bế con Lu vào. Còn mình thì chạy ra cổng xem ai đánh chó. Bỗng ông trông thấy ở đằng xa, có cái bóng đen đen, chạy nhanh tít, ông bèn bám đèn ô tô để chiếu theo, thì trông rõ người ăn mày ban nãy đương chạy.

- À, mày đánh gãy răng chó ông, ông chỉ kẹp cho mày chết tươi, rồi ông đèn mạng. Bất quá ba chục bạc là cùng!

Nói đoạn, ông tắt đèn pha, phóng xe hết sức nhanh để đuổi theo..

Viết 12-1929

(Đăng An Nam tạp chí số 23 - 1931

Với nhan đề: Răng con vật nhà tư bản).

Sáng, chị phu mỏ

Rửa xong bát đĩa, Sáng cầm đèn hoa kỳ vào buồng, đặt trên mặt hòm, rồi mở màn, bảo mẹ:

- Bu ở nhà, con đi đặng này một tý nhé.

Bà già như đã đoán được ý con, cựa mình nằm quay mặt ra ngoài, rên rĩ, nói:

- Thôi, con ạ, không thuốc thang gì nữa đâu. Đừng đi vay mượn, rồi lại mắc nợ. Bu đã qua cầu ấy, bu sợ lắm.

Sáng thở dài, sờ lên đầu mẹ, rồi nhăn nhó, nói:

- Thế này mà bu cứ không chịu uống thuốc. Bu sốt nặng hơn ban trưa đây mà.

- Tại bu đắp nhiều chăn đấy. Cứ để vậy, rồi khỏi. Bu không muốn để nợ cho con đâu

- Bu đừng tiếc tiền. Hôm kia, hôm kia, bu uống luôn hai chén, nên đã gần khỏi. Giá bu cứ để con đi xoay xỏa, lấy tiền cần hai chén nữa, thì chắc hôm nay cất con rồi

Mẹ Sáng cảm động, lắc đầu, nắm lấy tay con:

- Bu thấy tình cảnh nhà thế này, bu chả muốn thuốc thang tí nào cả. Uống chén nào vào mồm, đeo nợ chén ấy, thì uống làm gì.

- Nợ thì rồi giả, chứ có ăn không uống không của ai mà bu ngại. Vả lại con giật tạm của các chị ấy, chứ có vay của ông cai Nhã đâu

- Mà nói dối. Bu lại không rõ tất cả các phu phen làm ở mỏ này hay sao. Ai thừa tiêu cho mà giật mượn được. Thầy mà ngày xưa làm ở đây hơn hai mươi năm, thật là ăn tiêu vắt cổ chày ra nước, thế mà lúc bị sập lò chết đi, còn để lại món nợ, giả mãi mới hết.

Sáng thở dài, đáp:

- Bu để yên con nói cho mà nghe. Có phải con hỏi mượn một người đâu, mà bu chắc rằng không có. Con vay mỗi chỗ một tí, cho nên dễ, bu ạ.

- Thế rồi lấy gì mà giả?

- Rồi kỳ lương này, con trang trải thế nào cũng xong. Bu cứ yên tâm.

Bà già lắc đầu, thương hại con, hỏn hên thờ:

- Tao bảo mày cứ không nghe. Vừa trưa hôm nay, tao thấy mày bàn nhau với chị Nhân là vay ông cai Nhã kia mà. Nợ ai, chứ nợ lão ấy thì khổ đấy, con ạ.

- Con biết rồi. Con đã bảo con không vay ông ấy đâu mà.

- Nhưng mà cũng không được vay đâu cả. Liệu mà nghỉ ngơi, rồi đi ngủ, sáng mai còn đi làm.

Rồi bà than thở một mình:

- Hai hôm nay, gạo đã phải đi vay rồi, bây giờ lại còn cắt thuốc cho mẹ. Nhục quá, nghèo ơi là nghèo!

Bỗng hai dòng lệ ứa ra, làm ngập đuôi mắt, rồi từ từ chảy xuống mang tai, bà nằm quay vào trong, thở những hơi dài thống thiết.

Sáng buồn rầu, nói:

- Bu cứ uống thử thêm hai chén nữa. Bởi vì, nếu tiếc tiền, rồi sốt nặng hơn, thì làm thế nào!

Mẹ Sáng đập tay gắt:

- Đấy, tao kê mày. Mày khó bảo quá!

- Được, bu cứ kê con.

Nói đoạn, Sáng thu dọn trong nhà, hạ các liếp cửa xuống, vặn nhỏ đèn lại, rồi lách ra đường.

+

++

Cũng giờ ấy, cai Nhã chờ cho các ký lục trên nhà giấy về hết, mới vào báo cho chủ Nhì biết tin mừng:

- Thưa ông, tối hôm nay, xơi cơm xong, ông có bận việc gì không?

- Không, anh muốn gì?

Nhã ghé gần lại, ti hí đôi mắt lơu, nói nhỏ:

- Cái con bé xưa nay ông vẫn ước ao, tối nay, tôi sẽ dắt vào cho ông.

ông chủ tươi cười, vuốt vãnh bộ râu ngược lên, rồi khoanh tay trên bàn, há hăm hỏi:

- Con bé nào thế nhỉ?

- Con bé tên là Sáng, vẫn ngồi bên cạnh bà già ở đầu phía tay trái nhà máy ấy mà. Chẳng có lần ông khen nó đẹp là gì.

ông chủ chột nghĩ ra, gật gật, đáp:

- Phải, tôi nhớ ra rồi, cái con bé có bộ ngực to bằng ngàn này ấy chứ gì?

Hai thầy trò nhìn nhau, cười híp mắt. Nhã nói:

- Chính đấy, tôi vẫn bảo nó là vì ông nhân từ, thương đến ngày xưa cha nó chết về công việc của sở, nên mới ban ơn cho nó vào làm.

- Thế rồi sao?

- Tôi xem ý nó, thì nó không như những đứa khác. Nghĩa là nó không nhí nhánh, dễ dãi đâu

- Thế bây giờ?

- Bây giờ là tôi làm ơn cho nó.

- Anh làm ơn cho nó?

- Phải, vì mẹ nó ốm.

- Sao?

- Để tôi nói hầu ông nghe Ban nãy nó tìm tôi, hỏi vay tôi mấy đồng bạc mua thuốc cho mẹ. Xin ông biết rằng lần này là lần đầu mà nó nhờ tôi về tiền nong.

- Thế nó phong lưu à?

- Không, ông tính làm phu đủ ăn là may lắm, chứ còn thừa thãi sao được. Giá nó không vì mẹ ốm, phải tiêu bất thường và vay loanh quanh bạn hữu không được, thì chưa khi nào nó chịu nói với tôi

- Đó là sự thực, hay nó tìm dịp đến gần anh?

- Tôi mong đó là nó nói dối, thì cách hành động của tôi mới có kết quả. Nhưng, thưa ông, mẹ nó ốm thực.

- Thế anh bảo nó thế nào?

- Tôi bảo nó là tôi không có sẵn, nhưng tôi có thể đưa nó đến mượn tiền ông. Nó sợ ông, không dám đi, nhưng tôi đã cắt nghĩa cho nó nghe rồi

ông chủ cười, khen:

- Tốt lắm.

- Phải, dịp tốt đến cho ông trong khi bà về Hà nội Tôi nay, tôi sẽ lên đây. Nhưng điều cần nhất, là ông nên xử trí cho khéo, kéo con bé ấy tai quái và liều lĩnh lắm.

- Không ngại

- Tôi nên dặn trước ông thế, vì con Sáng này không như những con trước tôi dắt đến cho ông đâu

- Được rồi Tôi cảm ơn anh.

+

++

Khoảng hơn tám giờ tối, Sáng lo lắng, theo cai Nhã đi trên con đường bò quanh sườn đồi, lên nhà chủ. Chị chẳng biết việc vay tiền chủ có kết quả gì không. Chị liều mà nghe lời Nhã, theo vào chủ để vay tiền. Chị chỉ mong mẹ chị có thuốc uống. Chị biết Nhã vẫn dắt gái đến cho chủ, thì rồi đây, thế nào chị cũng bị mang tiếng. Song, chị chỉ cốt lương tâm biết mà thôi.

Đến cổng, Nhã tặc lưỡi, nói:

- Nghề thế, chị nghe chưa, mình đi làm thì phải chiều ý chủ. Tôi thấy chị cứ khùng khỉnh với người trên, như thế không nên.

- Thì cụ bảo cháu làm thế nào?

- Ô, cái đó chị nghĩ thì ra chứ. Giá như chị năng đi lại với chủ, có phải lần này chị chả phải nhờ đến tôi mới vay được chủ hay không.

Sáng hiểu ý, không đáp. Chị nhìn xuống chân đôi, chỗ tối om, có những mái nhà tranh xám, là xóm thợ thuyền.

Tới thêm, Nhã bảo:

- Chị chờ đây, tôi vào nói trước đã.

Sáng đứng lại, thở mạnh một cái:

- Chào! Mệt! Giá cụ lên một mình nói hộ cháu cũng được, cháu đỡ phải leo dốc.

Sáng đứng một mình, ngắm cái nhà cao lồng lộng. Chị lạy trời cho chủ bằng lòng cho chị vay lương. Một lát, Nhã vui vẻ ra, vẫy Sáng:

- Được rồi Chủ bảo chị vào mà ký nhận lấy tiền.

Sáng mừng rỡ, trống ngực nổi mạnh:

- Thế cụ vào với cháu chứ?

- Không cần!

Sáng ngần ngại, rồi nói:

- Cụ chờ cháu ở đây nhé.

Cai Nhã tròn đôi mắt trắng dã, gất:

- Có mau lên không, bắt ông ấy chờ à?

+

++

Sáng vừa vào, ông chủ đã làm ngay như mọi bận. Ông đến cửa, vặn khóa, bỏ chìa vào túi, và nhăn nhó cười, ôm thốc lấy người con gái. Không nết tẻ gì cả. Bởi vì ông yên trí là hạng này chỉ là những vật cho ông tiêu khiển khi vắng vợ. Họ với ông cách nhau một trời một vực, thì nói chuyện làm gì cho mất thì giờ. Ông là chủ kia mà, cần gì phải tán tỉnh lôi thôi.

Nhưng lần này khác. Bỗng ông bị cưỡng kịch liệt.

Sáng quằn quại trong cánh tay ông, kêu to:

- Ô hay, ông này mới hay chứ! Tôi vay ông tiền mua thuốc cho bu tôi, sao ông lại làm thế này,

ông chủ không hiểu tiếng, nên mặc kệ. Hai bắp tay ông nổi lên, ông hết sức ghì chặt lấy Sáng, và ghé môi vào má chị. Sáng càng giãy giụa. Chị giận, mặt đỏ bừng bừng. Chị hết sức chống cự lại con quỷ dâm dục. Rồi biết mình yếu hơn, chị nắm được râu ông ta, rút mạnh, và kêu to hơn, rồi gầm lên:

- Ôi giờ ôi! Ông buông tôi ra!

Nhưng đầu tóc chị xô ra rũ rượi. Mà ông chủ vẫn nói những điều bằng giọng đồ dành. Người ông ta nóng ran, mồ hôi mướt ra. Và vì thế, hai cánh tay trơn như phết mỡ.

Sáng thở hồng hộc. Máu hăng chị sôi lên sùng sục. Chị quào mặt ông chủ, và luôn tuột được đầu ra ngoài. Song, nhanh như chớp, ông chủ lại vồ ngay được chị, làm chị ngã giúi xuống, bị cả sức nặng của cây thịt vạm vỡ nằm đè lên trên.

Biết thế nguy, Sáng hết sức lăn lộn một chập nữa. Chị đập chân, cựa tay:

- Ông buông tôi ra! Ông đều lắm! Tôi tự tử bây giờ!

Song, cuộc vật lộn càng hăng hái. Gần đạt đến đích, ông chủ không tha.

Độ năm phút sau, khi hết hơi sức, và biết rằng không thể cưỡng hơn được nữa, chị mới quyết liệt. Chị đã không khỏe để trừ dâm thần, thì chị đành hủy hoại thân chị để lánh nạn. Chị bèn giơ mười đầu ngón tay cấu mạnh vào cổ họng. Rồi nhăn nhó, chị nằm sóng soài, mệt lử.

Ông chủ thấy tán tỉnh kịch biến thành bi kịch, vội vàng buông người con gái khó bảo ra, và đứng dậy.

Sáng thở hên hên rồi im lìm.

Ông ta vắt hai tay ra sau, lặng ngắm Sáng. Lúc bấy giờ, ông ta có thể làm gì Sáng cũng được. Song, ông ta đứng yên.

Có lẽ ông ta động tâm, ông ta lau mồ hôi trán, giặt khục tay và thở dài.

Hình như lòng nhân đạo trở về với ông ta.

Ông ta lắc đầu, vẻ mặt hối hận, lấy hai tay lật Sáng lại. Một tiếng rên rỉ làm ông ta thương hại kẻ yếu hèn.

Trong buồng yên lặng.

Nghĩ ngợi một lát, chòng chọc nhìn Sáng, bỗng ông ta móc túi, lấy ví. Rồi lẳng lặng, ông ta mở ví, thọc bàn tay vào trong ngăn. Giơ ra ánh đèn, ông tìm và bóc tờ giấy bạc năm đồng.

Nhưng vừa lúc ấy, Sáng cựa một cái, rồi ngồi nhồm dậy, thở, hai tay tựa xuống gạch.

Chị không chết, mà cũng chẳng làm sao cả.

Ông chủ vẫn nhìn chị. Ông đã bớt sợ. Và do đó, bớt thương hại. Bàn tay ông ta vẫn để nguyên trong ngăn ví.

Trong khi ấy, Sáng không dám nhìn ông. Mặt tái xanh, chị quần món tóc rối, nhặt chiếc khăn rơi, rồi vội vàng đứng dậy ra phía cửa sổ, trèo qua tường và nhảy phắt ra ngoài.

Và cũng trong khi ấy, ông chủ tươi tỉnh, rút bàn tay ra, gấp ví lại, và bỏ vào túi ông nhìn theo Sáng, nét mặt mừng rỡ.

Ông mừng rỡ, chẳng phải thấy Sáng vẫn lành mạnh như thường.

Ông mừng rỡ là vì đỡ mất toi món tiền suýt nữa vô cớ đền vết thương cho con bé bướng bỉnh.

Tiểu thuyết Thứ Bảy số 263; 1939

Thằng ăn cắp

Phải đòn trận này thì nó cạch đến già! Nhưng đáng kiếp lắm! Ai thương? Ai bảo mới nứt mắt ra đã đi ăn cắp?

Người ta kháo nhau:

- Quân ấy tinh quái lắm! Ấy, nó cứ giả vờ đói khát để ăn xin, trát bùn vào mặt, vào người, lử thử lử thử, làm như thằng ốm, nhưng hễ rình nhà nào vô ý, là thừa cơ thó ngay, rồi lẩn mất, nhanh như cái cắt!

Người ta gờm mặt nó! Người ta sợ nó! Hễ nó lảng vảng đến, người ta ngờ, người ta canh, người ta giữ, coi nó như một con chó đói.

Một hôm, nó vờ vẩn giữa đám hàng bán rong.

Thấy nó, bà hàng rau đứng dậy, quẩy gánh lên vai, đi chỗ khác. Bà hàng thịt sờ lại ruột tượng. Bà hàng bún riêu nắn lại túi tiền. Bà hàng lê bắm cô hàng bánh đúc. Chị bán bánh rán sốt đưa mắt cho bác bán khoai.

Họ thì thào:

- Thằng ăn cắp.

Trông nó đáng sợ thật. Hai mắt trắng dã, lấm la lấm lét, tóc thì bông lên như tổ quạ. Da đen thui thui. Mặt rạn như men lọ cổ.

Hai tay thọc vào túi cái áo Tây tàng, xơ xác như tổ đĩa, nó đứng nhích ra chỗ bóng nắng, dún dầy cho ấm.

Nó nhìn gánh bún riêu. Nó nhìn mẹt bánh đúc. Nó nhìn rổ khoai lang. Cơ chừng nó thèm. Nó thèm vì nó đói.

Thấy nó ám, các bà chẳng dám đuổi, nhưng bụng mong nó cút ngay đi.

Nó đứng một lúc. Rồi quá. Nó chìa bàn tay ra xin, xin bằng những câu văn sách thuộc lòng, chứ không cố lấy giọng nằn nì khốn nạn:

- Cẩn cỗ lạy bà, con đói khát, bà làm phúc thí bỏ cho con đồng com bát cháo.

Thấy nó giở giọng, các bà giữ riết ruột tượng, túi tiền, thức hàng.

- Để bạn sau, đi mà xin chỗ khác.

Nó nhăn bộ răng trắng như bầu ra, cười láu cá.

Góm chết!

Nó cười gì? Ai biết được! Hay là nó chế các bà lần này quá khinh nó? Vì nó tham cơ hội mà xin đó thôi.

Nó làm bộ, lắc túi cho các bà nghe thấy tiếng xu kêu loảng xoảng! Ranh con thực! Nó lại đứng yên. Nó ngắm. Hai mắt chòng chọc vào cái nồi bún riêu khói bốc lên ngùn ngụt, vào cái nồi bánh đúc ngon lành, vào cái rổ khoai tròn trĩnh như "ông ý". Nó chảy nước dãi. Nó thèm. Vì nó đói thực.

Suốt từ sáng, nó chỉ được có sáu đồng trinh, và một bát cơm nguội. Bát cơm ấy, chưa đủ sức đèn vào chỗ nhịn chiều hôm qua. Nhưng thôi, làm quái gì cái vật! Ăn không ra bữa đã quen từ thuở bé. Nó chỉ thấy đói. Chứ không thấy cồn cào. Nó ngồi sán vào cô bán bánh đúc. Nó chìa tay ra xin một miếng. Cô hàng ôm khư khư lấy mẹt vào lòng, xua lấy xua để:

- Chưa bán mở hàng đây! Khi ạ!

Nó lại lê dịch sang kê nồi bún riêu:

- Lạy bà, con ăn mày bà một bát.

- Ba mươi sáu cái nỡn nường! Mỗi bát mấy đồng xu của người ta đây! Thôi đi! Dơ!

Nó lại mó vào củ khoai lang, tùm tùm cười.

Bà ấy vội hất tay nó ra, và mắng:

- Bà thì tát cho một cái bây giờ, đừng láo!

Bà hàng lê chắc chẳng đời thuở nào nó dám động đến hàng mình, là thứ xa xỉ phẩm, đùa nó rằng:

- Một hào một quả, bỏ tiền đây, tao bán cho.

Nó cười, lắc đầu

Bà ấy ném vào lòng nó một mảnh vỏ quýt. Nó đỡ được, bỏ vào mồm, nhai gau gau.

Rồi nghĩ thế nào, nó đứng dậy. Tay nó đém xu trong túi, nói với bà hàng bún riêu:

- Bà bán cho cháu một bát.

- Mà có tiền không?

Nó gật đầu, mạnh bạo. Rồi đắc chí, nó lắc túi. Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù! Nóng! Xuyt xoạt! Cay! Ngon quá.

Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ nghênh xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.

Nó vẫn ăn. Ngon quá!

+

++

Năm phút...

Mười phút...

Bỗng chốc:

- Ôi ông đội sếp ơi! Thằng ăn cắp! Ai đuổi hộ tôi!

Bọn bán hàng nhón nháo. Chạy tứ tung. Quang gánh vương. Người ngã. Hàng đổ. Bát vỡ.

- Bắt lấy nó!

Thằng ấy cầm đầu cầm cổ chạy, nhanh như mũi tên.

- Giời ơi! Nó kia kia! Ai đuổi hộ tôi!

Một người qua đường đuổi theo nó. Hai người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người...

- Bắt lấy thằng ăn cắp!

Rồi hàng chục người. Rồi không đếm được bao nhiêu người nữa. Họ chạy huỳnh huých. Họ làm như bắt giặc!

Ai cũng kéo cả ra đường để nhìn theo.

Một thằng chạy. Mấy trăm người đuổi. Bụi mù!

Bà ấy chạy sau rớt. Áo lấm. Khăn xô. Tóc rũ. Ngửa mặt lên mà kêu:

- Ôi ông đội sếp ơi!

Mọi người hỏi nhau

- Ai mất gì?

Người bảo:

- Nó cắt đứt ruột tượng của người kia.

Người bảo:

- Nó lẩn túi người ta! Chà thằng oe con gớm thật!

Rồi lại thêm mấy chục người nữa đuổi theo thằng ăn cắp.

- Thằng ăn cắp! Bắt lấy nó! ôi ông đội sếp ơi! Nó ăn cắp của tôi!

- Kìa, ông đội sếp đến thực. Bỏ mẹ!

ông ấy cầm cổ, gò lưng, bầm chuông liên thanh, đạp xe đuổi theo.

Nó vẫn chạy như khoảng cả hai chân lên vai. Chạy hăng quá!

Nhưng người đuổi chạy nhanh hơn.

Bà ấy thì lạch bạch như con vịt, kêu không ra tiếng, mỗi lúc một xa nó, xa nó đến sáu bảy mươi thước.

- Khổ thân tôi, giời đất ơi!

Đến ngã tư.

May quá. Một ông chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, nghe tiếng kêu, đâm bỏ ở

trong nhà ra, tóm ngay được cổ nó. Nó cúi xuống, mồ hôi trơn, ông ấy suýt
nằm trượt. Nhưng liền vớ ngay được cánh tay nó.

Nó giăng ra. Ông ấy khỏe như vâm, quật ngay nó xuống đánh oách, ngã sấp
xuống đường đá, sây sát cả người, máu mê bê bết. Ông ấy vồ được nó.

- Nó ăn cắp gì?

- Nó giật khăn.

Ức! Một cái đá vào mạng mỡ.

- Chạy nữa đi!

Hự! Một quả tồng vào ngực.

Nó méo mặt, không thở được! Đành chịu nằm yên.

Người ta chạy tới dần.

- Nắm chặt lấy nó!

Nhưng chẳng nắm, nó cũng chẳng chạy được.

Huych! Huych! Bốp! Bốp!

- Này chừa này! Ăn cắp này!

Ai cũng phải giã cho cẩn thận, để bỏ lúc chạy mưa mặt bắt nó!

Nó lạy. Nó van. Nhưng ai thả? Đại gì mà tha thằng ăn cắp?

Họ càng ghét, túm lại, đánh như mưa.

- Cho đáng kiếp! Nó giật đôi khuyên vàng của người ta.

Họ lại đánh túi bụi, không tiếc tay.

- Mười ba mươi bốn tuổi đầu, đã dám lằn lưng, lấy của người ta năm đồng
bạc, rồi lại đánh người ta!

Họ lại tức dữ. Lại cho thêm một trận.

Nó đau quá. Nằm sóng soài, không nói được nữa. Hai mắt lờ đờ, khôn nạn như con chó bị trói giật bốn căng ra đằng sau lưng.

Họ khám túi nó.

Tang vật nó tâu đi đâu rồi

- Mày để đồ ăn cấp ở đâu

- Nó có đảng!

Nó mở mắt ra nhìn. Họ lại uyech. Họ lại thụi. Họ lại tát. Họ lại đá. Không tiếc tay. Rồi lại hô:

- Đánh chết nó đi!

Nó cũng gần chết thực.

Những mũi giày, những ngọn gân bò, những quả dấm, những nhát gậy, làm nó đau ê ẩm cả mình. Phen này có sống cũng thành tật!

Nó cựa. Nó nhăn. Nó ôm bụng.

Đám đông càng ùn lên. Xe pháo tắc tị không đi được. Ông đội sếp lôi tay nó dậy:

- A lê! Lên Cầm!

Nó mềm như sợi bún, không dậy được.

- Nó giả vờ đấy!

Lại mấy cái móng giò. Lại mấy cái tát. Để đợi người khổ chủ còn đương ỳ ạch chạy theo ở đằng xa.

Bà ấy mệt quá. Không lê được một bước. Không kêu được một tiếng. Cơ chùng tiếc của. Cơ chùng hết sức. Cơ chùng hết hơi. Không biết mất cái khăn, đôi khuyên, hay năm đồng bạc? Không biết bị nó đánh có đau không? Chờ bà ấy đến sẽ rõ.

- Ông... Bà... giữ... Lấy... Nó... Cho... Tôi!

- Có thả nó cũng không chạy được, mau lên!

Bà ấy vẫn chạy. Bà ấy vẫn kêu Bà ấy vẫn thở. Thảm quá!

Vòng người đứng giãn ra. Bà ấy đến. Hồn hên thở chẳng được.

- Phải, nó đây rồi.

Bà ấy vồ lấy nó, vả lấy vả đê.

Bà ấy đánh cứ tưởng mạnh. Nó cũng không biết đau. Nó mê lên rồi.

Bà ấy kiệt sức, ôm chầm lấy nó, rồi ngã sòng soài ngay cạnh.

- Giả tao đây!... Giả... Tao... đây!

Nó không thở được. Nó nhăn.

- Nó lấy gì của bà?

- Các ông đưa... Nó lên... Cầm... Hộ... Tôi!

- Bà mất gì?

Bà ấy cố trả lời, nói rời rạc như người sắp tắt thở:

- Nó ăn của tôi... Hai xu... Bún riêu... Rồi... Nó quịt... Nó chạy!

Tiểu thuyết Thứ Bảy xuất bản, 1935

Thằng điên

Trời nắng, cái nắng mới, làm cho người ta khó chịu, dễ sinh giận dữ, gắt gỏng với cả mọi người.

Trên con đường nhựa Hải phòng - Hà nội, đen như con rắn nằm nhoài không cựa quậy, anh đi Mùi đi chợ về, quẩy một gánh nặng những khoai lang. Đi đã năm cây số, nên mồ hôi anh nhễ nhại, ướt cả áo, lấm tẩm trên trán, trên mũi, và trên cằm...

Anh đang rảo cẳng bước cho chóng hết nốt hai cây số nữa, thì trông thấy ở cạnh đường, một cái ô tô hòm liệt máy, đứng đó. Nhân có bóng cây mát, anh nghỉ chân, hạ gánh khoai xuống, ngồi ở vệ đường. Anh phanh áo ngực, rồi lấy nón, vừa quạt, vừa nhìn cái xe chết.

Đằng mũi xe, một ông độ bốn mươi tuổi, mặt mũi phương phi, áo khăn chững chạc, đương loay hoay, chữa hết máy này, sang máy khác, mồ hôi chảy ra ròng ròng. Trong xe, một người đàn bà, cũng trạc tuổi ấy, ăn mặc cũng sang trọng, thỉnh thoảng lại thò đầu ra hỏi:

- Thế nào, xe có chạy được không?

- Chẳng ăn thua gì.

Một chốc, người đàn ông trèo lên xe, vẫy anh đi lại gần, và nói:

- Này bác, tôi nhờ bác đẩy hộ đi mấy bước.

Vốn quen tính giúp đỡ, anh đi chẳng quản công. Anh bèn ì ạch dun xe đi được vài bước. Nhưng người ngồi trên xe thất vọng, nói:

- Thôi, cảm ơn bác.

Rồi quay lại nói với người đàn bà:

- Thôi đành chịu. Hết cách rồi.

Anh đi nhìn hai vợ chồng người này - Vì anh chắc là hai vợ chồng - Thấy có ý lo lắng, thì anh cũng ái ngại thay. Đã được dịp làm quen, anh mới dám tò mò bóp cái lốp xe, sờ vào mặt kính, mó các máy móc, rồi ngó vào trong xe. Anh thấy hai cái va ly to lắm.

Người vợ nói:

- Làm thế nào về cho kịp được?

Người chồng bần khoản, móc túi xem đồng hồ, trả lời:

- Phiền quá! Mười hai giờ rồi. Đành phải đi bộ đến ga cho kịp xe lửa. Nếu may mà gặp xe hàng thì lên vậy.

- Nhưng ai coi xe cho?

- Bà ở lại, tôi về một mình, kéo lỗ việc.

- Nhưng hai va ly nặng lắm, mang thế nào nôi?

Hai vợ chồng nhìn hai cái va ly, rồi cùng quay ra phía anh đi Mũi, như trong óc cùng nảy ra một ý nghĩ giống nhau vậy.

Rồi người vợ vẫy người chồng lại gần, ghé tai nói thầm như bàn nhau một việc gì. Đoạn người chồng gọi anh đi:

- Này bác, bác có thể gánh thuê cho tôi hai cái va ly này đến ga được không?

Anh đi nhìn hai cái va ly, rồi nhìn hai thúng khoai lang. Anh gãi gáy, ra ý nghĩ ngợ, rồi bảo:

- Có nặng không, thưa ông?

- Hơi nặng. Nhưng gánh thì cũng cân.

Anh đi nhắc thử lên xem, thấy cũng vừa sức. Anh gật đầu:

- Được, ông để nhà cháu gánh giúp.

Anh đi đặt hai chiếc va ly lên hai thúng, rồi ghé vai vào, gánh đi. Người đàn ông theo sau Còn người đàn bà thì ở lại.

Gánh nặng. Trời nắng. Anh đi mệt thở hơi tai. Người đàn ông đi trước, vừa nực, vừa nhọc, vì từ thuở bé, chưa từng bị khổ như thế này bao giờ. Nhưng thấy anh nhà quê rụt cổ, nhăn mặt vì gánh nặng, nên ông ta cũng ái ngại:

- Có nặng không, bác?

- Bẩm ông, nặng ạ. Ông đi đâu?

- Tôi đi lên tỉnh.

- Thưa thế ông ở đâu ta?

- Tôi ở ngay tỉnh.

- Thế thì thích lắm nhỉ. Tỉnh có nhiều phố vui lắm. Ngày trước, cháu đã được lên tỉnh một lần.

Anh đã thấy ông ấy nói chuyện dễ dãi, nên vì cũng muốn quên gánh nặng, đường xa, trời nóng, mới hỏi thêm:

- Ngoài tỉnh chắc bây giờ vui vẻ hơn trước, ông nhỉ?

- Phải, hôm nào bác rỗi, lên tỉnh mà chơi.

- Cháu chẳng quen ai, mà cũng chẳng có việc gì mà lên. Đi một mình, nhớ lạc chết.

Thấy bác nhà quê thực thà, ông kia chẳng hẹp gì mà không tỏ hết cái tử tế với người giúp mình, bèn nói:

- Được, khi nào lên tỉnh, bác cứ lại nhà tôi chơi. Nhà bác ở đâu?

- Nhà cháu ở gần ga, cách một cây số. Qua làng cháu rồi mới đến ga.

- Vậy ra bác phải đi thêm cho tôi một thôi đường nữa à?

- Vâng, nhưng chẳng ngại. Cháu làm ăn vất vả quen đi rồi.

- Thôi được, tôi sẽ đãi bác hai hào cho bố công.

- Ông đừng cho, cháu không lấy đâu. Nhân thể chuyển gánh, thì cháu giúp ông, chứ công sá gì.

- Bác không lấy, tôi không bằng lòng. Bác cầm về mua quà cho cháu.

- Không. Người ta ăn ở với nhau, cốt giúp nhau lấy tình, chứ tiền mà làm gì?

Người ấy thấy anh đã nói với mình một cách nghĩa hiệp, thì ngợi khen mãi. Từ lúc ấy, hai người nói chuyện thân mật như bạn. Khi tới ga, ông ta cứ lấy

ra hai hào đưa anh đi. Anh đi cười, lắc đầu:

- Ông đừng làm thế. Hai hào chứ hai đồng cháu cũng không lấy đâu.

Ông ta lại nằn nì:

- Bác cứ cầm cho tôi bằng lòng. Tôi biết là công bác to hơn thế này kia.

- Không mà, cháu đã nói là ăn ở với nhau cốt lấy tình, chứ tiền mà làm gì.

Khi xe lửa đến, ông ta nắm tay anh đi, và nói:

- Bác thực có bụng tốt ít có. Bác là một người đáng quý, không bao giờ tôi quên. Khi nào bác lên tỉnh, nhớ lại nhà tôi chơi. Tôi sẽ đưa đi xem phố. Nhà tôi ở phố Bờ Sông, số 36. Nhớ nhé. Thôi, chào bác, cảm ơn bác.

- Vâng, không dám. Chào ông ạ.

+

++

Một câu mời dơi. Một câu hứa vượn. Ai ngờ đến cuối năm ấy, anh đi Mùi có tiền, lên tỉnh sắm Tết.

Mua các khoản xong, anh mới đi xem các phố xá. Anh nhớ người khách qua đường, nhớ gánh va ly mấy tháng trước, cũng muốn tìm xem nhà người ấy ở đâu. Nhưng nào anh có nhớ phố và số nhà để hỏi thăm đến.

Đi hết phố này sang phố khác, nhà nào anh cũng ngắm, cũng nhận kỹ lắm. Vì không mấy khi lên tỉnh, lại được rảnh rang, nên anh chẳng chịu lỡ dịp mà chẳng đi cho khắp. Anh dừng chân trước hiệu cân gạo. Anh dừng chân trước xưởng ô tô. Anh xem cái cột đóng dầu ét xăng, chiếc vàng, chiếc đỏ. Rồi anh đến phố Bờ Sông. Anh thấy một nhà có hàng rào sắt. Nhân có bóng cây, anh đứng nghỉ.

Anh đưa mắt vào trong nhà để nhìn. Người đi lên đi xuống tấp nập, người nào người nấy ăn mặc rất lịch sự.

Anh ngắm nghĩa các câu đối, hoành phi, sơn son thếp vàng. Anh nhìn các bồn cây, lá hoa bay toai tả.

Bỗng anh thấy ở trong nhà có tiếng găt toang toang, mà đây tớ thì chạy cuống quít. Rồi có một người đứng ở hè, nét mặt hầm hầm. Anh thoạt trông người ấy, lấy làm ngờ ngờ. Nhìn kỹ, thì té ra chính là cái ông hồng ô tô độ trước.

Vậy thì anh dĩ Mùi quen ông ấy rồi. Anh nghĩ lại cái việc anh đã giúp ông ấy, những câu ông ấy nói chuyện rất tử tế, dễ dãi, cùng những lời ông ấy khen anh và mời anh. Nay anh đã tìm thấy nhà ông ấy, không lẽ anh lại không vào một tý hay sao. Vì mấy khi anh đã lên đến tỉnh?

Anh dĩ đứng hẳn ở giữa công để nhìn vào cho cẩn thận. Anh sợ trông lầm chãng. Anh ở nhà quê quen, trông người trên tỉnh, thường thấy người nào cũng sang trọng giống người nào.

Anh thấy ông kia cũng nhìn anh một lúc. Nhưng quái, sao không thấy ông ấy gọi? Hay là hôm nay anh đội khăn và mặc áo dài, nên trông khác, mà ông ta chưa nhận ra chãng?

Anh bèn giơ tay ra vẫy, và gọi:

- Ông ơi!

Lạ quá, anh thấy ông ấy quay trở vào. Và tiếng găt mắng lại to hơn ban nãy. Rồi bỗng có người đây tớ ở trong chạy ra, hắt hàm hỏi anh:

- Đi đâu? Vào đây làm gì?

- Tôi quen ông kia. Tôi vào chơi.

- Ai chơi với mày. Thằng điên!

- Tôi không điên đâu. Tôi quen thật đấy.

- Đừng láo! Liệu không tao báo đội sếp đưa vào nhà thương. Cút đi!

- Anh hỏi lại ông ấy mà xem. Tôi không điên đâu. Tôi quen ông ấy. Ông ấy mời tôi đến chơi thật đấy mà.

- Mày đừng giở thói điên ra đây. Cút đi!

Người đây tớ vừa nói, vừa dặt tay anh dĩ, lôi ra cổng.

- Mày là thằng điên. Chỗ này không phải là chỗ mày đến nói láo. Ông ấy bảo tao đuổi mày đi, vì mày điên, nghe chưa!

- Tôi quen thật. Ông ấy nhờ tôi gánh va ly lên ga đấy, cái ngày ông ấy hỏng ô tô ấy mà.

Người đầy tớ nhìn qua nét mặt anh đã, rồi hỏi:

- Anh nói thực?

- Tôi nói dối làm gì? ông ấy không mời, sao tự nhiên tôi dám đến. Tôi không điên đâu ông ấy tử tế lắm.

Người đầy tớ lại nhìn anh đã một lượt nữa, thấy bộ mặt anh quá thực thà, thì thương hại, nên mỉm cười, vỗ vai anh, và ôn tồn giảng:

- Ô! Thế thì anh chẳng điên là gì? Lúc người ta hỏng ô tô khác, lúc người ta ở nhà tiếp khách khác. Chứ anh tưởng người ta lúc nào cũng như lúc nào à? Thôi, anh về đi là khôn...

PTBNS số 48; 1-12-1939

Thanh! Dạ!

Thanh!

- Dạ!

Trong nhà hôm nay tấp nập như mở hội. Mẹ cho phép cả sáu cô ra Đồ sơn. Ngay từ bảy giờ sáng, sáu chị em đã gọi nhau choàng cả dậy. Các cô kê cho đôi mắt đỏ gay nó bốc hỏa, các cô tranh nhau rửa mặt, rồi thi nhau trang điểm. Mùi phấn, mùi nước hoa thơm phức cả nhà. Mỗi cô chọn một màu áo, rồi ngắm hết cho mình, lại ngắm cho nhau.

Chung quy chỉ chết một mình con Thanh. Đã bận, lại thêm tíu tít. Mới gánh được một gánh nước, cô Diễm đã gọi giật:

- Thanh!

- Dạ!

- Hãy để thùng vào trong nhà, đem giấy này lại đăng cô Vân mượn cho tao quyền tiểu thuyết đã.

Nó nhặt bức thư ở bàn. Thế là tắt tả chạy. Loáng một cái, nó đã mang quyền sách bìa nát nhàu về.

Vừa lúc đó, cô Tuyết sấn lại nó, và quát:

- Thanh! Mà làm ăn thế nào mà chả có giọt nước nào rửa chân thế! Muốn sống đi gánh về mau không?

Con Thanh chẳng nói chẳng rằng, lại đặt đòn gánh lên vai.

Rồi đến cổng, nó quay lại, thấy vắng người, bèn lảm bảm một mình để mình oan:

- Khôn nhưng còn phải mổ gà để nấu cháo.

Đến cửa, chưa ra thoát, nó đã thấy hai chiếc xe hòem vừa đỗ. Một "đội" người nhảy xuống, toàn quần áo Tây, đầu trần. Tiếng gót giày quèn quẹt, đồng thời, tiếng cười nói vang vang.

- Ô kìa, các anh đã đến sớm thế?

Một người giơ cổ tay, trở chiếc đồng hồ chữ nhật:

- Y hẹn. Đúng tám giờ. Không sai một phút.

- Thế thì chúng em xin lỗi các anh nhé. Chín giờ bắt đầu đi cũng được. Xe nhà, sợ gì. Đừng chê chúng em là rùa nhé.

rồi tiếng cười khanh khách để nhận rằng câu pha trò ấy đậm đà.

- Thanh!

- Dạ!

Con Thanh, lạy trời phật, mới đi được đến vệ hè. Nghe gọi, nó quay lại, không thấy ai, lại toan đi cho xong.

- Thanh!

- Dạ!

Nó dừng bước. Cô Nguyệt ra tận hè, chỉ tay vào mặt nó, cong cớn mắng:

- Con ranh đi đâu đấy.

- Con đi gánh nước.

- Sáng sớm chẳng gánh, hễ có khách là sắp lẩn phải không?

Nó đặt gánh, nói:

- Bà sai con gánh nước, nhưng đã có lúc nào đi được đâu

Cô Nguyệt trừng mắt, để im cho nó cãi, rồi vênh váo hỏi:

- Nhưng bà đang gọi rằm mà ở dưới bếp ấy, mà có biết không?

Bà gọi rằm! Đến cả ông bà ông vải nó ở dưới âm phủ để lúc nào cũng phải cố lắng tai để nghe bà gọi và nhắc nó. Vì ông bà ông vải nó muốn được yên giấc ngàn năm.

Nó tặc lưỡi, quảy thùng không và về.

Khách khứa nhốn nháo khắp nhà. Con Thanh len lén đi, cúi gầm mặt, tránh

hết người này lại tránh người nọ. Nó không dám nhìn ai, cũng không dám nghe ai.

- Thanh!

- Dạ!

- Mày đi đâu

- Dạ, thưa cô, bà sai con đi mua hạt tiêu.

Bỗng vành khăn nó xô ra, rồi cả hai món tóc nó bị kéo giật. Nó ngật đầu ngoảnh lại. Một cậu đác chí, cười hềnh hệch, nấn lại chiếc cà vạt, nói:

- Gớm, các cô chiêu nhà này kiệt quá, không cho nó được cái khăn nhung cũ. Chó gầy hổ mặt người nuôi!

Nó biết là việc đùa, hết trổng ngực, tùm tùm cười, vừa đi vừa quẩn khăn. Nhưng vẫn không dám để tai đến những lời bàn tán về nó, sau lưng nó.

Rồi mặt trời lên cao. Ánh nắng chói lọi. Một mảng áo lưng nó bết vào với thịt. Khi trở về, qua buồng khách nó bẽn lễn, ngượng nghịu những tiếng nói cười bàn tán vẫn tranh nhau làm loạn nhà.

- Thanh!

- Dạ!

Nó vội quẳng đôi thùng với cái đòn gánh cạnh thạp nước, chạy ra.

- Anh bảo nó mua gì?

Cậu ấy chẳng đáp, lấy tờ báo để quạt, nghiêng đầu ngắm nó. Chẳng trả lời câu hỏi, cậu ấy bữ môi, nói:

- Nhưng hai tay nó bần lẫm.

- Làm gì?

- Nhà có cái bị hay cái hộp nhỏ nào không?

- Có.

Cậu ấy quẳng ra bàn ba xu, bảo nó:

- Mua nước đá. Nhưng không được mó tay vào nhé.

Cô Nhuận nói:

- Chạy lên! Hết tan hết thì chớ chết!

Nó sợ chết, nên ba chân bốn cẳng, chạy như bay.

Tội nghiệp con bé, khi nó về, trên mặt mũi, mồ hôi nhỏ giọt. Nhưng hai mắt nó long lanh, vì vừa làm tròn được một việc mà không phải mắng. Nó sung sướng, cái vui sướng của nhà nghệ sĩ, nhìn hết người nọ đến người kia.

Cô Nghi khen:

- Thưởng cho con Thanh cái mè đay.

Nó sắp tùm tùm, thì cô Tuyết đã lên giọng danh đá, mắng nó:

- Đi mà gánh nước. Chậm như sên! Bà ở bếp ra mà không có gì rửa tay, thì mày ôm đôn.

Bỗng nó nghĩ đến bà - Bà nghĩa là những ngọn roi, những câu chửi - Nó sợ.

Nhưng cô Ngọc, độ mười ba mười bốn tuổi, ở trên gác, đánh phấn xong rồi, mà mới xỏ được một bên tay áo, đã vội chạy xuống, hỏi:

- Con Thanh đã về đấy à?

- Rồi.

- Thanh!

- Dạ!

- Làm gì đấy.

- Ô! Để cho nó gánh nước, không mẹ mắng cho.

Cô Ngọc ngần ngừ:

- Nhưng mà hãy gượng. Thanh! Đi quàng lên cho tao vậy. Mày ra thợ giặt,

bảo nó là ngay cho tao chỗ này nhé.

Một là con Thanh ngoan, hai là nó nhát, nên nó lại khoàng cả hai cẳng mà đi rõ nhanh.

Rồi nó về, vẻ mặt lo lắng. Nó giao hẹn:

- Thôi, các cô để con quấy một gánh nước, kéo bà đánh con nhé.

- Ừ.

- Mau lên!

- À, nhưng thanh! Tao bảo, một công đôi ba việc.

- Dạ!

- Mà đi mua cho tao ba xu ô mai. Đẳng chua ấy nhé.

Rồi cô Kim nhìn mọi người, chế nhạo:

- Vừa nói đến ô mai chua, cậu nào cậu nấy đã nuốt nước dãi!

Tiếng cười vang cả buồng. Cô Kim mở ví, nhặt chọn cho hết trình bảo Đại mới đến trình Khải Định. Con Thanh chờ. Nó đập bàn chân nọ vào bàn chân kia, cho đỡ sốt ruột.

Rồi nó cầm tiền, nhắc đòn gánh lên vai. Vừa ra đến cổng, cô Hà cười sằng sặc, gọi theo:

- Thanh!

- Dạ!

Nó đứng lại, thở dài, chờ lệnh.

- Mà đi mua về, phải đưa cho tao.

Cô Kim xua tay:

- Không được.

Một cậu bảo:

- Thanh! Mà y cứ đưa cho tao.

Rồi nhao nhao mỗi người một điều nó chẳng nghe ra sao cả. Mà hể một bước, thì lại bị gọi:

- Thanh! Phải đưa cho tao!

Chờ các cậu, các cô đùa nhau để mất thì giờ của nó, nó lo lắm. Nó đánh liều, quay bước ra đi

- Thanh!

- Dạ!

- Hãy về tao bảo!

nó lại phải thủng thủng trở lại. cô Minh nói:

- Chờ đây, tao lấy tiền, mua thêm năm xu nữa. Thế là ổn.

Rồi cô quay lại mọi người:

- Để tôi đóng vai nhà từ thiện, bố thí ô mai cho cả mọi người.

Tiếng vỗ tay, tiếng cười vang động cả đến nhà dẫy phố bên kia. Con Thanh đứng tựa vào tường, chờ cô Minh đưa tiền, ngắm cái cảnh êm đềm, vui vẻ trước mắt nó. Bỗng một tiếng gọi như gắt ở dưới bếp đưa lên:

- Thanh!

Cô Tuyết trợn mắt, xua tay cho mọi người im và nhìn con Thanh, hất hàm bảo:

- Kìa! Bà gọi gì mà y.

- Thanh!

Tiếng gọi như quát. Con Thanh vội vã:

- Dạ!

Trên nhà, các cô các cậu nhìn nhau, sợ hãi.

Cô Ngọc bảo khẽ mọi người:

- Bà cụ đã nổi tam bành cái gì ở dưới kia kìa. Gớm!

Ai nấy yên lặng. Tiếng léo xéo trong sân làm mọi người ngồi trên ghế, nhu mì và trật tự.

Rồi cô Tuyết rón rén dòm vào sân, thì thấy mẹ, cái đuôi gà ở đầu khăn ngồng ngược lên trời, mặt đỏ như, quệt cái tay áo cánh dẫm những mồ hôi lên trán, tay cầm thanh củi, trở vào thạp nước, trợn tròn mắt, rồi phang vào đầu, vào mặt, vào lưng con Thanh túi bụi, để đánh nhịp với những tiếng: - Lười! Lười! Lười! Lười! Lười! Lười!...

PTBNS số 26; 1-12-1938

Thật là phúc

Chú lính cơ Ván-cách(Số hiệu lính 24, nguyên từ tiếng Pháp vingt-quatre), cứ buổi chiều, ngồi trên phản trong trại, trông ra ngoài màn màn, thì cũng cho đôi mắt được một bữa tiệc no nê bằng cuộc ngắm những chị đi gánh nước ở giếng trong Huyện.

Trong các chị gánh nước đó, chú chú ý nhất một chị, là "ma phăm" anh hàng bánh giò ở công Huyện, tên là Tam.

Cứ kể ra, chị Tam trông cũng tình thực! Cái quần sồi đen nhánh, cái áo cánh hồ lợ, cái thắt lưng đỏ phấp phới bay theo gió, cái bộ xà tích lưng lẳng đập vào đùi, đã làm cho Ván-cách ta say lử cò bợ! Không những thế, chị Tam lại còn có cái bộ mặt "gioong"! Mỗi khi chị gánh hai thùng nước nặng mà đi qua trại, thì mắt cố nhìn thẳng, mũi cố cầm hơi, tay nguẩy đằng sau, đầu nghiêng bên cạnh, cố kéo cái hò áo cho kín ngực, tuy mắt vẻ tự nhiên, nhưng mồm mĩm như quả đào Vân Nam mới trảy, khiến cho Ván-cách ta chết cũng vợ vôi lấy cái đàn bầu, mà tăng tăng vài tiếng. Nhiều khi thấy chị Tam hớn hở, chú chỉ phàn nàn có một câu rằng:

- Hoài của! Giá mình "sú-vơ-nia" cho nó ít giấy ráp để đánh đôi thùng rõ sáng, thì thực là bảnh chọe.

Nói nôm ra, chú Ván-cách cũng muốn chim chị Tam đáo đê. Có bận chú định ngồi trong màn màn, ví cho chị Tam một câu rõ hay. Giá chú biết làm thơ, làm văn thì hẳn đã nghĩ được một bài trường thiên rõ dài để tặng! Khôn nhưng chú chỉ quen thói tộp ngực lằn lưng dân, cho nên chỉ học được một chim gái của bạn đồng nghiệp, thẳng như nòng súng, là giữ nón, chắn đường, hoặc nắm cổ tay mà bắt nói một câu

- Van nhà, nhà buồng em ra!

Nhưng mà người anh em chỉ dám "tiêuđi", thế thôi, chứ mà thầy quản đồn này nghiêm khắc lắm, lỡ chú bị "lập-gioòng", hoặc bạt tai thì phải biết! Cho nên, lắm lúc gặp cơ hội tốt, mà chú nghĩ đến hình phạt nhà binh, chú đành phải "đê mi tua" ngay!

Còn một kế sau cùng, chú nghĩ đã chín lắm, là nhân ngày lĩnh lương, hoặc gặp buổi bóp nặn được thẳng dân nào, chú quyết bỏ hẳn ba hào chỉ, ra hàng chị Tam đánh một bữa bánh giò rõ no, thế là "a-lê", tha hồ tán chuyện!

Buổi tối hôm ấy, trong túi chú Ván-cách xúng xoảng có tiền. Chú bèn búi tóc yên ngựa cho thực nèn, gài cái lược xương trắng cho thật khéo, chít cái khăn lượt cho thật vó, vuốt ít nước hoa cho thật thơm, rồi soi gương đằng trước, đằng sau, ngắm nghía mãi, mới thay quần, gài khố, bóc gói thuốc lá mới, phì phèo, huýt còi đi "la mát".

Lúc bảy giờ đã vào chín giờ khuya. Nhà hàng phố đã đóng cửa kín mít. Chú Ván-cách lượn qua nhà chị Tam mấy lượt, thổi bài kèn "la vầy" rõ lảng để đánh tiếng, rồi dòm qua lỗ liếp. Chị ngồi một mình, đương chẻ lạt. Chú ngắm nghía thế một lúc lâu, đắn đo, không biết thằng chồng đi đâu, nhưng cứ liều gõ cửa. Chị Tam đương lúi húi, bèn ngẩng đầu lên hỏi:

- Ai?

- Tôi đây! Cho tôi mua ít bánh giò!

Chị Tam đứng dậy vừa nâng hé cái liếp ra, Ván-cách đã lách được vào rồi.

- Chào chị, "mămđen" còn bánh giò không?

- Thưa thầy, hôm nay phiên chợ, nên nhà còn ít thầy mua giùm cho cháu

- Được! Còn bao nhiêu mang cả ra đây. Anh ấy nhà chị đâu

- Thưa thầy, chạy đâu ấy ạ.

Ván-cách được dịp tốt, "a la văng" ngay đến trước mặt chị Tam, vừa cười vừa lả lơi nói:

- "Cầm-ma-lách" với nhau cả, thầy với cháu gì! Đừng nói thế, phải tội!

Nói xong, chú sấn ngay vào, nắm lấy cổ tay người yêu một cách âu yếm:

- Nhà ơi!

Thế rồi mắt chú lim dim như lúc ngắm súng. Chị Tam nhanh thoăn thoắt, giật ngay ra, lùi lại mấy bước:

- Ô hay! Thầy quyền làm cái trò gì thế này. Tôi kêu to bây giờ!

- Minh ơi, tôi yêu mình lắm!

Vừa nói, chú vừa sấn vào, ôm lấy chị Tam, đẩy ngã xuống đất, rồi cũng ngã theo..

- Ôi giờ đất ôi! Thầy quyền làm gì tôi thế này.

Tiếng kêu rầm hàng phố. Thành linh, anh Tam ở đâu chạy về đến nơi.

Hắn các ngài đã đoán trước ngay rằng máu ghen của anh Tam mà ùng ùng nổi lên, thì chú quyền Ván-cách sẽ bị trói gô vào chân giường, và phải trận đòn nát da tan thịt.

Thế nhưng anh Tam tuy hơi tức dầy lên cổ, mà cũng cố nén ngay. Anh sợ Ván-cách là người Nhà nước lại có sức, có quyền hơn anh, mà anh thì hèn hạ. Chi bằng thôi, thu xếp cho êm là hơn cả. Cho nên anh chỉ lấy lời ngọt ngào mà nói với Ván-cách, chứ không dám lời thô.

Vậy mà Ván-cách nào phải người biết điều Thấy Tam chịu nước lép, chú lại làm già, sấn đến, tát cho Tam mấy cái.

Ngờ đâu Tam giữ được cái chày giã giò, giơ lên đỡ. Ván-cách tưởng Tam đánh, quờ tay, giật phắt ngay được chày. Rồi giơ thẳng cánh: "A, đê, toa, háp!". Sóng mũi Tam máu chảy đầm đìa! Tam ngã quay ra, miệng kêu rầm lảng xóm.

Nghe tiếng kêu cứu, người phố kéo lại rất đông, mới gỡ được đám đánh nhau. Nhưng Ván-cách vẫn còn hung hăng, trở vào mặt Tam mà mắng:

- Mày láo! "Tăng xương"! Mày không biết ông là ai à?

Hàng phố thấy chuyện bất bình, ai cũng thương hại vợ chồng Tam bị bắt nạt một cách vô lý. Lúc ấy, Ván-cách đã về rồi, nên nhiều người xui Tam đi trình ngay quan Huyện, để ngài trừng phạt kẻ hay... Lấy thịt dè người.

- Ủ, cậy là lính Huyện mà vào hiếp vợ người ta, lại còn đánh người ta, thì pháp luật nào dung?

- Phải đi kiện mới được, bắt nạt thế, ai chịu nổi!

- Cứ kiện đi, đã có tôi làm chứng. Nếu cứ để nó quen thói, thì nay nó hiếp vợ anh, mai nó tha gì vợ tôi?

Sau một lúc bàn ra bàn vào, mãi anh Tam mới dám đội khăn, mặc áo, đi vào

Huyện

Quan ở trong nhà tự Ngài đương đánh tài bàn. Thấy đương đêm có âm âm tiếng kêu, ngài cũng đoán là có chuyện gì to xảy ra đó. Nhưng vì chưa có ai báo, thì chưa chắc đã to bằng ván bài phải báo của thầy thừa ù sừu bàn thiếu lung!

Quan cười ha hả. Các cậu lệ thấy quan vui, cũng tùm tùm liếc nhau. Bỗng có tiếng rì rào ngoài cửa, và người kéo lối nhỏ đầy sân. Cậu lệ đang hầu nước bài, phải ngác mắt lên nhìn mãi, đến nỗi phải chửi, vì quan bàn quân ăn quân đánh mà không biết.

Lúc ấy, tiếng xôn xao càng to, nên quan biết tất là đám kêu to ngoài phố khi này.

Thật may cho anh Tam vì trình quan ngay vào lúc ngài đương vui Đáng lẽ phải chờ đến buổi hầu sáng hôm sau mới được vào.

Quan cho cậu lệ hỏi chuyện, thì thấy cậu dắt anh Tam vào. Giá lúc ấy quan không mãi nhìn quân bài dưới chiếu, hẳn ngài đã thấy anh Tam mặt mũi bê bết máu mệ

Tam vái chào, khúm núm gãi đầu, chấp tay, bảm hết cả nỗi vợ bị hiếp là thế, mình bị đánh là thế. Câu chuyện rất dài, nên anh phải kể làm ba bốn nấc mới hết, vì thỉnh thoảng quan cắt ngang mà hỏi vặn:

- Khoan! Cứu văn đây có phải không? Chiu... Guợm! Gì? Sao không xưng to lên?

Khi câu chuyện bảm xong, thì vừa hết ván bài. Quan ngẩng đầu lên nhìn anh Tam, rồi cho gọi chị Tam vào. Quan ngắm một lúc, hai con mắt sáng quắc như hai ngọn đèn trời, khiến cho hai vợ chồng nhà hàng bánh giò phải thất đảm. Rồi ngài nghiêm nét mặt lại, như có ý muốn nghĩ để phân xử cho công minh.

Lúc đó, ngoài sân tối mù mù. Người đứng xem đằng xa cố ngậm miệng, nín hơi, để nghe.

Một lúc, ngài sang sảng tiếng truyền xuống, như ông Long thần ban hạnh phúc cho chúng sinh mà dạy rằng:

- Đáng lẽ đương đêm chúng bay đánh nhau, thì không biết nấp tẻ ra sao, ông

hãy bỏ tù hãm bốn giờ cái đã. Nhưng ông tha cho về mà làm ăn lương thiện, không được lòi thôi nữa. Vả lại vợ mày mặt mũi thế kia, chắc hẳn cũng có thể nào với nó, thì nó mới thế chứ? Thôi ông cho về. Ông đang bận.

Một tiếng "dạ" dài, anh Tam thụp xuống đất lạy tạ quan hai lạy. Đoạn anh lom khom lui ra, nét mặt vui vẻ như người biết an phận, rí tai nói với vợ:

- May quá! Suýt nữa thì phải ngồi tù. Thật là phúc! Lạy quan lớn ngàn năm!

An Nam tạp chí, số 17, 1931

Thế là vợ nó đi Tây

Abord du Chantilly, le 10 Décembre 1927.

Cậu trời ơi, thực là tôi để lụy đến cậu! Nếu biết trước rằng cảnh ly biệt nó xé tan nát gan ruột tôi như thế này, thà cứ chịu ở nhà dạy học, đỡ cậu mỗi tháng ba bốn chục bạc lương, thì được gần gũi gia đình, sớm tối vui thú với cậu, với con, việc gì đòi xuất dương du học, đến nỗi bây giờ vất vả một mình, thân gái dặm trường, khóc thầm với bóng!

Từ lúc con tàu chạy xa, nhìn vào bờ, chỗ cậu đứng bế con, chỉ thấy cái mùi soa bay phấp phới mà thôi, thì tôi bồi hồi tắc dạ, giọt lệ khôn cầm, tâm sự ấy bút nào tả xiết! Chỉ tiếc ngày thường không chịu nghiên cứu văn chương An Nam, để lúc ấy tôi làm một bài thơ kỷ niệm sự biệt ly!

Vào đến buồng, nằm lả trên giường, tôi không buồn dậy nữa. Đã toan lấy bút ghi chép mấy câu Vào quyển sổ tay, nhưng thảm quá, nước mắt đã tràn trụa, không nghĩ ra câu nào mà viết! Cậu ơi! Cậu có làm thế nào cho tôi đỡ nhớ không?

Nhưng nay biết làm thế nào bây giờ? Con tàu ác nghiệt nó cứ mỗi lúc một làm cho mình xa nơi xứ sở thân thích, rồi nó lại che kín bằng bức màn sương. Nghĩ lại lúc mới cạo răng, mặc bộ quần áo đầm, lúc mới bước chân xuống tàu, trong bụng hăm hở thế nào, thì bây giờ nhớ đến cái tình vợ chồng, cái tình mẹ con, tôi tôi được xum họp cùng nhau dưới ngọn đèn, thì ruột tôi lại cũng đau như cắt thế!

Nhưng đã trót đi thì cứ dần, tôi không nản chí đâu, cậu ạ! Ở Hà nội, thì chín khoa đã trượt cả, thì sang Tây phen này, ba năm ắt giật được mảnh bằng tú tài. Cậu sẽ chẳng xấu hổ mất tiền cho vợ du học đến nỗi tay trắng về không. Tôi buồn thực. Nhưng buồn bao nhiêu, tôi nhớ cậu bấy nhiêu tôi nhớ cậu bao nhiêu, tôi lại càng không dám phụ công cậu nuôi cho ăn học.

Thằng chó con, trông ảnh nó, tôi nhớ nó quá! Nó có hỏi tôi luôn không? Nó có biết rằng vợ nó đi Tây không? Mấy hôm nay, nó có hay quấy không? Cậu nhớ cho nó chừng đậu đi nhé. Mẹ tôi ở nhà có buồn không? Nếu cậu thương nhớ tôi, thì nhờ cậu thay tôi, thỉnh thoảng đi lại khuyên giải mẹ tôi cho khuây khỏa. Viết đến đây, nghĩ đến mẹ già, tôi lại tủi. Chẳng may nhà nghèo, đến nỗi bao nhiêu phí tổn đi Tây học, tôi để phần cậu chịu cả! Tôi thương cậu quá. Thực là một người chịu khó nhọc một mình để kiếm lương nuôi vợ đi du học như cậu, ít có lắm.

Nhưng cậu cũng nên thương tôi mà đừng chơi bời gì cả. Lúc nào cậu cũng nên nghĩ đến tôi, thui thủi quê người, vì thương cậu mà đêm ngày cố công đèn sách. Tôi nói thế, chứ chắc chả đời nào cậu lại phụ lòng yêu của tôi nhỉ! Quái, sao hôm nay tôi thấy lao đao thế này, hay là say sóng rồi đây.

À quên, cái hộp phấn của tôi dùng dở để ở bàn, cậu cho mang lại đằng chị Diệp hộ, vì chị ấy xin, mà tôi quên đi mất.

Xin chúc cậu và con mạnh khỏe luôn.

Tạ Tuyết Anh

Abord du Chantilly, le 1er Janvier 1928

Cậu,

Những thư trước tôi gửi về, chắc cậu tiếp được cả rồi. lá thư thứ nhất và thứ ba, có lẽ cậu xem lấy làm buồn lắm thì phải. sự đó tôi cũng biết lỗi, đáng lẽ người đi phải yên ủi kẻ ở bằng những câu vui vẻ, chứ tôi lại kể nỗi lòng thương nhớ chồng con, cho cậu phải phiền, thật bây giờ tôi lấy làm hối hận quá.

Gần tới Marseille rồi, cậu ạ. Từ khi con tàu qua kênh Suez, vào địa phận bể Méditerranée tới nay, tôi thấy phần chán trong lòng lắm. Trời Tây bãng lảng bóng vàng, cái không khí êm đềm, nhẹ nhõm, làm cho tôi được thấy như khỏe mạnh hơn. Nhất là từ khi tôi được quen mấy bà người Pháp cùng đi một chuyến, thì những lúc nhớ nhà, nói chuyện cũng được khuây buồn. Cho nên càng khuây buồn bao nhiêu, tôi càng nhớ đến cậu bấy nhiêu chỉ thương cho cậu lúc này, có lẽ đang nằm thừ trên giường mà nghĩ đến vợ, lênh đênh giữa bể, không biết có bình yên mạnh khỏe không. Nhưng cậu nên yên tâm nhé. Vợ cậu buồn thì vợ cậu được thở than với bạn được viết thư nói chuyện với cậu, chứ những lúc cậu nhớ vợ cậu thì cậu than thở cùng ai? cậu chỉ ngậm mối sầu trong bụng mà không viết được ra thư, vì thư của cậu dù có gửi ngay, tôi cũng chưa tiếp được! Sự đau lòng mà không tỏ ra được mới thật là nên thương!

Quái tôi lại nói chuyện buồn rồi! Thế nào? hôm lễ Noel vừa rồi, cậu có mua cho con thức gì cho nó chơi hay không? Hôm nay cậu có đi chào Tết hay không? Chào những ai? ở dưới tàu, sáng ngày, hành khách cũng tụ họp để chúc nhau, vui đáo để. Mẹ tôi vẫn được mạnh khỏe đấy chứ? Cậu đã khỏi thực đau mắt chưa? Hối thế khí lắm lắm, ngót một tháng rồi, còn gì mà chưa khỏi nhỉ!

Thôi, hôm nào tới Marseille, tôi sẽ đánh dây thép báo cậu biết.

Vợ yêu cậu

Tuyết Anh

Aix-en-Provence, le 7 Janvier 1928

Cậu,

Ban nãy tới Marseille, tôi đã đánh dây thép về cho cậu biết rồi. Chắc cậu đã tiếp được hơn một tháng nay, mà biết đâu, trong khi cái thư này vượt biển về Hải phòng, nó không gặp cái thư của cậu gửi cho tôi sang Pháp. Thế mà chúng nó không bắt tay nhau, tệ nhỉ!

Tôi tới Aix mới được hơn một giờ đồng hồ! Tuy trong người vẫn còn lao đao như khi ở dưới tàu, nhưng không thể nào ngồi yên mà không thảo vài câu để nói chuyện với cậu biết được.

Ông bà Madron ra tận Marseille đón, cậu ạ. Ông bà ấy vẫn vui vẻ như xưa, duy ông ấy thì trông khác trước vì bây giờ cạo trụi cả râu đi rồi. Ông bà ấy nhận ra tôi chứ giá để kệ, có lẽ tôi không biết ông ấy nữa. Bà ấy có hơi già hơn trước, và nói rằng từ ngày về Pháp, thì sự làm ăn có vất vả hơn ở Hà nội tạ thằng Robert nó còn nhớ tôi! Bây giờ nó lớn lắm, bằng con người ta lên mười ấy! Ông bà Madron được mấy chai nước mắt của tôi biểu thì mừng rơn, nói rằng từ ngày về Tây, chỉ nhớ nhất là thứ đồ ăn đặc biệt ấy. Ông bà ấy quý lắm, đem cất kỹ vào trong tủ.

À quên, từ Marseille đến Aix, chỉ có 29 km thôi, chứ có phải 39 km đâu mà trước cậu cứ cãi mãi. Tôi đi xe điện chứ không đi xe lửa, chỉ độ ngót một giờ thì tới. Hai bên đường phong cảnh đẹp lắm, nhưng vì tôi mệt, nên chưa quan sát kỹ, để một thư sau, tôi sẽ tả rõ.

Mai tôi nhờ ông Madron giới thiệu hộ với giáo sư Bourguignon độ đến tháng Octobre này thì có thể thi vào lớp 1ère ở Lycée Mignet được.

Kính chúc cậu và thằng chó mạnh khỏe,

Jet Embrasse

Tuyết Anh

Aix, le 12 Janvier 1928

Cậu,

Từ nay, cậu viết thư cho tôi, thì cứ đề về no 2 phố Eméric David là nhà tôi thuê.

Tôi sợ dĩ phải thuê nhà, là vì ở đằng ông bà Madron chật quá, không có chỗ tĩnh để học, mà chính bà Madron giữ ý, không muốn để tôi ở đằng ấy. Nhưng thế là tiện lắm. Nhà thuê mất 200 Fr một tháng. Rẻ đấy, vì chủ nhà là người bà con với ông Madron. Chỗ ở xinh lắm, lại được gần nhà hội quán của tụi học sinh An Nam, số nhà 25. Từ nhà tôi đến nhà ông Bourguignon cũng gần. Ông Bourguignon ở đầu phố, giáp ngay Cours Mirabeau mỗi khi tới đây, thấy xe điện chạy về phía Marseille, thì tôi lại nhớ nhà lắm. Nhất là ở trước cửa nhà trọ, có một cái cây sao mà giống cái cây trước cửa nhà ta thế! Cũng có cái cảnh cụt, trước cậu vẫn bảo như cái nắm tay giờ ra để ục nhau ấy mà!

À, gớm chiều hôm nay, ở café Leaydet, gần phố tôi ở, có một chuyện xảy ra ghê cả người. Có hai người học sinh ta họ cãi nhau về nghĩa lý văn bài thế nào, thành ra to tiếng. May có anh em vào can mới yên. Học sinh An Nam ta, cứ chiều tối là hay ngồi đó. Học sinh người mình ở Aix có độ ngót trăm. Nhiều người học hành xuất sắc lắm, nhưng lắm bố con nhà giàu thì chỉ chơi bời mà thôi! Có ít người cũng ở phố David, vì gần hội quán, lại gần Lycée Mignet, đi độ 5, 6 phút thì tới.

tôi mai, bà Madron rủ tôi đi xem cinéma, cách chỗ tôi ở một quãng, tôi đã nhận lời.

tôi xin thề rằng sẽ hết sức học hành để khỏi phụ lòng cậu trông cậy, xin cậu yên tâm. Ông Bourguignon giỏi khoa văn chương lắm, nghe ông giảng như nước chảy, mê cả tâm thần!

chắc vài hôm nữa, tôi sẽ tiếp thư cậu ở nhà có việc gì lạ, xin cậu đừng giấu tôi.

Tạ Tuyết Anh

Aix, le 4 Février 1928

Cậu,

Đọc thư cậu, nước mắt tôi tràn trụa đầy cả ra giấy. Trời ơi! Biết thế này, thì tôi chẳng đi Tây cho nó đành!

Thôi cậu ạ, cậu có thương tôi, thì cậu nên nghe tôi, cậu đừng đi làm thêm giờ nữa. Vẫn biết mỗi tối làm thêm vài giờ chẳng là bao, cuối tháng cũng được ba bốn chục bạc phụ cấp, nhưng cậu cứ cặm cụi quá sức thế thì đến kiệt lực mà ho lao mất! Cậu có khỏe gì bằng ai, tôi tưởng chả nên tham việc quá thế. Thì ra chỉ tại tôi mà đến nỗi một mình cậu vất vả, cậu làm cho tôi thương cậu đến nỗi ốm mất.

Cậu ơi! Cậu nên tĩnh dưỡng, nên coi sức khỏe làm trọng mới được. Lương cậu hiện đã được 140 đồng mỗi tháng, chỉ phải gửi cho tôi có 80 đồng, còn ăn tiêu ở nhà cũng tiệm đủ rồi, thì thôi, tôi xin cậu, đừng nên quá tham, lỡ có mang bệnh, lại để tôi ân hận suốt đời vì con vi trùng ho lao có nể người tốt bụng đâu.

Nếu cậu không nghe tôi, thà rằng cậu cho tôi xuất tàu để tôi về còn hơn.

Nhân tiện xin nói để cậu biết, cậu nghĩ vậy mà khuyên tôi như thế cũng là phải. Nhưng tuy tôi là thân gái một mình ở nước tự do, song, xin cậu biết rằng ở đây tự do thật, nhưng là cái tự do có giáo dục, chứ không như ở bên ta đâu và lại bao giờ đi ra ngoại quốc cũng phải giữ sĩ diện cho nòi giống chứ. Tôi nói quá như thế để cậu yên tâm, chứ nào cậu có ngờ gì tôi đâu xin cậu biết cho rằng không phút nào là tôi không nhớ cậu, nhớ con, là hai người thân nhất của đời tôi. Trừ những khi mất đề vào quyển sách, thì lúc nào tôi cũng nhìn lên ảnh cậu và ảnh con để ngay trước bàn mà ngắm cho khỏi nhớ.

Ở đây, tháng Février này rét lắm. Sáng hôm nay có mưa tuyết. Chiều đến, ở Cours Mirabeau, trẻ con nắm tuyết ném nhau trông thật vui mắt.

Mưa tuyết xong, tiếp luôn mấy trận gió Mistral thổi rét thấu xương. Đường phố lộ nhơm nhớp, bẩn quá. À, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe cái lối đỗ ô tô ở phố chưa nhỉ? Mới trông lạ mắt, buồn cười lắm. Nó không đỗ theo dọc đường, sát hè phố như bên ta đâu xe nào cũng đứng ngang đường, quay mũi ra ngoài. Bây giờ trông quen, không thấy lạ nữa, mấy hôm đầu, đi sát vào mũi, tưởng hình như nó sắp xéo bẹp mình! Cậu đã nhận được áo đan chưa, sao không thấy nói trong thư? Cậu viết cho tôi đi, dài vào nhé! Nhớ cậu quá!

Tuyết Anh

Aix, le 2 mai 1928

Cậu,

Khôn nạn thân tôi, sao cái tin đau đớn của tôi, cậu không báo cho tôi biết bằng dây thép. Đành rằng mẹ tôi chết, dù có biết sớm cũng không làm gì được, nhưng sao cậu ác nghiệt quá thế, trời ơi!

Cậu ơi! Tôi bất hiểu quá, mà ông trời kia sao khéo lừa dối tôi làm vậy, bắt tôi đi xa rồi đem mẹ tôi đi đâu.

Ông bà Madron thấy tôi có tin buồn, sang khuyên giải và tiêm cho tôi liều thuốc bổ. Bây giờ tôi không mê man như lúc mới tiếp tin nữa. Khôn nạn, dù tôi có than khóc hết hơi cũng không sao thấu được đến cửu tuyền, để yên ủi linh hồn mẹ. Sao tôi chẳng được chết đi cho rồi!

Nhưng đến trường hợp này, tôi mới rõ bụng cậu thực là ít thấy có. Mà nhà tôi cũng là đại phúc, nên trời kia xui khiến tôi được hầu hạ cậu mẹ tôi chẳng may chết đi, có tôi là lớn lại đi vắng, nhưng được cậu ở nhà, lấy tình rể cũng như con, mà cáng đáng lo lắng cho các việc ma chay, cái ơn trời bẻ ấy, tôi biết lấy gì đền lại. Tôi chỉ khẩn cho cậu sẽ được trông thấy tôi công thành danh toại, một mai về nước, đem tiếng thơm về đền ơn trả nghĩa cậu mà thôi. Nếu kiếp luân hồi mà có thực, thì tôi xin cả kiếp sau cũng tìm được cậu để được trả nghĩa cho trọn cái ơn này.

Cậu ơi, tôi nói không sao xiết ý được. Mà nhất là trong lúc tôi gặp cảnh đau đớn này, thì tôi chỉ biết than thở, khóc lóc mà thôi. Còn thằng em bé tôi đấy, tôi cũng xin cậu trông nom cho nó được nên người, để tôi yên tâm học tập. Xin cậu vì thương tôi mà thương đến nó, chứ bây giờ tứ cố vô thân, nếu cậu không đoái hoài đến nó thì thật không còn bầu vú vào đâu được nữa. Khôn nạn cho tôi, ở vào cái cảnh nghèo! Tôi ghen lời, không sao viết được thêm nữa.

à, thư trước viết bằng tiếng Tây là ý để cậu biết sức học của tôi bây giờ thế nào, chứ có dám nghĩ như thế đâu, cậu miễn trách cho. Cậu đừng chơi bời gì nhé, nên thương đến tôi.

Vợ khôn nạn của cậu

Tuyết Anh trăm lạy

Aix, le 29 Juillet 1929

Cậu,

Thế nào? Sao cậu không mời docteur cho con, uống thuốc ta, tôi tưởng chả ăn thua gì đâu nhưng nó cũng mệt xoàng thôi đấy chứ? Đầu tháng này, có kết quả kỳ thi tú tài, tôi trông thấy người đỡ, mà lại lo, chẳng biết sang năm, số phận mình ra sao.

Nhưng mà xem ra tôi học tấn tới lắm, cậu ạ. Cậu cứ yên tâm mà làm ăn. Cái bát họ của chị tham, cậu nhận như thế cũng phải. Thà mua sớm mà trả nợ, còn hơn là để nó dây dưa, rồi đến hẹn, phải lo một món to. Cậu cứ chịu khó ăn sên để dành, nay mai phúc nhà còn vượng, tôi đỡ về, thì lúc bấy giờ ta làm giàu!

Nghĩ đến tương lai thì phần chân trong lòng, mà nghĩ lại riêng mình cậu khó nhọc, thì tôi lại đau từng khúc ruột. Vì tôi mà cậu mang công mắc nợ, một mình lo lắng năm canh! Nào cho tôi đi học, nào lo lắng ma chay cho mẹ vợ, nào nuôi cho em vợ đã đỡ được nên người.

Độ này cậu phải đi làm thêm như thế có mệt lắm không? Cậu nên mua thuốc bổ mà uống. Nếu không thì lại đằng ông lang hai mà mua lấy mấy lạng cao ban long đê ăn. Cậu chớ nên coi thường sức khỏe làm vậy.

Năm nay ở bên này nắng lắm, cái nắng khô khan ở miền nam này, lắm lúc tôi cũng thấy khó chịu, nhưng vẫn được mạnh khỏe.

Tôi gửi theo đây gói đồ chơi cho con, nó mừng rỡ thế nào, cậu cho tôi biết. Cái ảnh cậu mới gửi sang, sao tôi trông gầy thế? Mà mũi con có vết gì đau, hay cái vết sần trong ảnh, cậu cho tôi biết.

Tôi khỏi ốm ngay tối hôm tôi viết thư về cậu nếu biết rằng cậu lo, thì tôi chẳng nói cho xong.

Mille Baisers

Tuyết Anh

Aix, le 15 aout 1930

Cậu,

Thật là từ ngày tôi sang bên này tới nay, tôi tiếp thư nào ở nhà cũng lấy làm buồn bực, ân hận.

Ai ngờ vừa tháng trước đánh dây thép báo tin đỡ cho cậu biết, thì nay đã tiếp

được tin cậu như sét đánh ngang tai.

Thế nào, cậu ho ra làm sao mà có máu thế? Tôi nói có sai bao giờ đâu cậu chả nghe tôi, cậu chả bỏ dưỡng sức khỏe, để đến nỗi mang bệnh vào mình. Nếu cậu ho lao, thì cái vô phúc, trăm phần tôi xin chịu cả. Thà rằng tôi chết cho cậu được sung sướng, còn hơn tôi để cậu phải cang đáng một mình hết nỗi nọ đến nỗi kia.

Cái ảnh phổi cậu chụp xong, cũng cho tôi xem với. Nếu thầy thuốc chiếu điện mà đã nói thế, thì tôi tưởng chỉ nên nghỉ việc đi là hơn.

Nhưng làm thế nào? Cậu trồng cây sắp tới ngày ăn quả. Đến sang năm, tôi thi nốt phần thứ hai kỳ tú tài rồi, vậy cậu nghĩ tôi thế nào, tôi cũng xin vâng theo.

Ở bên này, ông Madron mấy hôm nay cũng ốm, đến nay bệnh vẫn chưa thấy lui.

Thì ra xung quanh mình, tôi chỉ thấy những sự buồn mà không đủ sức để can ngăn nó được. Tôi khổ lắm!

Bệnh tình cậu hiện nay thế nào, từ nay xin cứ mỗi kỳ tàu, cậu nhớ cho tôi biết. Con thế nào? Vẫn chơi ngoan đấy chứ? Chuyện gì bí mật mà tôi hỏi trong ba bức thư luôn, cậu chưa trả lời thế? Đừng chơi bời gì nhé!

Nay kính thư

Tuyết Anh

Aix, le Septembre 1931

Thưa cậu,

Tôi bất đắc dĩ cầm bút viết bức thư này để tạ tội cùng cậu, xin cậu tha thứ cho người vợ bạc bẽo, phản bội này.

Tôi chịu ơn cậu rất nhiều, cũng mong đến ngày công thành danh toại, về để hầu hạ cậu, giúp đỡ cậu trong lúc ốm đau. Nhưng mà... Tóc tơ ngắn ngủi có ngần ấy thôi, cậu cũng cảm lòng như tôi hư mà cậu bỏ tôi từ trước, hoặc duyên đôi ta giữa đường đứt quãng, thì từ nay xin cậu coi tôi như không có nữa mà thôi.

Sự vợ chồng ông trời đã định sẵn, có lẽ duyên nợ của cậu với tôi, đã hết từ ba năm trước, lúc đưa nhau ở bến tàu Sáu kho.

Cậu cũng đừng nghĩ, đừng tìm tôi nữa, tôi sẽ ở Nam kỳ với một người bạn học tôi mới đậu y khoa bác sĩ.

An Nam tạp chí số 43; 1932

Tinh thần thể dục

Có lính Huyện mang trát quan về làng:

Quan tri Huyện Huyện X.X.

Sức hương lý xã Ngũ Vọng tuân cử.

Nay thừa lệnh Tỉnh đường, ngày 19 Mars này, tức 29 tháng Giêng An Nam, tại sân vận động Huyện có cuộc đá bóng thi, nhiều chiến tướng đá rất hay, mọi nhẽ.

Vậy sức các thầy phải thông báo cho dân làng biết và phải thân dẫn đủ một trăm người, đứng 12 giờ trưa đến xem, không được khiếm diện.

Những người đã cắt đi dự cuộc khánh thành sân thể dục tháng trước, thì lần này được miễn.

Ai có mặt tại sân vận động cũng phải ăn mặc tử tế, đi đứng nghiêm chỉnh, và phải vỗ tay luôn luôn, vì hôm ấy có nhiều quan khách.

Làng Ngũ Vọng lại phải có năm lá cờ, sẵn sàng từ 10 giờ sáng.

Việc này tuy là việc thể dục, nhưng các thầy không được coi thường, nếu không tuân lệnh sẽ bị cửu

Nay sức

Lê Thăng

+

++

Anh Mịch nhãn nhó, nói:

- Lạy ông, ông làm phúc tha cho con, mai con phải đi làm trừ nợ cho ông Nghị, kéo ông ấy đánh chết.

ông lý cau mặt, lắc đầu, giơ roi song to bằng ngón chân cái lên trời, dậm dọa:

- Kệ mày, theo lệnh quan, tao chiếu sổ đình, thì lần này đến lượt mày rồi.

- Cẩn cở con lạy ông trăm nghìn mớ lạy, ông mà bắt con đi thì ông Nghị ghét con, cả nhà con khổ.

- Thì mày hẹn làm ngày khác với ông ấy, không được à?

- Đối với ông Nghị, con là chỗ đầy tớ, con sợ lắm. Con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm. Nếu không, vợ con con chết đói.

- Chết đói hay chết no, tao đây không biết, nhưng giấy quan đã sức, tao cứ phép tao làm, đũa nào không tuôn, để quan gắt, tao trình thì rũ tù.

- Lạy ông, ông thương phận nào con nhờ phận ấy.

- Mặc kệ chúng bay, tao thương chúng bay, nhưng ai thương tao. Hôm ấy mày mà không đi, tao sai tuần đến gõ cửa lại, đừng kêu.

+

++

Bác Phó gái, dịu dàng, đặt cành cau lên bàn, ngồi xôm ở xó cửa, gãi tai, nói với ông lý:

- Lạy thầy, nhà con thì chưa cất con, mảy lại sợ thầy mắng chửi, nên không dám đến kêu Lạy thầy, quyền phép trong tay thầy, thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng vội.

- Ô, việc quan không phải như chuyện đàn bà của các chị!

- Thì lạy thầy, thế này, làng ta thì đông, thầy cắt ai không được. Tại nhà con ốm yếu, nên xin thầy hoãn cho đến lượt sau.

- Ốm gần chết cũng phải đi. Lệnh quan như thế. Ai cũng lấy cớ ốm yếu mà không đi, thì người ta đá bóng cho chó xem à?

- Thừa thầy, giá nhà con khỏe khoản, thì nhà con chả dám kêu. Nhưng, thưa thầy, từ đây lên Huyện, những chín cây lô méch, sợ nhà con đi nắng thì cảm, rồi phải lạy thì oan gia.

- Đây không biết, mà đây cũng không nghe đâu. Vợ chồng thu xếp với nhau thế nào, đây mặc kệ!

- Thưa, hay con nghỉ buổi chợ để đi thay nhà con có được không ạ?
- Không! Phải là đàn ông kia. Chứ nữ nhân ngoại tộc, ai kể.

Người đàn bà thở dài:

- Thế thì con biết làm thế nào được!

+

++

Bà cụ phó Bính, mắt kèm nhèm, vừa nói, vừa cười rất vô duyên:

- Thì lòng thành, ông lý cứ nhận đi cho cháu. Cháu hôm ấy không bận đi ăn cưới thì cháu cũng xin vâng. Cháu đã thuê thằng Sang đi thay cho cháu cũng thế. Ông ngờ đi là được.
- Thế ngộ quan biết, có chết tôi không!
- Quan đếm đủ đầu người là xong, chứ ai xem thế mà ông sợ.
- Tôi nhận lễ của con bà mà tôi lo lắm. Việc quan nào phải việc chơi.
- Thì cũng như ông làm phúc ấy mà lị.
- Nhưng thằng Sang có khăn áo tử tế, hay lại ăn mặc như thằng ăn mày ấy.
- Ông không phải lo việc ấy. Nó đã dám mượn được đủ cả rồi. Cháu mặc cả và đã khoán đủ với nó như thế.

Ông lý nhăn mặt, nhặt ba hào, bỏ túi:

- Làm việc mà cứ gặp phải những người như con bà, thì tôi đến chết mất.
- Thì ông không cho phép cháu ở nhà, cháu phải thuê người khác đi thay cũng thế chứ gì.
- Thế đến gà gáy hôm 29, bà phải bảo thằng Sang chực sẵn ở đình, tôi dẫn đi.
- Ấy, ông cho nó com nước thông thả đã chứ. Đá bóng ít ra ba bốn giờ chiều mới bắt đầu kia mà. Tôi tưởng mười hai giờ ở nhà đi cũng vừa. Buổi sáng, tôi còn mượn nó cuốc mảnh vườn.

- Ba bốn giờ chiều mới bắt đầu, nhưng quan bắt đến Huyện từ 12 giờ trưa. Để ngài điếm. Mà quan sức mười hai giờ, thì mình phải đến từ 11 giờ cho sớm sửa. Vả lại, tôi còn phải mang cò lên lúc 10 giờ, thì chả đi từ năm sáu giờ thì đi vào lúc nào? Cho nên, mọi người phải chờ tôi ở đình từ gà gáy.

- Thế thì sớm quá.

Ông Lý gắt:

- Tôi không lòi thôi. Bà không bằng lòng thế, thì tôi cứ bắt đích danh con bà. Mặc kệ!

Bà phó sợ hãi:

- Không, lệnh ông thì thế nào tôi chả phải nghe. Là tôi nói chuyện thế đấy chứ.

- Mấy lị bao nhiêu người đều phải thế, chứ riêng gì bà. Bà bảo thằng Sang nắm cơm từ chiều hôm trước, chứ sáng hôm ấy dậy mới thôi thì không kịp đâu.

- Vâng.

+

++

Ngay từ sáng tờ mờ hôm 29, ở sân đình làng Ngũ Vọng, đã có tiếng ông lý quát tháo om sòm:

- Thiếu những mười tám thằng kia à? Tuần đâu, đến tận nhà chúng nó, lòi cổ chúng nó ra đây. Chứ đã hẹn đi lại còn định chuồn phỏng!

Sau tiếng dạ ran, những ngọn đuốc linh tinh kéo đi các ngả. Ông lý dặn theo, tiếng oang oang:

- Hễ đứa nào láo, cứ đánh sặc tiết chúng nó ra, tội vạ ông chịu. Mẹ bố chúng nó! Việc quan thế này chết cha người ta không! Chúng bay gô cổ cả, giải cho được ra đây cho ông!

Lại một tiếng dạ nữa, giữa những tiếng chó rống dậy. Ngọn lửa đỏ như nổi lên bình trong biển sương mù.

Thì đại khái cái cảnh diễn ra như thế này:

Hai người tuần, một người cầm đuốc, một người cầm tay thước, đập cửa vào nhà thằng Cò. Sau khi tìm sục khắp gian ngoài, buồng trong, không thấy một ai, họ xuống bếp, chọc tay thước vào cọt gio và bồ trấu. Rồi họ lùng ra mé sau nhà. Cũng vô hiệu.

Nhưng bỗng có tiếng trẻ khóc thét lên, thì hai anh tuần mới khám phá ra chỗ người trốn: Thằng Cò nằm ẹp với con ở cạnh đồng rơm, phủ lên mình đầy rơm.

Nó bị lôi ra ngoài. Nó van lạy:

- Lạy các bác, các bác cho tôi ở nhà làm ăn.
- Sao anh đã hẹn với ông lý, lại không đi, để ông ấy chửi đạ lên kia kìa.
- Tôi đi thì tôi mất cả ngày, mà mất buổi làm thì tôi với cháu nhịn đói.
- Tôi không biết!
- Mấy lị tôi không mượn đâu được quần áo.
- Không biết! Anh ra đình mà kêu với ông lý.

Thằng bé con nhắm nghiền mắt, ôm chặt lấy bố. Nó sợ quá, không khóc được nữa. Thằng Cò chưa kịp trả lời, đã bị lôi sềnh sệch đi.

+

++

Cuộc săn dù ráo riết đến đâu cũng không sao tróc đủ một trăm người phải đi xem đá bóng. Dăm sáu anh khôn ngoan, đã kéo đến ngủ nhờ nhà khác, hoặc làng khác. Họ làm như lánh nạn.

Khi thấy đã chậm giờ, ông Lý trưởng nghiêng răng nói:

- Chúng nó ngu như lợn. Người ta cho xem đá bóng chứ ai làm gì mà cũng phải bắt. Rồi quan thấy không đủ số, lại chửi ông không tận tâm.

Rồi ông ra lệnh:

- Chín mươi tư thằng ở đây, xếp hàng năm lại, đi cho đều bước. Tuần chúng bay phải kèm chung quanh giúp tao. Đứa nào mà trốn về thì ông bảo.

Đoạn ông lo lắng, đi cuối cùng, mắt nhanh nhẹn để coi cẩn thận như coi tù binh.

- Mẹ bố chúng nó, cho đi xem đá bóng chứ ai giết chết mà phải trốn như trốn giặc!

Tiểu thuyết Thứ Bảy, số 251; 1939

Tôi cũng không hiểu tại làm sao

Lên khỏi bậc thềm và qua hàng hiên nhìn vào, Sinh thấy cảnh "chùa vắng nhà" hiện ra trong các buồng giấy.

Phải, bao giờ ông Sếp không có mặt tại sở, thì suốt cả, từ ông Phán sắp về hưu cho chí bác loong toong tập sự, ai nấy tự do tán gẫu cùng nhau, mặc kệ những ai có việc phải ngấp ngó ở ngoài hè chờ đợi.

Sinh thì không ưa cái lối làm việc giả dối như thế. Nhất là đối với ông Sếp hay hục hặc này. Từ ngày được bỏ đi làm tới nay, bao giờ anh cũng nghĩ tới bốn phạt trước hết. Anh không sợ ông Sếp bằng dư luận. Mà không sợ dư luận bằng lương tâm. Anh muốn tự trọng, không chịu để người trên nói động đến mình. Người trên đã không thể trách mắng anh về một lẽ gì, hấn anh không phải lấy lòng và xu nịnh ai nữa. Anh muốn làm việc một cách thẳng thắn, tự do.

Bởi vậy, ông Sếp ở cạnh anh, hay đi vắng, anh coi cũng thế thôi. Cho nên, thấy các bạn đồng nghiệp cặm cụi - Có lẽ là vờ - Khi có mặt người trên, và trây lười khi khác, anh vẫn bị ngầm là họ thiếu nhân cách. Anh cho là những cái quắt quéo này nó để ra cái quắt quéo khác. Nó là nguyên nhân những sự luôn lọt, ton hót, bôi gio trát trấu vào thanh danh của cả một đoàn thể.

Sinh đi thẳng vào buồng mình. Đồng hồ đã chỉ bảy giờ hai mươi năm. Anh cởi áo, khoác vào lưng ghế, và tìm sổ sách giấy má hôm trước làm dở.

Mọi ngày, cũng lúc này, bàn máy chữ buồng cạnh đã bắt đầu lách tách, có khi rào rào như mưa. Thế mà bây giờ chỉ những tiếng chuyện, tiếng cười nôn nao, loạn cả óc, làm anh khó lòng làm việc bình tĩnh được.

Liếc mắt nhìn xung quanh, anh thấy chỗ này, Tâm và Sức ngồi cả lên bàn, khoa chân múa tay, nói chuyện với tham Trí. Chỗ kia, Ban mặc áo cộc cặp cái điều vào hai đùi, sắp hút thuốc; Chính thì lom khom chằm diêm, và Bắc thì chỉ rình thổi tắt.

Thấy các bạn đồng nghiệp đùa nhảm, Sinh mỉm cười, quay đi. Bỗng thành linh anh nghe thấy đánh bốp. Rõ là tiếng bàn tay tát vào má. Anh đoán ngay là bác loong toong Thảo xưa nay vẫn hay có thói đánh người, vừa ra oai với một anh dân nào vô phúc. Anh toan để ý nhìn, thì chính Thảo đã nói rất to, giọng gắt gỏng:

- Muốn ở tù thì nheo néo cái mồm lên, các quan còn đang bận. Chưa đến giờ!

Ngay lúc đó, đồng hồ buông một tiếng. Bảy giờ rưỡi. Nhưng hiệu báo ấy không có nghĩa gì đối với trong sở khi vắng mặt ông Sếp.

Bỗng cửa buồng mở phanh ra, rồi lại tự đóng. Nghĩa vào. Đó là một bạn đồng nghiệp của Sinh, cùng làm một buồng giấy.

Cũng vì luôn luôn ngồi gần nhau và tuổi sần sần ngang nhau, nên Sinh thân với Nghĩa hơn với các bạn khác.

Thoạt vào, Nghĩa đã vui vẻ nói ngay:

- Có lẽ đến tám chín giờ nó mới ra sở, tội gì không hưởng lấy vài phút tự do? Này Sinh, bảo cái đã...

Sinh nhếch mép, cười lấy lòng bạn, nhưng tay vẫn cầm bút. Anh hỏi:

- Anh bảo gì?

- Hôm qua nhật trình đăng Tàu Nhật đánh nhau thế nào?

Sinh cười, không đáp, hỏi lảng:

- Cái giấy tôi đánh máy dở, loong toong có để bàn bên ấy không?

- Thôi, đốt cái chằm chỉ của anh đi. Này, cuối tháng này, "mó" lương xong, vào cỗ phần với đảng này để xuống xóm nhé. Con Nhật nó vẫn hỏi thăm đấy.

Sinh vẫn cúi viết, không đáp. Nghĩa chạy lại, giăng bút ra, nói:

- Tôi không bắt anh ăn cắp được dăm phút hay sao!

Rồi chỗ mồm sang buồng bên cạnh, Nghĩa kêu:

- Ôi làng nước ơi! Sao mà nó điên dại đến thế. Có ai bắt thằng Sinh nói chuyện được không?

Nghĩa cười sằng sặc. Một ông già cúi gằm mặt để đưa nhõn tuyền lên trên đôi kính trắng, nói:

- Ông Sinh còn trẻ, chưa lịch duyệt việc đời.

Sinh vẫn mỉm cười. Anh không muốn mất lòng ai, nhưng cũng không muốn để ai ngăn trở công việc mình. Anh nói khẽ với Nghĩa:

- Cho tôi làm xong việc này đã.

Nghĩa bĩu môi:

- Việc nhà nước, cần gì hấp tấp. Vả bao giờ hết được? Anh chỉ biết làm việc như một con bò, không dám nghỉ một phút. Thì nhân nó không có đây, hãy nghe người ta nói câu chuyện này đã nào.

Sinh cười:

- Thì cứ nói đi, tôi vừa làm vừa nghe cũng được mà.

- Không, hãy bỏ bút xuống đã.

Rồi Nghĩa trở tay sang buồng cạnh:

- Kìa, anh trông, cô Hạnh ngủ gật kìa, chừng đêm qua cô đã bù khú với cô hai đến sáng. Chứa ăn cắp thì giờ là cô Hạnh đấy.

Sinh thở dài:

- Mình không làm việc, họ kêu chết.

- Ai? Anh bảo họ là ai?

- Là những người đứng chờ ta ngoài kia chứ ai?

- Kệ xác chúng nó! Chúng nó cần ta, chứ ta cần chúng nó à?

Sinh dờ dùa dờ thật, đáp:

- Nói thế này, anh đừng giận nhé, chúng nó sẽ bảo chúng ta là. ..

Sinh ngừng, nhìn bạn. Nghĩa tiếp ngay:

- Là ăn cắp là cùng chứ gì!

Sinh phá lên cười. Nghĩa bĩu môi:

- Anh tính ở đời này, thiếu gì thằng ăn cắp. Mà triết sao được tính ăn cắp của người ta. Anh chẳng thấy bao nhiêu thằng to đầu mà vẫn công nhiên ăn cắp à? Mà suy ra cho cùng, nếu không có những việc có thể ăn cắp được, thì người ta còn vẽ ra những sự công ích công lợi để làm gì? Về khả quan của xã hội hiện thời, chẳng là do những tư tưởng muốn ăn cắp mà ra hay sao?

Nói đoạn, Nghĩa về bàn giấy mình, và tiếp:

- Thôi được, anh chẳng ăn cắp thì tôi ăn cắp vậy.

Sinh nhìn theo bạn. Hai người yên lặng, không ai nói chuyện nữa.

Bỗng Nghĩa giơ hai tay lên, ngáp, bảo Sinh:

- Tao cũng muốn bắt chước mày, đạo đức một lát, nhưng Sếp đi vắng mà cứ làm việc, thật tao không yên với lương tâm. Hôm nay tao dậy trưa, vội đi làm, chưa kịp ăn sáng. Sinh, mày có ăn bánh Tây chả, tao mua cho.

Sinh lắc đầu:

- Ăn rồi.

- Thế tao ăn một mình cảm nuốt nước dãi nhé!

Sinh gật đầu, rồi lại cúi xuống, loay hoay làm tính cộng.

Nghĩa sai loong toong đi mua thức ăn, rồi mở to quyển sổ, và để lọ mực ở trước mặt. Anh cầm bút, như người đang dở bạn việc vậy.

Một lát, bánh Tây mua về, Nghĩa cắn một miếng, rồi cất vào ngăn kéo. Vừa thong thả nhai, anh vừa nhìn ra ngoài cửa sổ, nghĩ ngợi.

Lúc ấy, Sinh mãi việc, không để ý đến những tiếng động quanh mình.

Bỗng một tiếng nói làm Sinh ngẩng đầu lên.

Ông Sếp lù lù đứng trước bàn giấy Nghĩa.

Sinh trông thấy, biết ngay rằng Nghĩa bị bắt chộp trong lúc đang ăn. Ông Sếp, cả hai vế đùi, hai cánh tay, lẫn mặt, đỏ ngầu ngầu, hắt hàm hỏi Nghĩa:

- Ông nói cho tôi biết, ông đã làm những gì từ sáng đến giờ?

Nghĩa lúng túng, tay cầm bút, trở vào quyển sổ. Ông Sếp gật đầu:

- Ông nói dối tôi. Ông đang ăn gì?

Nghĩa mặt tái xanh, chối:

- Không, tôi có ăn gì đâu.

Ông Sếp càng tức, trừng trừng nhìn Nghĩa:

- Sao ông lại nói dối tôi. Ông ăn cái gì giấu ở ngăn kéo đó?

Nghĩa lắc đầu, làm bộ ngỡ ngàng, rút ngăn bàn ra, đáp:

- Không, đây ông xem, có gì đâu?

Ông Sếp cúi nhìn, quả không có gì thực. Ông càng giận. Sinh rất khó chịu. Anh thấy ông Sếp quá sắc mắt, lại thấy bạn cứ chôi hoài. Hẳn là chính mắt ông ta đã bắt được Nghĩa đang nhai, nên mới dám hỏi thế. Và chỉ nghe giọng Nghĩa nói lúng búng, cũng có thể đoán được trong miệng chưa nuốt trôi miếng bánh.

- Ông có ăn, tôi không nói sai.

Nghĩa vẫn cãi:

- Tôi không ăn gì cả.

ông Sếp trợn mắt:

- Có thực ông không ăn không?

- Phải, tôi không ăn.

Ông Sếp ôn tồn nói:

- Vậy ông há mồm ra tôi xem.

Sinh rùng mình, liếc nhìn bạn. Nghĩa không há, nhưng rất lúng túng. Ông Sếp lại giục:

- Ông bảo ông không ăn, thì ông cứ há mồm ra... Há!... Ông có há hay không?

Nghĩa không thể làm thế nào được, đành phải mở rộng hai hàm. Ông Sếp nhìn thẳng vào miệng Nghĩa... Ông ta nhún vai, bĩu môi. Rồi không nói thêm gì, ông ta chấp tay sau lưng, lẳng lặng đi ra. Ông đã quẳng sự khinh bỉ thắm thía vào mặt người có lỗi.

Sinh cảm tức lạ lùng. Anh nhịn thở dài, để cảm mặt xuống mảnh giấy. Anh giận bạn đã để cho người ta làm nhục. Rồi càng nghĩ ngấm nghĩa, anh càng thấy chán nản, lăm lăm hăng máu, anh run bắn người lên.

Ở mấy buồng cạnh, Sinh liếc mắt, thấy ai nấy cũng làm việc rất hăng hái. Tiếng máy chữ, tiếng chuông, tiếng gặt gồng, tiếng gót giày Tây chạy, làm tôn vẻ uy nghi của ông Sếp muốn uy nghi.

Trước mặt mình, Sinh lại thấy Nghĩa không lúc nào rời tay cái quản bút. Anh thở dài. Cái cột tính cộng anh làm từ sáng đến giờ chưa xong một nửa.

+

++

Đúng mười một giờ bốn năm. Sinh khoác áo, đứng dậy. Anh đến cạnh Nghĩa, để tay vào vai bạn, nói dịu dàng:

- Đến giờ rồi, đi về, anh!

Nghĩa ngẩng cái mặt buồn thiu, sợ sệt, nói:

- Anh cứ đi trước. Tôi sợ nó còn gọi gì tôi chẳng.

Sinh cương quyết:

- Đến giờ thì ta về cần gì!

- Nhưng tôi nên ở lại.

Sinh cười thương hại:

- Các buồng kia, họ về cả rồi.

Nghĩa ngó cổ nhìn, rồi rụt rè với lấy cái áo. Anh khoác vào mình, gài khuy, rồi hỏi khẽ người loong toong:

- Ông ấy đâu

- Bẩm về đã lâu rồi ạ.

Nghĩa yên tâm, cùng Sinh lững thững ra cửa. Đôi bạn xuống mấy bậc thêm. Một người phu xe mời vồn vã, kính cẩn:

- Mời quan lên xe ạ.

Sinh xua tay, bảo Nghĩa:

- Đi bộ, tôi muốn hỏi anh cái này.

Khi ra cổng, đến ngoài phố, Sinh thở dài, trách:

- Gớm, ban nãy anh quá lắm. Anh đã ăn thì anh chối làm gì. Nó giết được anh hay sao!

Nghĩa cười, không đáp. Sinh tiếp:

- Rồi đến khi nó bắt anh há mồm, sao anh không nhận là có ăn, lại cứ há ra? Tôi thấy ê chệ quá! Nào cái mồm há ra nó có đẹp đẽ gì, nhất là trong đó lại có miếng bánh Tây to, nhoét những nước dãi. Tôi trông thương tâm quá.

Nghĩa thở dài. Sinh nhăn nhó:

- Thì giá anh không há đã làm sao? Mà tôi không hiểu anh nghĩ thế nào anh lại há mồm ra cho nó xem thế?

Nghĩa cảm động, long lanh nhìn bạn như chợt hiểu cái phút đê tiện. Rồi hai dòng nước mắt chảy ra, anh run run, đáp:

- Ủi nhỉ, thật tôi cũng không hiểu tại làm sao tôi lại há ra như thế!

Buổi trưa hôm ấy, ăn cơm xong, đi nằm, Sinh trần trọc mãi không ngủ được. Lúc nào trong óc anh cũng hiện ra một cái miệng đầy những bánh tây nhoét nước dãi, há hốc thật rộng để cãi rằng mình không ăn gì. Anh cựa bên nọ, cựa bên kia, rồi lại nằm ngửa, vất tay lên trán mà thở dài.

Vợ anh mỗi khi thấy anh có nỗi buồn ngấm ngấm, thì cũng không dám hỏi.

Vì biết rằng không những anh không nói, mà còn gắt nữa. Nên cũng như mọi bạn, chị đi đứng khẽ khàng, và dặn con chó đùa nghịch.

Nhưng rồi Sinh cũng ngủ được, mà ngủ một giấc, thiếp đi đến tận hai giờ rưỡi. Lúc đồng hồ điểm một tiếng chuông, anh giật mình vùng dậy, vội vàng mặc quần áo và thuê xe kéo đến sở.

Rành anh đến muộn ít ra là năm phút. Anh lo ngại. Nhưng nổi tức giận còn chứa chất trong lòng, làm anh quá chán nản về cái kiếp cạo giấy làm thuê, nên anh đâm ra có tư tưởng liêu lĩnh, không cần gì cả.

Bước chân vào buồng giấy, anh ngược mắt nhìn đồng hồ. Cái kim lớn đã trở cạnh con số tám.

Nghĩa lờm anh, rồi vẫn cặm cụi vào tờ giấy trên mặt bàn, mách nhỏ:

- Nó vừa mới đến đây tìm anh đây.

Sinh hơi trống ngực. Nhưng anh lạnh lùng ngay. Anh mỉm cười, ngồi phịch xuống, duỗi thẳng hai cẳng, ưỡn người vào lưng ghế, không làm việc vội. Với một người Sếp dám khinh bỉ, làm nhục người dưới quyền, anh không thể vui lòng mà tận tâm về công việc được. Nay ông ta đã biết anh đến chậm, hẳn ông ta sẽ trách mắng anh. Nhưng nếu ông ta nói nặng lời, quyết anh không chịu. Anh sẽ cứng cỏi mà đối phó lại. Sinh nghĩ vậy. Bao nổi hờn giận lại làm sôi cả mạch máu. Thì từ đằng xa, lộp cộp tiếng giày ông Sếp đến.

Sinh chờ sẵn để trả lời câu cự trên nét mặt cay nghiệt của ông Sếp. Ông này tới Sinh, tay cầm quyển sổ chi thu mà anh làm tính cộng suốt cả buổi sáng.

Oai vệ, ông Sếp đặt quyển sổ trước mặt Sinh, và nói dần từng tiếng:

- Mời ông thử lại cái tính này.

Đoạn ông quay lưng đi ra, không đả động gì đến chuyện Sinh đến chậm.

Nghĩa liếc mắt nhìn Sinh, lè lưỡi, lắc đầu, rồi mỉm cười.

Sinh cầm bút chì, trở theo từng chữ trên cột con số, miệng lẩm nhẩm tính. Anh quả thấy có cộng sai thực. Chắc rằng buổi sáng, vì óc lúc nào cũng luẩn quẩn bực mình, nên anh đãng tâm mà làm sai.

Chữ xong, Sinh gọi loong toong đưa sổ để đem sang buồng ông Sếp.

Nhưng độ mười phút sau, ông Sếp lại đến, mà lần này thì nét mặt đã hầm hầm. Ông hắt hàm hỏi Sinh:

- Ông có chữa hay không thế?

- Thưa có.

- Ông để ý một lượt nữa xem.

Nói xong, vẻ lạnh lùng, ông Sếp ra. Sinh cau mặt nhìn hàng tính cộng. Mọi khi, anh có làm hỏng việc gì bao giờ đâu. Sao hôm nay có một cái tính không dài lắm, anh làm đến hai lần, vẫn không đúng.

Anh cố đặt hết cả tâm trí theo ngọn bút chì nhọn hoắt. Anh cộng rất thông thả và nói to để tính cho cẩn thận hơn. Cuối cùng, khi thử xong, anh mỉm cười. Anh mừng vì đã tìm ra mấy chỗ cộng sai.

Lần này thì quyết không sao lầm lẫn được nữa. Anh đưa loong toong quyền sổ mà anh chắc rằng hoàn toàn.

Nhưng cũng chỉ độ năm phút sau thôi, ông Sếp đã đến trước mặt anh. Ông hầm hầm hơn, đặt mạnh bản tính xuống bàn, và không thềm nói, ông quay lưng ra.

Không hiểu ông này muốn gì, Sinh đứng dậy chạy theo, hỏi bằng một giọng cũng đầy tức giận:

- Ông muốn bảo tôi làm gì?

- Ông muốn biết thì xin ông cộng lại.

- Cộng lượt thứ ba?

- Phải, vì ông làm đúng lắm! Ông muốn nhạo tôi. Ông đến trễ, tôi đã ngơ đi. Vậy mà tôi bảo ông làm lại cái tính, ông không làm.

- Tôi có làm.

- Ông đừng cãi, nếu ông có làm, tôi không phải mất thì giờ về ông như thế này.

- Không phải tôi lười chữa mà tôi nói dối ông. Tôi không cần nói dối ông,

bởi vì tôi xét ra là vô ích. Ông xem, mọi khi, tôi có phải để ông trách tôi nửa lời không? Có điều hôm nay tôi làm không chu đáo, vì óc tôi không được bình tĩnh.

Giọng mỉa mai, ông Sếp hỏi:

- Ông ốm, ông ốm nặng?

Gật đầu một cách quả quyết, Sinh đáp:

- Phải, tôi ốm.

Ông Sếp nhún vai:

- Đó là cái cơ mà tôi nghe đã rất quen tai, khi tôi thấy một người đến sờ chậm hoặc làm một việc gì hỏng. Nếu thực ông ốm, tôi cho ông đi lấy giấy đóc tờ mà nghỉ. Ông sẽ được yên mà ở nhà.

Nói đoạn, ông Sếp đặt bàn tay đỏ ửng và múp những thịt vào trán Sinh. Sinh biết rằng trán mình cũng mát như trán người khỏe mạnh. Nhưng đã vậy, anh nhất định xin nghỉ, cho ông Sếp biết tay. Anh bèn nói:

- Vâng, tôi xin đi lấy chứng chỉ của thầy thuốc.

Sinh cấp mũ, rầm rộ đến nhà thương. Bởi anh được ông bác sĩ thiện cảm, nên khi anh nói bịa ra một vài bệnh khó khám, thì anh được ông này biên ngay mấy dòng chữ cho anh nghỉ hai hôm.

Thấy mình thắng ông Sếp, Sinh sung sướng hết sức. Anh nắm tờ giấy của thầy thuốc như ngọn khí giới để trả thù.

Đến sở, Sinh định tâm làm bộ rõ khỏe khoắn để đưa ông Sếp tờ giấy nhận thực rằng mình ốm.

Lúc ấy, ông Sếp thấy Sinh về, bèn đứng ở hè, nhìn anh bằng đôi mắt vọ, rồi cười và nhạo:

- Tôi thấy bộ dạng ông ốm yếu, tôi rất phàn nàn. Thế nào? Ông được nghỉ mấy hôm?

Sinh không đáp, mở rộng giấy đóc tờ ra cho ông Sếp coi. Ông này tái mặt. Ngực Sinh dậy lên một hồi trống khải hoàn. Nhưng ông Sếp nói:

- Tôi tưởng ông được nghỉ một tháng?

Bực mình, Sinh đáp:

- Nếu hết hai ngày mà chưa khỏi, thì có lẽ tôi nghỉ một tháng thật.

Trùng mắt nhìn Sinh, ông Sếp nói:

- Ông nghỉ hẳn sáu tháng, tôi cũng không cần. Tôi có mất tiền nuôi ông đâu. Ông làm việc cho công chúng, thì ông phải thật thà với công chúng.

Thấy hai tiếng "thật thà" chứa chất đầy những ý nghĩa mỉa mai, Sinh nói:

- Về việc này, chỉ có ông bác sĩ mới thật thà hay không mà thôi.

- Ông bướng lắm - ông Sếp gắt - Ông cứ làm đơn xin nghỉ hẳn sáu tháng, tôi sẽ tư cho ông được vừa lòng.

Cương quyết, Sinh đáp:

- Vâng, tôi xin nghỉ sáu tháng.

Lặng một lát, ông Sếp lại nói:

- Thà ông xin nghỉ hẳn một năm, có phải đỡ phiền cho ông và đỡ phiền cho cả Nhà nước khỏi phải tốn tiền trả lương ông không.

Chẳng nghĩ ngợi gì, Sinh đáp phắt:

- Vâng, tôi xin nghỉ một năm.

Ông Sếp cười chua chát, đầu gật gù:

- Vậy thì tốt, ông làm đơn ngay đi. Tôi cho ông nghỉ ngay từ bây giờ.

- Vâng!

- Tôi chờ ông ở đây.

Lập tức, Sinh ngồi vào bàn, lấy giấy thảo đơn xin nghỉ. Trong khi ấy, ông Sếp vắt tay ra sau, đi đi lại lại, thỉnh thoảng liếc nhìn anh thư ký bướng bỉnh.

Cả mấy buồng giấy đều im phăng phắc. Một làn không khí nặng trĩu. Ai nấy

đều cúi gằm mặt xuống bàn, nhưng cùng lắng tai nghe.

Sinh viết rất chóng. Lúc xong, anh đứng dậy, vênh váo lại gần ông Sếp và nói:

- Đây, nhờ ông làm ơn cho tôi.

Ông Sếp đọc xong lá đơn, rồi bỗng ông khoanh tay trước ngực, nhìn Sinh và hỏi:

- Ông đã cương quyết nghỉ một năm không lương. Nhưng tôi hãy hỏi, liệu sang năm, ông xin ra làm, ông có chắc được bỏ một cách dễ dãi hay không? Mà trong khi ông chờ, ông sẽ làm gì để sinh nhai?

Sinh vụt bối rối. Ông Sếp nói tiếp:

- Vậy bây giờ có hai cách, một là ông cứ để tôi cho ông được nghỉ, hai là ông xin lỗi tôi, vì ông đã bướng bỉnh với tôi. Ông chọn ngay lấy một cách. Tôi chờ ông trả lời đây.

Tự nhiên, trên mặt Sinh hiện ra một vẻ không ngờ, cái vẻ tai tái. Rồi anh nhúu đôi lông mi, mắt đăm đăm nhìn phía xa, ra chiều nghĩ ngợi. Một lát, thờ dài, anh đứng thẳng người lại, chấp tay, tùm tùm gượng cười, và áp úng nói khẽ:

- Thưa ông... tôi xin lỗi ông.

Lúc ở sở ra về, Nghĩa và Sinh lưỡng thững cùng đi. Hai người đều ngậm ngùi, chán nản.

Rồi đến chỗ vắng, Nghĩa lắc đầu, an ủi bạn:

- Cái kiếp chúng mình như thế. Nô lệ thì còn đâu có nhân cách mà giữ. Chúng mình nên đành chịu, chứ biết làm thế nào.

- Nhưng lắm lúc tức lắm! Mà hiện nay tôi rất hối hận đã không cứ liều mà đưa đơn nghỉ phăng cho nó khỏi khinh mình.

- Ủ, tôi tưởng anh quả quyết lắm, chứ không ngờ lại xin lỗi nó. Vậy lúc ấy anh nghĩ thế nào mà lại làm như thế?

Sinh nhìn nét mặt thật thà của bạn. Anh cảm động, thở dài, đáp bằng một giọng rất tự nhiên, nhưng xiết bao ai oán nãy nùng:

- Khốn nạn, thật chính bây giờ tôi cũng không hiểu tại làm sao lúc ấy tôi lại có phút đê tiện đến như thế!

Truyện ngắn chọn lọc tập II,

Nxb. Hội Nhà văn, 1985

Vợ

Anh Ba Cốc, từ ngày lấy được vợ, thì đâm lo. Lo ngày, lo đêm. Sao cho chóng trả được món nợ cưới. Không thì rầy rà to chứ chẳng chơi! Đụng vào những chỗ hóc búa, lăm lức rát cả mặt!

Vợ anh là con bác Khán thủ làng trên. Anh là phu tuần. Hai người lấy nhau, cả hai làng, ai cũng khen là vợ chồng kén chọn được chỗ xứng đáng. Nhưng thực ra, vợ anh lấy anh cũng vì đôi bên là chỗ "thanh khí", nghĩa đen là bèn "tiếng" quen "hoi" nhau trước mãi. Rồi bất đắc dĩ, bác Khán sợ anh như những hạng Sở Khanh, mới ép anh phải lấy. Số trời có khác!

Trước kia, anh nghĩ đã sinh ra làm con trai, tất nhiên là phải cưới vợ cho hợp lẽ tạo hóa. Nhưng cưới được vợ thì tốn kém quá. Tiền nợ, tiền kia, tiền ăn uống, ít ra mất hàng chục. Nghĩ đến cái hàng chục, anh lại lắc đầu, lè lưỡi, muốn chịu thua, đành vô phép tạo hóa làm trai tơ suốt đời vậy. Vậy mà giá nói cho anh biết ở Hà nội bây giờ, người ta cưới vợ phải dẫn những kim cương, những vàng ngọc, dùng những áo thêu, giày vá, đi những ô tô, máy bay, tốn kém đến hàng nghìn, thì quyết anh không tin, cho là chuyện hoang đường ở nước nào, đời nào kia đấy! Lấy vợ mà phải lo đến hàng trăm, không đủ méo mặt ra rồi à? Vả vợ cũng là người, nào phải cái quái mà làm hại nhiều như thế?

Thế nhưng, trời sinh ra thế, anh Ba Cốc nghĩ đến cưới thì sợ, nhưng nghĩ đến vợ thì thích. Bởi vậy, anh mới lân la trò chuyện với chị Ba bây giờ. Trước chuyện to ở đám đông, sau chuyện nhỏ ở chỗ vắng. Rồi sau nói thầm ở một nơi kín. Vì anh chị nói thầm khẽ quá, nên bác Khán nghe tiếng, bắt anh phải lo cưới cho được chị về.

Bởi vậy, anh Cốc quyết bắt chẹt bố vợ, cô mặc cả. Sau, anh lấy được vợ hạ giá hơn người ta, chỉ có mười lăm đồng bạc.

Mười lăm đồng bạc một cô vợ xinh! Mười lăm đồng bạc một cô vợ yêu! Thích nhỉ! Nếu vào địa vị chúng mình thì phải biết là đáng mừng! Nhưng vào anh Ba Cốc, một người cày sâu cuốc bẫm quanh năm, làm ăn vất vả, vất vả mũi không đủ đút miệng, thì đến mười lăm hào cũng đủ lo méo mặt, chứ nói gì đến mười lăm đồng bạc! Nhưng mười lăm đồng bạc tiêu vào một việc bõn phận làm người, thôi, anh cũng cố vay mượn của các bà con thân thuộc, nói khó với người ta, nên được gần đủ.

Ngày hẹn cưới sắp đến. Bác Khán thúc mãi anh, anh mới lo được chẵn chục

bạc. Anh cứ đánh liều đưa sang bên nhà gái cho xong chuyện. Còn năm đồng, anh xin chịu lại ông nhạc, hẹn đến mùa tới thì trả nốt.

Ý anh định rồi sau này, khi đã là bố con, anh có thể lấy cảm tình mà xí xóa món nợ. Nhưng không được. Bố vợ anh láu hơn, bắt anh phải viết văn tự cẩn thận. Phải, thời buổi kinh tế khó khăn, như thế là bác Khán đã nhân nhượng lắm rồi. Chứ như người khác, đố anh có đón dâu nổi ngày hôm ấy. Anh thử lên Hà nội, thừa một thức hàng mà xem. Nếu anh đặt được ít tiền trước, rồi không có đủ để trả nốt, thì anh chớ hòng mang đồ về. Mà vợ cũng là đồ chứ sao? Lấy vợ mà được "biên bông" như anh, là may đấy.

Nhưng rồi anh Ba Cốc lo lắng. Cưới được lâu ngày bao nhiêu, thì hẹn trả chóng đến bấy nhiêu Vụ gặt xong, mà anh ỳ xác ra, thì quyết anh chẳng yên được.

Anh đã tính chán rồi. Đến ngày mùa, hai vợ chồng làm nai lưng cật lực, chưa chắc đã đủ tiền để trang trải các món nợ ông chủ, huống chi là năm đồng bạc nợ ông nhạc! Anh định nếu rồi không cười trừ được, thì anh cũng đành xin khất lại. Chẳng lẽ ông ấy lại chẻ xác anh ra à? Nếu anh bị chẻ xác, thì con gái ông ấy góa chồng, còn thiệt bằng mười!

Nhưng ở đời, tính một đường nó thường đi một nẻo. Vợ anh khuyên anh nên trả cái món năm đồng ấy trước, anh lại chẳng nghe. Khi hẹn đến ngày, bác Khán cứ gọi anh đến mà đòi nằng nặc. Trước còn ngọt ngào dỗ dành sau bác biết anh chỉ còn bộ răng nhe ra đấy thôi, bác liền đâm ra nói nặng. Không chịu nổi những điều đau đớn, anh đành lẩn mặt. Bố vợ cho gọi, anh cứ thoái thác có nợ có kia, không đến nữa.

Mấy lần bác Khán gọi anh Ba Cốc không được, thì tức. Bác mới gọi chị Ba đến. Bác chửi, đánh cho một trận thật đau, bắt phải về đòi chồng cho kỳ được món tiền năm đồng ấy.

Chị Ba sợ bố, về đòi chồng nằng nặc. Nhưng vợ đòi nợ chồng thì một cái hôn là đủ xí xóa. Vợ anh bảo:

- Nếu mình không giả được, thì ông bắt tôi về.

Nghe câu nói dọa vô lý, anh chẳng sợ một tí nào. Dù bố vợ anh có bắt vợ anh về thực, thì chẳng qua như cái lồi chủ nợ bắt đồ, cốt để làm oai, khiến anh phải lo cho kịp. Như thế là đại. Đồ vật thì không biết đi, không biết trốn, chứ đồ người nào phải vật vô tri vô tình. Giữ sao nổi? Chẳng lẽ bác Khán xô chạc vào mũi con gái mà buộc suốt ngày vào chân giường, để nuôi cơm báo

cô mãi? Chỉ cho ba hôm, bác xót ruột lại phải thả con ra ngay. Lúc ấy anh cứ chịu khó nghe chửi một trận nữa là trôi việc.

Nhưng anh đoán không đúng. Bố vợ anh chưa tịch ký vợ anh, đã áp đảo đến nhà anh mà chửi rửa. Ngày nào tán kịch ấy cũng diễn ra độ nửa giờ. Mà bao giờ anh cũng đóng một vai tuồng câm.

Song, già néo đứt dây. Anh cứ thấy ông bà ông vải ngày nào cũng bị mời lên ăn vật chẳng ngon, thì anh động tâm. Cho nên, đến lúc bác Khán bảo nếu anh không trả thì bác bắt con gái về, anh đâm khùng, liền đáp lại:

- Thì nó đấy, ông muốn đem nó đi đâu thì đem!

Chị Ba Cốc thấy bố đẻ và chồng xử với nhau cạn tàu ráo máng, thì chỉ thút thít. Chứ bênh bên nào cũng tội.

Hôm sau, đi đâu về, chị ấy nói với anh một chuyện, nghe buồn quá:

- Anh ơi, tôi lấy anh chốc đà một năm tròn. Tôi không ngờ đâu chỉ vì có năm đồng anh thiếu mà sinh chuyện. Ông nhất định bắt tôi về. Anh nghĩ thế nào?

Anh Ba cau mặt, thờ dài:

- Ông dọa thế, chứ ông chả dỡ.

- Không phải chuyện dọa. Nội nhật ngày mai, nếu anh không giả được, thì ông không dẫn đo nữa đâu

- Thì nhà cứ tạm về, tôi sẽ thu xếp sau

- Thu xếp sau thì chậm quá. Nghe như ông đã định liệu công việc cả rồi.

- Ông đi kiện tôi à? Lý vậy, nhưng còn tình nữa chứ?

Anh Ba Cốc tin ở chữ tình, nên bằng chân như vại.

Phải, bác Khán nghĩ đến tình bố vợ con rể, nên không dỡ kiện thưa. Nhưng bác bắt con gái về, không cho ở với anh Ba Cốc nữa.

Anh Ba Cốc chờ vợ năm hôm, lại mười hôm. Rồi nửa tháng, đến một tháng. Anh nóng ruột, nhớ vợ, long tong chạy ngược chạy xuôi để vay tiền chuộc. Nhưng không ai tin mà cho anh mượn nữa. Anh bèn liều đến nhà ông nhạc,

lạy van, khóc lóc. Nhưng bác Khán một mực lắc đầu, sai con trai đuổi anh ra khỏi cửa. Rồi từ hôm sau, cấm không cho anh vào nhà.

Anh định đâm ỳ, ỳ mãi, thì tất cũng có một ngày ông nhạc giữ vợ anh chán, rồi cũng hồi tâm mà nghĩ lại, cho vợ chồng anh ăn ở với nhau. Nhưng trong khi đương thi hành cái chương trình ỳ, thì anh nghe tin rằng người bạn trăm năm của anh, vì bố ép, nên chỉ trăm năm với anh có một năm, còn chín mươi chín năm nữa, thì trăm năm với cụ Lý Bá dưới cuối tổng, làm vợ lẽ thứ bảy, để gán món nợ hai chục bạc mà bác Khán đã vay cụ năm trước!

PTBNS số 5; 1-4-1937

Xin chữ cụ nghề

Gần chỗ tôi ở, có một cụ nghề, đồ khoa nào tôi không rõ. Cụ Nghề nổi tiếng là hay chữ. Những thơ phú, câu đối, cụ làm ra, toàn là chữ nho cả, tôi ù cạc như vịt nghe sấm, nhưng thấy người vùng này thuộc nhiều và đều phục là hay lắm.

Làng cụ ở cách nhà tôi độ ba cây số. Những ngày rỗi việc, tôi thường đi lại để được hầu chuyện cụ. Vì tính cụ vui vẻ, dễ dãi, nhất là tiếp đãi tôi, thì bao giờ cũng một cách đặc biệt. Thường cụ vẫn bảo tôi rằng nếu có cần việc gì về chữ nho, thì cụ sẵn lòng giúp.

Tôi vâng dạ, nhưng chưa có dịp nào được phiên đến cụ, vì chưa có dịp nào phải cần giao thiệp bằng chữ nho. Nhiều người cứ xui tôi xin cụ đôi câu đối, nhưng tôi không muốn. Vì vẫn biết cụ sẵn lòng cho, nhưng chính mắt tôi thường trông thấy phàm ai muốn nhờ vả cụ về chữ nghĩa, đều phải có đem hoặc cành cau, hoặc gói chè, hoặc có khi cả đồng bạc nữa, để biếu cụ. Chứ không ai chơi cái lối "nước dãi" bao giờ. Như thế thực là phải. Cho nên, chẳng lẽ bây giờ mình nhờ cụ, mà cũng xử như người ta, đem gì đến, thì sợ cụ cười rằng trẻ con không biết gì. Nhưng nếu ngộ không tạ cụ bằng thức gì, thì cụ lại chẳng bằng lòng vì cách "Tây" quá ấy chẳng. Bất nhược chẳng phiên cụ cho xong quách.

Một hôm nhận được giấy cáo phó của một người bạn thân báo tin ông cụ thân sinh mới tạ thế, tôi cùng vài người anh em định rủ nhau sửa đồ phúng chung.

Ngày thường, chúng tôi vẫn nghe lỏm nhiều người nói chuyện rằng phúng đám ma các cụ già, người ta hay dùng bốn chữ Hạc Giá Tiên Du. Chúng tôi định thừa ở hiệu bốn chữ ấy. Nhưng mặt chữ không thuộc, nên không biết viết thế nào. Mà đành phận chữ chi là cò cũng không biết, thì thà chịu dốt còn hơn. Vả lại bốn chữ sẵn này, tuy hợp nghĩa, nhưng nó cũ rích, lại chẳng hay ho gì, không đủ tỏ được cái tình thân mật của chúng tôi đối với hiệu chủ. Chúng tôi bèn quyết không dùng mấy chữ sáo Hạc Giá Tiên Du ấy nữa. Nhân có cụ Nghề ở gần, chi bằng chúng tôi lại xin ngay chữ cụ, tất được hay lắm.

Chúng tôi biết tính cụ Nghề thích đánh chén, mà xưa nay chúng tôi lại chưa được dịp vào hầu rượu cụ, nên nhân việc này, chúng tôi mời cụ đến xơi cơm, rồi nói chuyện xin chữ cho tiện.

Dặn dò người nhà làm cơm và mua rượu xong, chúng tôi cùng thân hành đến nhà cụ Nghè để đón cụ. Hôm ấy, được ngày cụ thong thả và mát trời, nên cụ đi ngay.

Cơm xong, tôi nói:

- Thưa cụ, tiện đây, chúng con có một việc muốn phiền cụ.
- Hừ! Các ông lại muốn nhờ làm câu đối chứ gì?
- Dạ.
- Thế thì việc quái gì phải bày vẽ ra như thế này cho thêm tốn?
- Bẩm có gì là bày vẽ. Chúng con chủ ý mời cụ quá bộ đến xơi cơm để chúng con được hân hạnh hầu rượu cụ mà thôi.
- Câu đối gì?
- Bẩm câu đối phúng.
- Phúng ai?
- Bẩm phúng ông thân sinh một người bạn thân.
- Được! Đem giấy, bút, mực ra đây.

Chúng tôi đưa lọ mực Tây và bút sắt. Cụ không nghe, cười:

- Tôi có quen dùng những thứ này đâu.

Chúng tôi bèn chia nhau đi mượn cho đủ bộ. Khi thấy mang về, cụ bảo:

- Mài mực đi. Ông đổ ít nước lã vào đây, rồi mài thoi mực này mười vòng vào chỗ này, khi nào đen thì thôi.

Chúng tôi vâng lời cụ. Khi mực mài xong, cụ để các đồ dùng trước mặt, lên ngọn kính, rồi hỏi:

- Viêng ông cụ thân sinh ra bạn thân phải không?
- Dạ.

- Ông cụ ấy bao nhiêu tuổi?

- Băm ngót bảy mươi.

- À thọ nhỉ? Con cháu khá cả đấy chứ?

- Băm vâng.

- Ông cụ ấy còn cha mẹ già không?

- Không ạ.

- Bà cụ còn chứ?

- Dạ.

- Được. Ấy, phải biết đủ như thế, mới có thể giải tỏ hết cả tấm lòng mình được.

Cụ nằm phục vị trước tờ giấy, chống tay vào cằm, nghiêm nét mặt lại, rồi rung đùi, cơ chừng để nghĩ. Chúng tôi ngồi chấp tay, yên lặng cả, để khỏi làm rối mắt mỗi văn chương của cụ nghệ.

Một lúc, cụ ngồi nhồm dậy, nói:

- Mà cần gì phải câu đối? Bây giờ những đám ma văn minh người ta có hay dùng câu đối nữa đâu. Để tôi nghĩ cho bốn chữ rõ hay, các ông có bằng lòng không?

- Dạ!

- Được.

Cụ lại phục vị, cầm bút chấm vào nghiên, xoe ngòi cho tròn rồi viết. Chúng tôi châu đầu cả vào để nhìn tay cụ.

Đầu tiên, cụ nắn nét viết một dòng chữ về mé tay phải ở tờ giấy, chỗ đề niên hiệu:

Bảo Đại nhâm thân niên trọng hạ nhật.

Rồi cụ đưa phất tay sang mé trái tờ giấy, viết luôn một dòng chữ nữa đề lạc khoản:

Tử chấp: Trần Văn X, Trịnh Hữu Y, Nguyễn Mạnh Z, Đồng Trang Văn.

Cụ hỏi:

- Có phải tên các ông viết thế không? Dòng bên kia là đề ngày, tháng, năm đấy.

- Dạ.

- Tử chấp nghĩa là hàng con, các ông cũng vào hàng con cụ ấy.

- Dạ.

Chỗ giữa vẫn còn để trống. Cụ lại hỏi:

- Ông cụ có phải không nhỉ?

- Dạ.

Lúc ấy cụ lại ra dáng nghĩ ngợi hơn, gục hẳn mặt vào bàn tay và rung chân mạnh hơn trước. Rồi ngẩng dậy, cụ đặt bút, chấm vào mực, lăn mãi ngòi vào nghiên. Chúng tôi lại phải im phăng phắc, không dám thở mạnh để cụ loạn trí, mất chữ hay, chăm chăm con mắt nhìn theo tay cụ.

Độ năm phút sau, cụ đặt bút xuống chiếu, gãi chân, rồi kêu nực, chúng tôi quạt hầu cụ cầm bút rồi rung đùi. Một chốc, cụ lại xoay bút, không rung đùi nữa, đặt hẳn ngòi trên mặt tờ giấy, đưa đi đưa lại cái quăn, ngoáy ngoáy trên không để lấy gân, rồi dí hẳn xuống, nắn nót, viết bốn chữ nét rậm rì to tướng.

Viết xong, cụ nhôm phất dậy, trở vào từng chữ mà giảng cho chúng tôi được hiểu thấu cái hay. Cụ Nghè giảng rằng:

- Hạc là con hạc, Giá là xe, Tiên là cõi tiên, Du là chơi, các ông hiểu chưa?

Hiểu rồi, chúng tôi lờm nhau, chỉ sợ có anh nào cười thì chết!...

An Nam tạp chí số 45, 1932

Xuất giá tòng phu

Trả tiền xe xong, ngài ôm cái gói bọc giấy xanh, chằng dây hồng, thoăn thoắt đến buồng khách, qua buồng ăn, ngó vào nhà tắm, rồi xuống bếp: su hào, bắp cải, bong bóng, nấm mực, còn bừa bãi, ngọn ngang cả trên phản làm cơm. Ngài ngơ ngác hỏi:

- Bếp! Bà đâu?

Anh bếp ngơ ngác, thưa:

- Bẩm, bà ở nhà ngoài.

Ngài càng ngơ ngác:

- Không mà!

Rồi ngài tìm lượt nữa: nhà tắm, buồng ăn, buồng khách. Ngài gọi to:

- Mợ đâu nhỉ?

Chẳng thấy vợ đâu, ngài sực nghĩ ra. Ngài chạy lên gác, bật đèn lên. Thì quả nhiên bà nằm trên giường, đắp chăn kín mít.

Mừng rỡ, ngài đặt cái gói lên bàn, lại gần, ngồi cạnh vợ, lật chăn ra, tỏ ý ngạc nhiên:

- Kìa, tôi tưởng mợ sắm sửa xong rồi. Dậy đi, mau!

Bà mở mắt lim dim, kéo chăn đắp lại, uể oải nói:

- Tôi nhức đầu quá, mà cơm cúng ở nhà cũng chưa sắp sửa được gì cả.

- Không cần. Dậy mặc quần áo, kéo không kịp.

Nói đoạn, ngài lật cả tấm chăn ra. Bà vợ thì cố co lại:

- Thôi, tôi nhức đầu như bị búa bổ, và chóng mặt lắm.

Ngài cười khanh khách, kéo vợ ngồi dậy:

- Ô, vờ mãi! Mặt mũi thế này mà bảo rằng nhức đầu mau đi, kéo lờ.

Rồi chẳng hay cảm vì sắc đẹp hay muốn gỡ khoa nịnh đầm, ngài ôm lưng vợ, hít vào cổ. Nhưng bà hát ra, và lại cố nằm xuống, dẫn dỗi:

- Tôi chịu thôi.

Ngài trợn mắt, kinh ngạc:

- Chết, việc cần, không nói thế được. Thu xếp xong đâu vào đấy rồi. Mẹ đừng phụ công tôi.

Rồi ngọt ngào, ngài đập vào vai vợ, trở cái gói:

- Này, tân thời, đẹp đáo đẽ. Dậy mà xem.

Bà vừa kéo chăn toan trùm đầu, vừa nói:

- Điều khác thì tôi xin chiều ý cậu ngay.

Ngài co phất chăn, cuộn lại, ôm quàng sang giường bên kia, hênh hếch cái mồm, cười:

- Mẹ chỉ ngại rét chứ gì? Có rét quái đâu! Ở ngoài đường cũng ấm áp lắm.

Bà ôm đầu:

- Ở nhà công việc còn bẽ bẽ ra, cậu không biết à? Cơm cúng đã làm được tí nào đâu?

Ngài dõ dành:

- Không cần! Chả cúng bây giờ thì tám giờ, chín giờ, mười giờ đêm, lúc nào mẹ về hãy hay. Mà chẳng có thì tôi cứ trầu nước mời các cụ về cũng được, chứ đã làm sao? Mai năm mới, hãy cố bàn bày vẽ.

Nói đoạn, ngài dựng vợ dậy, cầm hai cánh tay, kéo ra cạnh giường, rồi ngoè chân, xếp lại hai chiếc guốc cho ngay ngắn. Bà oằn oại, ngã người để co lại, nhăn nhó, giăng tay ra. Nhưng thấy sức yếu quá, nên tự nhiên, bà bật ra tiếng khóc.

Đó là lúc chẳng nên đùa.

Cho nên ngài trợn mắt, nghiêm chỉnh hỏi:

- Ô hay, mợ không đi thực à?

Bà vẫn ôm mặt, nức nở:

- Cậu còn phải hỏi hay sao?

- Nhưng tôi đã hứa với người ta rồi kia mà!

- Mặc kệ cậu ai bảo

- À, mợ khó bảo nhỉ! Nào có nhọc nhằn gì việc ấy. Tôi quanh năm làm lụng vất vả, mỗi ngày vùi đầu vào công việc hàng bảy tám giờ đồng hồ. Nếu tôi quản công, thì liệu cả gia đình này có được ấm no không? Mợ không biết nghĩ.

- Tôi hiểu cả. Cậu không cần nói nhiều nhưng cậu đừng bắt tôi thế.

Buông phút vợ ra, ngài ngầu ngầu nhìn thật nghiêm chỉnh:

- Thế mợ muốn để cho người ta cho tôi là đồ gì?

Bà chấp hai tay, vái lạy vái để:

- Tôi lạy cậu, tôi van cậu, cậu đừng ép tôi. Tôi là vợ cậu..

- À, tôi là vợ cậu! Là vợ mà chồng bảo không nghe? Luân lý để đâu giáo dục để đâu?

Bà lại ôm mặt, thỏn thức. Ngài móc túi, coi đồng hồ.

- Thôi, dậy sớm sửa mà đi, còn có ngót một giờ nữa thôi.

- Ngót một phút tôi cũng chịu.

Nghiêm nét mặt, ngài dễ dàng, giảng:

- Mợ phải hiểu, tôi không muốn tôi phải ép mợ. Tôi muốn mợ vui vẻ mà đi. Tôi giảng nghĩa trong từng ấy ngày, tôi tưởng mợ đã nghe hiểu thế này thì cái thật!

Bà nằm lả xuống giường, ôm đầu. Ngài nhìn một lát, bỗng hát hàm, hỏi:

- Mợ có đi hay không thì mợ bảo?

- Tôi cần rom cần cở tôi lạy cậu, cậu tha cho tôi. cậu đừng làm tôi nhục.

Ngài nhăn mặt, rồi to tiếng:

- Có đi hay không?

Bà cũng nhăn mặt:

- Khổ quá, tôi lạy cậu

Ngài gắt:

- Có đi hay không. Mợ trả lời một tiếng. Không lạy van gì cả! Có hay không?

Bà không đáp, nức nở khóc. Ngài nắm chặt bàn tay, dậm mạnh xuống phản:

- Nói!

Nhưng chẳng được nghe ý kiến vợ, ngài xung tiết, chạy đến mặc áo, vớ cái ba toong, khuỳnh tay đứng trước giường, rồi giơ ngọn gậy vào mặt vợ, hỏi:

- Có hay không? Một tiếng!

Vừa sụ sùi, bà vừa đáp:

- Không!

Cần quyết liệt hơn, ngài giơ gậy:

- Thật mợ không đi à?

- Không!

- À, bướng! Tao không dọa đâu nhé. Để rồi mồng bốn Tết, nó nhổ vào mặt tao ấy à! Cứng cổ này! Khó bảo này!

Thế là chiếc gậy hăng hái, cứ từ trên cao giáng xuống. Bà rú lên, rồi giơ tay ra đỡ, sấn lại chông, cổ nín lấy cánh tay rắn như sắt. Nhưng loáng một cái, ngọn gậy giơ lên thật cao, quật mạnh xuống, chạm phải thành giường, gãy cắc ra làm đôi. Một mẩu quay lông lóc như chong chóng, bắn lên gần trần, rồi rơi xuống ván gác.

Đó là một cảnh dữ dội

- Tôi van cậu, để nội trong ba ngày Tết hôm nào tôi đi cũng được.

Biết là sự làm già bao giờ cũng hay hơn, ngài lắc đầu, co giật phất vợ xuống. Bà ngã ngồi trên hai chiếc guốc lúc ấy ngổn ngang.

- Phải đi ngay! Tao không hoãn một phút! Đồ thân lừa chỉ ưa nặng.

Bà nhăn nhó, khóc:

- Để đến mai, mồng một Tết, tôi đi vậy, bây giờ tôi còn phải làm cơm cúng.

- Đã bảo không cần mà. Người ta đi trước Tết, chứ ai để đến Tết rồi mới đi! Đứng ngay dậy!

Ngài giật phất cái cột màn. Thì thành linh:

- Ôi hàng phố ơi!

Bà vừa kêu, vừa túm lấy chồng, thở ỳ ạch.

Nhưng khỏe như con vâm, đưa khuỷu ra, ngài gạt vợ ngã lặn, và nắm chặt lấy hai cổ tay. Bà oằn oại, song yếu quá. Bà dùng hai cẳng để cưỡng. Nhưng cả cái sức nặng của tám thân vạm vỡ đè trên ngực bà, bà phải cố cựa cạy để thở. Vậy mà ngài tát. Ngài tát dồn năm sáu cái, và hỏi tội:

- Mà có đi hay không?

Bà tối tăm mặt mũi, hỏn hển thách:

- Đây, cậu cứ đánh chết tôi đi.

Tức thì, những quả thui kinh hồn vào mặt, vào ngực và vào sườn, làm bà kêu thất thanh. Nhưng mặc kệ, ngài vẫn hỏi có một tội:

- Mà có đi hay không?

Bà kêu cha, kêu mẹ, kêu cả trời nữa. Nhưng ai thừa? Ví thử cha mẹ hay cả trời nữa có đứng đây thực, cũng đổ dấm vào mà gỡ.

+

+ +

Việc gì cũng vậy, đánh đau thì phải chữa. Cho nên chẳng mấy chốc, bà kêu cuống quýt:

- Vâng! Vâng! Tôi lạy cậu! Tôi xin đi

Ngài hung hăng, lôi phất vợ dậy, hàm hàm nhìn.

Bà ngồi lả, chóng tay đằng sau, đầu tóc rũ rượi, thờ.

- Nếu mày định đi thật, thì đi mà lau mặt.

Sợ quá, bà chấp hai tay vái cuống queo:

- Vâng, vâng, tôi xin đi

- Đi ngay!

- Vâng, vâng! Tôi lạy cậu

Nói xong, bà lê đến ngồi ở ghế.

Ngài nhìn ra hiên, chạy lấy chiếc khăn mặt, đưa vợ:

- Đây, lau mặt đi! Áo quần, phẩn sấp có sẵn cả rồi, còn khó khăn gì nữa.

Đoạn ngài vớ cái bọc, cởi dây, mở giấy ra trước mặt bà và nói:

- Không biết tao hết hơi nói người ta mới cho mượn những thứ này à? Mau, chậm rồi!

Bà khóc sụt sùi, cầm cái lược, giữ mái tóc ra và vừa suýt xoa, vừa chải ngài vẫn còn hung hăng:

- Rẽ như lối chị tham ấy.

Giật nảy mình, bà vội chải, vội rẽ, vội uốn éo cho làn tóc lật lên, cong xuống cho thật nèn, rồi vừa lau nước mắt, bà vừa lấy các thứ ở bọc để xoa phẩn trắng, đánh phẩn hồng, và kẻ môi son cho thắm.

Trong khi ấy, ngài đứng coi, mỗi chốc lại giở đồng hồ ra xem và giục.

Trang điểm xong, bà thở dài, cô gượng đau để đứng dậy, lấy cái quần xa tanh trắng và cái áo nhung màu may kiêu mới vẫn còn gấp gọn ghẽ trên bàn. Bà vận những thứ ấy vào, rồi bơi đấm nước hoa.

Đến bây giờ, dưới ánh đèn điện sáng trắng, bà thành ra một bông hồng nõn nà, thơm tho, kêu gọi.

Nhưng vẫn trừng trừng nhìn vợ, ngài gắt:

- Tươi tỉnh lên thì người ta mới cảm, chứ khó đăm đăm thế kia, thì nó tổng cổ về!

Rồi ngài xuống gác. Bà đi theo ngài gói ít nhật trình cũ, buộc dây cẩn thận, rồi đưa bà.

- Cầm cái này mà đi cho người ta khỏi ngờ.

Và vẫn nghiêm chỉnh, ngài đe:

- Hễ nói dối tao mà trốn vào đâu thì đừng ăn cái Tết này thôi!

Bà nghiêng răng, thở dài, không đáp.

Ngài nhiếc:

- Cái giống đàn bà xưa nay vẫn thế kia! Lúc đến thì đừng có lù lù đặng công trước, nghe chưa? Mà khi nào ông ấy cho về mới được về. Tao mà thấy ông ấy tỏ ý không bằng lòng thì chớ chết!

Nước mắt chạy quanh, bà bước chân ra gần đến cửa, quay lại, rít lên, nói:

- Thiếu gì cách lễ Tết mà cậu phải làm tôi nhục nhã như thế này!

Ngài trợn mắt:

- Câm ngay! Làm gì mà bô bô cái mồm lên thế. Đồ ngu như lợn. Cái gì thì mua được, chứ cái này mua được à?

Rồi ngài đứng nhìn chiếc xe kéo vợ đi khuất, mới quay lại, ra dáng yên lòng. Ngài yên lòng vì không phải thẹn với lương tâm mà chắc chắn rằng sẽ được ông ấy khen là biết ơn và tử tế.

PTBNS số 61; 16-6-1940